

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG THỊ NHỰY

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHÒNG TRÀO ĐẤU TRANH
CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ
VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ
TỪ NĂM 1965 ĐẾN NĂM 1975**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HÀ NỘI – 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THỊ NHUY

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH
CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ
VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ
TỪ NĂM 1965 ĐẾN NĂM 1975**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 922 90 15

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật



2. PGS.TS. Trần Thị Vui



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Trần Trọng Thơ

HÀ NỘI – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan, đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tác giả. Số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có xuất xứ rõ ràng và không trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố.

TÁC GIẢ

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Trương Thị Nhựt', with a long horizontal flourish extending to the right.

TRƯƠNG THỊ NHỰT

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	9
1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	9
1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung giải quyết	29
Chương 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1965-1968	34
2.1. Khái quát về miền Tây Nam Bộ và phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trước năm 1965	34
2.2. Chủ trương của Đảng chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn giai đoạn 1965-1968	47
2.3. Sự chỉ đạo của Đảng về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Tây Nam Bộ giai đoạn 1965-1968	60
Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1969-1975	91
3.1. Tình hình miền Nam sau năm 1968 và chính sách bình định, lấn chiếm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn (1969-1975)	91
3.2. Chủ trương của Đảng chống chính sách bình định, lấn chiếm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Tây Nam Bộ (1969-1975)	98
3.3. Sự chỉ đạo của Đảng về chống chính sách bình định, lấn chiếm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Tây Nam Bộ (1969-1975)	115
Chương 4 NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	157
4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ (1965-1975)	157
4.2. Kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ (1965-1975)	172
KẾT LUẬN	190
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	197
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	198
PHỤ LỤC	221

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BCHTUĐ	Ban Chấp hành Trung ương Đảng
CQSG	Chính quyền Sài Gòn
CSBĐ	Chính sách bình định
KCCMCN	Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
TNB	Tây Nam Bộ
TU'CMN	Trung ương Cục miền Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (KCCMCN) của nhân dân Việt Nam (1954-1975) “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc” [66, tr. 471]. Có được thắng lợi này, nhân dân Việt Nam đã phải trải qua cuộc đấu tranh gian khổ, với nhiều mất mát, hy sinh, trong đó có sự góp phần của cuộc đấu tranh chống chính sách bình định (CSBD) của Mỹ và chính quyền Sài Gòn (CQSG).

Trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975), đế quốc Mỹ luôn coi "bình định" là chính sách chiến lược cơ bản hàng đầu và thực hiện nhất quán, xuyên suốt gắn liền với chính sách xâm lược thực dân mới. CSBD được tiến hành bằng việc sử dụng tổng hợp các thủ đoạn, biện pháp: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục... trong đó, chính trị vừa là mục tiêu chiến lược vừa là biện pháp chủ yếu và được sử dụng thường xuyên, nhằm thực hiện mục đích cốt lõi là chiếm đất, giành dân, kiểm soát địa bàn, tiêu diệt lực lượng các mạng, phá hoại hậu phương và căn cứ cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Ngay từ năm 1955, khi trở thành “Tổng thống Việt Nam Cộng hòa”, cùng với việc trấn áp các lực lượng đối lập, Ngô Đình Diệm tiến hành đàn áp lực lượng kháng chiến với chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”; đồng thời triển khai chương trình bình định, nhất là đối với vùng nông thôn nhằm củng cố chính quyền và chế độ Việt Nam Cộng hòa tại miền Nam. Mặc dù chính sách bình định mà Mỹ và CQSG thực hiện với nhiều biện pháp và thủ đoạn nham

hiểm, song dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ (từ năm 1961 là Trung ương Cục miền Nam), Khu ủy Khu 9 và các cấp bộ đảng địa phương, quân và dân miền Nam đã nổi dậy, phá tan, phá rã hàng loạt ấp chiến lược. Đến cuối năm 1964, phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh, chương trình bình định cũng như chế độ Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Năm 1965, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson quyết định đưa quân đội Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam, tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

Từ năm 1965 đến năm 1975, thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”, cùng với việc mở các chiến dịch nhằm “tìm diệt” lực lượng cách mạng, Mỹ và CQSG đẩy mạnh thực hiện chương trình bình định với các kế hoạch “*Bình định có trọng điểm*”, “*Xây dựng nông thôn mới*”, “*Chiến dịch Phụng hoàng*”, “*Bình định cấp tốc*”, “*Bình định phát triển*”, “*Bình định đặc biệt*”, “*Cộng đồng tự vệ*”, “*Cộng đồng phát triển địa phương*”, “*Kế hoạch Tứ niên*” v.v...

Vùng đất Tây Nam Bộ (TNB) có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, là địa bàn chiến lược mà cả phía chính quyền cách mạng và địch đều muốn nắm giữ nhằm giành lợi thế trong cuộc chiến tranh. Từ năm 1968, vùng Tây Nam Bộ được Mỹ và CQSG coi là trọng tâm của chương trình “Bình định” miền Nam Việt Nam. Vùng nông thôn ở các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre... trở thành trọng điểm của chương trình bình định. Chương trình bình định miền TNB của Mỹ và CQSG không chỉ nhằm chiếm đất, giành dân, giành quyền làm chủ nông thôn mà còn nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng. Do đó, Mỹ và CQSG đã mở nhiều cuộc càn quét với quy mô lớn, đánh phá dài ngày với cường độ cao, sử dụng mọi thứ vũ khí tối tân, kể cả máy bay B52 với nhiều chiến dịch bình định lớn như: “*Tổng tấn công đồng loạt*”, “*Nhỏ cỏ U Minh*”, v.v... Chính

sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã gây nhiều khó khăn, tổn thất cho cách mạng miền Nam.

Về phía lực lượng cách mạng, miền TNB không chỉ là vùng căn cứ cách mạng của Khu ủy Khu 9 mà còn là căn cứ cách mạng quan trọng của Xứ ủy Nam Bộ, sau này là Trung ương Cục miền Nam (TU'CMN). Đứng trước chính sách bình định cực kỳ thâm độc của Mỹ và CQGS, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp là TU'CMN đã đề ra những chủ trương đúng đắn, kịp thời, chỉ đạo Khu ủy Khu 9 và các cấp bộ đảng Tây Nam Bộ tăng cường xây dựng lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị ở nông thôn, phát động cao trào nổi dậy của quần chúng, ra sức giành dân, giữ đất, mở rộng và củng cố vùng giải phóng, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Với truyền thống quật khởi, dưới sự lãnh đạo của BCHTU'Đ, TU'CMN, trực tiếp là Khu ủy Khu 9, quân và dân Tây Nam Bộ đã vượt qua khó khăn, thách thức, anh dũng và mưu trí chiến đấu, từng bước đánh bại các âm mưu, thủ đoạn trong quá trình bình định của Mỹ và CQSG. Phong trào đấu tranh chống bình định ở TNB góp phần cùng với nhân dân miền Nam lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mỹ và CQSG, góp phần cùng với nhân dân cả nước làm nên thắng lợi mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hiện nay, TNB có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh đối với đất nước và khu vực. Do đó, trong thời gian qua, Bộ Chính trị và Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, đề án nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đất này.

Việc nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975, góp phần làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng; tinh thần quật khởi của nhân dân Tây Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống

Mỹ, cứu nước đầy khó khăn, gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt.

Nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm về xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử vùng đất TNB; bài học về lấy “dân làm gốc”, “trọng dân, yêu dân, thân dân, bám dân”, phát huy thế trận lòng dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân; bài học về đoàn kết toàn dân trên cơ sở đoàn kết, gắn bó giữa hai dân tộc Kinh - Khmer trong công cuộc xây dựng và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

Với những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: ***“Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ từ năm 1965 đến năm 1975”*** làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975; đánh giá thành công, hạn chế, góp phần làm rõ thêm tinh thần yêu nước, sự sáng tạo của nhân dân miền TNB trong hoàn cảnh buộc phải đứng lên chiến đấu để giữ đất, giành quyền làm chủ. Trên cơ sở đó, đúc rút những kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào đấu tranh chống CSBD ở miền TNB giai đoạn 1965-1975;

- Làm rõ quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đối với phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965-1975;

- Trình bày, phân tích quá trình chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy, Tỉnh ủy các địa phương Tây Nam Bộ đối với phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965-1975;

- Đánh giá, nhận xét về sự lãnh đạo của Đảng trong phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở TNB từ năm 1965 đến năm 1975; nêu kết quả, hạn chế, chỉ ra nguyên nhân và đúc rút một số kinh nghiệm qua thực tiễn Đảng lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định ở TNB giai đoạn 1965-1975.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu quá trình Đảng và các cấp bộ đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách, chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở khu vực Tây Nam Bộ từ năm 1965 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Luận án nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

Luận án lấy mốc khởi đầu năm 1965 vì đây là năm đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân đội Mỹ và quân các nước đồng minh Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam và đi cùng với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là chính sách “Tìm diệt” và “Bình định”. Mốc kết thúc vào tháng 4-1975, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và đồng thời

với đó là việc kết thúc “Kế hoạch Tứ niên” 1972-1975” cùng các kế hoạch bình định khác của Mỹ và CQSG.

Luận án phân chia và trình bày quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB theo hai giai đoạn 1965-1968 và 1969-1975 trên cơ sở cách mạng miền Nam chống lại hai chiến lược chiến tranh của Mỹ: “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975). Bên cạnh đó, luận án trình bày một cách khái quát về chính sách bình định của địch và quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB trước năm 1965.

- *Về không gian*: Quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD nông thôn của Mỹ và CQSG thời kỳ 1965 - 1975 ở địa bàn TNB (thuộc Quân khu 9), gồm các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau (giai đoạn này Bạc Liêu bị chia cắt thành hai phần, một phần nhập vào Sóc Trăng, một phần nhập vào Cà Mau), Rạch Giá và Hà Tiên. Hiện nay, khu vực này thuộc các tỉnh An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ.

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở khu vực TNB từ năm 1965 đến năm 1975, trong đó, chủ yếu tập trung nghiên cứu, làm rõ: Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và CQSG trong việc thực hiện CSBD giai đoạn 1965 - 1975; Quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam và sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 9, của các cấp ủy đảng miền Tây Nam Bộ về chống CSBD của Mỹ và CQSG (1965-1975); Những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong sự lãnh đạo của Đảng chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB (1965-1975). Từ nội dung luận án, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm qua quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở khu vực TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Đảng bộ địa phương về chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân, về vai trò của quần chúng nhân dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng hai phương pháp chủ yếu là phương pháp lịch sử kết hợp phương pháp logic. Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh; các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành lịch sử như phương pháp đồng đại, lịch đại và phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học lịch sử Đảng là lấy các văn bản nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các cấp bộ đảng làm cơ sở đối chiếu với sự kiện lịch sử trong thực tiễn để làm rõ nội dung của đề tài.

5. Đóng góp mới của luận án

- Góp phần bổ sung cơ sở tư liệu khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào đấu tranh chống các chính sách và chương trình bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB trong giai đoạn 1965-1975.

- Đút rút các kinh nghiệm nhằm vận dụng vào thực tiễn củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay.

- Cung cấp thêm những luận cứ khoa học, tư liệu, tài liệu trong việc nghiên cứu, tuyên truyền Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Luận án còn là nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho công việc giảng dạy, học tập lịch sử Đảng, lịch sử địa phương và phục vụ công tác giáo dục truyền thống quê hương cho thế hệ trẻ sau chiến tranh.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục,

luận án được kết cấu gồm có bốn chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đề tài luận án.

Chương 2: Đảng lãnh đạo phong trào chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ giai đoạn 1965-1968.

Chương 3: Đảng lãnh đạo phong trào chống chính sách bình định, lấn chiếm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ giai đoạn 1969-1975.

Chương 4: Nhận xét và một số kinh nghiệm.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Công trình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Công trình nghiên cứu đề cập đến nội dung chống chính sách bình định

** Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn*

Công trình “*Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*” của Lê Duẩn (1976). Công trình nêu lên những kinh nghiệm cơ bản nhất của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; bàn về những vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; trình bày những vấn đề rất cơ bản, rất cấp thiết của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Công trình này khái quát các vấn đề lý luận về chiến tranh nhân dân, đồng thời phân tích phương pháp cách mạng cùng kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; trong đó, chống CSBD của Mỹ và CQSG là một trong những nội dung quan trọng của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân [43].

Tác phẩm “*Đại thắng mùa Xuân*” của Văn Tiến Dũng (1977). Công trình này kể về những sự kiện quan trọng giai đoạn trước và trong thời điểm diễn ra cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Qua đó, công trình cho thấy sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương, cùng những cố gắng phi thường, những hy sinh to lớn của quân và dân cả nước trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ kết thúc sự nghiệp KCCMCN trong gần 21

năm, mà còn là sự kiện đánh dấu sự thắng lợi trong phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG [45].

Cuốn sách “*Chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân*” của Văn Tiến Dũng (1978). Tác phẩm này phân tích một số vấn đề cơ bản về đường lối quân sự và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và củng cố nền quốc phòng toàn dân, đặc biệt là nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; trong đó, đề cập việc kết hợp ba mũi tiến công (quân sự, chính trị, binh vận) trong phong trào đấu tranh chống CSBD của nhân dân miền Nam nói chung [46].

Công trình “*Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học*” của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995). Công trình gồm có hai phần chính: Những bước phát triển của cuộc KCCMCN và bài học kinh nghiệm được rút ra từ cuộc KCCMCN. Đây là công trình nghiên cứu tổng kết, trình bày khái quát những nội dung cơ bản về chủ trương, đường lối, chiến lược và sách lược do Đảng ta đề ra trong cuộc KCCMCN; đúc rút nhiều bài học kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến giai đoạn 1954-1975. Quyển sách là tài liệu quan trọng khi nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến cuộc KCCMCN giai đoạn 1954-1975, trong đó có nội dung về chống CSBD của Mỹ và CQSG. Ở giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, công trình đã trình bày những vấn đề cơ bản về chống CSBD. Công trình chỉ rõ: Sau Hiệp định Paris, Mỹ tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, chỉ huy ngụy quân, ngụy quyền tiến hành cuộc chiến tranh lấn chiếm và bình định. “Chúng coi lấn đất, giành dân lần này là “keo cuối cùng, thắng là đây mà thua cũng là đây” [20, tr. 87-88]. Từ đó khẳng định: “Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là đấu tranh trên cả ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao... thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống, đưa cách mạng miền Nam tiến lên” [20, tr. 89].

Cuốn sách “*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*”, tập II của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995). Công trình này giới

thiệt về sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong đó đề cập đến phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG; đánh giá cao vai trò của phong trào đấu tranh chống CSBD đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước [166].

Công trình “*Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 - Thắng lợi và bài học*” của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000). Công trình đã tổng kết quá trình Đảng lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc qua hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ (1954-1975), rút ra những bài học kinh nghiệm 30 năm kháng chiến của nhân dân ta. Qua đó, các tác giả đã dựng lại một cách khái quát, chân thực những sự kiện lịch sử chính yếu của cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm một cách cô đọng nhất. Đặc biệt, phần phụ lục cung cấp nhiều số liệu quý về cuộc chiến tranh cách mạng từ năm 1945 đến năm 1975, trong đó, có nhiều số liệu liên quan cuộc KCCMCN (1954-1975). Nhận định về giai đoạn Mỹ thực hiện “Chiến lược chiến tranh cục bộ” và đề ra *biện pháp chủ yếu của chiến lược mới của Mỹ ở miền Nam là “tìm và diệt”, sau đó là “tìm diệt và bình định”* [21, tr. 155]. Cho nên “ở miền Nam chúng ta cần kiên trì kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, vận dụng thật tốt phương châm ba mũi giáp công,...” [21, tr. 156].

Cuốn sách “*Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*” của Văn Tiến Dũng (2005). Tác phẩm này đề cập về âm mưu và hành động của Mỹ và CQSG trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” ở Việt Nam. Ngoài ra, tác giả đã tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc KCCMCN. Trong đó, nghiên cứu tập trung vào các nội dung: chiến lược, sách lược; xây dựng Đảng và tổ chức lực lượng, cùng phương pháp đấu tranh hướng tới việc giải phóng miền Nam; về nghệ thuật chỉ đạo kết thúc cuộc KCCMCN; về ý nghĩa thắng lợi và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng. Trong công trình này, tác giả còn bàn về việc phá kế hoạch “bình định nông thôn” của Mỹ và CQSG và chiến trường TNB được đề cập trong tổng thể

chung của cách mạng toàn miền Nam [47].

Bộ sách “*Tổng tập Trần Văn Giàu*” của Giáo sư Trần Văn Giàu (2006). Bộ sách gồm hai phần. Phần I: “Chống xâm lăng” là bức tranh sống động về cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ nhất đầy bi hùng của dân tộc. Phần II: “Miền Nam giữ vững Thành Đồng” là cái nhìn toàn cảnh về cuộc chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược (1954-1975) của nhân dân ta, đặc biệt là truyền thống bất khuất kiên cường của miền Nam “Đi trước về sau”, góp sức cho ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trong phần kháng chiến chống Mỹ, tác giả còn nêu lên những nét lớn của phong trào chống phá ấp chiến lược trong giai đoạn đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) và phong trào phá CSBD của Mỹ và CQSG của quân và dân miền Nam những năm 1965-1975 [77].

Cuốn sách “*Nam Bộ 1945-1975 - Những góc nhìn từ lịch sử chiến tranh cách mạng*” của tác giả Hà Minh Hồng (2008), đưa ra những góc nhìn về lịch sử cuộc chiến tranh cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1975 và những nhận xét về điểm nổi bật trong phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG của quân và dân miền Nam nói chung [86].

Tác phẩm “*Tết Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*” của tác giả Hồ Khang (2008). Tác giả phân tích, đánh giá về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968; đi sâu tìm hiểu nguyên nhân chủ quan và khách quan của sự hình thành ý đồ chiến lược của Đảng cũng như tái hiện lại một cách khái quát diễn biến của cuộc Tổng tiến công này để phân tích, lý giải, đánh giá tác động chiến lược của cuộc Tổng tiến công đến từ hai phía: trên chiến trường miền Nam Việt Nam và ở giữa lòng nước Mỹ. Qua đó, khẳng định lại giá trị to lớn không thể phủ định của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Tác giả khẳng định: “bằng đòn “Tết Mậu Thân”, chúng ta mới có thể làm lung lay tận gốc ý chí xâm lược của Mỹ, mới đánh cho Mỹ cút, Mỹ cút khỏi miền Nam để tạo được thế trận “nhân” vào mùa Xuân 1975, đánh cho *ngụy nhào* sớm hơn dự định” [89].

Cuốn sách “*Chung một bóng cờ*” do Trần Bạch Đằng chủ biên (2010). Cuốn sách là tập hợp những bài viết của những nhà cách mạng, những nhà khoa học về cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân ta trong cuộc KCCMCN. Trong đó, trình bày quá trình hình thành và lịch sử đấu tranh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đề cập đến vai trò của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong phong trào chống phá ấp chiến lược, chống địch bình định trên toàn miền Nam trong cuộc KCCMCN [72].

Công trình “*Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*”, gồm 9 tập của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam - Bộ Quốc phòng (2013). Đây là công trình nghiên cứu của các nhà viết sử quân đội, trình bày khá chi tiết cuộc KCCMCN (1954 – 1975) của nhân dân ta. Các tác giả đã đề cập và điếm qua chiến thắng quan trọng ở khu vực TNB như: chiến thắng Ấp Bắc (1963), chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là (1963), chiến thắng Vĩnh Thuận (1964), chiến thắng Ông Hào - Cần Thơ (1965), chiến thắng 73 lượt tiểu đoàn địch bình định, lấn chiếm Chương Thiện (1973). Công trình giúp người đọc có thể tiếp cận một cách bao quát về phong trào chống CSBĐ trên toàn miền Nam nói chung và khu vực TNB nói riêng. Trong đó, tập VIII: “*Toàn thắng*” là công trình nghiên cứu sâu, đầy đủ, xứng đáng với tầm vóc của cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại của quân và dân ta suốt 21 năm. Toàn bộ diễn biến lịch sử trong giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã được ghi lại một cách toàn diện và tương đối đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao của các nhà viết sử chiến tranh. Các tác giả đề cập đến việc đánh địch bình định, lấn chiếm, giữ vững thế chủ động chiến lược: “trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đẩy mạnh các hoạt động phản công và tiến công, chặn đứng các hoạt động lấn chiếm và bình định của địch, giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược” [30, tr. 459-460]. Ở tập IX: “*Tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học lịch sử*”, các tác giả phân tích, đánh giá tính chất, đặc điểm, tầm vóc, ý nghĩa thắng lợi và bài học lịch sử của cuộc KCCMCN (1954-1975). Đồng thời các tác giả chỉ ra những vấn đề có tính quy luật, tính

lý luận để nghiên cứu vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay [31].

Cuốn sách “*Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*” do PGS.TS. Nguyễn Quý chủ biên (2015), trình bày quá trình Xứ ủy Nam Bộ, sau này là TŨCMN lãnh đạo cách mạng miền Nam trong cuộc KCCMCN. Trong công trình này, các tác giả đã cung cấp những tư liệu về sự lãnh đạo của Đảng trong phong trào chống CSBĐ, sự chuyển hướng đấu tranh đánh thắng kế hoạch bình định lấn chiếm của Mỹ và CQSG trên chiến trường Nam Bộ. Trong đó, các tác giả khẳng định: “Quân và dân ta chuyển lên thế tiến công ngày càng mạnh mẽ và toàn diện, vừa đẩy mạnh việc đánh phá bình định và bảo vệ lúa, mở rộng chuyển vùng; vừa tiếp tục xây dựng giữ vững vùng mới mở” [156].

Cuốn sách “*Lịch sử Việt Nam, tập 13 từ năm 1965 đến năm 1975*” do PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật chủ biên (2017). Tác giả trình bày khá chi tiết lịch sử thời kỳ miền Bắc vừa xây dựng vừa chiến đấu, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ (1965-1968); giai đoạn miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969-1973). Công trình này đã tái hiện những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân miền Nam trên tất cả các mặt từ chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hoá..., nhằm đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975) của Mỹ ở miền Nam. Thêm vào đó, công trình giúp người đọc hiểu biết thêm về phong trào chống CSBĐ của Mỹ và CQSG trên toàn miền Nam nói chung và khu vực TNB nói riêng trong những năm 1965-1975 [153].

Những công trình trên đề cập về cuộc KCCMCN từ 1954 đến 1975 ở miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, trong đó, có đề cập đến phong trào đấu tranh chống chương trình bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB trong những năm 1954 đến năm 1975.

** Các công trình nghiên cứu chuyên khảo về đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam*

Cuốn sách *“Phong trào chống phá bình định nông thôn ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1969-1972)”* của tác giả Hà Minh Hồng (2000). Tác phẩm này đề cập đến bối cảnh của trận tuyến chống phá bình định nông thôn ở Nam Bộ giai đoạn 1969-1972, phong trào chống phá bình định nông thôn trong cùng thời kỳ, đồng thời đưa ra những nhận xét, đánh giá bước đầu về trận tuyến chống phá bình định ở Nam Bộ những năm 1969-1972. Tác giả phân tích và lý giải một số vấn đề về nội dung, vai trò, đặc điểm cũng như tác động của trận tuyến này đối với sự phát triển của cuộc KCCMCN ở miền Nam, dựa trên góc nhìn về trận tuyến bình định - chống phá bình định trên chiến trường Nam Bộ trong giai đoạn 1969 - 1972 [85].

Cuốn sách *“Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam (1961-1965)”* của tác giả Trần Thị Thu Hương (2003). Đây là luận án đã bảo vệ thành công của tác giả vào năm 2000, sau đó xuất bản sách. Là một công trình nghiên cứu nghiêm túc, công phu của tác giả, qua đó, đã trình bày có hệ thống quá trình Đảng lãnh đạo phong đấu tranh phá “quốc sách áp chiến lược” của Mỹ và CQSG ở miền Nam từ 1961-1965, rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo đấu tranh chống phá “quốc sách áp chiến lược” của Mỹ và CQSG ở miền Nam từ những năm 1961-1965 [88].

Luận án *“Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại miền Đông Nam Bộ từ 1961 đến 1965”* của tác giả Trần Như Cương (2003). Đây là một công trình nghiên cứu về phong trào đấu tranh chống chương trình bình định của Mỹ và CQSG của quân và dân miền Đông Nam Bộ từ năm 1961 đến năm 1965; rút ra một số kinh nghiệm trong lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định ở giai đoạn thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” tại miền Đông Nam Bộ. Tác giả khẳng định: “Phong trào đấu tranh chống bình định, gom dân, lập ấp chiến lược, giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ của

quân và dân ta ở miền Đông Nam Bộ đã góp phần quan trọng đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và để lại nhiều kinh nghiệm quý giá... về việc vận dụng sáng tạo những nguyên lý chiến tranh cách mạng để chống địch bình định, gom dân, lập ấp chiến lược phối hợp giữa ba vùng chiến lược” [39, tr. 180].

Cuốn sách “*Phong trào đấu tranh chống phá ấp chiến lược*” của tác giả Nguyễn Công Thục (2006). Đây là luận án tiến sĩ của tác giả và đã in thành sách, một công trình nghiên cứu chuyên sâu về phong trào phá ấp chiến lược ở miền Nam trong những năm 1963-1964. Cuốn sách đề cập đến phong trào chống phá ấp chiến lược trên bình diện chiến trường miền Nam trong hai năm 1963-1964; phân tích nguyên nhân thắng lợi và đúc rút kinh nghiệm trong phong trào chống phá ấp chiến lược trên chiến trường miền Nam [163].

Cuốn sách “*Vành đai diệt Mỹ ở chiến trường miền Nam (1965-1973)*” của tác giả Trịnh Thị Hồng Hạnh (2014). Tác giả cung cấp những tư liệu về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của các cấp bộ đảng miền Nam về xây dựng và hoạt động của vành đai diệt Mỹ, tái hiện cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của quân và dân miền Nam, đồng thời, rút ra một số kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc giai đoạn 1965 - 1973. Công trình còn bàn về việc kết hợp giữa công tác lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và chống CSBD của Mỹ và CQSG, tác giả cho rằng: “Yêu cầu phải tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ ở vùng căn cứ, vùng giải phóng, vùng yếu, nhất là những nơi địch tiến hành bình định. Phải kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, củng cố chi bộ với thực tiễn đấu tranh chống âm mưu bình định của địch” [79, tr. 127].

Công trình “*Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*”, gồm 4 tập do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam - Bộ Quốc phòng biên soạn, xuất bản năm 2014, 2015, 2018 và 2019. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu phong trào đấu tranh chống phá bình định của quân và dân miền Nam trong cuộc KCCMCN; trong đó tập III và tập IV nghiên cứu về giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975.

Cuốn sách “*Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*”, tập III (1965-1968) đã đề cập đến phong trào đấu tranh chống phá bình định trên toàn miền Nam trong giai đoạn Mỹ triển khai thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968). Cuốn “*Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*”, tập IV (1969-1975) đã nêu được phong trào đấu tranh chống phá bình định của quân và dân miền Nam trong giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975) của đế quốc Mỹ.

Các công trình trên đã nêu được âm mưu và kế hoạch bình định của Mỹ ở miền Nam; phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG của nhân dân miền Nam. Công trình đã khẳng định: “Dựa vào tinh thần, ý chí chiến đấu “một mất, một còn”, lực lượng vũ trang cùng nhân dân các địa phương miền Nam tổ chức được thế trận chống phá bình định chặt chẽ, hiệu quả với nhiều hình thức, phương pháp sáng tạo, linh hoạt, mưu trí... làm thất bại chương trình bình định của địch” [36, tr. 366]. Do không gian nghiên cứu là trên toàn lãnh thổ miền Nam, do vậy phong trào đấu tranh của nhân dân miền Tây Nam Bộ mới được đề cập một cách cơ bản. Tuy vậy, đây là một công trình chuyên sâu về phong trào đấu tranh chống phá bình định ở miền Nam, công trình đã cung cấp nhiều nội dung quan trọng về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG của quân, dân miền Nam nói chung, trong đó có vùng TNB trong giai đoạn 1954-1975.

Công trình “*Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*”, do Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức biên soạn (2018). Công trình có độ dày hơn 1.800 trang, biên tập theo thể loại hồi ký, bao gồm 162 bài viết của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Mặt trận, hồi ký các lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức miền Nam, các nhân chứng lịch sử... của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Công trình này phản ánh một cách khái quát, sinh động và tương đối toàn diện, có hệ thống quá

trình hình thành, hoạt động và những đóng góp to lớn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, trên tất cả các lĩnh vực, các chiến trường ở miền Nam, từ đô thị đến nông thôn đồng bằng, rừng núi. Trong đó, có đề cập đôi nét về chống phá bình định ở nông thôn miền Nam [160].

Về phong trào chống phá áp chiến lược ở Nam Bộ, còn có luận án tiến sĩ “*Phong trào chống phá áp chiến lược ở miền Đông Nam Bộ (1961-1965)*” của tác giả Huỳnh Thị Liêm, bảo vệ năm 2006. Luận án nghiên cứu phong trào chống phá áp chiến lược trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, qua đó cung cấp nhiều sử liệu quan trọng về phong trào này. Tác giả phân tích chuyên sâu phong trào chống phá áp chiến lược ở miền Đông Nam Bộ giai đoạn 1961-1965, trong bối cảnh chung của phong trào chống phá áp chiến lược trên toàn miền Nam [144].

Bên cạnh đó, còn có những luận án và các bài viết đề cập đến phong trào chống phá áp chiến lược và chống phá chương trình bình định của Mỹ và CQSG ở miền Nam, như: Hà Minh Hồng, “*Phong trào chống phá bình định ở vùng ven Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định 1969-1970*”, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 4/1994; Trần Như Cương (2001), “*Đảng lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đánh bại chương trình bình định cấp tốc của Mỹ - ngụy (1969-1972)*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 02/2001; Trần Như Cương (2002), “*Đảng lãnh đạo nhân dân miền Đông Nam Bộ đấu tranh chống phá chương trình bình định của Mỹ - ngụy (1961-1962)*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 01/2002; Trần Như Cương (2002), “*Miền Đông Nam Bộ một địa bàn chiến lược trong âm mưu bình định của Mỹ - Ngụy*”, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 03/2002. Trong các bài viết trên, các tác giả bàn về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền Nam nói chung và Đông Nam Bộ nói riêng trong cả hai giai đoạn chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”. Trong đó khẳng định: Đông Nam Bộ là một địa bàn chiến lược trong chương trình bình định của địch và phong trào đấu tranh của quân và dân Đông Nam Bộ chống phá chương trình bình định của Mỹ và CQSG

đã góp phần vào thắng lợi chung của cả dân tộc trong cuộc KCCMCN.

1.1.1.2. Công trình nghiên cứu về đấu tranh chống chính sách bình định ở khu vực Tây Nam Bộ

Công trình “*Đánh bại 75 tiểu đoàn nguy bình định lấn chiếm Chương Thiện sau Hiệp định Paris*” (1990) do Ban chỉ đạo và tổ chức những ngày lễ lớn tỉnh Hậu Giang (cũ) tổ chức Hội thảo khoa học, sau đó in thành tập sách kỷ yếu. Công trình bao gồm các bài phát biểu, bài viết của các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ trực tiếp chiến đấu và chiến thắng kẻ thù trên chiến trường Cần Thơ, của những gia đình có công nuôi chứa, che giấu, đùm bọc cán bộ chiến sĩ, của đại diện lực lượng trẻ nối tiếp truyền thống thế hệ đi trước. Khi đề cập đến việc đánh bại 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện, công trình đã nêu rõ Long Mỹ - Vị Thanh là nơi diễn ra sự giằng co ác liệt giữa ta và địch. Cuối cùng, quân và dân TNB đã giành thắng lợi rực rỡ, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tuy nhiên, công trình này chỉ tổng hợp những bài viết nêu những sự kiện tiêu biểu, nổi bật hoạt động chiến đấu của quân và dân một số huyện của các tỉnh Cần Thơ (bao gồm Hậu Giang) và Rạch Giá nhằm đánh bại 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện năm 1973 chứ chưa trình bày một cách có hệ thống, cụ thể, toàn diện quá trình quân và dân TNB đấu tranh chống CSBD trong giai đoạn 1965-1975 [22].

Cuốn sách “*Lực lượng vũ trang nhân dân Cần Thơ 30 năm kháng chiến 1945 – 1975*”, do Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cần Thơ chỉ đạo biên soạn, đại tá Lê Trọng Nghĩa chủ biên (2002). Cuốn sách trình bày tương đối đầy đủ hoạt động kháng chiến chống đế quốc Pháp - Mỹ trong 30 năm (1945-1975) của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Cần Thơ. Tập sách nêu những thành tích nổi bật của lực lượng vũ trang ở từng huyện, sự đóng góp của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Cần Thơ trong sự nghiệp chung của toàn dân tộc. Các tác giả khẳng định:

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, quân dân Cần Thơ đã chủ động tấn công địch bằng 3 mũi giáp công kết hợp với pháp lý đã nêu trong Hiệp định Paris, đẩy địch vào thế bị động và phá vỡ kế

hoạch binh định của chúng, mở rộng vùng giải phóng, phong trào cách mạng ở nông thôn và thành thị phát triển đi lên về mọi mặt, khí thế cách mạng của quần chúng vươn lên mạnh mẽ, sôi nổi chuẩn bị cho thời cơ cách mạng tiến lên giải phóng tỉnh nhà [70, tr. 334].

Cuốn sách “*Căn cứ địa U Minh 1945-1975*” của tác giả Trần Ngọc Long (2007) là công trình nghiên cứu về sự hình thành, quá trình xây dựng, củng cố và bảo vệ căn cứ địa U Minh; vai trò của căn cứ địa U Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) và trong cuộc KCCMCN (1954-1975): Căn cứ địa U Minh là nơi bảo tồn, nuôi dưỡng và phát triển lực lượng và nơi đứng chân của cơ quan đầu não kháng chiến ở TNB; Căn cứ là nơi xuất phát tiến công của lực lượng vũ trang ta và nơi giữ một bộ phận lực lượng của địch, góp phần làm thất bại các nỗ lực chiến tranh của chúng ở miền TNB. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả rút ra những bài học kinh nghiệm của căn cứ địa U Minh trong 30 năm kháng chiến chống xâm lược (1945-1975), “Suốt 30 năm chiến tranh giải phóng, căn cứ địa U Minh đã phát huy mạnh mẽ vai trò hậu phương tại chỗ. Nơi đây vừa là một trung tâm chính trị, văn hóa; vừa là một căn cứ quân sự, nơi cung cấp sức người, sức của cho quân và dân Tây Nam Bộ kháng chiến” [145, tr. 233].

Cuốn sách “*Tổng tiến công - nổi dậy năm 1968 và đánh địch bình định từ năm 1968 đến năm 1973 ở đồng bằng sông Cửu Long*” (2008) do Đảng ủy - Bộ tư lệnh Quân khu IX chỉ đạo biên soạn, bao gồm các bài tham luận trong hội thảo khoa học “*Tổng tiến công - nổi dậy năm 1968 và đánh địch bình định từ năm 1968 đến năm 1973 ở đồng bằng sông Cửu Long*”, bàn về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở đồng bằng sông Cửu Long và kể về quá trình quân và dân TNB đã kiên cường bám trụ đánh bại các kế hoạch bình định lấn chiếm của Mỹ và CQSG từ năm 1968 đến năm 1973. Trong đó, tập thể tác giả chỉ ra:

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, quân dân đồng bằng sông Cửu Long đã kiên cường bám trụ đánh bại các kế hoạch bình định lấn chiếm của địch từ năm 1968 đến năm 1973. Đây là thắng lợi của

một chủ trương đúng đắn, táo bạo, kịp thời của quân dân đồng bằng sông Cửu Long nhằm giữ vững vùng giải phóng, tạo thế và lực mới để giành thắng lợi quyết định trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 [68, tr. 5].

Công trình “*Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến*” của Ban biên soạn Lịch sử TNB kháng chiến (2010), gồm 3 tập. Riêng tập 3 (1969-1975), các tác giả miêu tả lại hai năm đầu đối phó với chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (đầu 1969 - cuối 1970); sau đó bám trụ, vươn lên, tạo bước phát triển mới trong năm 1971; phối hợp với toàn miền Nam mở chiến dịch tổng hợp 1972; chủ động đánh trả âm mưu tràn ngập lãnh thổ, mở một hướng mới trên toàn miền (1/1973 - 30/4/1975); cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Công trình khái quát cuộc KCCMCN của nhân dân TNB từ 1969 - 1975, trong đó đề cập đến quá trình đấu tranh chống chương trình bình định của Mỹ và CQSG ở địa bàn TNB. Các tác giả chỉ ra: “Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn đối phương trên địa bàn trọng điểm Chương Thiện cho thấy: Dù Mỹ chi viện tối đa về lực lượng, phương tiện vũ khí, nhưng thế của quân Sài Gòn đã xuống, binh lính hoang mang, dao động, đã đẩy kế hoạch bình định đến bước phá sản” [3, tr. 165].

Về phong trào chống phá áp chiến lược ở TNB, còn có công trình: “*Phong trào chống, phá áp chiến lược ở miền Tây Nam Bộ (1961-1965)*” của tác giả Phạm Đức Thuận (2018). Đây là luận án tiến sĩ được bảo vệ thành công vào năm 2018, công trình nghiên cứu về phong trào chống phá áp chiến (1961-1963), áp Tân sinh (1964-1965) ở miền TNB và đưa ra một số nhận xét về phong trào chống phá áp chiến lược ở miền TNB (1961-1965). Tác giả trình bày kết quả nghiên cứu về phong trào chống phá áp chiến lược ở chiến trường miền TNB, qua đó cung cấp nhiều sử liệu quan trọng về phong trào chống phá áp chiến lược ở TNB từ năm 1961 đến năm 1965 [162].

Ngoài ra, còn có các tài liệu về lịch sử Đảng bộ ở các tỉnh, thành thuộc khu vực TNB, bao gồm:

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang (1987), “*Hậu Giang 21 năm kháng chiến chống Mỹ*”. Công trình làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hậu Giang xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, những đóng góp của quân và dân tỉnh Hậu Giang trong cuộc KCCMCN. Cụ thể những đóng góp của Đảng bộ, quân và dân Hậu Giang vào cuộc đấu tranh chống CSBD, đặc biệt là góp phần to lớn vào chiến thắng 75 lượt tiêu đoàn địch bình định, lần chiếm Chương Thiện [4].

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (1999), “*Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng*”, gồm 3 tập, trong đó, tập 2 (1954-1975) làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng trong kháng chiến chống Mỹ qua các lĩnh vực đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, binh vận, góp phần đánh bại những chiến lược chiến tranh của Mỹ và CQSG. Với tinh thần tự lực, tự cường, Đảng bộ và quân dân tỉnh Sóc Trăng đã vượt qua những khó khăn thử thách nghiêm trọng, chống lại CSBD ác liệt của địch [5].

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (2002), “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*”, Tập 1 (1927-1975). Công trình khái quát quá trình hình thành vùng đất Bạc Liêu; khái lược về các tổ chức tiền thân của Đảng ra đời trên đất Bạc Liêu đến Cách mạng tháng Tám thành công (1927-1945); Đảng bộ tỉnh lãnh đạo quân dân Bạc Liêu đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai (1945-1954) và KCCMCN (1954-1975). Các tác giả chỉ rõ: Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu đã lãnh đạo quân và dân tỉnh nhà đấu tranh trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, làm thất bại chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, cấm cò, lấn đất, giành dân và kế hoạch bình định lấn chiếm của Mỹ - ngụy [6].

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2004), “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau*”, tập 1 (1930-1975). Công trình khái quát về vùng đất, con người Cà Mau; cuộc vận động thành lập Đảng bộ và phong trào cách mạng trong tỉnh, cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai và Cách mạng tháng Tám ở Cà Mau; quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1975), KCCMCN (1954-1975) và rút ra những bài học trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong

đó, các tác giả đề cập đến quyết tâm của Đảng bộ, quân và dân Cà Mau đánh bại kế hoạch “bình định” của địch: “Bất cứ tình huống nào, ta cũng thực hiện phương châm: *“Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội bám giặc”* và *“Một tấn không đi, một ly không rời”* để lãnh đạo quần chúng nổi dậy phá kìm, kiên quyết đánh bại từng bước “bình định” của địch, giữ vững vùng nông thôn giải phóng, giành quyền làm chủ trên chiến trường” [48, tr. 320].

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2005), *“Lịch sử tỉnh Trà Vinh”*, tập 3 (1954-1975). Công trình khẳng định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Trà Vinh là chiến trường cài răng lược, địa bàn trọng điểm bình định và chiếm đóng của Mỹ cùng CQSG. Tỉnh ủy lãnh đạo đảng bộ và quân dân tỉnh xây dựng hậu cần tại chỗ, hình thành “thế trận lòng dân”, thế trận chiến tranh nhân dân địa phương với hình thức đấu tranh phong phú và đa dạng, kết hợp 2 chân 3 mũi, tăng cường binh vận chống địch bình định, lấn chiếm, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân cả nước trong cuộc KCCMCN [159].

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ (2006), *“Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ (1954 - 1975)”*, gồm 4 tập; trong đó, tập 3 (1954-1975) trình bày quá trình Đảng bộ tỉnh Cần Thơ lãnh đạo quân và dân Cần Thơ KCCMCN giai đoạn 1954-1975. Công trình cũng đề cập phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG trên địa bàn Cần Thơ. Trong chiến tranh chống Mỹ, Cần Thơ là trọng điểm trong CSBD lấn chiếm của Mỹ và CQSG. Chủ trương của Tỉnh ủy là:

Đánh bại âm mưu phá hoại Hiệp định Paris, đánh bại bình định, giành và giữ dân, giành giữ đất, giành quyền làm chủ và ngày càng phát huy cao nhất sức mạnh của dân trong tiến công địch cũng như xây dựng ta, làm chuyển biến so sánh lực lượng giữa ta và địch, nhất là cơ sở có lợi cho ta, tiến lên hoàn thành thắng lợi giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ [49, tr. 342].

Tỉnh ủy Kiên Giang (2008), *“Kiên Giang kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)”*. Công trình khẳng định: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân và dân

Kiên Giang tiến hành KCCMCN giai đoạn 1954-1975 bằng sự kết hợp “2 chân”, “3 mũi”, tấn công địch đều khắp “3 vùng”. Cũng trong giai đoạn này, quân, dân Kiên Giang phối hợp cùng với quân và dân TNB đánh bại 75 lượt tiểu đoàn địch bình định, lấn chiếm Chương Thiện, góp vào thắng lợi chung trong cuộc chiến chống CSBD của Mỹ và CQSG ở khu vực TNB [158].

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2015), *“Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (1930 - 2010)”*. Công trình khái quát điều kiện tự nhiên, xã hội và truyền thống lịch sử tỉnh Vĩnh Long; Đảng bộ Vĩnh Long ra đời và lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945; Đảng bộ Vĩnh Long lãnh đạo nhân dân trong tỉnh kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và KCCMCN (1954-1975); Đảng bộ Vĩnh Long lãnh đạo nhân dân tỉnh nhà cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975-1986) và tiến hành đường lối đổi mới giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2010. Trong giai đoạn KCCMCN, quân và dân tỉnh Vĩnh Long dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh đã tiến hành đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, binh vận chống CSBD của Mỹ và CQSG trên địa bàn tỉnh và khu vực, góp phần vào thắng lợi chung của chiến trường TNB và cả nước [7].

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh (2015), *“Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh (1930-2010)”*. Công trình tổng kết phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh từ năm 1930 đến 1975 và sự đóng góp của đồng bào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn từ năm 1975 đến năm 2010. Công trình khẳng định đồng bào và chư tăng Khmer tỉnh Trà Vinh tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và đại đoàn kết Kinh - Khmer - Hoa, tạo nên nhiều chiến công trên ba mũi chính trị, binh vận và quân sự, đóng góp vào thắng lợi chung trên chiến trường TNB và cả nước trong cuộc KCCMCN [8].

Nhìn chung, các công trình trên bàn về quá trình Khu ủy TNB và Đảng bộ mỗi tỉnh trong khu vực lãnh đạo cuộc KCCMCN; trong đó, có những chiến công của quân và dân ở miền TNB chống chương trình bình định của Mỹ và CQSG những năm KCCMCN.

Bên cạnh đó, còn có các bài viết đề cập đến phong trào chống phá áp chiến lược và chống phá chương trình bình định của Mỹ và CQSG ở miền TNB như: Hà Minh Hồng (2013): “*Trận Ấp Bắc với tư tưởng “Dĩ đoản thế trường” thời hiện đại*”, Tạp chí Văn thư lưu trữ; Phạm Đức Thuận (2015): “*Phong trào chống phá áp chiến lược ở miền TNB trong năm 1964*”, Tạp chí Khoa học - Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, số 36, trang 87-94; Phạm Đức Thuận (2015): “*Quốc sách áp chiến lược của Mỹ và CQSG ở miền TNB (1962-1963)*”, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 287, trang 34-39; Phạm Đức Thuận (2016): “*Phong trào chống phá áp chiến lược ở Cần Thơ trong năm 1964*”, Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế, tập 4 - Số 2, trang 99-107. Trong các bài viết trên, các tác giả tập trung phân tích phong trào chống phá áp chiến lược ở miền TNB trong những năm 1936-1965 và phong trào chống phá áp chiến lược ở các địa phương cụ thể như: Tiền Giang, Cần Thơ. Ngoài ra, các tác giả còn nêu về sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và sự thất bại của quốc sách “áp chiến lược” của Mỹ và CQSG ở miền TNB.

1.1.2. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Cuốn sách “*Tiếng kèn gọi quân*” (*Summons of the Trumpet: A History of the Vietnam War from a Military Man's Viewpoint*) của Dave Richard Palmer (1984). Đây như một cuộc điều tra tổng quát của một sĩ quan quân đội Mỹ về cuộc chiến tranh Việt Nam. Tác giả dành một chương phân tích chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, trong đó tác giả làm rõ bản chất, vị trí của chương trình bình định trong giai đoạn này và trong toàn bộ cuộc chiến tranh của Mỹ. Palmer cho rằng dù được gọi bằng bất cứ tên gọi nào, đặt dưới sự điều khiển của bất cứ cơ quan nào, thì việc nói bình định là thật khó [42].

Công trình “*Sự lừa dối hào nhoáng*” của Neil Sheehan (1990). Công trình này là một trong những cuốn sách hay nhất viết về chiến tranh Việt Nam, mà tác giả phải bỏ ra 16 năm để hoàn thành. Ngoài phần mở đầu, công trình 2 tập gồm có 7 phần: Lao vào cuộc chiến; Lai lịch cuộc chiến tranh, Trận Ấp Bắc, Đánh cuộc với chế độ, Nguồn gốc của nhân vật, Hiệp hai, John Vann vẫn ở lại. Công

trình này của Neil Sheehan là một hành trình khám phá về sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam. Một sự dính líu đã hủy hoại nước Mỹ, phung phí cả một thế hệ trẻ và tài nguyên nước Mỹ [152].

Cuốn sách *“Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày”* của Michael Maclear (1990). Cuốn sách *“Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày”* của Michael Maclear (1990). Cuốn sách dành chương XVI để phân tích cuộc chiến bình định mà Maclear gọi là “chiến tranh ở làng xã”, cho thấy chương trình bình định trở nên nhiệm vụ rất cấp bách cam go như Việt Nam hóa chiến tranh [146].

Tác phẩm *“Giải phẫu một cuộc chiến tranh”* của nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko (1991). Cuốn sách này gồm 6 phần, nói về những nguồn gốc của chiến tranh cho đến năm 1960; Cuộc khủng hoảng ở Việt Nam và sự can thiệp của Mỹ, 1961 – 1965; Chiến tranh tổng lực, 1965 - 1967 và sự biến đổi của Nam Việt Nam; Cuộc tiến công Tết và các sự kiện năm 1968; Chiến tranh và ngoại giao, 1969 – 1972; Cuộc khủng hoảng của Việt Nam cộng hòa và sự kết thúc chiến tranh, 1973 - 1975. Khi “giải phẫu” cuộc chiến tranh Việt Nam, tác giả cho rằng: sự thật là không phải quân đội mà chính nhân dân đã thắng trong cuộc chiến tranh, nhưng làm sao có thể tách đôi? Nhân dân là quân đội, tất cả đều là chiến sĩ [74].

Cuốn sách *“Nhìn lại quá khứ - Tán tảo kịch và những bài học về Việt Nam”*, của Robert S.McNamara (1995), nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Trong cuốn sách này, tác giả nêu lên 11 nguyên nhân chính – McNamara gọi là “thảm họa” dẫn tới thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, rút ra những bài học trong cuộc chiến tranh này. Trong các nguyên nhân thất bại của Mỹ ở Việt Nam, McNamara chỉ ra: *“Chúng ta đã đánh giá nhân dân và các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam theo kinh nghiệm của chính chúng ta. Chúng ta đã nhìn thấy ở họ niềm khao khát và quyết tâm chiến đấu giành tự do và dân chủ. Chúng ta đã đánh giá hoàn toàn sai các lực lượng chính trị trong nước”* [157; tr. 316].

Cuốn sách *“Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ”* của George C.

Herring (1998). Công trình gồm 8 chương, viết về cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1950-1954); xây dựng một quốc gia ở miền Nam Việt Nam (đưa con của Mỹ) (1954-1961); sự hợp tác có mức độ giữa Kennrdy và Diệm (1961-1963); những quyết định của L.B. Johnson đối với chiến tranh (1963-1965); nước Mỹ lần chiếm (1965-1967); Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968; “Một cuộc chiến tranh vì hòa bình”: Nixon, Kissinger và Việt Nam (1969-1973); Thất bại chiến tranh ở Việt Nam và hậu quả của nó. Tác giả cho rằng: “Người Mỹ có thể cung cấp tiền và vũ khí, nhưng họ không thể cung cấp những tố chất cần thiết cho một sự ổn định chính trị và cho sự thành công quân sự” [73].

Cuốn sách *“Hồ sơ mật Lầu Năm Góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam”* của Daniel Ellsberg (2018). Cuốn sách được viết dưới dạng hồi ký, gồm 4 phần với 32 chương, đã cho ta cái nhìn đầy đủ về những góc khuất của cuộc chiến tranh mà người Mỹ tiến hành ở Việt Nam. Tác giả đã dựng lại bức tranh sống động về đời sống nước Mỹ kể từ năm 1964, động thái của các hoạt động tại Nhà Trắng, những con người trong đó và xu thế thất bại không thể tránh khỏi của nước Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Công trình tạo ra một góc nhìn đa diện hơn về cuộc chiến và qua đó thấy rõ tấm lòng của một người ở phía bên kia chiến tuyến đối với đất nước Việt Nam nhỏ bé [41].

Thông qua các công trình này, với nhãn quan chính trị của các chính khách, các nhà khoa học, nhân chứng lịch sử, các tác giả đã đưa ra nhận định và đánh giá học thuật (nhận định, quan điểm) về cuộc chiến tranh Mỹ tiến hành tại Việt Nam. Các tác giả đi tìm nguyên nhân Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam, nhân tố tạo nên sức mạnh của Việt Nam. Phần lớn các tác giả đều nhìn nhận, chính chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, tinh thần kiên cường, bất khuất là những nhân tố làm nên thắng lợi của Việt Nam.

Ngoài ra, còn có một số tài liệu xuất bản bằng tiếng Anh của học giả nước ngoài như:

Cuốn sách *“Defeating communist insurgency: The lesson of Malaysia and Vietnam”* (Đánh bại sự nổi dậy của cộng sản: Bài học của Malaysia và Việt Nam)

của Robert Thompson (1966). Tác phẩm này viết về văn hóa tổ chức và học tập tổ chức được đặt trong bối cảnh lịch sử của các cuộc chiến tranh, chống nổi dậy. Công trình so sánh cách Quân đội Anh chống lại cuộc nổi dậy ở Malaysia với kinh nghiệm của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Quân đội Anh, nhờ vai trò truyền thống là lực lượng canh sát thuộc địa và các đặc điểm tổ chức mà lịch sử và văn hóa dân tộc tạo ra, đã có khả năng nhanh chóng học hỏi và áp dụng các bài học về chống nổi dậy ở Mã Lai tốt hơn. Sự khác biệt trong văn hóa tổ chức là nguyên nhân chính khiến Quân đội Anh học được cách tiến hành chống nổi dậy ở Malaya trong khi Quân đội Mỹ không học được ở Việt Nam. Tác giả cho rằng: Tại Việt Nam, phong trào nổi dậy đã lan rộng khắp các vùng nông thôn, điều này có nghĩa rằng ngay cả trong các ấp chiến lược, thậm chí những vùng được gọi là an toàn, cũng cần tổ chức chặt chẽ hơn nhằm bảo vệ các ấp chiến lược, thay vì chỉ tập trung vào các Kampong Malay hay làng mới ở Malaya” [195].

Cuốn sách *“Deadly Deceits - My 25 Years in the CIA”* (Sự lừa dối kinh khủng, 25 năm tôi làm việc ở CIA) của Ralph W. Mc Gehee (1983), tác giả chỉ rõ: CIA chỉ là cánh tay chính trị của Tổng thống và các cố vấn chính của ông. Sự thật đã bị hy sinh vì lợi ích chính trị và trong quá trình đó, hàng chục nghìn thanh niên Mỹ đã chết mà về cơ bản không có lý do chính đáng. Khi thực hiện CSBD ở Nam Việt Nam, CQSG và kẻ chống lưng của chúng muốn tranh thủ “con tim, khối óc của dân chúng”. Nhưng thực tế, đa số nhân dân Việt Nam đang đứng về phía Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và đang tham gia vào cuộc chiến đấu chống lại quân đội Mỹ [194].

Cuốn sách *“Vietnam - A history”* (Việt Nam - Lịch sử) của Stanley Karnow (1990), đây như một bản tường thuật kinh điển về cuộc chiến mà Mỹ tiến hành tại Việt Nam. Tác giả mô tả toàn cảnh, sâu sắc và đầy lòng trắc ẩn, câu chuyện hấp dẫn này kết hợp những tài liệu mật và những trải nghiệm riêng của tác giả, để từ đó làm sáng tỏ cuộc chiến đau thương này. Karnow viết, đó là “một cuộc chiến mà chẳng ai thắng - một cuộc chiến giữa những nạn nhân” [196].

Tác phẩm “*Why did the strategic hamlet program fail?*” (*Tại sao chương trình áp chiến lược thất bại*) của Peter Francis Leahy (1990). Đây là Luận văn thạc sĩ được phát hành công khai năm 1990, bảo vệ năm 1984 (theo hồ sơ của U.S. Army Command and General Staff College (Fort Leavenworth, Kansas)). Luận văn gồm 6 chapter (chương), trong đó tác giả chỉ rõ: Trong giai đoạn từ 1961 đến 1963, Chính phủ Sài Gòn đã đưa ra Chương trình Áp Chiến lược, được thiết kế để trở thành phần trung tâm của kế hoạch toàn diện nhằm bình định miền Nam Việt Nam. Tác giả cũng phân tích các nguyên nhân dẫn đến thất bại của chương trình áp chiến lược trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam: là do kế hoạch và điều phối không đầy đủ, không đủ nguồn lực, thời gian biểu không thực tế, các vấn đề về địa điểm và xây dựng, các thủ tục đánh giá không đầy đủ và sai lệch. Ngoài ra còn thiếu sự cam kết từ Tổng thống Diệm đối với chương trình; sự thiếu kiên nhẫn và không khoan dung của Hoa Kỳ đối với chính phủ của Tổng thống Diệm. Đặc biệt là nông dân - những người được xác định là trọng tâm trong cuộc chiến chống nổi dậy, đã từ chối chương trình này vì những cải cách được hứa đã không thành hiện thực [193].

Các công trình trên bàn về cuộc chiến xâm lược của Mỹ tại Việt Nam; những âm mưu, thủ đoạn trong các chiến lược chiến tranh và việc huy động nguồn nhân lực, tiền bạc, phương tiện, vũ khí chiến tranh của giới cầm quyền Mỹ khi tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam; về chương trình áp chiến lược và sự thất bại của nó trên đất nước Việt Nam; nguyên nhân thất bại và những bài học về cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ.

Trên đây là những tài liệu có liên quan trực tiếp, gián tiếp đến đề tài nghiên cứu mà tác giả tiếp cận trong quá trình thực hiện đề tài.

1.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến luận án

Qua những kết quả nghiên cứu đã công bố có thể thấy đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước viết về cuộc KCCMCN. Trong các công trình đó nội dung về bình định và chống bình định được đề cập, phản ánh ở những mức độ khác nhau:

Về tư liệu: ở các mức độ khác nhau, các công trình như sách, luận án, các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành đã cung cấp các số liệu cụ thể về cuộc KCCMCN của nhân dân Việt Nam (1954-1975); về cuộc đấu tranh chống phá áp chiến lược và chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền Nam từ năm 1972 trở về trước; về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn từ năm 1965 trở về trước.

Về nội dung:

- Một số công trình khoa học đã phác họa được bối cảnh lịch sử của cuộc KCCMCN của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là những khó khăn, thách thức mà nhân dân Việt Nam phải đối mặt.

- Làm rõ được chủ trương, quan điểm của Đảng nói chung về cuộc KCCMCN, trong đó có liên quan tới chủ trương, quan điểm chống bình định, giữ đất, giữ dân, xây dựng và bảo vệ lực lượng cách mạng ở miền Nam nói chung và khu vực Tây Nam Bộ nói riêng.

- Đánh giá những thắng lợi vĩ đại của cuộc KCCMCN trong đó đề cập tới thành công của Đảng trong lãnh đạo nhân dân chống phá áp chiến lược, chống CSBD ở TNB qua các giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Về phương pháp: Các công trình nói trên được các tác giả sử dụng các phương pháp chuyên ngành lịch sử, kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Tác giả cũng đã sử dụng một số phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh; điền dã, khảo sát, phỏng vấn nhân chứng... để nghiên cứu, luận giải các vấn đề nêu trên và phản ánh những nội dung cơ bản ở những mức độ, khía cạnh khác nhau.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nêu trên đã đề cập, làm rõ nhiều vấn đề đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG trong thời kỳ KCCMCN. Tuy nhiên, vẫn rất nhiều vấn đề cả lý luận và thực tiễn cần được

tiếp tục nghiên cứu, đặc biệt giai đoạn Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến đề tài đều có ý nghĩa quan trọng đến luận án. Đó là những nguồn tư liệu quý giá rất phong phú và hữu ích cho tác giả trong thực hiện đề tài nghiên cứu của mình. Trong luận án: *“Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ từ năm 1965 đến năm 1975”*, tác giả có sự kế thừa những kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước ở một số vấn đề sau:

- Thứ nhất, phương pháp luận nghiên cứu vấn đề về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG, từ đó nắm vững lý luận về CSBD, khảo cứu tài liệu, tham chiếu thực tế phong trào chống CSBD trên chiến trường miền Nam nói chung và TNB nói riêng.

- Thứ hai, những vấn đề lý luận về phong trào chống CSBD trong thời kỳ KCCMCN: về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chiến tranh nhân dân, về sự kết hợp ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) trong phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG.

- Thứ ba, trên cơ sở hệ thống tư liệu về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG trên bình diện chung miền Nam để có cái nhìn tổng quan, từ đó có sự so sánh, đối chiếu, tìm ra những nét đặc điểm riêng của phong trào chống CSBD ở miền TNB, qua đó đúc rút những bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết

Các công trình khoa học đã nghiên cứu về cuộc KCCMCN từ năm 1954 đến năm 1975, trong đó có đề cập đến phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của địch và phong trào đấu tranh chống địch bình định ở miền Tây Nam Bộ giai đoạn 1965-1975. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965

đến năm 1975. Chính vì vậy, còn rất nhiều vấn đề cả lý luận và thực tiễn cần được nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên đã góp phần định hướng, gợi mở về phương pháp, hướng tiếp cận, triển khai vấn đề nghiên cứu về phong trào chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ giai đoạn 1965-1975. Trong khuôn khổ đề tài luận án tiến sĩ, nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu, giải quyết những vấn đề sau:

- Những yếu tố chi phối phong trào đấu tranh chống CSBD do Mỹ và CQSG triển khai tại TNB, gồm: bối cảnh lịch sử, điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư, thành phần dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng và truyền thống đấu tranh cách mạng của khu vực TNB và kết quả phong trào chống CSBD trước năm 1965, tạo cơ sở cho phong trào chống CSBD giai đoạn sau.

- Làm rõ vai trò quan trọng, bức thiết về phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

- Trình bày một cách có hệ thống và toàn diện về quan điểm, chủ trương của Đảng về chống CSBD nói chung và đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

- Làm rõ quá trình các Đảng bộ và quân, dân TNB đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại đây từ năm 1965 đến năm 1975.

- Từ những thành công và hạn chế của quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975, luận án đúc kết một số kinh nghiệm chủ yếu góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống sự xâm lược của Mỹ - cường quốc số một thế giới về quân sự và kinh tế - luôn là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, học giả trong và ngoài nước. Các công

trình nghiên cứu liên quan đến cuộc KCCMCN, về CSBD và chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền Nam hoặc từng địa bàn cụ thể, là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng, hữu ích cho luận án. Những nghiên cứu trong nước đã làm rõ các vấn đề chung về cuộc KCCMCN, vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc xác định đường lối chiến lược, sách lược, xây dựng lực lượng, lập phương pháp cách mạng và hình thành căn cứ cách mạng, đồng thời chỉ ra ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, đặc biệt là TNB. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu cũng phân tích rõ vấn đề về chiến lược chiến tranh, kế hoạch, chương trình và hành động của Mỹ và CQSG khi thực hiện CSBD tại miền Nam và TNB; đồng thời nêu nguyên nhân thất bại và bài học về chiến lược chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên đã góp phần định hướng cho tác giả luận án về phương pháp, hướng tiếp cận và cách triển khai nghiên cứu phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG trong phạm vi nghiên cứu của luận án. Đây là nguồn tài liệu tham khảo quý báu, giúp tác giả kế thừa và phát triển. Trên cơ sở đó, tác giả tiếp tục luận giải các vấn đề về quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng trong chống CSBD, cũng như quá trình các Đảng bộ địa phương cùng quân và dân TNB đấu tranh chống chương trình bình định tại miền TNB từ năm 1965 đến 1975; đồng thời đưa ra những nhận xét, đánh giá và rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1965-1968

2.1. KHÁI QUÁT VỀ MIỀN TÂY NAM BỘ VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN TRƯỚC NĂM 1965

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế, văn hóa, xã hội vùng Tây Nam Bộ

Tây Nam Bộ ở vùng đất cực Nam của Tổ quốc, nằm giữa biển Đông và vịnh Thái Lan, có đường bờ biển dài 578 km. Phía Bắc giáp Campuchia, có đường biên giới dài 150 km. Phía Đông giáp sông Vàm Cỏ Tây (con sông bắt nguồn từ Campuchia, chảy qua tỉnh Tây Ninh, Long An và Tiền Giang), phía Nam giáp biển Đông và phía Tây giáp vịnh Thái Lan. Tây Nam Bộ nằm ở vị trí trung tâm của khối ASEAN, thuận lợi cho giao thương quốc tế cả bằng đường bộ và đường biển. Từ đây có thể giao lưu, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nền kinh tế năng động trong khu vực.

Tây Nam Bộ có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, với diện tích tự nhiên khoảng 33.800 km², chiếm 53,62% diện tích cả Nam Bộ. Từ xưa, cư dân sống ở khu vực TNB chủ yếu có 4 cộng đồng dân tộc là Việt, Chăm, Khmer và Hoa; trong đó, người Việt chiếm đa số. Mỗi dân tộc sinh sống theo ngành nghề, phong tục, tập quán riêng. Trong quá trình cộng cư và khẩn hoang, các dân tộc đã đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Người Việt đến khai hoang, lập nghiệp, sống hoà thuận với cư dân người Khmer, người Chăm. Người Việt sống ở ven sông, rạch làm ruộng lúa nước, trồng trọt, chăn nuôi. Người Khmer sinh sống trên các giồng cao, trồng trọt trên đất gò. Người Hoa đến sau, làm rẫy, làm nghề thủ công, buôn bán ở phố chợ. Người Chăm ở An

Giang sinh sống chủ yếu bằng nghề dệt vải, chài lưới, buôn bán, một số ít canh tác ruộng rẫy, chăn nuôi bò, dê, gia súc khác.

Về tôn giáo tín ngưỡng của cư dân ở đây rất phong phú, đa dạng. Các tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo tồn tại trong đời sống tâm linh của người dân khu vực TNB. Ngoài ra, nhiều tôn giáo mới, nội sinh đã ra đời như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Việt ở trong khu vực. Dù là nội sinh hay ngoại nhập, tất cả các tôn giáo này đều hướng con người đến cái thiện, yêu nước và sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đặc điểm đa dân tộc, đa tôn giáo này tạo nên nét đặc sắc trong phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG giai đoạn 1965-1975 ở miền TNB có sự tham gia của nhiều đồng bào dân tộc và tôn giáo khác nhau.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), địa giới hành chính ở khu vực TNB có những biến đổi và khác nhau giữa phía cách mạng và chính quyền Việt Nam Cộng hòa (CQSG). Về phía cách mạng, do yêu cầu phát triển lực lượng và tổ chức lại chiến trường, từ năm 1961, Nam Bộ chia làm 4 quân khu, riêng khu vực đồng bằng sông Cửu Long chia làm hai quân khu:

Quân khu 8 (mật danh T2) - Trung Nam Bộ gồm 8 tỉnh: Long An, Mỹ Tho, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc, Bến Tre, Kiến Phong (gồm Mộc Hóa, tỉnh Tân An và Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc) [143, tr. 37].

Quân khu 9 (mật danh T3) - TNB gồm 7 tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ (bao gồm Hậu Giang), Rạch Giá, Hà Tiên (về sau hai tỉnh Rạch Giá, Hà Tiên sáp nhập thành tỉnh Rạch Giá [158, tr. 10]; năm 1969, gộp tỉnh Hà Tiên và phần phía nam sông hậu của tỉnh Châu Đốc thành tỉnh Châu Hà [37, tr. 11]), Sóc Trăng (cả Côn Đảo và có một phần Bạc Liêu), Cà Mau (có một phần Bạc Liêu). Đến tháng 11-1973, tỉnh Bạc Liêu được tái lập lại [143, tr. 37].

Về phía chính quyền Việt Nam Cộng hòa, theo Sắc lệnh số 143-NV, ngày 22-10-1956 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, quy định địa giới hành chính của các tỉnh thuộc miền TNB gồm Vĩnh Long (Vĩnh Long - Sa Đéc trước

đây), Vĩnh Bình (Trà Vinh), Phong Dinh (Cần Thơ), Kiên Giang (Rạch Giá - Hà Tiên), Ba Xuyên (Bạc Liêu - Sóc Trăng), An Xuyên (Cà Mau). Đến ngày 24-12-1961, thành lập tỉnh Chương Thiện, với tỉnh lỵ đặt Vị Thanh (thuộc tỉnh Hậu Giang cũ). Đến năm 1965, TNB thuộc vùng IV chiến thuật của CQSG và là địa bàn chiến lược quan trọng trong CSBD, lấn chiếm của chúng. Chính vì vậy, ngay khi triển khai chiến lược toàn cầu tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ và CQSG coi miền Nam Việt Nam là nơi thuận lợi cho việc mở rộng không gian chiến lược ở khu vực. Trong đó, đất liền TNB giáp với Campuchia, từ đó nối sang Thái Lan, Miến Điện, và nhiều nước vùng Nam Á, Trung Cận Đông. Tây Nam Bộ có đường bờ biển dài 578 km, thuận lợi cho việc sử dụng hải quân, không quân, vận chuyển hàng hải... Các đường bộ, đường biển, đường hàng không của Việt Nam đều nối liền với nhiều quốc gia. Do đó, Nam Bộ nói chung và TNB nói riêng là nơi tập trung nhiều quyền lợi về chính trị, quân sự, kinh tế để người Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi, TNB có vị trí chiến lược quan trọng trong cuộc KCCMCN của nhân dân ta. Khu vực TNB có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt kết nối toàn vùng với khu vực Đông Nam Bộ, rất thuận lợi cho giao thông đường thủy. Điều kiện tự nhiên, địa hình đồng bằng sông nước, đất đai màu mỡ của vùng đồng bằng sông Cửu Long tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp đa dạng, cung cấp vật lực cho cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), địa hình sông nước, kênh rạch chằng chịt và những cánh đồng ngập mặn của khu vực TNB là nơi lực lượng cách mạng trú ẩn, ém quân, xây dựng căn cứ cách mạng và phát triển lực lượng. Ngoài ra, khu vực TNB là nơi đông dân, nhiều cửa, chiếm $\frac{1}{5}$ dân số và $\frac{1}{2}$ diện tích trồng trọt, nơi sản xuất lúa gạo nhiều nhất ở miền Nam [13, tr.357]. Ở TNB còn có nhiều nông sản và thủy hải sản khai thác từ sông, biển và những cánh rừng ngút ngàn. Bên cạnh đó, vùng đất TNB còn cung cấp nguồn nhân lực cho cả hai phía trong cuộc chiến. Năm 1973, CQSG đã tuyển mộ quân từ khu vực TNB được 84.000 quân, năm 1974

tuyển thêm 96.976 quân. Phía cách mạng, khu vực TNB, là nơi cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến, là chỗ đứng chân cho lực lượng cách mạng bám đất, bám dân đánh địch. Ngoài ra, ở đây có khu rừng đước U Minh là căn cứ địa cách mạng của khu vực. Như vậy, vùng đất TNB là nơi cung cấp nguồn nhân lực, vật lực dồi dào mà bên nào trong cuộc chiến tranh cũng đều muốn có và muốn kiểm soát địa bàn này. Trung ương Cục miền Nam đánh giá vai trò, vị trí, tiềm lực của vùng đất TNB như sau: “T3 (TNB) là khu vực có tiềm lực rất lớn (cả về chính trị, kinh tế, quân sự) là chiến trường địch suy yếu, là nơi ta có khả năng to lớn và những điều kiện rất cơ bản để giải phóng phần lớn nông thôn, tận dụng sức người, sức của, phát triển thế và lực mới làm chuyển biến nhanh tình hình và đưa phong trào tiến lên bước phát triển mới” [13, tr. 358]. Chính vì vậy, giữa ta và địch bên nào giành được TNB thì sẽ có thế và lực lớn về chính trị, kinh tế, quân sự trong cuộc chiến tranh.

Nhân dân TNB có truyền thống yêu nước và truyền thống cách mạng, được hình thành hun đúc gắn với tiến trình khốn hoang, mở cõi và việc giữ nước. Thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân TNB liên tiếp nổi lên chống quân xâm lược, tiêu biểu các phong trào chống Pháp của cha con Trương Định - Trương Quyền, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, anh em Phan Tôn, Phan Liêm... Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), nhân dân TNB một lòng đi theo Đảng, khi Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa vào đêm 22 rạng ngày 23-11-1940, nhân dân TNB đã tích cực hưởng ứng và cuộc khởi nghĩa diễn ra mạnh mẽ ở Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá... Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 cũng có sự đóng góp to lớn của nhân dân TNB. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), người dân TNB phát huy truyền thống yêu nước, một lòng đi theo cách mạng, ủng hộ cuộc kháng chiến. Tinh thần chiến đấu ngoan cường, dũng cảm, mưu trí của quân và dân TNB trong đấu tranh chống Pháp, chống Mỹ được phát huy mạnh mẽ kể cả trong những lúc khó khăn. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1945-1975), hàng triệu người

dân yêu nước ở TNB đã một lòng đi theo Đảng, tin và hướng về Đảng, hưởng ứng các chủ trương và sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng; trở thành chỗ dựa cho các lực lượng vũ trang bám trụ trên địa bàn TNB để đánh địch. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX do Đảng ta lãnh đạo đều có sự đóng góp rất lớn của các cấp ủy đảng và nhân dân TNB.

Những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi và truyền thống cách mạng yêu nước cùng những kinh nghiệm của quá trình đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân TNB là cơ sở để TUCMN và đảng bộ các địa phương nơi đây thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, huy động toàn dân tham gia cuộc KCCMCN, kiên quyết đấu tranh chống lại CSBD của Mỹ và CQSG trong các giai đoạn lịch sử.

2.1.2. Âm mưu, thủ đoạn và hoạt động bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Tây Nam Bộ trước năm 1965

Trong chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, CSBD (pacification plan) đã được chú ý ngay từ đầu cuộc chiến. Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam định nghĩa về “bình định” như sau:

Bình định là chính sách của các nhà nước và các thế lực nắm quyền thống trị dùng để loại trừ những tổ chức, lực lượng đối lập, lực lượng ly khai nhằm giữ vững an ninh chính trị, củng cố chế độ và địa vị thống trị. Có thể diễn ra trong nội bộ một quốc gia dân tộc hoặc giữa các thế lực xâm lược với lực lượng kháng chiến. Bình định được tiến hành bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa,... trong đó chính trị vừa là mục tiêu chiến lược vừa là biện pháp được coi trọng và sử dụng thường xuyên [32, tr. 87].

Chính sách bình định được thực hiện thông qua những chương trình, kế hoạch, biện pháp hành động của cả bộ máy CQSG (sử dụng lực lượng công an, quân đội, mật vụ, dân vệ, tề, bảo an...), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn quân sự và dân sự Mỹ. Chính sách này được triển khai liên tục, gắn liền và tương ứng với mỗi

chiến lược chiến tranh dưới những tên gọi khác nhau, quy mô ngày càng lớn.

Giai đoạn đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đã triển khai ngay CSBD bằng việc cử Edward Lansdale - một chuyên gia về chống nổi dậy, người có thành tích trong việc bình định ở Philippines đến miền Nam Việt Nam làm cố vấn bình định cho CQSG. “Nhiệm vụ bình định lúc này là lôi kéo và tổ chức, không chế kềm kẹp nhân dân dưới mọi hình thức, nhằm làm suy yếu lực lượng cách mạng và giữ sự ổn định cho chế độ tay sai của Mỹ ở miền Nam Việt Nam” [85, tr. 21].

Từ năm 1954 đến năm 1965, Mỹ và CQSG đã tiến hành biện pháp chiến lược “Tổ cộng, diệt cộng” rồi sau đó là chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Qua từng chiến lược chiến tranh, địch điều chỉnh, thay đổi biện pháp bình định phù hợp từng thời điểm, tìm kiếm thêm những cách thức bình định mới, nhưng không phủ nhận cách thức cũ, phối hợp cách cũ và cách mới để chống phá, tiêu diệt lực lượng cách mạng với quyết tâm cao hơn, hiệu quả hơn. Từ 1954 đến giữa năm 1965, Mỹ và CQSG đã thực hiện nhiều chương trình bình định như sau:

Chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng”, ra đời vào ngày 7-7-1955. Chiến dịch này nhằm tiêu diệt cộng sản, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở, căn cứ cách mạng. Phương châm “tổ cộng” là “đánh triệt để, đánh lâu dài, đánh từng bước”; “diệt cộng” là tiêu diệt cộng sản như thời kỳ chiến tranh, không bỏ sót, tiêu diệt về con người, tư tưởng, tổ chức. Để thực hiện chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng”, địch lập ra hệ thống chỉ đạo khá chặt chẽ, sử dụng mọi lực lượng quân sự, an ninh, tình báo, hành chính, thông tin, tuyên truyền... dưới sự chỉ đạo của cố vấn quân sự Mỹ, chúng dùng chiêu bài vừa đàn áp, vừa mua chuộc, ly khai, chiêu hồi. Chúng tiến hành càn quét quy mô lớn, dài ngày như: chiến dịch “Thoại Ngọc Hầu” ở 18 tỉnh miền Tây (5-1956 đến 2-1957); chiến dịch “Trương Tấn Bửu” ở 8 tỉnh miền Đông Nam Bộ (7-1956 đến 2-1957), nhằm tiêu diệt cộng sản, phân tử thân cộng sản (người yêu nước, những người kháng chiến cũ). Chúng phân loại công dân thành ba loại: hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp; tổ chức học tập tổ cộng, lập trại cải

huấn... Nhằm tạo thuận lợi cho chương trình “tổ cộng, diệt cộng”, địch ban hành nhiều sắc lệnh, đạo dụ: Đạo dụ số 6 (11-1-1956) cho phép bắt giữ bất kể ai nếu xét thấy nguy hại cho an ninh quốc gia; Sắc lệnh 5/57 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật; Đạo luật 10/59 (6-5-1959), trong đó Điều 12 của đạo luật này quy định: “Đưa thẳng bị can ra xét xử, không cần mở cuộc thẩm cứu”. Cùng với chương trình “Tổ cộng, diệt cộng”, từ năm 1955 đến năm 1959, CQSG tiến hành chương trình về kinh tế - xã hội: “Cải cách điền địa” (2-1955), lập các khu “Dinh điền” (1957-1958), “Khu trù mật” (1959-1960) để giành dân, nắm dân, đẩy lùi ảnh hưởng của cách mạng trong nhân dân ở miền Nam.

Từ năm 1961, Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, trực tiếp can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” được thực hiện qua hai kế hoạch: “Kế hoạch Xtalây - Taylo” (Eugene Staley và Maxwell Devenport Taylor là hai tác giả của bản kế hoạch này), nhằm bình định miền Nam trong 18 tháng (6-1961 đến 12-1962) bằng biện pháp chủ yếu là gom dân lập “Áp chiến lược” (1961-1963), thực hiện “tát nước bắt cá” để tiêu diệt lực lượng cách mạng. Trọng điểm của chương trình “Áp chiến lược” là các tỉnh xung quanh Sài Gòn và một số tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long. Để có thêm kinh nghiệm về chương trình bình định, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm mời Thompson - một chuyên gia về chống nổi dậy của quân đội Hoàng gia Anh sang miền Nam Việt Nam làm cố vấn (9-1961), từ đó những kinh nghiệm về gom dân, lập “Làng an toàn”, tách quần chúng nhân dân ra khỏi quân du kích ở Malaysia và Philippines đem kinh nghiệm đó ứng dụng vào Việt Nam.

Tiếp sau là kế hoạch Giônxon - Mắcnamara (Lyndon Johnson - McNamara), bình định miền Nam trong hai năm với chương trình “bình định có trọng điểm” (1964-1965), tiến hành những cuộc hành quân đánh phá ác liệt song song với việc dồn dân lập “ấp đời mới”, “ấp tân sinh” thay thế ấp chiến lược. Thực chất “ấp tân sinh” không khác gì ấp chiến lược cả về nội dung, hình thức, mục tiêu, biện pháp thực hiện (mở các cuộc hành quân càn quét đánh phá, tiêu diệt lực lượng cách mạng; dồn dân, di dân vào các “ấp tân sinh”, nhằm giành

dân, giữ dân, tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng).

2.1.3. Quá trình Đảng lãnh đạo, chỉ đạo chống bình định của địch ở Tây Nam Bộ trước năm 1965

Ngay từ khi CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vừa được triển khai, các cuộc đấu tranh chống “tổ cộng, diệt cộng”, chống cướp đất đuổi nhà, chống đi trại dinh điền, vào khu trù mật... đã bùng nổ mạnh mẽ ở miền TNB.

Để đối phó với chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng” của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, các địa phương TNB đã tổ chức các tổ, đội tự vệ “chống cướp” ở nông thôn như: chống cướp đất, xáo canh, tăng tô; chống bắt lính và giải thoát cán bộ bị địch bắt. Bên cạnh phong trào chống cướp ruộng đất, chống bắt lính ở vùng nông thôn, tại các đô thị, phong trào đấu tranh đòi Mỹ và CQSG thi hành Hiệp định Genève, phản đối trả thù những người kháng chiến cũ, đòi cải thiện dân sinh dân chủ. Đến khi chính sách “Tổ cộng, diệt cộng” đợt 2 (1957) diễn ra với quy mô lớn và khốc liệt hơn, quân dân TNB tự tìm cách tồn tại và phát triển bằng nhiều hình thức: tiến hành diệt ác, trừ gian; xây dựng các lùm chính trị, các “làng rừng” (sau phát triển thành các căn cứ cách mạng). Kết quả, phong trào đấu tranh chống “Tổ cộng, diệt cộng” ở khu vực TNB trong những năm 1957-1958, ta đã “diệt ác, trừ gian” hàng ngàn tên địch, gồm chỉ huy bảo an, dân vệ, có cả quận trưởng, cảnh sát trưởng, mật thám, chỉ điểm...

Tuy nhiên, do chưa nắm đúng và sát tình hình nên Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo Liên tỉnh ủy miền TNB tránh bớt những đợt đấu tranh quy mô lớn, hạn chế mức thấp nhất việc sử dụng bạo lực vũ trang, chỉ nên tổ chức đấu tranh chính trị hợp pháp. Điều này đã làm cho phong trào đấu tranh chống “Tổ cộng, diệt cộng” ở các địa phương “chùng” xuống. Trong khi đó, CQSG vẫn tăng cường dùng bạo lực chống cách mạng quyết liệt. Trên địa bàn TNB, từ Rạch Giá đến Cà Mau, cán bộ và nhân dân bị địch khủng bố đã phải bỏ trốn vào các khu rừng sâu, xa, lập ra các “làng rừng tự quản”. Trong các “làng rừng”, ta lập Ban tự quản do chi bộ lãnh đạo, có cơ sở sản xuất vũ khí thô sơ, có dự trữ thực phẩm, có trạm xá, trường học... Về sau, các làng rừng phát triển thành những khu căn cứ cách mạng. Như

vậy, từ thực tiễn phong trào đấu tranh chống “Tổ cộng, diệt cộng”, quân dân TNB đã sáng tạo ra mô hình hoạt động đấu tranh và duy trì sự tồn tại bằng việc xây dựng các “làng rừng”, kiên trì xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ, kết hợp đấu tranh vũ trang tự vệ với đấu tranh chính trị chống chính sách “Tổ cộng, diệt cộng” của địch. “Làng rừng” là nét đặc sắc, tiêu biểu, nổi bật trong phong trào đấu tranh chống bình định của Mỹ và CQSG ở miền TNB trong những năm 1954-1960.

Song song với chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng”, CQSG tiến hành chương trình về kinh tế - xã hội, điển hình là chương trình “Cải cách điền địa” (2-1955), lập các khu “Dinh điền” (1957-1958), “Khu Trù mật” (1959-1960) để giành dân, nắm dân, đẩy lùi ảnh hưởng của cách mạng trong nhân dân. “Khu Dinh điền”, “Khu Trù mật” được xem là một trong những biện pháp chiến lược trọng yếu trong CSBD của Mỹ và CQSG ở miền Nam và TNB nói riêng. Đây là loại trại tập trung trá hình, được Mỹ và CQSG lập ra để tách dân ra khỏi cách mạng, “làm cho Cộng sản mất chỗ dựa trong dân chúng”. Mỹ và CQSG dự kiến lập khoảng 100 khu Dinh điền rải khắp cao nguyên và biên giới Việt Nam - Campuchia, đưa những gia đình nghèo, bần cố nông, không ruộng đất trồng trọt vào khu Dinh điền và buộc những gia đình tham gia kháng chiến trước đây và gia đình có người thân tập kết ra Bắc vào các khu Dinh điền để cách ly họ với Cộng sản.

Tại miền TNB, từ Cà Mau đến Kiên Giang, địch cho xây dựng các khu Dinh điền Phú Mỹ, Hòa Trung, Quảng Hảo, Khánh Lâm, Bào Sen, “Dinh điền nông cốt” Khánh Bình Đông, “Biệt khu Bình Hưng”.... Từ “Biệt khu Bình Hưng”, địch tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét, đánh phá, vào rừng U Minh tìm diệt Việt Cộng, sát hại những người yêu nước và cán bộ, đảng viên bằng những cách thức man rợ như thời trung cổ: mổ bụng, moi tim, moi gan, lấy mật... gây nhiều đau thương tang tóc cho đồng bào miền TNB. Chỉ trong hai năm 1957 – 1958, tại “Biệt khu Bình Hưng”, địch đã giết hại 1.675 người [83, tr. 111]. Dinh điền - Biệt khu Bình Hưng là nơi gây tội ác điển hình của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1954-1960.

Trước âm mưu và hành động thâm hiểm tàn ác của địch, phong trào đấu

tranh của quần chúng nhân dân TNB chống chương trình Dinh điền của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm diễn ra mạnh mẽ, đạt kết quả đáng kể. Ban cán sự tỉnh Cà Mau đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân địa phương kiên quyết bám đất, bám làng, chống địch cướp đất, gom dân, dồn dân vào các khu Dinh điền, khu tập trung. Nhân dân đã tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình thị uy, gửi yêu sách và tổ chức đấu lý trực diện với địch; kết hợp đấu tranh với tuyên truyền, vận động bà con giáo dân, thuyết phục các linh mục hưởng ứng phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân. Kết quả, chính quyền Ngô Đình Diệm phải nhượng bộ, đưa phần lớn đồng bào công giáo rời U Minh đến Tân Hiệp - Rạch Giá (Kiên Giang) lập khu Dinh điền Cái Sắn. Một bộ phận người dân di cư ở lại, sống xen lẫn với nhân dân địa phương tại các xóm ấp. Do đó, kế hoạch cướp đất, dồn dân, lập Dinh điền của địch ở huyện Cái Nước, Thới Bình (Cà Mau) cơ bản bị thất bại.

Dù bị quần chúng nhân dân nổi dậy chống phá bình định, nhiều khu Dinh điền bị phá banh, phá rã ở nhiều địa phương, nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, địch vẫn tiếp tục theo đuổi CSBD. Cùng với việc xây dựng các khu “Dinh điền”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai kế hoạch mới - xây dựng các khu Trù mật tại một số địa bàn trọng yếu ở TNB. Khu Trù mật là khu tập trung định cư bắt buộc ở nông thôn và vùng ven đô tại miền Nam Việt Nam, do chính quyền Ngô Đình Diệm lập ra, dùng bạo lực (quân đội, cảnh sát) để gom dân, dồn dân vào khu tập trung nhằm tiếp tục CSBD tại miền Nam Việt Nam. Trên địa bàn TNB, địch lập hàng chục khu Trù mật, tại Kiên Giang có hai khu: Cầu Đúc (Gò Quao), Thác Lác (Giồng Riềng). Tại Cà Mau có các khu Trù mật: Cây Tàng, Ông Định (Đầm Dơi), Khai Quang, Quản Hảo (sông Ông Đốc). Ở Sóc Trăng lập ba khu Trù mật lớn: Phước Long, Cái Trầu (Châu Thành), Cổ Cò (Thạnh Trị). Tại Vĩnh Long có hai khu: Cái Sơn (Tam Bình), Cái Dầu (Bình Minh). Trà Vinh có hai khu: Cái Đôi (Long Vĩnh, Duyên Hải), Lo Co (An Trường, Càng Long). Tại Cần Thơ, địch lập Khu Trù mật Vị Thanh - Hòa Lựu, đây là khu trù mật có quy mô lớn, trọng điểm của cả khu vực.

Cùng với các biện pháp chiến lược lập “Khu Dinh điền”, “Khu Trù mật”, chính quyền Ngô Đình Diệm còn ban hành các chỉ dụ, đạo luật, sắc lệnh, điển hình là Đạo luật 10/59 (6-5-1959), thẳng tay đàn áp, bắt giam, khủng bố, tra tấn, giết người tàn độc, man rợ, làm tổn thất nghiêm trọng cho cách mạng. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ các địa phương, nhân dân TNB đã đứng lên đấu tranh mạnh mẽ, các hoạt động vũ trang tự vệ, tuyên truyền, diệt ác, trừ gian, phá kèm hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, làm thất bại một bước CSBD của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tại miền TNB. Chỉ tính trong 6 tháng cuối năm 1959, ở khu vực TNB đã có 5.609 cuộc đấu tranh; riêng các tỉnh Cà Mau, Rạch Giá, Bạc Liêu mỗi tháng có từ 30-40 cuộc đấu tranh [33, tr. 318], và “trong 805 xã đồng bằng sông Cửu Long có đến 50% tề ấp tan rã” [85, tr. 36].

Nhận thức rõ yêu cầu cách mạng và nguyện vọng của nhân dân miền Nam, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959), Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết về cách mạng miền Nam, chủ trương kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang nhằm đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tiến tới giải phóng miền Nam. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, từ tháng 1-1960, phong trào nổi dậy khởi nghĩa từng phần của nhân dân miền Nam diễn ra khắp nông thôn và miền núi (còn gọi là phong trào Đồng khởi). Đến đây, phong trào đấu tranh của nhân dân đã chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang để chống phá bình định, diệt ác, trừ gian, tấn công vào hệ thống kèm kẹp của chính quyền địch, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Phong trào Đồng Khởi năm 1960 của nhân dân miền TNB và Nam Bộ nói chung đã làm đảo lộn mọi chương trình bình định của địch, vùng giải phóng được mở rộng với 863/1.193 xã ấp toàn Nam Bộ. Riêng khu vực TNB, tính đến cuối năm 1960, quân và dân ta đã giải phóng được 159 xã với 1.200.000 dân [33, tr. 362]; nhiều đồn bót địch bị san phẳng, bộ máy chính quyền địch tan rã ở nhiều nơi; phá tan 18 khu Trù mật, trong đó có những khu Trù mật lớn như: Vị Thanh - Hỏa Lựu, Long Vĩnh. Thắng lợi của cao trào Đồng khởi ở miền Nam đã giành quyền làm chủ về cho nhân dân ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, giáng một đòn mạnh vào

bộ máy kìm kẹp của địch ở miền Nam, làm thất bại kế hoạch gom dân, dồn dân lập khu Dinh điền, khu Trù mật, góp phần làm phá sản chương trình bình định của Mỹ và CQSG ở TNB và miền Nam nói chung trong giai đoạn 1954-1960.

Từ năm 1961, Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Thực hiện Chiến lược này địch tiến hành kế hoạch ba giai đoạn, với giai đoạn một là bình định miền Nam trong 18 tháng (6-1961 đến 12-1962) bằng biện pháp chủ yếu là gom dân lập “Áp chiến lược” (1961-1963), “Áp đời mới” (1964), “Áp tân sinh” (1965), thực hiện “tát nước bắt cá” để tiêu diệt lực lượng cách mạng. Với các chiến lược của Mỹ, trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, dồn dân lập áp chiến lược là biện pháp cơ bản nhất nhằm kiểm soát vùng nông thôn rộng lớn, phá hoại cơ sở cách mạng và tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta. Do đó, địch ưu tiên việc lập áp chiến lược ở nông thôn, trọng điểm là các tỉnh xung quanh Sài Gòn và một số tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trước hết, CQSG tập trung quân chủ lực dưới sự chỉ huy trực tiếp của cố vấn Mỹ mở nhiều cuộc hành quân càn quét, đánh phá, gom dân, dồn dân lập Áp chiến lược thí điểm ở các địa phương: Vĩnh Long (TNB), Quảng Ngãi (Trung Bộ).

Bước vào giai đoạn chống chương trình bình định bằng biện pháp gom dân lập “Áp chiến lược” của địch, tại Hội nghị Bộ Chính trị vào tháng 2-1962, Đảng chủ trương: “Phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp của địch... là nhiệm vụ có tính chất cấp bách đồng thời là một nhiệm vụ lâu dài” [52, tr. 151]. Đến tháng 11-1962, Trung ương Cục miền Nam tiến hành Hội nghị dân quân du kích, chủ trương: Địch kìm kẹp, ta phá thế kìm kẹp; địch càn quét, ta chống càn quét; địch lập áp chiến lược, ta phá áp chiến lược.

Thực hiện chủ trương trên, quân và dân miền Nam nêu cao tinh thần quyết tâm đánh địch càn quét, chống phá áp chiến lược của địch. Nổi bật trong phong trào chống phá áp chiến lược là trận đánh Ấp Bắc của quân và dân Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang ngày nay). Trận Ấp Bắc là tiêu biểu cho phong trào chống phá áp chiến lược trong giai đoạn này. Quân và dân nơi đây đã đúc kết kinh nghiệm đánh phá bình định hiệu quả: “Bao vây, bức rút, bức hàng; Đứng lại chống càn

giải phóng nông thôn”. Ở các địa phương khác, phong trào chống phá áp chiến lược cũng diễn ra mạnh mẽ. Đặc biệt, sau trận Hiệp Hòa (Long An) vào ngày 23-1-1963, cao trào phá áp chiến lược phát triển sôi nổi. Lúc này, cao trào phá áp chiến lược phát triển theo cách thức: lực lượng vũ trang tấn công đồn bót địch, không chế vòng ngoài, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy phá áp chiến lược, trở về nhà đất cũ sinh sống.

Sau trận chống càn ở Ấp Bắc (2-1-1963), Trung ương Cục mở Hội nghị chống phá áp chiến lược trên toàn Miền lần thứ nhất (tháng 6-1963), đúc kết kinh nghiệm phá áp chiến lược ở Mỹ Tho, Trung ương Cục chủ trương: “Chống phá, khu áp chiến lược là công tác trọng tâm hàng đầu của Đảng trong tình hình hiện nay” [9, tr. 379].

Thực hiện chủ trương trên, tháng 7-1963, toàn miền Nam bước vào đợt chống phá áp chiến lược thứ hai. Trong đợt này, lực lượng cách mạng bao vây tấn công tiêu diệt các chi khu, đồn bót địch, hỗ trợ cho nhân dân trong các áp chiến lược nổi dậy, phá kèm kẹp, giành quyền làm chủ. Tính đến cuối năm 1963, trên toàn miền Nam quân và dân ta đã đánh 24.500 trận lớn nhỏ, phá hủy và bắn rơi 665 máy bay, diệt 800 xe các loại; tiêu diệt, bắt rút, bức hàng 600 đồn bót, phá hoàn toàn 2.895 áp chiến lược, giành quyền làm chủ cho hơn 5 triệu dân. Ở Khu 9, trong năm 1963 có bốn đợt phá áp chiến lược, phá 806/1562 áp, phá dứt điểm 516 áp, giải phóng 1.100.000 dân [85, tr. 45-46].

Từ năm 1964 trở đi, phong trào chống phá áp chiến lược, áp tân sinh ở Nam Bộ có sự kết hợp ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận cùng tấn công địch) và phong trào nhân dân tham gia chiến tranh du kích rộng khắp. Quân và dân các địa phương kết hợp chặt chẽ giữa chống phá áp chiến lược với chống địch càn quét, đẩy mạnh các hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng; có sự kết hợp chặt chẽ giữa chống phá áp chiến lược ở nông thôn với đấu tranh ở đô thị; lực lượng vũ trang từng bước được hình thành, hỗ trợ mạnh mẽ phong trào chống phá áp chiến lược, bình định nông thôn của địch.

Tóm lại, trong giai đoạn 1954-1965, Mỹ và CQSG thực hiện CSBD với các biện pháp chiến lược cơ bản là chính sách Tổ cộng, diệt cộng; càn quét, gom dân, dồn dân lập khu Dinh điền, khu Trù mật để áp đặt chế độ cai trị thực dân kiểu mới. Mặc dù cuộc Đồng khởi ở miền Nam năm 1960 đã giáng một đòn mạnh vào bộ máy kìm kẹp của địch ở miền Nam, làm thất bại kế hoạch dồn dân lập khu Dinh điền, khu Trù mật, nhưng những thất bại này là cơ sở thực tiễn để Mỹ và CQSG triển khai chương trình xây dựng áp chiến lược bắt đầu từ năm 1961 trên toàn miền Nam. Mỹ và CQSG đã dùng vũ lực (quân đội, cảnh sát) càn quét, cưỡng ép dồn dân vào các khu tập trung, áp chiến lược để quản chế, kềm kẹp nhân dân. Trong tình hình đó người dân miền Nam phải đứng lên dùng bạo lực cách mạng (đấu tranh vũ trang và chính trị), kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng trong cuộc đấu tranh chống CSBD, chống phá áp chiến lược của địch. Phong trào chống phá áp chiến lược của quân và dân miền Nam và TNB nói riêng đã thực hiện mục tiêu giữ đất, giải phóng dân, giành quyền làm chủ cho nhân dân, góp phần làm thất bại CSBD của Mỹ và CQSG giai đoạn trước năm 1965.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1965-1968

2.2.1. Tình hình miền Nam sau năm 1965 và chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn giai đoạn 1965-1968

Trong quá trình xâm lược và thống trị Việt Nam, cả thực dân Pháp và Mỹ đều coi bình định là vấn đề chiến lược hàng đầu. Mặc dù vậy, khi thực hiện CSBD, hình thức và cách thức tiến hành bình định của Mỹ có những điểm khác nhau về cơ bản so với kiểu thực dân cũ của Pháp. Trên thực tế, Mỹ tiến hành CSBD bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, văn học nghệ thuật... Theo Tổng thống Johnson, bình định là “một cuộc chiến tranh chính trị, một cuộc chiến tranh kinh tế và một cuộc chiến tranh bằng súng đạn, tất cả diễn ra cùng một lúc” [36, tr. 52-53].

Chính sách bình định của Mỹ triển khai ở miền Nam Việt Nam thông qua các chương trình, kế hoạch, biện pháp hành động của cả bộ máy CQSG (quân

đội, công an, cảnh sát...), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của những cố vấn quân sự và dân sự Mỹ, nhằm “chiếm đất, giành dân” trên các địa bàn miền Nam Việt Nam trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam (1954-1975). Tuy nhiên, ở mỗi chiến lược chiến tranh, Mỹ đều thực hiện các chương trình bình định tương ứng với tên gọi khác nhau, kèm những chủ trương, biện pháp và quy mô khác nhau.

Trong giai đoạn đầu, cơ quan quản lý và điều hành chương trình bình định thuộc quyền quản lý của Ủy ban điều phối Việt Nam tại tòa Đại sứ quán Mỹ. Đến năm 1966, đặt dưới quyền điều hành của Văn phòng các hoạt động dân sự (OCO - Office of Civil Operations) do Phó Đại sứ Mỹ William J. Porter phụ trách, nhằm kết nối các hoạt động liên quan đến chương trình bình định giữa tòa Đại sứ - USIAD - CIA từ trung ương đến cấp tỉnh, là cơ quan phối hợp giữa Mỹ với CQSG khi thực hiện CSBD. Tuy nhiên, tổ chức này hoạt động không hiệu quả, đến ngày 9-5-1967, Tổng thống Johnson phê chuẩn Bị vong lục của Hội đồng An ninh quốc gia số 362/NSAM về việc thành lập Cơ quan hoạt động dân sự và hỗ trợ phát triển nông thôn, còn gọi là Cơ quan Dân sự vụ (CORDS - Civil Operations and Rural Development Support). Việc cải tổ cơ quan quản lý và điều hành chương trình bình định cho thấy quyết tâm của Mỹ trong việc nâng chương trình bình định lên ngang tầm cuộc chiến quân sự [36, tr. 55-56] và xem bình định là “chìa khóa” để đạt các mục tiêu cuối cùng của Mỹ ở Việt Nam.

Thực hiện chương trình, kế hoạch bình định của Mỹ, tháng 6-1965, CQSG thành lập Ủy ban lãnh đạo quốc gia và Ủy ban hành pháp Trung ương, theo đó, hệ thống cơ quan xây dựng nông thôn được thiết lập từ trung ương đến địa phương dưới sự quản lý, điều hành của Bộ Xây dựng Nông thôn (sau chuyển thành Tổng bộ Xây dựng Nông thôn). Lực lượng chủ yếu thực hiện chương trình bình định do quân đội Sài Gòn đảm nhiệm, có thời điểm, trên 90% lực lượng quân đội Sài Gòn sử dụng cho mục đích bình định [36, tr. 58].

Để dễ dàng quản lý và đáp ứng yêu cầu của chương trình bình định, giữa năm 1966, Ủy ban hành pháp Trung ương CQSG thành lập Đoàn cán bộ xây dựng nông thôn, tổ chức thành từng đoàn 59 người (gọi là Đoàn 59) tham gia lực

lượng bình định ở các địa phương. Theo Phụ lục 1 của “Sơ đồ tổ chức Đoàn cán bộ xây dựng nông thôn (Đoàn 59)”, mỗi đoàn cán bộ xây dựng nông thôn được biên chế thành ba bộ phận: Ban Chỉ huy Đoàn, Ban Tham mưu chuyên môn (Liên toán xây dựng), Bộ phận hành động và thực hiện công tác (Liên toán dân quân). Tính đến năm 1967, số cán bộ xây dựng nông thôn tăng từ 17.000 lên 29.000 tên, tập trung trong hơn 400 Đoàn 59, hoạt động tại các ấp đời mới trên toàn miền Nam [36, tr. 61].

Tháng 10-1966, chương trình “Xây dựng nông thôn mới” ra đời và chính thức áp dụng vào cuối năm 1966, mở đầu bằng việc xây dựng “Áp tân sinh”, “Áp đời mới” với khẩu hiệu “phá đời cũ, xây đời mới”. Đây là bước tiến của CSBD giành dân của địch. Mục tiêu là:

Tiêu diệt cộng sản nằm vùng - Tiêu diệt cường hào ác bá - Xóa bỏ hận thù, xây dựng một tinh thần mới - Tổ chức các cơ sở dân chủ nhân dân và hành chánh - Tổ chức nhân dân đấu tranh chống Việt cộng - Thanh toán nạn mù chữ - Tán công bệnh tật - Cải cách ruộng đất - Phát triển nông nghiệp và tiểu công nghiệp - Phát triển hệ thống giao liên [85, tr. 30].

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh hoạt động do thám, gián điệp, huy động tối đa lực lượng đánh phá cách mạng, ngày 1-7-1968, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ký sắc lệnh số 280a/TT/SL về việc thiết lập Kế hoạch “Phụng Hoàng”. Sau đó, ngày 23-7-1968, đại tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng trưởng Nội vụ trong CQSG, kiêm Chủ tịch Ủy ban Phụng Hoàng đã ban hành “Huấn thị điều hành căn bản về tổ chức Ủy ban Phụng Hoàng các cấp”. Huấn thị gồm có 6 phần: lời mở đầu, đại cương, mục đích, thành phần tổ chức, nhiệm vụ và huấn thị phối hợp. Trong lời mở đầu, Huấn thị khẳng định: “việc tán công hạ tầng cơ sở Việt - Cộng cũng quan trọng như công tác tiêu diệt các đơn vị quân sự địch” [181, tr. 1]. Từ đó, mục đích của “Kế hoạch Phụng Hoàng” nhằm “Tập trung và phối hợp tất cả nỗ lực của những cơ quan có nhiệm vụ thực thi kế hoạch “Phụng Hoàng” nhằm tận diệt các tổ chức nòng cốt chính trị và hành chính Việt cộng đang hoạt động khắp nơi và

trong mọi ngành tại Miền Nam Việt Nam”. Bộ máy tổ chức của “Kế hoạch Phụng Hoàng” được phân chia thành bốn cấp: 1) Ủy ban Phụng Hoàng Trung ương, 2) Ủy ban Phụng Hoàng vùng chiến thuật, 3) Ủy ban Phụng Hoàng đô thành, tỉnh và thị xã, 4) Trung tâm phối hợp tình báo và hành quân quận [181, tr. 3]. Theo đó, Ủy ban Phụng Hoàng các cấp đều có tổ chức văn phòng thường trực:

- Văn phòng thường trực Ủy ban Phụng Hoàng Trung ương, gồm có các phòng, ban: Ban hành chánh; Phòng kế hoạch và chương trình; Phòng thống kê; Phòng thanh tra; Phối trí viên Hoa kỳ.

- Văn phòng thường trực Ủy ban Phụng Hoàng vùng chiến thuật, gồm: Ban văn thư; Ban kế hoạch và chương trình; Ban thanh tra; Phối trí viên Hoa kỳ.

- Trung tâm thường trực Ủy ban Phụng Hoàng đô thành, tỉnh và thị xã, gồm: Ban văn thư; Ban tình hình; Ban kế hoạch và hành quân; Phối trí viên Hoa kỳ.

- Trung tâm phối hợp tình báo và ban hành quân, gồm: Ban Văn thư; Ban Tình hình; Ban Hành quân; Phối trí viên Hoa Kỳ.

Sự hiện diện của “Phối trí viên Hoa Kỳ” ở các tổ chức văn phòng thường trực Ủy ban Phụng Hoàng các cấp đã nói lên vai trò của Mỹ trong việc thực hiện “Kế hoạch Phụng Hoàng”, vì có liên quan đến tổ chức CORDS (Civil Operations and Revolutionary Development Support - Hoạt động dân sự và hỗ trợ phát triển cách mạng) do người Mỹ điều khiển. CORDS có đội ngũ cố vấn ở khắp 250 quận thuộc 44 tỉnh, thành ở miền Nam [78, tr. 72]. Thực tế cho thấy “Kế hoạch Phụng Hoàng” do CQSG ban hành, song được nuôi dưỡng bởi chính quyền Mỹ, do cố vấn Mỹ chỉ huy, phục vụ chiến tranh xâm lược của Mỹ. Ủy ban Phụng Hoàng đặt ra mục tiêu tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng nhằm duy trì an ninh trật tự tại địa phương nên địa bàn hoạt động chủ yếu của Ủy ban Phụng Hoàng các cấp là ở các vùng nông thôn, trong đó khu vực TNB là trọng điểm thực hiện kế hoạch này.

Từ tháng 10-1968 trở đi, Mỹ và CQSG tiếp tục tập trung vào vùng nông thôn đồng bằng với chương trình “bình định cấp tốc”. Mục tiêu nhằm khôi phục

thể kèm kẹp các ấp đã bị phá vỡ trong các đợt tiến công và nổi dậy của ta. Trọng tâm bình định là các tỉnh quanh Sài Gòn, Khu 5 và Trị - Thiên, vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Có thể thấy đặc điểm nổi bật của CSBD nông thôn của Mỹ và CQSG trong giai đoạn 1965-1968 là dùng lực lượng quân sự mạnh, đánh tập trung phá hủy ác liệt với qui mô lớn ở nhiều nơi, khiến nhân dân không sinh sống được trong vùng giải phóng buộc phải chạy vào vùng địch kiểm soát; đối với những nơi người dân bám trụ thì địch tìm mọi cách “gom xức” hàng loạt đưa vào những vùng sâu xa để nhân dân không thể trở về nơi sinh sống cũ.

Tóm lại, thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến tại Việt Nam bằng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” – mức cao nhất trong chiến lược quân sự toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của chính quyền Mỹ. Mục đích của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là tiếp tục bình định miền Nam, tiêu diệt lực lượng vũ trang và các cơ sở hạ tầng của lực lượng cách mạng; thu phục “trái tim”, “khối óc” của người dân miền Nam; thiết lập một thể chế tổ chức hành chính thống nhất trên toàn miền Nam, áp đặt kiểu thống trị thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam. Việc Mỹ ồ ạt đưa quân Mỹ tham chiến với lực lượng hùng hậu, trang bị vũ khí tối tân trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã làm cho một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân hoang mang, lo lắng, sợ chiến tranh khốc liệt, nảy sinh tư tưởng dao động, suy giảm ý chí chiến đấu. Trong tình hình đó, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo kịp thời của Đảng với chủ trương đường lối đúng đắn và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

2.2.2. Chủ trương của Trung ương Đảng và các cấp bộ đảng khu vực Tây Nam Bộ về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn giai đoạn 1965-1968

Việc Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến đã làm cho tình hình cách mạng miền Nam diễn biến phức tạp, vận mệnh dân tộc đứng trước những khó khăn, thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, từ ngày 25 đến 27-3-1965, BCH TƯ Đ tiến hành Hội nghị lần thứ 11 tập trung bàn “Về tình hình và nhiệm vụ

cấp bách trước mắt”, Hội nghị xác định: “Chúng ta phải hết sức cảnh giác và chuẩn bị sẵn sàng đối phó để có thể thắng địch nếu chúng biến chiến tranh ở miền Nam hiện nay thành chiến tranh cục bộ...” [55, tr. 105].

Ngày 20-7-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quân toàn dân kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng: “Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn” [149, tr. 577].

Thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng và hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 5-8-1965, Thường vụ Trung ương Cục ra Nghị quyết số 06/NQ về tình hình nông thôn, chỉ rõ: “Hơn 10 năm nay, cuộc đấu tranh giữa ta và địch để giành nông dân và nông thôn đã diễn ra rất quyết liệt... ta đã giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về cả mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế tuy chưa phải thắng lợi hoàn toàn” [55, tr. 721]. Bên cạnh đó, Trung ương Cục đề ra nhiệm vụ vận động nông dân tích cực tham gia kháng chiến, phá ấp chiến lược, phá âm mưu bình định, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng nông thôn thành căn cứ địa cách mạng vững chắc.

Tháng 3-1965, Mỹ đưa 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ vào miền Nam và tháng 10-1965, nhiều tốp máy bay đổ quân trực tiếp để tham chiến trên bộ ở miền Nam Việt Nam. Đến cuối năm 1965, số quân Mỹ và quân các nước đồng minh trong khối SEATO có mặt ở miền Nam đã lên tới 200.000 quân. Tình hình đó đặt cách mạng Việt Nam trước thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Do đó, ngày 27-12-1965, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định: “Mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân đội viễn chinh, *lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn*. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, *nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch*” [55, tr. 633]. Cũng tại Hội nghị này, Đảng hạ quyết tâm: “Động viên lực lượng của cả nước,

kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà” [55, tr. 634].

Thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, tháng 12-1965, TUCMN ra Nghị quyết về đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị nhằm đánh thắng chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Về phương châm đấu tranh, Nghị quyết đề ra chủ trương: “Kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị. Triệt để vận dụng ba mũi giáp công” để đánh bại các âm mưu của địch về quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn. Còn ở Tây Nguyên, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chủ trương: “lấy chiến trường miền núi làm chiến trường tiêu diệt địch - trọng điểm là Tây nguyên và Đông Nam Bộ” [36, tr. 278].

Trên cơ sở tiếp thu sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, tháng 10-1965, Khu ủy Khu 9 tiến hành đợt chỉnh huấn cho cán bộ từ tiểu đoàn trở lên nhằm quán triệt tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Khu ủy chủ trương chống địch bình định, lấn chiếm “xúc tát dân”, bảo vệ sinh mạng, tài sản của dân, bám trụ tại địa phương và tổ chức chiến đấu chống địch càn quét [37, tr. 378].

Thực hiện chủ trương của Khu ủy, các Đảng bộ địa phương khu vực TNB đã có chủ trương, biện pháp chấn chỉnh phong trào, vừa tập trung đánh địch, vừa động viên nhân dân bám đất, bám ấp. Tỉnh ủy Rạch Giá chủ trương và tổ chức nhân dân làm hầm tránh bom pháo từ nhà ra vườn, ngoài cánh đồng để bám trụ tại địa phương, không chạy ra vùng địch kiểm soát. Khi địch đánh phá dội bom thì vào hầm trú ẩn, khi chúng rút đi thì tranh thủ lao động sản xuất, ban ngày không lao động sản xuất được thì tranh thủ vào ban đêm [37, tr. 379]. Tỉnh ủy Vĩnh Long phát động phong trào quần chúng kiên quyết chống địch khủng bố dân, bám ruộng vườn sản xuất và chiến đấu bảo vệ đất làng, quyết “một tác không đi, một ly không rời” [7, tr. 210]. Tỉnh ủy Trà Vinh chủ trương nhân dân bám đất sản

xuất, phát triển phong trào xây dựng xã ấp chiến đấu. Xã ấp chiến đấu trở thành cơ sở vững chắc, cùng với lực lượng vũ trang đẩy lùi các cuộc càn quét của địch, để nhân dân yên tâm trụ lại sản xuất. Tỉnh ủy Cần Thơ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tiến công vào các vùng ven thành phố, thị xã, thị trấn, đường giao thông làm cho địch bị động, không ổn định, đồng thời tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giành và mở rộng quyền làm chủ của nhân dân [49, tr. 132]. Tỉnh ủy Cà Mau chủ trương đánh vào vùng ven thị xã, thị trấn, đường giao thông nhằm đẩy địch vào thế bị động, bất ổn, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, buộc chúng phải co cụm về phòng thủ ở thị xã, thị trấn, đường giao thông quan trọng. Ta thừa cơ tổ chức bao vây, thọc sâu diệt ác phá kìm [48, tr. 295-296]. Bên cạnh đó, các cấp bộ đảng khu vực TNB còn chú trọng mặt trận tư tưởng, mở các đợt học tập Chỉ thị và Nghị quyết của Đảng; củng cố chi bộ “ba tốt”, thực hiện phương châm “ba bám” “ba bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám đánh địch), “bốn bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám đánh địch, cấp trên bám cấp dưới), kiên cường bám trụ để hoạt động sản xuất và thi đua chiến đấu nhằm chống lại CSBD của địch. Chủ trương này của các Đảng bộ địa phương TNB đã kịp thời chấn chỉnh phong trào, động viên quân, dân bám trụ tại địa phương và tổ chức chiến đấu chống địch càn quét trong giai đoạn cách mạng đứng trước nhiều khó khăn, thử thách.

Tháng 1-1966, Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất với hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường. Trước tình hình đó, tháng 3-1966, Trung ương Cục tổ chức Hội nghị lần thứ tư, ra Nghị quyết số 1 về *“Đánh giá tình hình cách mạng miền Nam năm 1965, phương hướng, nhiệm vụ sắp tới và một số nhiệm vụ của cách mạng miền Nam”*, khẳng định quyết tâm: *“đánh bại các âm mưu quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn, kìm kẹp đô thị của địch; củng cố và mở rộng thế làm chủ rừng núi và nông thôn đồng bằng,... tiếp tục phá áp chiến lược, thu hẹp phạm vi kiểm soát của địch,... tạo thời cơ vững chắc để thắng địch trong tình huống cuộc chiến tranh kéo dài và mở rộng cả nước”* [11, tr. 51-52].

Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, Mỹ và chính quyền Sài Gòn xác định mục tiêu chủ yếu là “tìm diệt”, mục tiêu thứ yếu là “bình định”, chiếm đất, giành dân. Tuy nhiên, cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất này không đạt kết quả như mong đợi. Trong cuộc phản công mùa khô 1966-1967, Mỹ và CQSG đưa chính sách “bình định” lên ngang hàng với gọng kìm “tìm diệt”. Lực lượng bình định chủ yếu là quân đội Sài Gòn. Phương châm thực hiện bình định được điều chỉnh từ bình định ồ ạt trên toàn miền Nam sang bình định có trọng điểm, các địa bàn trọng điểm bình định là Khu 5, Đông Nam Bộ, TNB; trong đó, đồng bằng sông Cửu Long được xem là trọng điểm của toàn kế hoạch bình định, vì đây là địa bàn “đông dân nhiều cửa”, vừa lúa của miền Nam [36, tr. 103]. Riêng đối với các địa bàn trọng điểm bình định như Sài Gòn, Vĩnh Long, Phong Dinh, Chương Thiện (thuộc Vùng IV chiến thuật) thì ngoài quân đội Sài Gòn, địch còn huy động thêm quân viễn chinh Mỹ, 1.500 chuyên gia bình định và quân đội Hàn Quốc, Australia [36, tr. 222].

Tại khu vực TNB, Tướng Đặng Văn Quang - Tư lệnh vùng IV chiến thuật Quân đội Việt Nam Cộng hòa, chủ trương đánh phá căn cứ hậu phương, cơ sở hậu cần sâu trong vùng giải phóng, gọi là chiến dịch “nở hoa trong lòng địch”. Với chiến thuật này, địch đánh phá ta bằng hình thức “nhảy dò” rồi tăng dần số lượng quân, tiến sâu vào vùng giải phóng để đánh phá căn cứ hậu cần và tìm diệt các lực lượng vũ trang tại đây [37, tr. 397].

Trước tình hình đó, tại Hội nghị tháng 1-1967, Trung ương Đảng đánh giá: “chương trình bình định thực tế không đạt, quân đội Mỹ không có hậu phương ổn định” [36, tr. 212]. Cũng trong tháng 1-1967, Thường vụ Trung ương Cục ra Chỉ thị “*Phát huy mạnh mẽ thế chủ động tấn công kiên quyết đánh bại âm mưu bình định nông thôn năm 1967 của Mỹ ngụy*”, trong đó khẳng định: Mỹ và CQSG đặt vấn đề bình định nông thôn thành một vấn đề chiến lược đặc biệt quan trọng ở miền Nam [11, tr. 725-726]. Do đó “phải tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ ở vùng căn cứ, vùng giải phóng, vùng yếu, nhất là những nơi địch tiến hành bình định. Phải kết hợp

chặt chẽ giữa xây dựng, củng cố chi bộ với thực tiễn đấu tranh chống âm mưu bình định của địch” [36, tr. 236].

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 chủ trương trong năm 1967 đẩy mạnh tiến công địch vào vùng ven và vùng sâu để kéo địch về, hạn chế chúng đánh phá khu giải phóng [37, tr. 399]. Thực hiện chủ trương của Khu ủy, Tỉnh ủy Cần Thơ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, chú trọng xây dựng cơ sở đảng trong vùng địch chiếm đóng. Đồng thời, xác định phát triển lực lượng vũ trang cả về số lượng lẫn chất lượng, phát huy phương châm “ba bám”, liên tục tấn công, đẩy lùi từng bước âm mưu của địch, giành thắng lợi từng phần, tiến tới giành thắng lợi quyết định [36, tr. 303]. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy Khu 9 và các Tỉnh ủy, quân và dân các địa phương TNB đã chung sức đồng lòng quyết tâm chiến đấu làm thất bại gọng kìm bình định, xóa thế kèm kẹp, từng bước làm thất bại chiến lược bình định miền Nam của Mỹ và CQSG. Cùng với thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, đã đẩy chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đến bờ vực phá sản, chuyển cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới - thời kỳ tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Sau đó, đến tháng 1-1968, Hội nghị BCH TƯ Đ lần thứ 14 thông qua Nghị quyết: *“Anh dũng tiến lên, thực hiện Tổng công kích và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước”* [58, tr. 41]. Mục tiêu tổng công kích, tổng khởi nghĩa nhằm đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, đi tới chấm dứt chiến tranh xâm lược, tạo điều kiện cho ta giải phóng miền Nam, giành độc lập, dân chủ, hòa bình, thống nhất đất nước. Thực hiện mục tiêu đó, Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu

Thân 1968 vào đêm 30 rạng 31-1-1968, hướng tiến công chủ yếu ở đô thị, trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế; không gian tiến công là toàn miền Nam.

Thực hiện chủ trương, đường lối Đảng, ngày 7-1-1968, Thường vụ Trung ương Cục cùng Quân ủy Miền ra chỉ thị *“Về phát động quần chúng đấu tranh theo kế hoạch thống nhất vũ trang chính trị và binh vận, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân”*, yêu cầu các khu, các tỉnh khẩn trương hoàn tất, bao gồm các mặt quân sự, chính trị, binh vận. Phải xác định thật rõ các mục tiêu, phân công chuẩn bị từng mục tiêu cụ thể, theo hướng tổng hợp sức mạnh quân sự, chánh trị, binh vận,... kịp thời phát triển các lực lượng chánh trị vũ trang tăng lên gấp bội khi quần chúng đứng lên diệt ác, phá kềm kẹp, giành lại quyền làm chủ [12, tr. 16-17]. Theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền, khu vực TNB có hai trọng điểm tiến công đợt Tết Mậu Thân: thành phố Cần Thơ (trọng điểm 1) và thị xã Vĩnh Long (trọng điểm 2). Chủ trương của TUCMN đã cụ thể hóa và kịp thời triển khai chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng vào thực tiễn cách mạng miền Nam ở từng vùng, từng khu vực, chuẩn bị thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa để chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, ở khu vực TNB, Khu ủy Khu 9 nhanh chóng xây dựng kế hoạch, tổ chức lại chiến trường, củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, chỉ đạo các đơn vị, địa phương chuẩn bị tác chiến theo yêu cầu mới [69, tr. 382] trong thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Khu ủy Khu IX, ngày 26-1-1968, Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ ra Chỉ thị số 03/CT.H68 về *“đẩy mạnh tấn công Đông Xuân và hoạt động cao điểm III”* với quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất. Thực hiện quyết tâm này, Tỉnh ủy chủ trương mở đợt học chính trị giúp toàn Đảng bộ và các tổ chức quần chúng nắm tình hình, củng cố tinh thần quyết tâm đấu tranh chống Mỹ. Với chỉ tiêu áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, góp phần giải phóng hoàn toàn

miền Nam [49, tr. 181]. Tại Vĩnh Long - trọng điểm số 2 ở khu vực TNB, Tỉnh ủy Vĩnh Long xác định công tác tư tưởng lúc này là nắm vững thời cơ ngàn năm có một, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giao phó, tất cả để đánh giặc, tất cả để thắng giặc. Thực hiện quyết tâm này, Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo tập trung lực lượng tấn công vào cơ quan đầu não của địch ở thị xã Vĩnh Long. Hướng tấn công chủ yếu là nội ô thị xã. Hướng quan trọng là sân bay Vĩnh Long. Mục tiêu chủ yếu là tiêu khu Vĩnh Long và kho tàng địch. Mục tiêu quan trọng là sân bay Vĩnh Long, làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Vận động đồng bào nội ô nổi dậy diệt ác, phá bộ máy kìm kẹp, làm chủ phố phường [7, tr. 243]. Tại Trà Vinh, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị mở rộng tại ấp Phú Hưng II, xã Bình Phú, huyện Càng Long để đánh giá tình hình và chủ trương đẩy mạnh ba mũi giáp công, phối hợp các lực lượng trên địa bàn đánh tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã lực lượng địch, giữ vững và mở rộng vùng căn cứ kháng chiến, tạo thế áp sát tỉnh lỵ cùng các quận lỵ, sẵn sàng tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy khi thời cơ chín muồi [159, tr. 174]. Tại Sóc Trăng (bao gồm khu vực Bạc Liêu), ngày 28-1-1968, Tỉnh ủy tiến hành cuộc họp tại xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, chủ trương thành lập hai Ban chỉ huy tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở thị xã Sóc Trăng và thị xã Bạc Liêu. Tùy vào tình hình cụ thể đề ra nhiệm vụ, kế hoạch cho từng chi bộ, từng đảng viên, tiến hành chỉnh huấn tư tưởng nâng cao nhận thức trong tình hình mới, vững vàng kiên định trong thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa [5, tr. 169]. Tại Cà Mau, Tỉnh ủy tập trung xây dựng lực lượng vũ trang, quan tâm về tổ chức, lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang, nhất là ý thức sẵn sàng chiến đấu. Công tác chuẩn bị tổng tiến công được tiến hành khẩn trương, lực lượng vũ trang được tăng cường quân số, rút lực lượng du kích từ ấp bổ sung cho xã, từ xã đưa lên huyện, từ huyện đưa lên tỉnh và từ tỉnh đưa một bộ phận về Quân khu [48, tr. 305]. Tại Kiên Giang, Tỉnh ủy hạ quyết tâm: toàn Đảng, toàn quân, toàn dân dốc toàn lực giành thắng lợi quyết định trong một thời gian ngắn bằng phương pháp tổng công kích và khởi nghĩa. Mục tiêu tiến

công chủ yếu là trọng điểm thị xã Rạch Giá. Mục tiêu chủ yếu ở huyện là huyện lỵ, chi khu. Huy động toàn bộ lực lượng cấp tỉnh và thị xã, phối hợp lực lượng chính trị của quần chúng các huyện An Biên, Châu Thành B và Gò Quao, tiến công tiêu diệt đầu não địch. Các huyện, xã tự lực giải phóng địa phương mình bằng 3 mũi giáp công, đồng thời huy động cao nhất sức người, sức của cho chiến trường trọng điểm của tỉnh và khu [29, tr. 142-143].

Dưới sự lãnh, chỉ đạo của Khu ủy Khu 9, trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân TNB đã làm chủ nhiều giờ, nhiều ngày ở nhiều nơi, nhiều mục tiêu trong các đô thị. Ở vùng nông thôn, các lực lượng vũ trang như bộ đội địa phương, dân quân, du kích làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy tiến công địch bằng 3 mũi giáp công, bao vây đồn bót địch. Trên chiến trường Vĩnh Long - Trà Vinh, ta đã giải phóng vùng nông thôn rộng lớn từ Vĩnh Long đến các huyện Duyên Hải (Trà Vinh). Điều này đã tạo hiệu ứng tâm lý từ bất ngờ đến bối rối, choáng váng đối với CQSG và quan thầy Mỹ tại khu vực TNB.

Tóm lại, với đường lối, chủ trương đúng đắn, Đảng đề ra chủ trương kiên quyết đấu tranh chống CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Thắng lợi của quân và dân miền Nam trong việc đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 của Mỹ đã tạo nên thế và lực để quân và dân miền Nam và miền TNB tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 trên toàn miền Nam, đã bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đồng thời góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Tuy nhiên, sau đợt đầu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta không kịp thời điều chỉnh về lực lượng và mục tiêu, thiếu linh hoạt trong đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, nên từ giữa năm 1968, vùng giải phóng bị thu hẹp, số dân do ta làm chủ mất gần một nửa và với những nỗ lực cùng thủ đoạn mới, địch đã giành lại hầu hết những khu vực chúng bị mất trong các đợt tiến công và nổi dậy. Điều này gây khó khăn cho

phong trào đấu tranh chống bình định những năm tiếp theo, đặc biệt là những năm 1969-1970.

2.3. SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1965-1968

2.3.1. Chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ, xây dựng hệ thống xã ấp chiến đấu, củng cố và bảo vệ căn cứ địa cách mạng

Cùng với mục đích “chiếm đất, giành dân”, CSBD của Mỹ và CQSG còn nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại căn cứ địa cách mạng, tiêu diệt cơ sở cách mạng.

Do đó, để chuẩn bị điều kiện tiến lên đánh đổ Mỹ và CQSG, cũng như đánh phá CSBD của địch, Đảng chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng tại chỗ, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng để đưa cách mạng tiến lên. “Lực lượng cách mạng tại chỗ, gồm tổ chức cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang chiến đấu” [163, tr. 213]. Xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng là xây dựng thực lực của thế làm chủ để chống phá bình định. Chính vì vậy, ngày 4-4-1965, Thường vụ TUCMN ra chỉ thị: “phải ra sức xây dựng và củng cố hậu phương vững chắc, đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn đánh phá của địch vào vùng của ta” [10, tr. 610].

Thực hiện sự chỉ đạo trên, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo chú trọng xây dựng lực lượng, nhất là lực lượng vũ trang. Qua đó, các lực lượng vũ trang 3 thứ quân được xây dựng và không ngừng tăng lên về số lượng, chất lượng ngày càng cao. Ở Khu 9, cuối năm 1964, đầu năm 1965, lực lượng vũ trang tập trung của cấp Khu, tỉnh, huyện có khoảng 17.000 người [69, tr. 355] (chưa kể lực lượng dân quân du kích). Các tổ chức lãnh đạo từ cấp Khu đến cơ sở thường xuyên được củng cố, tăng cường, đủ sức lãnh đạo, đáp ứng nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng. Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu là cơ quan lãnh đạo, chỉ huy cao nhất trong lực lượng vũ trang. Hệ thống các trường trong Quân khu không ngừng

củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về quân sự, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ [69, tr. 356].

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy, các cấp bộ đảng khu vực TNB chú trọng việc xây dựng, phát triển lực lượng, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng. Bên cạnh đó, các cấp bộ đảng tại đây còn chú trọng mặt trận tư tưởng, mở các đợt học tập Chỉ thị và Nghị quyết của Đảng, qua đó làm chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và CQSG trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”; khắc phục tư tưởng ngán sợ Mỹ, nâng cao ý chí và quyết tâm đánh Mỹ.

Khác với chiến trường Đông Nam Bộ (thực hiện chiến lược “tìm diệt” là chủ yếu), ở chiến trường TNB, Mỹ và CQSG thực hiện chiến lược “bình định” là chủ yếu. Địch không đưa các đơn vị chủ lực quân viễn chinh đến TNB mà chỉ tăng cường thêm cố vấn và sĩ quan Mỹ, tăng cường rải chất độc hóa học, phát quan địa hình; mặt khác tăng cường lực lượng quân đội CQSG để tăng sức mạnh thực hiện chiến lược “bình định”; đồng thời, sử dụng đến mức cao nhất hỏa lực không quân, hải quân và pháo binh để đánh hủy diệt vào vùng giải phóng và yểm trợ cho quân đội Sài Gòn tiến hành càn quét, bình định.

Cần Thơ là trong những địa bàn trọng điểm bình định của địch, vì đây là tỉnh thành đông dân nhiều cửa, có vị trí chiến lược quan trọng, trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nếu chiếm giữ được Cần Thơ sẽ thuận lợi cho hoạt động của cơ quan đầu não vùng IV chiến thuật và làm nơi chi viện, phòng thủ từ xa cho Sài Gòn, do đó bằng mọi giá địch phải chiếm giữ bằng được tỉnh Cần Thơ. Vì vậy, Mỹ tăng quân số lên mức cao nhất từ trước đến nay để thực hiện âm mưu bình định, lấn chiếm, tiêu diệt lực lượng cách mạng và căn cứ cách mạng ở đây. Để đối phó âm mưu, hành động “tìm diệt”, “bình định” của địch, Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo tiếp tục phát triển các chi bộ cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của quần chúng. Chỉ trong bốn tháng cuối năm 1965, lực lượng vũ trang và du kích mật tăng nhanh, bằng cả bốn năm trước cộng lại. Một số ấp trong vùng giải phóng trước đây không có đảng viên hay tổ chức Đảng thì đến cuối năm

1965 đều phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức Đảng tại chỗ. Sang năm 1966, địch chia cắt chiến trường Cần Thơ ra từng vùng để đánh phá, bình định; tập trung đánh mạnh vào lực lượng vũ trang, kho tàng và căn cứ của ta tại đây. Sang năm 1967, địch tiếp tục thực hiện kế hoạch hai gọng kềm và bình định có trọng điểm. Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động vũ trang, chính trị, kêu gọi toàn dân đoàn kết cùng nhau quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Với tinh thần trên, Tỉnh ủy Cần Thơ đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, đáp ứng yêu cầu phương châm đánh địch bằng “hai chân, ba mũi”; kết hợp tấn công và nổi dậy, nổi dậy và tấn công địch. Tháng 2-1967, Tỉnh ủy Cần Thơ thành lập Đội an ninh vũ trang thị xã Vị Thanh, thành phố Cần Thơ thành lập đội đặc công bộ, đặc công thủy, do đồng chí Võ Minh Khai (Hai Thiết) chỉ huy. Tỉnh ủy còn tăng cường những cán bộ, chiến sĩ nhiều kinh nghiệm vào vùng trọng điểm, cùng cán bộ địa phương bám đất, bám dân, diệt ác, phá kềm, xây dựng, củng cố cơ sở cách mạng. Đối với các lực lượng vũ trang tỉnh (Tiểu đoàn Tây Đô), biệt động quân, lực lượng vũ trang huyện đều được bổ sung lực lượng, tổ chức huấn luyện và trang bị thêm phương tiện chiến đấu [49, tr. 169-170].

Để chuẩn bị cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân Năm 1968, Tỉnh ủy chọn và huấn luyện nhiều cán bộ đưa vào thành phố Cần Thơ hoạt động; mặt khác, rút một số cán bộ, đảng viên trong nội thành ra đào tạo, huấn luyện rồi đưa trở vào hoạt động. Cuối năm 1967, Tỉnh ủy thành lập tiểu đoàn Tây Đô II, các lực lượng vũ trang, biệt động thành được bổ sung cán bộ chỉ huy, được trang bị mới, được tổ chức, huấn luyện, nắm địa hình, địa vật, nắm tình hình địch trong nội ô thành phố Cần Thơ. Ở các huyện và thị xã Vị Thanh đều thành lập đại đội, có nơi có khung tiểu đoàn. Ở các xã có lực lượng du kích tập trung từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội, có lúc lên tới 1 đại đội trong giai đoạn đầu của cuộc tổng tiến công. Khoảng thời gian này, có hàng trăm thanh niên các cơ quan tỉnh, huyện và học sinh, sinh viên hăng hái tham gia lực lượng vũ trang, kịp thời bổ sung, tăng cường lực lượng vũ trang. Các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện xông ra vùng yếu, áp sát thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ, tất cả sẵn sàng phối hợp hành động khi có lệnh tổng tiến công.

Tại Vĩnh Long, giữa 1965, địch tập trung lực lượng thực hiện gọng kìm “bình định” ở Vĩnh Long. Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo bằng mọi cách giữ vững vùng căn cứ của Tỉnh ủy, đồng thời, mở chiến dịch trên phạm vi toàn tỉnh, căng kéo địch ra để đánh. Để thực hiện nhiệm vụ trên, công tác xây dựng lực lượng được chú trọng, tăng cường. Tính đến cuối năm 1965, bộ đội chủ lực tỉnh Vĩnh Long gồm 1 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội biệt động, 1 đại đội công binh và 1 đại đội pháo, được trang bị cơ bản, đảm bảo hỏa lực trong các cuộc tấn công địch. Mỗi đơn vị huyện, thị xã đều có đơn vị địa phương quân. Một huyện còn xây dựng lực lượng cấp đại đội (Sa Đéc, Tam Bình, Bình Minh, Cái Nhum, Châu Thành). Những huyện còn lại, xây dựng lực lượng cấp trung đội (Lê Hà, thị xã Vĩnh Long, Lấp Vò...). Toàn tỉnh có 60 xã có du kích với số quân trên 410 người [77, tr. 220]. Cũng trong năm 1965, quân và dân Vĩnh Long hoàn thành việc mở tuyến, mở vùng, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, lập vành đai vững chắc bảo vệ căn cứ Tỉnh ủy. Sang năm 1966, Tỉnh ủy Vĩnh Long phát động phong trào xây dựng xã, ấp chiến đấu. Xã, ấp chiến đấu trở thành pháo đài vững chắc, cùng với lực lượng vũ trang đẩy lùi các cuộc hành quân, càn quét của địch, tạo cơ sở để nhân dân yên tâm ở lại bám trụ sản xuất. Thực tiễn cho thấy, ở địa phương xây dựng được xã, ấp chiến đấu đều đánh địch hiệu quả, góp phần giữ vững vùng giải phóng. Tháng 11-1967, ở Vĩnh Long, đại đội đặc công được thành lập, do đồng chí Dương Văn Ca giữ chức đại đội trưởng. Ngoài ra, còn thành lập Mặt trận Lộ 4 gồm lực lượng du kích các xã Phú Quới (huyện Châu Thành), Song Phú A và Song Phú B (huyện Tam Bình). Tiểu đoàn 857 được điều về Tam Bình để huấn luyện và học tập chính trị, chuẩn bị đi chiến trường [7, tr. 238]. Sang đầu năm 1968, nhằm chuẩn bị cho cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân, Phân ban Khu ủy và Tỉnh ủy Vĩnh Long khắc phục khó khăn về mặt lực lượng bằng cách đôn bộ đội địa phương huyện lên bổ sung cho 2 tiểu đoàn chủ lực Khu và 2 tiểu đoàn của tỉnh. Các huyện đôn du kích xã lên thành bộ đội địa phương huyện. Ở xã thì đôn du kích ấp lên thành du kích xã. Để kịp thời gian tiến hành tổng tiến công, khi đôn lực lượng thì giữ nguyên cán

bộ khung, nhân sự và vũ khí để có thể chiến đấu ngay. Khi tiến hành cuộc tiến công, sử dụng lực lượng và phương án tác chiến, phân công các đơn vị phụ trách các mũi với sự dẫn đường của biệt động thành và cơ sở nội ô để tiến công các mục tiêu chủ yếu ở các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Tại Trà Vinh, Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường quân số, trang bị và huấn luyện cho bộ đội tỉnh, bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích xã, áp đủ sức chiến đấu trong tình hình địch đẩy mạnh kế hoạch bình định và tìm diệt từ năm 1965. Đến cuối năm 1967, lực lượng dân quân - du kích ở Trà Vinh đã phát triển thêm 2.000 quân [159, tr. 172]; tuyển chọn cán bộ, chiến sĩ từ các đơn vị địa phương quân huyện và du kích xã bổ sung vào bộ đội tỉnh và bộ đội chủ lực. Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vùng căn cứ được mở rộng, tích cực chuẩn bị sức người sức của cuộc tổng tiến công vào đầu năm sau. Đầu năm 1968, để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công, Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện và thị xã lập kế hoạch khẩn trương bổ sung và phát triển lực lượng vũ trang cấp tỉnh, huyện, xã, nhất là lực lượng du kích mật, biệt động mật; đồng thời, tích cực phát triển lực lượng chính trị, binh vận để phối hợp trong cuộc tổng tiến công khi thời cơ đến.

Ở Sóc Trăng, Tỉnh ủy Sóc Trăng mở những đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, các lực lượng vũ trang, ban ngành đoàn thể và nhân dân nhận thức đúng tình hình khi địch tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, không ngán ngại mà quyết tâm đánh Mỹ. Ngoài ra, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng chú trọng phát triển lực lượng vũ trang cùng lực lượng chính trị của quần chúng và công tác xây dựng Đảng. Tăng cường đội ngũ cán bộ, đảng viên cho vùng kìm, vùng tranh chấp, thị xã, thị trấn và các đơn vị vũ trang [5, tr. 136-137]. Bước sang năm 1966, Tỉnh ủy Sóc Trăng chú trọng phát triển du kích chiến tranh, tăng cường trang bị cho Tiểu đoàn Phú Lợi, các đơn vị binh chủng đặc công, công binh, pháo binh và đội biệt động ở hai thị xã Sóc Trăng và Bạc Liêu. Ở cấp huyện đều xây dựng địa phương quân với 1 đại đội bộ binh, 1 trung đội trinh sát đặc công. Cấp xã, mỗi xã thành lập 1 trung đội dân quân du kích [5, tr. 157]. Năm 1967, hai thị xã Sóc Trăng và Bạc Liêu được Khu và tỉnh tăng cường thêm

lực lượng, nhất là cán bộ các ngành và phương tiện liên lạc, vũ khí, đạn dược. Cán bộ được tăng cường nhanh chóng bám vào nội ô, ngoại ô, cùng với cơ sở tại chỗ hình thành hệ thống chân rết ở khắp các đô thị. Lực lượng tại chỗ và các cơ sở trong lòng địch tiếp tục được củng cố và phát triển. Các thị trấn, thị tứ đều được củng cố, tăng cường lực lượng. Nhìn chung, đến cuối năm 1967, lực lượng cách mạng tỉnh Sóc Trăng có bước phát triển mới về thể và lực, chuẩn bị sẵn sàng cho nhiệm vụ mới. Sang đầu năm 1968, để chuẩn bị cho đợt II cuộc tiến công, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo khẩn trương bổ sung lực lượng vũ trang, nhằm giải quyết khó khăn trong việc bổ sung quân, Tỉnh ủy thành lập Đoàn vận động tòng quân cấp tỉnh, huyện do đồng chí trong cấp ủy phụ trách, vận động thanh niên ở các cơ quan cấp tỉnh, huyện và lực lượng bảo vệ cấp ủy bổ sung vào lực lượng vũ trang tỉnh để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong các đợt tổng công kích Tết Mậu Thân năm 1968.

Ở Cà Mau, phong trào tòng quân diễn ra sôi nổi ở khắp các địa phương. Tỉnh ủy thành lập đội “Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước” (tháng 6-1965). Chỉ trong thời gian ngắn, tỉnh đã thành lập nhiều tiểu đoàn thanh niên xung phong đưa ra mặt trận làm nhiệm vụ. Sang năm 1966, phong trào tòng quân giết giặc lập công diễn ra sôi nổi trong tỉnh, có đến 10.000 thanh niên tòng quân. Nhờ đó, tỉnh Cà Mau tăng cường cho Quân khu và Trung ương Cục 3.000 tân binh [48, tr. 299]. Nhằm chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công đầu năm 1968, Tỉnh ủy Cà Mau tập trung xây dựng lực lượng vũ trang. Công tác chuẩn bị tổng tiến công được tiến hành một cách khẩn trương, lực lượng vũ trang được tăng cường quân số bằng cách đưa quân từ dưới lên, rút lực lượng du kích ấp bổ sung cho xã, lực lượng du kích xã đưa lên huyện, bộ đội địa phương huyện đưa lên tỉnh và đưa một bộ phận bộ đội tỉnh về Quân khu 9 [48, tr.305]. Ngoài việc huy động đông đảo thanh niên, trung niên vào lực lượng dân công phục vụ chiến trường, Cà Mau còn bố trí xây dựng cơ sở trong nội ô và vùng ven để điều kiện cho lực lượng biệt động bám trụ, kết hợp với lực lượng bên ngoài tấn công địch.

Tại Kiên Giang, qua triển khai học tập nghị quyết của Trung ương Đảng, từ tháng 6 đến tháng 10-1965, tỉnh Rạch Giá đã vận động trên 500 thanh niên tòng quân, bổ sung vào các đơn vị chủ lực Miền và 120 thanh niên vào lực lượng Thanh niên Xung phong đưa về Miền (TU'CMN (C112)). Bên cạnh đó, đã có 5.248 thanh niên tham gia lực lượng dân quân du kích, tích cực tham gia xã ấp chiến đấu, chống địch càn quét [158, tr. 114]. Sang năm 1966, lực lượng vũ trang tỉnh Kiên Giang được tăng cường và phát triển đáng kể. Tiểu đoàn 207 và các đơn vị binh chủng trực thuộc có trên 500 quân. Cấp huyện có 1 đại đội địa phương quân ở mỗi huyện. Các xã giải phóng có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích [158, tr.125]. Với hỗ trợ của Quân khu, lực lượng vũ trang tỉnh đã kết hợp với mũi chính trị và binh vận mở những đợt hoạt động vũ trang chống càn quét, lấn chiếm trên các địa bàn trong tỉnh. Trong năm 1967, công tác bổ sung quân cho các đơn vị vũ trang tỉnh Kiên Giang được tiến hành khẩn trương. Đến cuối năm 1967, Tiểu đoàn 207 và ba đại đội binh chủng (pháo binh, đặc công và công binh) được bổ sung tương đối đủ quân số. Cấp huyện, mỗi huyện có 1 đại đội, quân số trên dưới 100 quân. Cấp thị xã có 1 trung đội biệt động và 1 trung đội địa phương quân. Các xã giải phóng, mỗi xã có trung bình 1 trung đội du kích [158, tr. 139]. Trong đợt Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, do yêu cầu cấp bách tăng cường lực lượng cho mặt trận, trong vòng vài ngày, các xã Vĩnh Hòa, Đông Yên có 150 thanh niên hăng hái tòng quân, thành lập ra Đại đội Nguyễn Thanh Hòa II, nhanh chóng hành quân ra mặt trận thị xã Rạch Giá [158, tr. 147].

Tóm lại, đối phó trước âm mưu và hành động càn quét, bình định của Mỹ và CQSG, các cấp bộ đảng khu vực TNB chú trọng việc xây dựng, phát triển lực lượng tại chỗ, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng. Những biện pháp xây dựng, phát triển lực lượng tại chỗ của các địa phương khu vực Tây Nam Bộ trong giai đoạn này là: chú trọng mặt trận tư tưởng, mở các đợt học tập chính trị để toàn thể binh sĩ, cán bộ và nhân dân nhận thức đúng tình hình, khắc phục tâm lý ngán ngại đánh Mỹ, từ đó nâng cao ý chí và quyết tâm đánh Mỹ; Kêu gọi toàn dân đoàn kết cùng nhau quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ; Kêu gọi, vận

động thanh niên (kể cả trung niên) tòng quân nhập ngũ, phong trào tòng quân nhập ngũ diễn ra sôi nổi ở các địa phương, qua đó nhanh chóng xây dựng lực lượng phục vụ chiến trường. Đến cuối năm 1967, đầu năm 1968, lực lượng cách mạng khu vực TNB có bước phát triển mới về thể và lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân năm 1968.

2.3.2. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chống địch càn quét lẫn chiếm, gom dân, lập ấp, nhằm “giữ đất, giữ dân”

Thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” tại Việt Nam, chính phủ Mỹ đưa lực lượng lớn quân đội Mỹ và quân đội đồng minh trong khối SEATO ồ ạt đổ bộ vào chiến trường miền Nam, với số lượng lên đến gần 200.000 quân vào cuối năm 1965. Chiến lược này thực hiện chủ yếu bằng hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, trong đó, quân đội Mỹ và quân đội các nước đồng minh của Mỹ là lực lượng “tìm diệt”, quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ bình định, chiếm đóng. Việc quân đội Mỹ tham chiến trực tiếp đã đặt cách mạng Việt Nam trước nhiều khó khăn thử thách. Vì vậy, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 12 khóa III (ngày 27-12-1965), Đảng hạ quyết tâm: “*Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào*” [55, tr. 634].

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng, TUCMN khẳng định đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ: Kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị. Triệt để vận dụng ba mũi giáp công để đánh bại các âm mưu của địch về quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn.

Trên cơ sở tiếp thu sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, TUCMN, tháng 10-1965, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo các địa phương chống địch bình định, lấn chiếm “xúc tát dân”, bảo vệ sinh mạng, tài sản của dân, bám trụ tại địa phương và tổ chức chiến đấu chống địch càn quét [37, tr. 378].

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy, các Đảng bộ địa phương khu vực TNB đã đề ra các biện pháp chấn chỉnh lại phong trào, tập trung đánh địch càn quét, “tìm

diệt” và “bình định”. Bên cạnh đó, các cấp bộ đảng khu vực TNB còn chú trọng mặt trận tư tưởng, mở các đợt học tập chỉ thị và nghị quyết của Đảng; củng cố chi bộ “ba tốt”, thực hiện phương châm “ba bám”, “bốn bám”, kiên cường bám trụ để hoạt động sản xuất và thi đua chiến đấu.

Tỉnh ủy Rạch Giá tổ chức nhân dân làm hầm tránh bom pháo từ nhà ra vườn, ngoài cánh đồng để bám trụ tại địa phương, không chạy ra vùng địch kiểm soát. Khi địch đánh phá dội bom thì vào hầm trú ẩn, khi chúng rút đi thì tranh thủ lao động sản xuất, ban ngày không lao động sản xuất được thì tranh thủ vào ban đêm [37, tr. 379]. Song song với việc tổ chức cho nhân dân bám trụ, lực lượng vũ trang Rạch Giá chủ động tiến công đánh phá các cuộc hành quân càn quét của địch. Cao điểm vào tháng 11 và tháng 12-1965, bộ đội địa phương tỉnh, huyện phối hợp với lực lượng vũ trang Quân khu 9 tiến công quân sự kết hợp công tác binh vận, vận động quần chúng vùng lên phá kềm, tiêu diệt, bức rút, bức hàng 30 đồn bót, giải phóng một bộ phận huyện Châu Thành B và tuyến lộ Lục Phi (Gò Quao) kéo dài đến Tắc Cậu, sát thị xã Rạch Giá, qua đó củng cố vùng giải phóng [158, tr. 122-123].

Tỉnh ủy Cà Mau chỉ đạo các lực lượng vũ trang đánh vào vùng ven thị xã, thị trấn, đường giao thông nhằm đẩy địch vào thế bị động, bất ổn, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, buộc chúng phải co cụm về phòng thủ ở thị xã, thị trấn, đường giao thông quan trọng. Nhân đó, ta tổ chức bao vây, thọc sâu diệt ác phá kìm, đồng thời tiến hành đồng loạt những đợt tấn công quy mô vừa với lực lượng tại chỗ, đó là sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang tỉnh và bộ đội địa phương tổ chức đánh địch và mở rộng vùng giải phóng. Kết quả, có trên 30 xã cơ bản được giải phóng nối liền từ rừng đước Năm Căn đến rừng tràm U Minh. Ta giải phóng đến đâu, cùng với nhân dân xây dựng hậu phương, xây dựng căn cứ làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng đến đó [48, tr 295-296].

Tỉnh ủy Sóc Trăng mở đợt sinh hoạt chính trị, phát động trong toàn Đảng bộ và nhân dân nhận thức đúng tình hình, tránh tâm lý ngại đánh Mỹ. Ban Chỉ huy Tỉnh đội tổ chức hội nghị bồi dưỡng kiến thức quân sự, phòng tránh phi pháo, lập

mặt trận bắn máy bay địch... Qua đợt chỉnh huấn, luyện quân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đều nâng cao ý chí chiến đấu, xác định được lập trường tư tưởng vững vàng, quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Tháng 11-1965, tại hai xã Gia Hòa và Hòa Tú (huyện Mỹ Xuyên), dân quân du kích và bộ đội địa phương phối hợp với Tiểu đoàn Phú Lợi đánh gậy hai cuộc càn quét lớn, dài ngày của Sư đoàn 21 quân đội Sài Gòn, đã loại khỏi vòng chiến đấu nhiều tên địch, bắn chìm 12 tàu sắt, làm thiệt hại 6 xe M113, bắn rơi và làm hư hỏng 15 chiếc trực thăng. Chiến thắng này đã bẻ gãy các cuộc hành quân “tìm diệt” của địch ở khu vực trọng điểm Mỹ Xuyên. Cũng với chiến thắng này, lực lượng vũ trang Sóc Trăng đã được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng “Huân chương quân công hạng nhì” [5, tr. 137-139].

Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh tiến công vào các vùng ven thành phố, thị xã, thị trấn, đường giao thông làm cho địch bị động, không ổn định, đồng thời tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giành và mở rộng quyền làm chủ của nhân dân [49, tr. 132]. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngày 12-7-1965, biệt động thị xã Vị Thanh phối hợp với Tiểu đoàn 307 của Quân khu 9 phục kích tiêu diệt gọn một tiểu đoàn chủ lực của địch tại Bến Ruộng, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ. Ta tiêu diệt 200 tên, bắt sống 50 tên, thu 150 súng các loại [49, tr. 134]. Đẻ ép dân ra vùng kiểm soát, địch dùng bom hóa học, kết hợp gián điệp đánh phá, thực hiện tâm lý chiến bằng biện pháp chiêu dụ hàng, mua chuộc lôi kéo, nhưng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân quyết bám đất, bám vườn “một tác không đi, một ly không rời”. Bên cạnh đó, phong trào du kích chiến đấu ác phá kìm phát triển, gây cho địch nhiều tổn thất. Trong năm 1965, ta đã diệt 10.931 tên địch, làm bị thương 2.434 tên, bắn rơi 28 máy bay, diệt 10 đồn tam giác, 13 chốt, đánh sập 5 trụ sở tề [49, tr. 137], làm cho hậu phương địch mất ổn định, vùng kìm kẹp của địch ngày càng thu hẹp.

Tỉnh ủy Vĩnh Long phát động phong trào quần chúng kiên quyết chống địch khủng bố, bám ruộng vườn sản xuất và chiến đấu bảo vệ đất đai, giữ làng, quyết “một tác không đi, một ly không rời” [7, tr. 210]. Giữa năm 1965,

Mỹ và CQSG tập trung lực lượng tiến hành bình định, càn quét ở Vĩnh Long, địch dùng nhiều vũ khí, nhiều phương tiện chiến tranh, kể cả chất độc hóa học để đánh phá, hủy diệt kết hợp với càn quét vào vùng giải phóng, tát dân ra vùng chúng kiểm soát. Ngày 4-5-1965, địch chọn vùng chữ V (gồm xã Hòa Tân, An Khánh, Tân Nhuận Đông, Phú Hựu (nay thuộc huyện Châu Thành, Đồng Tháp)) để mở đầu chiến dịch bình định, nhằm đánh vào vùng căn cứ của Tỉnh ủy, “tìm diệt” cơ quan lãnh đạo của tỉnh đóng tại đây. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Vĩnh Long chủ trương: Phải giữ cho được vùng chữ V, bảo vệ căn cứ Tỉnh ủy; đồng thời, mở chiến dịch trên phạm vi toàn tỉnh, căng kéo địch ra để đánh. Dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp cùng với địa phương quân tiến công vào hậu cứ của địch, tiêu diệt đồn bót địch, mở rộng vùng giải phóng.... Đến cuối năm 1965, quân và dân Vĩnh Long hoàn thành nhiệm vụ mở tuyến, mở vùng, giữ vững vùng giải phóng, đặc biệt vùng chữ V của Vĩnh Long vẫn được giữ vững, tạo thành vành đai bảo vệ vững chắc khu căn cứ Tỉnh ủy, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng, phải giảm thiểu các cuộc hành quân “bình định” [7, tr. 219].

Tỉnh ủy Trà Vinh chỉ đạo nhân dân bám đất sản xuất, phát triển phong trào xây dựng xã ấp chiến đấu. Mỗi xã ấp chiến đấu đều có chiến hào, hầm chông, bãi mìn, tạo thành vùng cấm địa. Xã ấp chiến đấu trở thành pháo đài vững chắc, cùng với các lực lượng vũ trang đẩy lùi các cuộc càn quét của địch, để nhân dân yên tâm trụ lại sản xuất [37, tr. 381]. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Trà Vinh, phong trào chiến tranh du kích diễn ra sôi nổi và đều khắp nhằm tiêu hao, tiêu diệt địch, chống kế hoạch “xúc tát” dân của CQSG. Một số nơi du kích bám sát, luồn sâu đánh phá giao thông, phá ấp chiến lược, nổi bật là đánh trận càn ở xã Huyền Hội (Càng Long). Tháng 8-1965, địch tập trung 2 tiểu đoàn của sư đoàn 9, kết hợp cùng quân bảo an với sự yểm trợ của pháo binh và 24 máy bay các loại càn quét 5 ấp của xã Huyền Hội. Lực lượng vũ trang huyện phối hợp cùng du kích xã ấp chiến đấu quyết liệt, đẩy lùi các đợt tiến công càn quét của địch [37, tr. 383].

Nhìn chung, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9, các địa phương khu vực TNB kiên quyết đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm “xúc tát dân”; kiên trì bám trụ tại địa phương, phối hợp với quần chúng nhân dân tổ chức chiến đấu chống địch càn quét trong năm 1965.

Do chưa thực hiện chiến lược “tìm diệt và bình định” trong năm 1965 nên tháng 1-1966, Mỹ mở rộng cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất với hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”. Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, đối phương xác định mục tiêu chủ yếu là “tìm diệt”, mục tiêu thứ yếu là “bình định”, chiếm đất, giành dân. Tuy nhiên, cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất này không đạt kết quả như mong đợi. Đến cuộc phản công mùa khô 1966-1967, Mỹ và CQSG đưa chính sách “bình định” lên ngang hàng với gọng kìm “tìm diệt”. Phương châm thực hiện bình định được điều chỉnh từ bình định ồ ạt trên toàn miền Nam sang bình định có trọng điểm, các địa bàn trọng điểm bình định là Khu 5, Đông Nam Bộ, TNB; trong đó, đồng bằng sông Cửu Long được xem là trọng điểm của toàn kế hoạch bình định, vì đây là địa bàn đông dân nhiều của, vừa lúa của miền Nam.

Đối với khu vực TNB, địch tiến hành chiến dịch “nở hoa trong lòng địch”, nhằm đánh phá căn cứ hậu phương, cơ sở hậu cần trong vùng giải phóng. Với chiến thuật này, đối phương đánh phá ta bằng hình thức “nhảy dò”, tăng dần số lượng quân, tiến sâu vào vùng giải phóng, đánh phá căn cứ hậu cần và tìm diệt các lực lượng vũ trang tại đây [37, tr. 397].

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục với quyết tâm đánh bại âm mưu bình định nông thôn của Mỹ ngụy, từ giữa tháng 9-1966, Khu ủy Khu 9 chỉ thị các địa phương xây dựng kế hoạch, phương án tác chiến chống “xúc tát” dân, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân; kiên quyết bám trụ tổ chức chống địch càn quét.

Thực hiện chỉ thị trên, tháng 10-1966, Quân khu 9 mở đợt hoạt động Đông Xuân 1966-1967, trọng điểm là tại Chương Thiện (Hậu Giang cũ), nhằm mở mang, mở vùng ở Giồng Riềng, Long Mỹ - Ngang Dừa, sau đó phát triển lên Rạch

Giá, Cần Thơ. Sau một ngày chiến đấu, chủ lực Khu đã chuyển sang tiến công diệt đồn địch, đẩy lùi các cuộc hành quân của địch và giữ vững địa bàn, bảo vệ được dân [36, tr. 301-302].

Tại Cần Thơ (tỉnh Phong Dinh theo địa danh hành chính của CQSG), vào năm 1966, Mỹ và CQSG chia Cần Thơ thành ba vùng, mỗi vùng có thủ đoạn khác nhau để thực hiện CSBD, đàn áp phong trào cách mạng: *Vùng thị xã, thị trấn* là trọng điểm bình định, tại đây địch tăng cường lực lượng chủ lực (Trung đoàn 31, 33 của Sư đoàn 21) và biệt kích quân có sự hỗ trợ của hàng trăm máy bay, xe tăng, tàu chiến... thực hiện chiến thuật “nhảy cóc” bằng trực thăng vận, kết hợp với bộ binh đánh điểm, đánh nhanh, rút nhanh; *Vùng bị kìm kẹp và tranh chấp* (vùng nằm quanh các thị xã, thị trấn) tiếp giáp các trọng điểm bình định, chúng đổ quân càn quét kết hợp với xe lội nước tiến công từ ngoài vào; *Vùng nông thôn giải phóng, vùng căn cứ cách mạng* gồm xã Lương Tâm, Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, căn cứ cách mạng huyện Phụng Hiệp, tại đây địch tăng cường hỏa lực máy bay, dùng trực thăng đổ quân, phi pháo đánh mạnh vào lực lượng vũ trang, kho tàng và căn cứ của ta [49, tr. 139-141]. Song song với hoạt động quân sự, CQSG đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, gây hoang mang, dao động trong cán bộ, quần chúng, tạo thêm nhiều khó khăn cho phong trào cách mạng trên địa bàn.

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng, chú trọng xây dựng Đảng trong vùng địch chiếm đóng; phát triển lực lượng vũ trang cả về số lượng lẫn chất lượng, phát huy phương châm “ba bám”, “bốn bám”, liên tục tiến công, đẩy lùi từng bước âm mưu bình định, càn quét của địch. Thực hiện sự chỉ đạo trên, trong hai năm 1966-1967, lực lượng vũ trang các huyện thuộc tỉnh Cần Thơ đã đánh trên 200 trận, diệt 6 đại đội, làm tan rã nhiều đồn bót địch. Lực lượng du kích xã, ấp đã đánh trên 1000 trận lớn nhỏ, với nhiều cách đánh sáng tạo như đánh bằng ong vò vẽ, bắn lựu đạn bằng giàn thun, đặt bẫy, hầm chông... tiêu diệt nhiều sinh lực địch [36, tr. 303-304]. Phối hợp đấu tranh quân sự, công tác binh vận và đấu tranh chính trị diễn ra mạnh mẽ.

Trong công tác binh vận, ta đã vận động nhiều binh sĩ trong quân đội Sài Gòn đào ngũ, rẽ ngũ, quay về với gia đình. Trên mặt trận chính trị, nhân dân Cần Thơ đã tổ chức hơn 8.500 cuộc đấu tranh, với 1,5 triệu lượt người tham gia, buộc địch phải thả hơn 100 người, đòi bồi thường những thiệt hại nhà cửa, hoa màu cho nhân dân hàng triệu đồng [36, tr. 304].

Ở chiến trường Vĩnh - Trà, quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn tăng cường lực lượng, hỏa lực máy bay, pháo binh đánh phá quyết liệt vùng căn cứ, vùng giải phóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, chủ yếu là tập trung đánh phá rồi chốt điểm từng xã, sau đó thực hiện kế hoạch bình định. Cuối năm 1966, địch sử dụng Sư đoàn bộ binh Mỹ và Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn, kết hợp với quân bảo an, mở cuộc hành quân “Phi Long 998-999” đánh chiếm từ Mỹ Quý đến Long Toàn và Thị Ròn, Ngũ Lạc, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng và xức tát dân vào các ấp đời mới. Trước tình hình đó, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với bộ đội địa phương huyện Tiểu Cần, du kích xã Hùng Hòa (huyện Tiểu Cần) phục kích, tiêu diệt sinh lực địch, đẩy lùi các cuộc càn quét lấn chiếm. Cùng với các mũi tiến công quân sự, công tác binh vận và đấu tranh chính trị diễn ra sôi nổi trên nhiều địa bàn tỉnh, nhất là ở huyện Trà Cú và thị xã Trà Vinh, nhằm chống thu thuế, chống bắt lính, chống bắt dân đi xây đồn bót, chống rải chất độc hủy diệt hoa màu, chống gom dân, dồn dân vào ấp tân sinh, đòi bồi thường sinh mạng và tài sản của dân, chống hãm hiếp phụ nữ và bắt người vô tội, trừng trị bọn giết người cướp của, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh, chống quân sự hóa học đường. Tính chung trong năm 1966, quân và dân Trà Vinh kiên cường chiến đấu, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, tiêu diệt 18 đồn, giải tán hai ban tề xã, bức rút 1 yếu khu quân sự, tiêu diệt 52 xe quân sự (trong đó có 3 xe M.113), bắn cháy 9 tàu chiến, đánh sập 2 cây cầu, thu 144 súng các loại.... Cũng trong năm 1966, ở Trà Vinh có gần 133.000 lượt quần chúng tham gia các cuộc đấu tranh chính trị, phần lớn ở thị xã Trà Vinh và huyện Trà Cú [159, tr. 165].

Đầu năm 1967, Bộ Chỉ huy Miền điều động Tiểu đoàn 306 từ vùng Hậu Giang về đứng chân tại chiến trường Vĩnh - Trà để đối phó với hoạt động càn

quét, bình định ngày càng ác liệt của Mỹ và CQSG. Vừa đến địa bàn mới, Tiểu đoàn 306 tiến hành ngay hoạt động tác chiến, đánh vào khu Công giáo Bãi San, diệt 7 đồn, phá các ấp đời mới, giành quyền làm chủ khu vực này; đồng thời, phối hợp với quân và dân Trà Vinh pháo kích Sở chỉ huy Trung đoàn 14 Sư đoàn 9 của địch tại huyện Càng Long, diệt hàng trăm tên địch, tiêu hủy và thu nhiều vũ khí phương tiện chiến tranh [36, tr. 307]. Tính chung trong năm 1967, các lực lượng vũ trang nhân dân và đồng bào các dân tộc Trà Vinh phối hợp với Tiểu đoàn 306 bộ đội chủ lực Quân khu 9 tiến hành hàng trăm trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt hàng ngàn tên địch, bắn hỏng 105 xe quân sự (trong đó có 18 xe M.113), bắn chìm 18 tàu chiến, tiêu diệt 13 đồn và 20 lô cốt, bứt rút 4 đồn, thu 830 súng các loại. Cũng trong năm 1967, đã diễn ra hàng ngàn cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng, với gần 300.000 lượt người tham gia, trong đó có phần lớn đồng bào và sư sãi người Khmer. Như vậy, sau hai năm (1966-1967) kiên trì chiến đấu, quân và dân tỉnh Trà Vinh đã bẻ gãy các cuộc hành quân càn quét và làm thất bại kế hoạch bình định nông thôn của Mỹ và CQSG. Ta giữ vững vùng giải phóng, vùng căn cứ được mở rộng, tích cực chuẩn bị sức người và sức của cho cuộc tổng tiến công qui mô lớn vào đầu năm 1968.

Ở chiến trường Cà Mau - Bạc Liêu, trong hai năm 1966-1967, tuy lực lượng không có sự thay đổi lớn, nhưng địch tăng cường sử dụng bom, pháo, chất độc hóa học để hủy diệt, phát quang các căn cứ cách mạng tại địa bàn, kết hợp dồn dân, lập ấp đời mới, khu tập trung. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Cà Mau, Bạc Liêu chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với đấu tranh chính trị, binh vận, từng bước đánh bại các cuộc hành quân càn quét “tìm diệt” và “bình định” của địch.

Tại Cà Mau, đêm 27-12-1966, Tiểu đoàn U Minh II phối hợp với lực lượng tự vệ mật tập kích diệt đồn Hòa Trung - tiền đồn án ngữ phía đông nam thị xã Cà Mau, có khu gia binh quân đội Sài Gòn, với hệ thống bảo vệ khá vững chắc. Sau vài giờ chiến đấu, ta tiêu diệt toàn bộ đại đội bảo an, 1 trung đội thám báo của địch, thu nhiều trang bị, vũ khí [36, tr. 313]. Đầu năm 1967, bộ đội chủ lực Khu

phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương liên tiếp tấn công đồn bót địch. Tháng 1-1967, Tiểu đoàn U Minh II phối hợp bộ đội huyện Châu Thành và du kích xã Hòa Thành tấn công đồn Bùng Binh (phía Đông Nam thị xã Cà Mau), sau đó luồn sâu vào ấp đò mới Tân Phong B, diệt tên trưởng ấp và vô hiệu hóa lực lượng quân đội Sài Gòn ở đây; tổ chức cho quần chúng nổi dậy phá ấp đò mới, trở về quê cũ làm ăn. Tháng 2-1967, Tiểu đoàn U Minh II phục kích tại Quán Diệm, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 32 khi chúng hành quân càn quét tái chiếm ấp Sở Tại (Thạnh Phú), qua đó giữ vững địa bàn, đưa khu vực làm chủ của ta áp sát phía Nam thị xã Cà Mau. Nhìn chung, qua hai năm 1966-1967, quân và dân tỉnh Cà Mau kiên trì đấu tranh bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ và CQSG, tiêu diệt hàng nghìn tên địch, có cả lính Mỹ, san bằng nhiều đồn bót địch, thu trên 300 khẩu súng, bắn rơi 21 máy bay và bắn hỏng 93 chiếc khác, phá hủy 19 xe lội nước và nhiều phương tiện chiến tranh của địch, làm chủ nhiều vùng [48, tr. 301].

Ở Bạc Liêu, trong các năm 1966-1967, địch đánh phá mạnh ở vùng ven thị xã Bạc Liêu và các căn cứ cách mạng của tỉnh, huyện, tiếp tục bình định nông thôn, lấn chiếm vùng giải phóng, nhằm phá chỗ dựa của cách mạng. Ngoài lực lượng quân sự, công an, cảnh sát, địch còn sử dụng các đoàn bình định có vũ trang trực tiếp tìm dân. Bên cạnh đó, chúng thực hiện chiến tranh tâm lý, mị dân, xuyên tạc, bôi nhọ những gia đình kháng chiến; dùng hàng hóa Mỹ viện trợ cấp phát, cứu tế, mua chuộc nhân dân ở vùng ven và nội ô thị xã [6, tr. 322]. Trước tình hình đó, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bạc Liêu đã chỉ đạo các lực lượng vũ trang kiên quyết đấu tranh chống lại các cuộc hành quân càn quét của đối phương. Đêm 24, rạng ngày 25-12-1966, được sự giúp sức của quần chúng nhân dân, lực lượng tự vệ thị xã đã bí mật tập kích trụ sở bình định của CQSG ở tại địa bàn, tiêu diệt nhiều nhân viên xây dựng nông thôn và bọn ác ôn. Trong những tháng đầu năm 1967, lực lượng vũ trang đã hỗ trợ cho phong trào phá ấp đò mới, giành quyền làm chủ của nhân dân ở các huyện, xã, từng bước mở

rộng, củng cố vùng giải phóng của ta tại địa bàn, tạo điều kiện cho ta củng cố cơ sở, chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc chiến đấu mới ở các năm tiếp sau.

Ở Kiên Giang, tháng 10-1966, địch mở cuộc hành quân “Ba lượn sóng thần”, sử dụng 2 tiểu đoàn chủ lực và 1 tiểu đoàn bảo an tấn công vào căn cứ Khu Tượng ở huyện Phú Quốc. Bộ đội địa phương và du kích huyện Phú Quốc dũng cảm chiến đấu chống cuộc càn quét của địch, đã tiêu diệt và làm bị thương 120 tên, bắn rơi 1 máy bay phản lực F.105, bảo vệ an toàn khu căn cứ cách mạng [158, tr. 132]. Tại thị xã Rạch Giá, quân và dân vùng ven tổ chức đánh 10 trận, tiêu diệt 129 tên địch, phá hủy 1 xe quân sự. Bên cạnh đó, mũi binh vận đã vận động và làm rã 59 tên địch; huy động hơn 300 người dân tại các ấp đời mới tham gia các cuộc đấu tranh chính trị, chống địch bắt lính, chống tăng thuế, cho binh lính được về quê ăn tết với gia đình. Đến cuối năm 1967, Mỹ và CQSG không thực hiện được kế hoạch bình định các vùng trọng điểm tại Kiên Giang; lực lượng vũ trang và căn cứ cách mạng trên địa bàn vẫn được bảo toàn. Sau các trận chống càn của quân và dân Kiên Giang, địch phải co về phòng ngự bị động tại các thị xã, thị trấn [36, tr. 315].

Cùng với việc đánh bại hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” ở miền Nam và TNB, thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong đấu tranh chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ đã góp phần đẩy chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đến bờ vực phá sản, chuyển cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới.

Như vậy, trong những năm 1965-1968, trước những âm mưu, thủ đoạn đánh phá, bình định, của Mỹ và CQSG, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là TUCMN, của Khu ủy Khu 9, các đảng bộ địa phương, quân và dân TNB quyết tâm chiến đấu chống CSBD của Mỹ và CQSG. Điểm nổi bật trong phong trào chống phá bình định ở TNB giai đoạn 1965-1967 là: phong trào nhân dân tham gia chiến tranh du kích rộng khắp; kết hợp chặt chẽ chống, phá ấp chiến lược với chống địch càn quét; đẩy mạnh các hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng; tấn công vào hệ thống kìm kẹp của CQSG ở xã, ấp; giành quyền làm chủ cho nhân dân. Sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kiên quyết của Đảng trong cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn những năm 1965-1967 đã tạo thế và lực để quân và dân ta tiến

hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 trên toàn miền Nam, bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đồng thời góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

2.3.3. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, vận động làm tan rã địch; đấu tranh chống rải chất độc hóa học, bắn phá tài sản của dân

Để thực hiện gọng kìm “bình định”, ở khu vực TNB, CQSG tìm cách tạo nguồn bằng việc bắt lính, quân sự hóa học đường. Nhờ đó lực lượng quân đội Sài Gòn được tăng cường, đến cuối năm 1967, quân chủ lực của quân đội Sài Gòn tăng lên 520.000 tên (cuối năm 1964, số quân chủ lực của quân đội Sài Gòn chỉ có 350.000 quân) [2, tr. 427].

Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị TƯCMN “*Về một số vấn đề trong công tác nông thôn sắp tới*” (5-8-1965) chỉ rõ cần kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận với khẩu hiệu “chống bắn phá, khủng bố, chống bắt lính, giành ruộng đất, giành chính quyền” [10, tr. 784]. Thực hiện sự chỉ đạo trên, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo cán bộ xuống bám địa bàn lãnh đạo phong trào chống khủng bố, chống bắt lính và quân sự hóa học đường. Dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, phong trào đấu tranh chống bắt lính và quân sự hóa học đường diễn ra rộng khắp TNB. Tại Vĩnh Long, phong trào vận động gia đình binh sĩ khuyến khích binh sĩ đào ngũ, trở về với nhân dân, từ chối đi lính làm bia đỡ đạn cho Mỹ. Chỉ trong ngày 25-11-1965, ở Vĩnh Long có trên 2.000 binh sĩ đấu tranh chống lệnh hành quân, đào rã ngũ và được nhân dân, người thân đón trở về [8, tr. 218]. Tại một số xã như Tân Nhuận Đông, Hòa Tân, Phú Long, An Khánh, Phú Hựu, An Phú Thuận, Tân Phú Trung (huyện Châu Thành), hằng tháng tổ chức các “Đại hội gia đình binh sĩ” với 30-50 gia đình tham dự, nhằm tuyên truyền đường lối cách mạng, góp phần phân hóa và ly gián địch [7, tr. 219]. Ở Trà Vinh, từ năm 1965, Tỉnh ủy chỉ đạo công tác binh vận tìm cách khoét sâu mâu thuẫn giữa cố vấn Mỹ với sĩ quan quân đội Sài Gòn, vì có

vấn Mỹ thường có thái độ khinh miệt thị đối với “ngụy quân, ngụy quyền”. Tại Cần Thơ, phong trào bãi công, bãi thị, bãi khóa diễn ra, nhiều binh sĩ chống lệnh bọn chỉ huy, không ruồng bỏ trong ngày giỗ anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi (15-10-1965). Tối cùng ngày, hàng trăm người nhà của binh sĩ quân đội Sài Gòn kéo đến Dinh Tỉnh trưởng và bệnh viện đòi thả chồng, con về với gia đình. Cũng tại thị xã Cần Thơ, ngày 19-10-1965, có trên 700 người dân kéo đến Dinh Tỉnh trưởng và Ty cảnh sát đấu tranh chống bắt lính. Kết quả, trong năm 1965, ở Cần Thơ ta đã tuyên truyền, giáo dục binh sĩ và gia đình, mở 62 cuộc “Đại hội gia đình binh sĩ” với sự tham gia của 1.267 gia đình binh sĩ, đã vận động rã ngũ 4.735 binh sĩ [49, tr. 133]. Ở thị xã Bạc Liêu (lúc này thuộc tỉnh Sóc Trăng), trong năm 1965, ngành binh vận đã tuyên truyền, giáo dục binh sĩ và gia đình, kêu gọi chồng, con, anh, em trở về với gia đình. Đã có 360 binh sĩ chống lệnh không đi càn quét, đòi giải ngũ về nhà làm ăn [6, tr.310]. Qua đó, làm tan rã nhiều binh sĩ địch, làm tiêu hao lực lượng địch. Tại Kiên Giang, trong tháng 6-1965, Ban Dân vận Tỉnh và các huyện đã lãnh đạo 35 cuộc đấu tranh của binh sĩ và gia đình binh sĩ, làm rã ngũ 1.056 binh sĩ [158, tr. 114]. Tại Châu Thành A, có hơn 200 người dân xã Bình Sơn kéo ra quận Kiên Thành đấu tranh chống thăm sát, chống địch rải chất độc xuống xóm làng, ruộng rẫy [158, tr. 118].

Bước sang năm 1966, trên khắp chiến trường miền TNB, ta và địch ở trong thế “cài răng lược”. Địch cố giữ vùng mới chiếm được và tìm cách đánh bật ta ra khỏi vùng giải phóng. Ta kiên quyết giữ vững thế trận, giữ vững vùng giải phóng, nhất là các khu căn cứ cách mạng, nên ta và địch luôn ở thế giằng co quyết liệt. Để làm suy yếu địch, phân hóa kẻ thù, ở Vĩnh Long phong trào đấu tranh chính trị phối hợp với ngành binh vận tiếp tục các cuộc đấu tranh chống bắt lính, chống bắn phá, giết hại người vô tội, chống phá hoại mùa màng của dân... Ở Trà Vinh diễn ra các cuộc đấu tranh với nhiều khẩu hiệu như: chống thu thuế, chống bắt lính đôn quân, chống bắt dân đi làm đồn bót; chống gom dân, dồn nhà vào ấp tân sinh, đòi trở về chỗ cũ làm ăn; chống hành quân, càn quét, đốt phá, chống bắn pháo và ném bom; đòi bồi thường sinh mạng và tài sản.... Ở

huyện Trà Cú, quần chúng nhân dân, trong đó phần lớn là phụ nữ và sư sãi đã đấu tranh ngăn địch bắt thanh niên và sư sãi Khmer đi lính [8, tr. 162-163]. Sang năm 1966, các cuộc đấu tranh của quần chúng ngày càng quyết liệt, nhất là các cuộc đấu tranh chống thăm sát, chống thu tô, chống bắt lính, bắt xâu. Ở Cần Thơ, trong dịp tết Bính Ngọ, đã có 1.169 binh lính địch rã ngũ, có cuộc đấu tranh các gia đình binh sĩ và binh sĩ địch làm nòng cốt đã giành thắng lợi. Chỉ trong tháng 10-1966, phụ nữ Cần Thơ đã tổ chức 2.477 cuộc đấu tranh, với trên 89.000 lượt người tham gia đòi Mỹ và CQSG chấm dứt khủng bố, ngừng ném bom, bắn phá để đồng bào yên ổn cuộc sống, lao động sản xuất [49, tr. 152]. Sang năm 1966, ngành binh vận Sóc Trăng kết hợp chặt chẽ với công tác đấu tranh chính trị, đã tuyên truyền gia đình binh sĩ cùng hơn 1.000 lượt quần chúng đi vận động binh sĩ không đi càn quét, không đi cứu viện, xin giải ngũ về nhà làm ăn [5, tr. 153]. Tại Cà Mau, phong trào đấu tranh chính trị kết hợp binh vận hướng vào mục tiêu chống địch càn quét, chống rải chất độc hóa học, chống bắt lính, buộc địch phải thả 4.875 người (trong hai năm 1966-1967) và bồi thường thiệt hại hoa màu cho người dân [48, tr. 302]. Bằng nhiều thức vận động, tuyên truyền, ta đã làm binh lính quân đội Sài Gòn đào ngũ, rã ngũ ngày càng tăng. Nhiều cuộc binh biến, phản biến tiếp tục xảy ra. Năm 1966, phong trào đấu tranh chính trị và công tác binh vận Kiên Giang thu nhiều thắng lợi. Ngành binh vận làm tốt việc nắm bắt tình hình, phục vụ các đơn vị vũ trang tấn công, tuyên truyền giáo dục hàng ngàn lượt binh sĩ, gây ảnh hưởng tốt trong binh sĩ và đồng bào đô thị về chính sách nhân văn của cách mạng. Ở huyện Châu Thành A, ngành binh vận làm tan rã hơn 200 binh sĩ, phá rã 4 toán phòng vệ dân sự [158, tr.128].

Năm 1967, địch tiếp tục thực hiện chiến lược hai gọng kìm. Để phục vụ cho nhiệm vụ bình định, địch cấp tốc đào tạo cán bộ bình định và ráo riết bắt lính để tăng cường lực lượng. Trước tình đó, ngành binh vận Vĩnh Long tăng cường vận động gia đình binh sĩ, giáo dục, lôi kéo binh lính làm binh biến, khi có thời cơ, lập công trở về với nhân dân, qua đó góp phần làm suy yếu bộ máy CQSG. Trong năm 1967, ở các vùng nông thôn tỉnh Trà Vinh đã diễn ra gần một ngàn

cuộc đấu tranh của quần chúng với gần 300 ngàn lượt đồng bào, sư sãi tham gia [8, tr. 171], nhằm chống bắt lính đôn quân, càn quét, bắn phá, phá hoại tài sản của dân. Cũng năm này, ngành binh vận ở Cần Thơ phát triển sâu rộng, với nhiều hình thức phong phú: vận động binh lính đào rã ngũ, binh biến khởi nghĩa, cài mâu thuẫn dùng địch đánh địch, dùng binh lính quân đội Sài Gòn đánh Mỹ. Trong năm 1967, ta đã tuyên truyền giáo dục 13.501 gia đình binh sĩ, kêu gọi 3.834 binh lính địch đào rã ngũ, đem nhiều vũ khí về với nhân dân [49, tr.177]. Ngày 25-12-1967, hưởng ứng lệnh ngừng tiến công quân sự vào ngày lễ Noel của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ở thị xã Sóc Trăng và thị xã Bạc Liêu có gần 20.000 người tham gia đấu tranh với khẩu hiệu chống bắt lính đôn quân, chống bắt bớ, đánh đập, giành lại những người bị địch bắt [5, tr. 163]. Năm 1968, ngành binh vận tỉnh Sóc Trăng đã tuyên truyền, vận động được số đông binh sĩ quân đội Sài Gòn bỏ đồn, bỏ về gia đình ăn tết, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Ở Kiên Giang nói riêng và TNB nói chung, trong năm 1967, địch một mặt ra sức củng cố các ấp chiến lược, mặt khác, trước các hoạt động quân sự của ta, địch lùi về co cụm, phòng ngự, một số đồn bót ở vị trí hẻo lánh được lệnh rút bỏ. Trước tình hình đó, ngành binh vận các cấp tỉnh Kiên Giang đã vận động làm rã ngũ 2.027 binh lính trong các sắc quân của địch [158, tr. 139].

Trước và trong thời gian diễn ra cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, ở khu vực TNB, ngành binh vận tăng cường cán bộ có kinh nghiệm công tác đô thị tại thị xã, thị trấn, kết nối với các cơ sở nội tuyến, xây dựng hệ thống sâu chuỗi, móc ráp với các ngành liên quan và phối hợp hành động với lực lượng tiến công; tuy nhiên, do yêu cầu chiến trường và mệnh lệnh tiến công gấp rút, công tác binh vận không đủ thời gian thiết lập quan hệ và giao nhiệm vụ cho cơ sở nội tuyến. Ở Sóc Trăng, ngành binh vận tỉnh Sóc Trăng đã tuyên truyền, vận động được số đông binh sĩ quân đội Sài Gòn bỏ đồn, bỏ về gia đình ăn tết, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy

Tết Mậu Thân. Ở Vĩnh Long, công tác binh vận Vĩnh Long được chuẩn bị tốt, kết nối được với các cơ sở nội tuyến, tuy nhiên, việc khởi nghĩa binh biến trong các đơn vị của địch đã không xảy ra như dự kiến.

Nhìn chung, trong những năm 1965-1968, phong trào chống khủng bố, chống bắt lính, quân sự hóa học đường diễn ra mãnh mẽ, các cấp bộ đảng đã chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, vận động làm tan rã địch; đấu tranh chống rải chất độc hóa học, bắn phá nhà cửa, tài sản của dân với nhiều biện pháp, hình thức, như: Kết hợp đấu tranh chính trị và binh vận để vận động, tuyên truyền gia đình binh sĩ, kêu gọi binh sĩ đào ngũ, trở về với nhân dân, từ chối đi lính làm bia đỡ đạn cho Mỹ; đồng thời tổ chức các “Đại hội gia đình binh sĩ” nhằm truyền đạt đường lối cách mạng, góp phần phân hóa và ly gián địch; Tổ chức các đấu tranh ngăn địch bắt thanh niên, sư sãi đi lính; Tổ chức các cuộc đấu tranh chính trị (gồm các thành phần: phụ nữ, phụ lão, sư sãi...) với nhiều khẩu hiệu: chống thu thuế, chống bắt lính đôn quân; chống gom dân, dồn nhà vào ấp tân sinh; chống hành quân, càn quét, đốt phá, chống bắn pháo và ném bom; đòi bồi thường sinh mạng và tài sản của dân; Ngành binh vận tổ chức nhiều hình thức đấu tranh phong phú: vận động binh lính đào rã ngũ, cài mìn thuẫn dùng địch đánh địch, dùng binh lính quân đội Sài Gòn đánh Mỹ... Qua nhiều hình thức, biện pháp đấu tranh nêu trên đã làm tan rã nhiều binh sĩ địch, làm tiêu hao, suy yếu lực lượng địch, tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng khu vực TNB chuyển sang giai đoạn chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân năm 1968.

2.3.4. Chỉ đạo phối hợp tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ

Tháng 1-1968, tại Hội nghị BCH TƯ Đ lần thứ 14, Đảng ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 vào đêm 30 rạng 31-1-1968, hướng tiến công chủ yếu ở đô thị, trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế; không gian tiến công là trên toàn miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền chỉ đạo các địa phương TNB tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 trên toàn khu vực theo chủ trương chung. Bên cạnh đó, Trung ương Cục xác định khu vực TNB có hai trọng điểm tiến công đợt Tết Mậu Thân: thành phố Cần Thơ (trọng điểm 1) và thị xã Vĩnh Long (trọng điểm 2).

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo các đơn vị, địa phương TNB chuẩn bị tác chiến theo yêu cầu mới trong thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân năm 1968.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Đảng và Khu ủy Khu 9, ngày 26-1-1968, *Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ* ra Chỉ thị số 03/CT.H68 về “đẩy mạnh tấn công Đông Xuân và hoạt động cao điểm III” với quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất. Thực hiện quyết tâm này, Tỉnh ủy chủ trương tổ chức đợt học chính trị nhằm giúp toàn Đảng bộ và các tổ chức quần chúng nắm vững tình hình, củng cố tinh thần quyết tâm đấu tranh chống Mỹ. Với mục tiêu áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam [49, tr. 181]. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Cần Thơ được xác định là trọng điểm số 1 ở khu vực TNB. Tại đây, chủ lực Khu cùng lực lượng vũ trang địa phương đồng loạt tiến công các mục tiêu như sở chỉ huy Quân đoàn 4 quân đội Sài Gòn, sân bay Lộ Tẻ, sân bay Trà Nóc, đồn cảnh sát dã chiến ở Đầu Sáu... Lực lượng vũ trang chiến đấu bốn ngày đêm trong nội đô Cần Thơ rồi lùi ra bám trụ vùng ven lộ Vòng Cung suốt hai tháng, hút quân địch vào chiến trường Tây Đô, căng kéo lực lượng địch, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương khác trong khu vực tiến công và nổi dậy chống phá bình định. Ở khu vực lộ Vòng Cung, lực lượng vũ trang tại chỗ và quần chúng nổi dậy bao vây bức rút, gỡ hầu hết đồn bót địch [37, tr. 426]. Kết thúc đợt I cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân, tuy ta chưa giải phóng được thành phố Cần Thơ và thị xã Vị Thanh, nhưng quân và dân Cần Thơ đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu 10.000 tên (trong đó có khoảng 1500 lính Mỹ và quân đội đồng minh của Mỹ), phá hủy và bắn rơi 150 máy bay các loại,

tiêu diệt 50 xe quân sự và xe thiết giáp M.113, phá hủy 8 khẩu pháo và hàng chục tàu chiến; bức rút, bức hàng 100 đồn bót địch, giải phóng 10 xã với trên 20.000 dân, phá vỡ tuyến phòng thủ của địch dọc theo lộ Vòng Cung, làm chủ nhiều đoạn giao thông thủy bộ, dồn địch vào thế bị động [49, tr. 196-197].

Tuy cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 của quân và dân Cần Thơ không đạt được tất cả các mục tiêu đề ra, nhưng ta đã giáng đòn bất ngờ vào đầu não của Mỹ và CQSG ở Vùng IV chiến thuật. Đây là lần đầu tiên lực lượng vũ trang Cần Thơ đối đầu trực tiếp với bộ binh Mỹ và cũng là lần đầu tiên ta dùng một lực lượng lớn quân chủ lực, bộ đội, du kích địa phương đánh vào thành phố lớn nhất ở khu vực TNB. Trong nhiều ngày ta bám trụ, giằng co với địch ở nội ô và ven thành phố, quần nhau với địch, giành giật từng tấc đất, từng người dân. Cuộc chiến nơi đây diễn ra vô cùng ác liệt, tiêu biểu nhất ở miền TNB, thể hiện sự quyết tâm chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy và nỗ lực của quân, dân Cần Thơ.

Tại Vĩnh Long - trọng điểm số 2 ở khu vực TNB, Tỉnh ủy Vĩnh Long xác định công tác tư tưởng lúc này là nắm vững thời cơ ngàn năm có một, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giao phó, tất cả để đánh giặc, tất cả để thắng giặc. Thực hiện quyết tâm này, Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo tập trung lực lượng tấn công vào cơ quan đầu não của địch ở thị xã Vĩnh Long. Hướng tấn công chủ yếu là nội ô thị xã. Hướng quan trọng là sân bay Vĩnh Long. Mục tiêu chủ yếu là tiêu khu Vĩnh Long và kho tàng địch. Mục tiêu quan trọng là sân bay Vĩnh Long, làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Vận động đồng bào ở nội ô nổi dậy diệt ác, phá bộ máy kìm kẹp, làm chủ phố phường [7, tr. 243]. Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, các Tiểu đoàn 306, 307, 857 và các đơn vị binh chủng tiến công nội ô thị xã, chiếm các vị trí trọng yếu, đẩy lùi nhiều trận pháo kích của địch. Trong sáu ngày tiến công và làm chủ Vĩnh Long, quân và dân nơi đây đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, bao vây bức rút trên 40 đồn bót địch. Ở vùng ven, đẩy

mạnh phong trào ba mũi giáp công mở vùng giải phóng ven thị xã và quốc lộ 4, chiếm lĩnh phà Mỹ Thuận, cắt đường giao thông về Sài Gòn.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 của quân và dân Vĩnh Long tuy không dứt điểm thị xã Vĩnh Long như kế hoạch đề ra, nhưng quân và dân Vĩnh Long đã tấn công vào cơ quan đầu não của địch, chiếm tòa nhà hành chính tỉnh và nhiều cơ quan đầu não của địch, đánh hủy diệt sân bay Vĩnh Long, chiếm lĩnh nội ô thị xã Vĩnh Long trong 6 ngày đêm liền. Lực lượng cách mạng hỗ trợ đồng bào nội ô nổi dậy, phá kìm, làm chủ phố phường. Các huyện đẩy mạnh phong trào ba mũi giáp công, bức rút, tiêu diệt nhiều đồn bót địch, phá bình định nhiều nơi, lột trọc một số yếu khu, chi khu [7, tr. 255]. Tuy nhiên, khi đối phương phản kích và bung ra đánh phá, bình định vùng ven, vùng nông thôn, thì ta không kịp thời chuyển hướng, củng cố, bổ sung lực lượng để chống phá bình định, giữ nông thôn. Điều này gây nhiều khó khăn cho cuộc đấu tranh chống CSBD giai đoạn tiếp sau.

Tại Trà Vinh, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị mở rộng tại ấp Phú Hưng II, xã Bình Phú, huyện Càng Long để đánh giá tình hình và chủ trương đẩy mạnh ba mũi giáp công, phối hợp các lực lượng trên địa bàn đánh tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã lực lượng địch, giữ vững và mở rộng khu căn cứ kháng chiến, tạo thế áp sát tỉnh lỵ cùng các quận lỵ, sẵn sàng triển khai tổng tiến công và nổi dậy khi thời cơ đến [159, tr. 174]. Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy Trà Vinh, hai tiểu đoàn 501, 509 cùng các đại đội đặc công, pháo binh và bộ đội địa phương huyện Châu Thành, Càng Long tiến công vào thị xã từ nhiều hướng. Quân ta đã chiếm giữ trung tâm đầu não địch ở tỉnh lỵ Vĩnh Bình trong 2 đêm 1 ngày. Tính từ ngày 31-1 đến 2-3-1968, quân và dân Trà Vinh đã giải phóng hoàn toàn 24 xã và giải phóng 50 ấp thuộc 36 xã, loại khỏi vòng chiến đấu 6.335 tên địch, diệt 40 đồn, bứt hàng, bức rút 210 đồn bót, thu 1.625 súng các loại, phá sập hàng chục cầu cống, lực lượng quân chúng nổi dậy với hơn 140.000 người, trong đó có hàng trăm sư sãi, đồng bào Khmer. Bên cạnh đó, để kịp thời đảm bảo công tác hậu cần cho tổng tiến công và nổi

dây, nhân dân Trà Vinh liên tục tiếp tế lương thực, thực phẩm cho các đơn vị lực lượng vũ trang, nhiều gia đình tự nguyện lấy một nửa tài sản của mình hiến cho cách mạng, nhân dân xã Tập Ngãi (huyện Tiểu Cần) đã đóng góp 5.000 gạo lúa cho cách mạng [159, tr. 195-196]. Tuy vậy, do thời gian tấn công mục tiêu đô thị kéo dài đã làm tiêu hao lực lượng, giảm sút sức chiến đấu; tập trung dồn sức vào mục tiêu đô thị, không kịp thời củng cố vùng giải phóng nên khi địch phản kích tái chiếm ta mất chỗ đứng chân ở khu vực này; chưa sâu sát, kịp thời trong việc củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng nên còn bị động khi địch phản kích.

Tại Sóc Trăng (có một phần Bạc Liêu), ngày 28-1-1968, Tỉnh ủy tiến hành cuộc họp tại xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, chủ trương thành lập hai Ban chỉ huy tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở thị xã Sóc Trăng và thị xã Bạc Liêu. Tùy vào tình hình cụ thể đề ra nhiệm vụ, kế hoạch cho từng chi bộ, từng đảng viên, tiến hành chính huấn tư tưởng nâng cao nhận thức trong tình hình mới, vững vàng kiên định trong thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa [5, tr. 169]. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, vào lúc 2 giờ ngày 30-1-1968, quân và dân Sóc Trăng đồng loạt nổ súng tiến công địch. Các lực lượng vũ trang Sóc Trăng tổ chức đánh địch 10 ngày đêm trong thị xã, phối hợp và hỗ trợ quần chúng nổi dậy truy lùng bọn ác ôn, giải tán bộ máy kìm kẹp của địch; các lực lượng vũ trang tại chỗ áp sát tấn công chi khu, đồn bót, phá toàn bộ “ấp chiến lược” còn lại, làm chủ trên 40 km quốc lộ 1A [36, tr. 335]. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, toàn thể Đảng bộ, quân và dân tỉnh Sóc Trăng dồn sức tấn công địch. Sau 3 đợt tiến công ta loại khỏi vòng chiến đấu 16.300 tên địch, bắt rút, bắt hàng 14 lượt đồn bót, 1 chi khu, làm hư hại 78 máy bay, phá hư 152 xe quân sự, 25 tàu chiến và nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại của địch. Quân ta phá vỡ phần lớn ấp tân sinh, đưa vùng giải phóng lên 15 xã với trên 200.000 dân [5, tr. 204]. Kết hợp với hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh chính trị ở hai thị xã diễn ra liên tục. Ngày 1-11-1968, tại thị xã Sóc Trăng có 5.000 quần chúng và tại thị xã Bạc Liêu có 2.000 người tham gia

biểu tình chống bắt lính, chống bỏ bom, bắn phá xóm ấp, đòi bồi thường tính mạng và thiệt hại của nhân dân. Ở vùng ven và vùng nông thôn giải phóng, quần chúng đấu tranh chống địch cho phi cơ, phi pháo bắn giết bừa bãi, chở thi hài đi đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng, đòi điều trị cho người bị thương. Công tác binh vận đã vận động, lôi kéo binh sĩ bỏ đồn, bót về quê ăn tết. Kết quả vận động hơn 1.400 binh sĩ trở về với nhân dân [5, tr. 201]. Bên cạnh đó, quần chúng nhân dân đã đóng góp được hơn 5.000 gia lúa và 8.387.000 đồng; vận động trên 600 thanh niên lên đường tòng quân, bổ sung thêm 163 du kích. Những kết quả đạt được này của quân và dân tỉnh Sóc Trăng đã tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch và nhiều phương tiện chiến tranh của chúng, tạo thế và lực mới cho phong trào đấu tranh chống bình định những năm tiếp theo.

Tại Cà Mau (có một phần Bạc Liêu), Tỉnh ủy tập trung xây dựng lực lượng vũ trang, quan tâm về tổ chức, lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang, nhất là ý thức sẵn sàng chiến đấu. Công tác chuẩn bị tổng tiến công được tiến hành khẩn trương, lực lượng vũ trang được tăng cường quân số, rút lực lượng du kích từ ấp bổ sung cho xã, từ xã đưa lên huyện, từ huyện đưa lên tỉnh và từ tỉnh đưa một bộ phận về Quân khu [48, tr. 305]. Vào đêm 30 rạng 31-1-1968, các lực lượng vũ trang Cà Mau đồng loạt tiến công vào thị xã, thị trấn và một số cứ điểm quận lỵ quan trọng trong tỉnh. Trong các đợt tiến công, các tiểu đoàn U Minh 2 và U Minh 3 tấn công địch trong nội ô và các tiểu khu quan trọng; lực lượng du kích và quần chúng huyện Ngọc Hiển, Cái Nước hình thành các mũi tiến công vào nội ô, đột nhập các phường giải tán tề và phòng vệ dân sự, diệt ác ôn, làm chủ địa bàn [36, tr. 335]. Cùng với các cuộc tấn công quân sự, quần chúng ở vùng địch kìm kẹp đã nổi dậy phá “ấp chiến lược”, trừ gian, diệt tề, bứt rút nhiều đồn bót địch, giành quyền làm chủ. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân, quân và dân tỉnh Cà Mau tiếp tục bám sát vùng ven thị xã, thị trấn để đánh địch, thể hiện sự nỗ lực, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân tỉnh Cà Mau. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong cuộc chiến này quân và dân Cà Mau chịu nhiều hy sinh, tổn thất nặng nề,

do cán bộ, chiến sĩ chưa quen địa bàn thành phố, khi đánh vào nội ô đã gặp sức kháng cự mạnh mẽ của địch, đội hình không giữ được, dẫn đến lực lượng bị tiêu hao. Tồn thất này là bài học cho các cấp bộ đảng trong quá trình lãnh, chỉ đạo trong giai đoạn tiếp sau.

Tại Kiên Giang (gồm tỉnh Rạch Giá và Hà Tiên), Tỉnh ủy hạ quyết tâm: toàn Đảng, toàn quân, toàn dân dốc toàn lực giành thắng lợi quyết định trong một thời gian ngắn bằng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa. Mục tiêu tiến công trọng điểm là thị xã Rạch Giá. Mục tiêu chủ yếu ở các huyện là thị trấn, chi khu. Huy động toàn bộ lực lượng cấp tỉnh và thị xã, phối hợp lực lượng chính trị của quần chúng các huyện An Biên, Châu Thành B và Gò Quao, tiến hành tiến công dứt điểm vào đầu não của địch. Các huyện, xã tự lực giải phóng địa phương mình bằng 3 mũi giáp công, đồng thời huy động cao nhất sức người, sức của cho chiến trường trọng điểm của tỉnh và Khu [158, tr. 142-143]. Thực hiện mệnh lệnh tiến công, đúng 3 giờ sáng ngày 31-1-1968, các địa phương trong tỉnh đồng loạt nổ súng. Tại thị xã Rạch Giá, Tiểu đoàn 207 chia làm nhiều mũi tấn công vào nội ô Rạch Giá, làm chủ một góc trung tâm Tiểu khu Rạch Giá, nhà bưu điện, Ty ngân khố, trại cảnh sát. Cùng lúc, lực lượng vũ trang, bán vũ trang huyện Châu Thành B tấn công, bứt rút bảy đồn bót, giải phóng vùng kinh xáng Tân Thành, Gò Đất. Tại huyện Tân Hiệp, cơ sở nội tuyến kết hợp đơn vị vũ trang tấn công đồn bót trên lộ Cái Sắn, bứt rút đồn kinh Ba Nhỏ, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy phá kìm, giành quyền làm chủ trên tuyến lộ và các kinh ở hai vùng nam, bắc lộ Cái Sắn. Quân và dân các huyện Giồng Riềng, Phú Quốc giải phóng ba xã Hòa Hưng, Thạnh Hưng, Thạnh Hòa, bứt rút ba đồn bót địch [36, tr. 334]. Đến tháng 8-1968, quân và dân Kiên Giang tiến hành đợt tấn công thứ 3, nhưng sau 2 đợt tấn công trước, các lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã không còn đủ sức tiến công vào các đô thị. Trong khi đó đối phương phục hồi khá nhanh, chúng mở nhiều cuộc hành quân ra khu vực vùng ven, lấn vào vào vùng mới giải phóng của ta. Cuối năm 1968, địch mở nhiều cuộc hành quân quy mô cấp trung đoàn, đánh bật lực lượng ta ra xa thị xã, đánh thọc sâu vào vùng giải phóng,

nhất là vào vùng chảo Giồng Riềng, Gò Quao và Châu Thành B. Ngoài ra, chúng tăng cường củng cố bộ máy kìm kẹp ở thị xã và các trọng điểm ở huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành B, qua đó gây cho ta nhiều khó khăn mới.

Nhìn chung, trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, các cấp bộ đảng, quân và dân TNB đã làm chủ nhiều giờ, nhiều ngày ở nhiều nơi, nhiều mục tiêu trong các đô thị. Ở vùng nông thôn, các lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy tiến công địch bằng 3 mũi giáp công, bao vây đồn bót địch. Nổi bật là ở chiến trường Vĩnh Long - Trà Vinh, ta đã giải phóng vùng nông thôn rộng lớn từ Vĩnh Long đến huyện Duyên Hải (Trà Vinh). Qua đó, đã gây sự bất ngờ đến bối rối, choáng váng đối với Mỹ và CQSG tại khu vực TNB.

Tóm lại, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, kiên quyết của Đảng trong cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, quân và dân miền Nam đã giành thắng lợi trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, 1966-1967, thắng lợi này đã tạo nên thế và lực để quân và dân miền Nam tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 trên toàn miền Nam, đã bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đồng thời góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Riêng ở TNB, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Thường vụ Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9, các cấp bộ đảng ở khu vực TNB có biện pháp chống địch bình định, lấn chiếm “xúc tát dân”, bảo vệ sinh mạng, tài sản của dân, bám trụ tại địa phương và tổ chức chiến đấu chống địch càn quét. Tháng 10-1965, quân chủ lực khu mở đợt hoạt động phá mảng áp tân sinh ở vùng ruột Hậu Giang, trọng điểm là huyện Châu Thành B và huyện Gò Quao của hướng chính Rạch Giá (Kiên Giang hiện nay). Tiểu đoàn 309 diệt đồn Thúy Liễu (Gò Quao) và tiêu diệt, bức hàng một loạt 30 đồn bót, giải phóng cơ bản huyện Châu Thành B, lộ Lục Phi, kéo dài đến Tắc Cậu (sát thị xã Rạch Giá), từ đó tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy vây đồn, diệt ác, phá áp tân sinh [2, tr. 467-468].

Giai đoạn 1965-1968, quân và dân TNB kiên cường đấu tranh chống lại chiến lược “tìm và diệt” của Mỹ, “bình định, chiếm đóng, kìm kẹp” của chính quyền và quân đội Sài Gòn, giữ vững cục diện chiến tranh trong bối cảnh quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Điểm nổi bật trong phong trào chống phá bình định ở TNB giai đoạn 1965-1968 là: phong trào nhân dân tham gia chiến tranh du kích rộng khắp; kết hợp chặt chẽ việc chống phá áp chiến lược với chống địch càn quét và đẩy mạnh các hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng; tổ chức tấn công vào hệ thống kìm kẹp của CQSG ở xã, ấp; giành quyền làm chủ cho nhân dân. Tuy nhiên, sau đợt đầu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta không kịp thời điều chỉnh về lực lượng và mục tiêu, thiếu linh hoạt trong đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, nên từ giữa năm 1968, vùng giải phóng bị thu hẹp, số dân do ta làm chủ mất gần một nửa. Điều này gây khó khăn cho phong trào đấu tranh chống bình định những năm tiếp theo.

Tiểu kết chương 2

Nhìn chung, cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở khu vực TNB đã trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có những đặc điểm chung và riêng, có vai trò, vị trí, đóng góp quan trọng phong trào đấu tranh chống CSBD trong cuộc KCCMCN của nhân dân Việt Nam. Trong những năm 1965-1968, Mỹ và CQSG triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” - mức cao nhất trong chiến lược quân sự toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của chính quyền Mỹ. Chiến lược chiến tranh này thực hiện chủ yếu bằng hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, nhằm tiếp tục bình định miền Nam, tiêu diệt lực lượng vũ trang và các cơ sở hạ tầng của lực lượng cách mạng; thu phục trái tim, khối óc của người dân miền Nam; thiết lập một thể chế tổ chức hành chính thống nhất trên toàn miền Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam. Giai đoạn này, đối phương tiến hành chương trình bình định kiểu mới bằng chương trình “Xây dựng nông thôn mới”, chiến thuật “Hai gọng kìm” và chiến

dịch “Phụng Hoàng”, đồng thời, điều chỉnh CSBD từ ồ ạt trên toàn miền Nam sang bình định có trọng điểm tại các địa bàn Khu 5, Đông Nam Bộ, TNB. Tuy nhiên, thực hiện chủ trương của Đảng và được sự chỉ đạo của các cấp bộ đảng TNB, quân và dân nơi đây đã cùng với nhân dân cả nước tiến hành đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở TNB từ năm 1965 đến năm 1968 trên các nội dung cơ bản: kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận chống địch càn quét lấn chiếm, gom dân, lập ấp, nhằm “giữ đất, giữ dân”; xây dựng, phát triển lực lượng, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng; đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, vận động làm tan rã địch; đấu tranh chống rải chất độc hóa học, bắn phá nhà cửa, tài sản của dân; tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mỹ, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ và CQSG, tạo tiền đề cho đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở giai đoạn tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1969-1975

3.1. TÌNH HÌNH MIỀN NAM SAU NĂM 1968 VÀ CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN (1969-1975)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta đã giành thắng lợi mang tính bước ngoặt, giáng một đòn mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Paris. Bên cạnh kết quả đạt được, cách mạng miền Nam chịu nhiều tổn thất và khó khăn: Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, đối phương tổ chức phản kích quyết liệt, đẩy quân chủ lực ra xa khỏi các thành thị, các vùng ven, vùng đồng bằng, lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị quần chúng bị địch thẳng tay tiêu diệt, đàn áp; nhiều chi bộ, đoàn thể quần chúng cách mạng vùng địch tạm chiếm và vùng tranh chấp bị phá vỡ; các vùng giải phóng ở nông thôn bị địch chiếm đóng, thu hẹp dần. Thời điểm này, địch tiến hành bình định trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. Tại khu vực TNB, địch chiếm đóng vùng đông dân nhiều của ở nông thôn TNB, làm cho cách mạng gặp nhiều khó khăn.

Về phía Mỹ và CQSG, mặc dù chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã bị phá sản, nhưng với bản chất hiếu chiến và ngoan cố, muốn duy trì chế độ thực dân kiểu mới ở Miền Nam, Mỹ tiếp tục kéo dài chiến tranh ở Việt Nam bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và chương trình bình định nông thôn được xem là “chìa khóa” giành thắng lợi của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, quyết định rút dần binh lính Mỹ về nước, chuyển giao vai trò chủ yếu trên chiến trường

cho quân đội Sài Gòn, chuyển bớt gánh nặng từ Mỹ sang phía CQSG; đồng thời, đẩy mạnh CSBD nông thôn, đánh vào hậu phương quốc tế của Việt Nam; mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” chia làm nhiều giai đoạn bình định, trong đó, giai đoạn 1 (từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1972) là giai đoạn mang tính quyết định, được tiến hành qua ba bước: Bước 1: Bình định vùng đông dân quan trọng, tăng quân nguy, rút quân Mỹ; Bước 2: Bình định tất cả các vùng nông thôn; Bước 3: Hoàn thành chương trình bình định miền Nam.

Thực hiện chiến lược chiến tranh này, Mỹ tăng cường viện trợ về kinh tế, quân sự, trang bị phương tiện chiến tranh, hiện đại hóa quân đội Sài Gòn đủ sức gánh trọng trách của chiến tranh. Mặt khác, Mỹ và CQSG thay đổi chiến lược “tìm diệt” bằng biện pháp “quét và giữ”, “phòng ngự chiều sâu”, đẩy mạnh CSBD bằng chương trình “bình định cấp tốc” vào cuối năm 1968, nhằm kiểm soát toàn bộ người dân và lãnh thổ. “Quét giữ” (quét đến đâu, giữ đến đó) tức là tấn công đẩy lùi đối phương và bình định để giành đất, giành dân, vơ vét của cải, nhân lực, vật lực, phục vụ chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Tháng 10-1968, đối phương thực hiện chương trình “Bình định cấp tốc”, mở đầu bằng chiến dịch Diên Hồng tại vùng IV chiến thuật (đồng bằng sông Cửu Long). Chúng dự kiến trong khoảng ba tháng (từ ngày 1-11-1968 đến 31-1-1969) khôi phục lại thể kìm kẹp và tái lập hệ thống áp chiến lược đã bị phá vỡ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, mở rộng vùng kiểm soát, đẩy lùi quân giải phóng lên vùng biên giới, làm suy yếu và tiêu diệt hạ tầng cơ sở cách mạng; tăng cường bắt lính, đồn quân, tạo thế cho cuộc đàm phán Paris, tạo đà cho CSBD giai đoạn tiếp sau. Vùng bình định trọng điểm là địa bàn xung quanh Sài Gòn - Gia Định, duyên hải Khu V, Trị Thiên và đồng bằng sông Cửu Long. Tại khu vực này, địch khẩn trương đẩy mạnh các hoạt động càn quét lập đồn chốt cấp tốc, giành dân chiếm đất, triển khai các chiến dịch chiêu hồi... Ở TNB, hoạt động bình định tập trung vào các khu vực dọc biên giới và các tỉnh Kiên Tường, Kiên Phong, Châu

Đốc, Rạch Giá, Chương Thiện, Mỹ Tho. Lực lượng bình định chủ yếu gồm: bảo an, dân vệ với hình thức: gom dân, đóng đồn lập ấp, tổ chức bộ máy kèm kẹp, phát quang địa hình.

Cuối năm 1968, đầu năm 1969, dịch chuyển sang chương trình “Bình định đặc biệt” với chỉ tiêu: củng cố mở rộng an ninh nông thôn; tiêu diệt phần lớn hạ tầng cơ sở cách mạng bằng cách đẩy mạnh chiến dịch Phụng Hoàng; củng cố bộ máy CQSG, phát triển lực lượng bảo an, dân vệ, cảnh sát.

Từ năm 1970, đối phương thực hiện chương trình “Bình định phát triển”, với yêu cầu đặt ra cao hơn trước, đó là: duy trì tình trạng an ninh lãnh thổ ở những địa bàn đã được lựa chọn bình định và cả với địa bàn đã kiểm soát được. Mục tiêu đặt ra là đảm bảo an ninh cho 100% dân số, trong đó 90% là “an ninh hoàn toàn tốt” và “tương đối tốt” [35, tr. 222]; phá vỡ liên hệ giữa cơ sở cách mạng và lực lượng cách mạng; lực lượng chủ lực quân giải phóng không còn khả năng tập trung đến cấp đại đội, làm tê liệt các căn cứ cách mạng của Việt cộng;...

Một trong những chính sách quan trọng trong kế hoạch bình định nông thôn, được sự cố vấn và tài trợ của Mỹ, ngày 26-3-1970, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ban hành Luật “Người cày có ruộng”. Với Luật “Người cày có ruộng”, chính quyền Sài Gòn đã mua lại ruộng đất của địa chủ, cấp cho tá điền trực canh, gia đình công chức, quân nhân và người không có ruộng. Việc ban hành Luật “Người cày có ruộng”, CQSG hướng vào ba mục tiêu chính: Về chính trị, nhằm giành sự ủng hộ của người dân ở nông thôn đối với chính quyền; về kinh tế, thực hiện hữu sản hóa người nông dân; về xã hội, nhằm cải tạo xã hội, lấp đi những bất công trong xã hội. Đồng thời với việc cấp phát ruộng đất, CQSG tiến hành cấp “Chứng khoán ruộng đất” cho nông dân nhằm khẳng định vai trò của chính quyền trong việc đem lại ruộng đất cho nông dân với mục đích xóa bỏ thành quả mà chính quyền cách mạng đã đem lại cho nông dân từ sau phong trào Đồng khởi đến thời điểm này.

Cùng với việc thực hiện “Luật người cày có ruộng”, CQSG tiến hành chủ trương “Canh tân hóa nông nghiệp”, “Hiện đại hóa nông thôn”, áp dụng hàng loạt

biện pháp như giống mới, tưới tiêu, máy móc, phân bón, xăng dầu, cải tạo đường sá, mở mang hệ thống phân phối, chế biến nông sản... nhằm thay đổi nền nông nghiệp và bộ mặt nông thôn miền Nam hòng lôi kéo nông dân, chiếm ưu thế vùng nông thôn, tách nông dân khỏi cách mạng.

Tuy nhiên, đến giữa năm 1970, phong trào đấu tranh của quân và dân miền Nam phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Tình hình đó, buộc Mỹ và CQSG đưa ra chương trình “Bình định bỏ túc” (hay chương trình “Bình định phát triển bỏ túc của năm 1970”), quyết tâm thực hiện bằng được chương trình “Bình định phát triển” đã triển khai trước đó. Chương trình “Bình định bỏ túc”, dự kiến thực hiện trong bốn tháng (từ 1-11-1970 đến 28-2-1971), nhằm khôi phục số ấp bị phá rã, củng cố lại các ấp còn tồn tại cho đúng quy định; củng cố những thành quả bình định trước đây, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát động mạnh mẽ và thực hiện hữu hiệu CSBD năm 1971 [179, tr. 2-3].

Bước sang năm 1971, cùng với việc mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào bằng các cuộc hành quân qui mô lớn (Hành quân Lam Sơn 719, Hành quân Toàn thắng 1-71, Hành quân Quang Trung 4), Mỹ và CQSG triển khai chương trình bình định mới ở miền Nam bằng Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương”, thực hiện trong thời gian từ 1-3-1971 đến 28-2-1972. Chương trình bình định này có ba mục tiêu cơ bản: Tự phòng (Địa phương tự phòng), Tự quản (Địa phương tự quản), Tự túc (Địa phương tự túc phát triển). Mục tiêu Tự phòng gồm bốn chương trình chủ yếu: An ninh lãnh thổ, Tiêu diệt hạ tầng cơ sở Cộng sản, Nhân dân tự vệ, Chiêu hồi. Mục tiêu Tự quản gồm các chương trình sau: Chương trình hành chánh địa phương, Chương trình thông tin đại chúng, Chương trình đoàn thể nhân dân. Mục tiêu Tự túc: Địa phương có an sinh đảm bảo, có một nền hành chính hữu hiệu, tự túc phát triển, góp phần mạnh mẽ vào việc phát triển quốc gia [179, tr. 5-8].

Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương” đặt nặng việc xây dựng địa phương, nhấn mạnh vai trò của các ấp xã và chú trọng việc

tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt cộng. Mỹ và CQSG dự kiến đến giữa năm 1971 sẽ bình định được hầu hết các vùng đông dân trên toàn miền Nam. Thực hiện kế hoạch này, vào những tháng đầu năm 1971, Mỹ và CQSG đạt được một số mục tiêu đề ra: kiểm soát trên 7.000/10.000 ấp toàn miền Nam với số dân khoảng 12 triệu người. Hệ thống đồn bót phát triển lên đến 9.924 đồn [35, tr. 131].

Đến năm 1972, Mỹ và CQSG chủ trương củng cố vùng lấn chiếm ở nông thôn, kèm được dân, tăng cường lực lượng cơ động, hình thành thể phòng thủ liên hoàn hệ thống căn cứ, cứ điểm, áp chiến lược với mạng lưới đồn bót dày đặc. Thực hiện chủ trương đó, Mỹ và CQSG đề ra chương trình bình định mang tính dài hơi, đó là Kế hoạch Tứ niên Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương 1972-1975 (gọi tắt là Kế hoạch Tứ niên). Kế hoạch Tứ niên nhằm thực hiện những nỗ lực củng cố an ninh và phát triển địa phương để yểm trợ hữu hiệu công cuộc phát triển kinh tế quốc gia (Việt Nam Cộng hòa) trong 4 năm tiếp theo [186, tr. KH.1-2]. Nội dung chương trình bình định mới này cũng hướng đến ba mục tiêu: “Tự phòng”, “Tự quản”, “Tự túc”, nhưng mang tính vĩ mô và có sự phát triển cao hơn về lý luận.

Địa phương tự phòng: củng cố vững chắc vùng an ninh và mở rộng vùng an ninh trù phú [186, tr. KH 4]. Mục tiêu này gồm 6 chương trình: an ninh lãnh thổ; nhân dân tự vệ; cảnh sát quốc gia; bảo vệ dân chúng chống khủng bố; bảo vệ hành chính; chiêu hồi, nhằm thực hiện tình trạng an ninh tốt đẹp tại xã, ấp, phường để phát triển tất cả các chương trình địa phương cũng như quốc gia. Loại trừ mọi hình thức phá hoại, lũng đoạn, khuynh đảo của Cộng sản. Những chỉ tiêu quan trọng cần phải đạt:

- 100% ấp đạt tiêu chuẩn A (an ninh hoàn toàn).
- Duy trì 122.000 nhân viên cảnh sát quốc gia, trang bị và tái huấn luyện để hoạt động đúng mức, hữu hiệu.
- Triệt tiêu hạ tầng cơ sở Cộng sản để triệt tiêu các hình thức phá hoại, lũng đoạn, khuynh đảo của Cộng sản.
- Các địa phương đóng góp đầy đủ nhân lực cho quốc phòng. Sử dụng tối

đa những hời chánh viên cao cấp (những người cộng sản đầu hàng CQSG) vào chiến tranh tâm lý [186, tr. KH 5-8].

Địa phương tự quản: kiện toàn các tổ chức chính quyền dân cử tại hạ tầng và cải tiến nền hành chính địa phương trong 4 năm 1972-1975 để có khả năng tự quản trong các lĩnh vực hành chính, kinh tế và tài chính. Công cuộc tự quản tại các địa phương phải được quảng bá sâu rộng trong quần chúng để toàn dân có thể trực tiếp kiểm tra và hỗ trợ đắc lực nhằm mang lại tiến bộ và sự thịnh vượng chung. Mục tiêu này gồm 5 chương trình: hành chính nhân dân; tăng thu hoa lợi địa phương (thực chất là vơ vét của cải phục vụ chiến tranh); tổ chức nhân dân; thanh niên; thông tin đại chúng. Những chỉ tiêu quan trọng cần phải đạt:

- Xây dựng hoàn chỉnh 100% tổ chức chính quyền dân cử, cải thiện phẩm chất nhân sự chất lượng và hoạt động hiệu quả.
- 100% địa phương (xã, ấp) tự túc được ngân sách.
- Mỗi người dân tham gia ít nhất một tổ chức hội, đoàn. Mỗi xã, phường, khu phố có tối thiểu 3 tổ chức nhân dân [186, tr. KH 9-11].

Địa phương tự túc: kiến tạo thịnh vượng bằng việc phát triển kinh tế địa phương, giảm dần ngoại viện để tiến tới tự túc, tự cường. Mục tiêu này gồm 14 chương trình: kinh tế; tài chính; phát triển nông lâm ngư mục; tín dụng nông thôn; phát triển nhân lực; cải cách điền địa; y tế; giáo dục; xã hội; cự chiến binh; công chánh; giao thông bưu điện; tự túc phát triển xã; tự túc phát triển Đô, Tỉnh, Thị. Những chỉ tiêu quan trọng cần phải đạt:

- Cấp phát ít nhất một triệu mẫu ruộng cho nông dân (vào ngày 26-3-1973).
- Tăng gia sản xuất, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp để thu ngoại tệ.
- Cải tiến toàn bộ hệ thống tài chính để có thể cung ứng những dịch vụ tài chính thích nghi với điều kiện chiến tranh [186, tr. KH 12-17].

Ngoài ra, “Kế hoạch tứ niên” còn đề ra 4 chương trình đặc biệt: phát triển thị tứ; bài trừ tệ đoan xã hội; cải cách thủ tục hành chính; phát triển sắc tộc. Bốn chương trình đặc biệt này nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện 3 mục tiêu

Tự phòng, Tự quản, Tự túc phát triển [186, tr. KH 18-19]. Kế hoạch tứ niên này là chương trình bình định dài hơi, được CQSG thực hiện xuyên suốt từ 1972-1975.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, chính quyền và quân đội Sài Gòn được Mỹ tăng viện trợ về kinh tế, quân sự để đảm đương trọng trách trên chiến trường. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên vi phạm các điều khoản Hiệp định Paris, đẩy mạnh các hoạt động quân sự nhằm cải thiện tình hình, mở rộng vùng chiếm đóng bằng các chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” và thực hiện kế hoạch “bình định, lấn chiếm”, tập trung vào các địa bàn chiến lược ở nông thôn, nhất là vùng đông dân nhiều của. Mục đích: xóa thế da báo trên chiến trường, đẩy lùi lực lượng cách mạng ra khỏi địa bàn chiến lược, lấn đất, giành thêm dân, ổn định hậu phương để tập trung đối phó với quân Giải phóng ở vòng ngoài. Ở khu vực TNB, đối phương đã tiến hành nhiều chiến dịch bình định lớn như “Đồng khởi”, “Tổng tấn công đồng loạt”, “Nhỏ cỏ U Minh”,.... CSBĐ được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực: quân sự, chính trị, kinh tế, tâm lý, tư tưởng và văn hóa.

Đặc điểm nổi bật của CSBĐ nông thôn của Mỹ và CQSG trong giai đoạn 1969-1975 là liên tục triển khai các chương trình bình định, nhằm lấn thêm đất, giành thêm dân trên các địa bàn chiến lược ở nông thôn, nhất là vùng đông dân nhiều của. CSBĐ của chúng ngày càng toàn diện trên các mặt (chiến tranh tâm lý, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội), thâm độc, tàn bạo và quyết liệt hơn để đạt được mục đích chiếm đất, giành dân và tiêu diệt cơ sở hạ tầng của cộng sản. Trong giai đoạn này, hoạt động bình định của Mỹ và CQSG được triển khai với quy mô lớn, cường độ đánh phá ác liệt, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, mất đất, mất dân. Vì vậy, nhiệm vụ chống bình định ngày càng khó khăn, phức tạp hơn. Do đó, cần phải có sự lãnh đạo kịp thời của Đảng từ Trung ương đến địa phương, với sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, vượt qua những thời điểm khó khăn, thử thách, làm thất bại các chương trình, kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở TÂY NAM BỘ (1969-1975)

Trước tình hình Mỹ và CQSG liên tiếp tiến hành các chương trình bình định trên diện rộng, gây cho ta nhiều khó khăn, Trung ương Đảng chủ trương chuyển thể cho phong trào chống CSBD nông thôn ở miền Nam. Nhằm kịp thời điều chỉnh chủ trương, phương hướng chỉ đạo chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, ra Nghị quyết số 188-NQ/TW ngày 10-5-1969 “*Về tình hình và nhiệm vụ*”, trong đó khẳng định: “Nông thôn là địa bàn chiến lược hết sức trọng yếu của ta hiện nay cũng như về sau này” [59, tr. 136]. Trung ương Đảng xác định TNB có vị trí chiến lược quan trọng, vì đây là địa bàn trọng điểm bình định của Mỹ và CQSG.

Triển khai chủ trương của Trung ương Đảng, tháng 7-1969, TƯCMN tiến hành Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9, tại Hội nghị, Trung ương Cục xác định: địch coi CSBD nông thôn là một bộ phận hết sức trọng yếu trong chiến lược “quét và giữ” và trong toàn bộ chủ trương xuống thang trên thế mạnh của chúng. Đối với khu vực TNB, địch sẽ tập trung “Ra sức giành giật với ta ở đồng bằng sông Cửu Long, chủ yếu là tập trung bình định lấn chiếm, giành dân giữ đất ở các vùng xung yếu, đông dân, các trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, tôn giáo, dân tộc” [13, tr. 435]. Từ đó, Trung ương Cục đề ra nhiệm vụ: “Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị và tấn công ngoại giao, nhanh chóng tạo ra thế và lực ngày càng mạnh, đánh bại chiến lược “quét và giữ” và “bình định cấp tốc” của địch” [13, tr. 448] và quyết tâm:

Đánh bại âm mưu bình định nông thôn của địch, đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý, gián điệp, chiêu hồi, chiêu hàng của chúng, giữ vững và mở rộng thế làm chủ của ta ở phần lớn vùng địch kiểm soát, đặc biệt là những vùng nông thôn xung yếu, các vùng bàn đạp và ven các thành thị, ven các căn cứ chiến lược và các trục giao thông quan trọng [13, tr. 449].

Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ 9 đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh chống bình định, chuyển hướng trọng tâm về nông thôn, coi nông thôn là địa bàn hết sức trọng yếu và xác định được những nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này là chống bình định. Chủ trương này của TŨCMN đã đáp ứng thực tiễn đặt ra của phong trào chống địch bình định ở miền Nam và Tây Nam Bộ nói riêng. Từ sau Hội nghị BCH TƯĐ lần thứ 18 (1-1970), chủ trương này càng thể hiện sâu đậm, rõ nét.

Thực hiện Nghị quyết của TŨCMN, ngày 15-8-1969, Khu ủy Khu 9 ban hành Nghị quyết số 48/CT-T69 về *công tác phá kèm phá bình định nông thôn*. Theo đó, Khu ủy xác định: “Nông thôn miền Tây chiếm một vị trí rất quan trọng, là một chiến trường đồng bằng, đông dân nhiều của, nhiều đồng bào Khmer và tôn giáo, có thể bao vây các đô thị, có quan hệ mật thiết trực tiếp với Sài Gòn, giành được nông thôn là giành được thế mạnh trên chiến trường miền Tây” [106]. Trên thực tế, để kiểm soát khu vực TNB, Mỹ và CQSG chủ yếu triển khai bộ máy quản trị hà khắc tại cấp xã, ấp, tề điệp, phòng vệ dân sự, công an cùng các tổ chức chiến tranh tâm lý. Ngoài ra, chúng còn tăng cường bắt lính, thu giữ nguồn lương thực thực phẩm tại địa bàn để xây dựng lực lượng phục vụ CSBD, trấn áp cách mạng tại chỗ và các địa phương khác.

Đến cuối năm 1968, đầu năm 1969, đối phương chuyển từ kế hoạch “bình định cấp tốc” sang “bình định đặc biệt”, mở chiến dịch “Nhỏ cỏ U Minh” ở khu vực TNB. Trước tình hình đó, Thường vụ Quân khu ủy chủ trương: “tất cả lực lượng vũ trang phải kiên trì bám trụ, kiên quyết tiêu diệt địch, đánh bại ý đồ lấn chiếm U Minh của chúng”.

Giữa lúc cách mạng miền Nam đang đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của Đảng và dân tộc từ trần. Trước mất mát lớn của cách mạng Việt Nam, ngày 9-9-1969, Trung ương Cục ra chỉ thị phát động toàn thể đồng bào, chiến sĩ miền Nam học tập học tập và làm theo Di chúc của Người, biến đau thương bằng hành động cách mạng. Cùng với cả nước trong niềm tiếc thương vô hạn, Đảng ủy khu 9 chỉ đạo các cơ

quan dân chính Đảng và nhân dân tổ chức lễ truy điệu Bác, quân và dân Khu 9 quyết tâm biến đau thương bằng hành động, ra sức thi đua lập công đền ơn Bác, đánh địch bình định, lấn chiếm, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hỏng nhiều ấp chiến lược.

Ngày 30-10-1969, Thường vụ Trung ương Cục ra Nghị quyết “*Về việc đẩy mạnh chiến tranh du kích trong tổng công kích, tổng khởi nghĩa*”, trong đó chủ trương: “đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm và làm tan rã hậu phương địch, phát triển thế làm chủ ở cơ sở vùng tạm chiếm, củng cố và mở rộng hậu phương ta, tạo cơ sở quân sự và chính trị vững chắc để giành thắng lợi quyết định và triển khai thế mạnh của ta đồng thời bảo đảm thắng địch trong tình huống chiến tranh kéo dài” [13, tr. 791].

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục, từ tháng 9-1969, quân và dân Khu 9 liên tục tấn công địch, thu nhiều thắng lợi, đặc biệt lực lượng vũ trang Quân khu 9 đã đánh bại hai cuộc hành quân lấn chiếm U Minh của quân đội Sài Gòn và giành nhiều thắng lợi trên mặt trận Vĩnh - Trà [69, tr. 418]. Những thắng lợi này có ý nghĩa lớn, tạo niềm tin trong nội bộ Đảng, quần chúng về chủ trương chống bình định, lấn chiếm của địch.

Sang năm 1970, địch triển khai chương trình bình định trên diện rộng, thông qua các chương trình Bình định phát triển (1970), Bình định phát triển bổ túc (giữa 1970), đối phương tiếp tục đẩy mạnh bình định nông thôn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Chỉ tiêu bình định của năm 1970 là giữ vững kết quả bình định năm 1969, mở rộng vùng an ninh, chuyển 3.600 ấp B lên ấp A, lấn chiếm thêm 1.260 ấp khác, củng cố 2.320 ấp A đã có; giảm 75% hoạt động của lực lượng cách mạng ở vùng đang bình định, diệt 50% số cơ sở cách mạng đã phát hiện... Trong vòng ba tháng đầu năm 1970, đối phương tập trung càn quét bình định ven Sài Gòn, Khu 8 (khu vực 20/7 (Mỹ Tho), Mỏ Cày, Giồng Trôm – Bến Tre); Khu 9 (Trà Vinh, Chương Thiện, U Minh)...; bên cạnh đó, đẩy mạnh chiến dịch “Phụng Hoàng”, theo dõi, thủ tiêu cơ sở cách mạng (lấy Gò Công làm điểm) [85, tr. 61].

Trước tình hình đó, ngày 27-1-1970, BCH TƯ Đ tiến hành Hội nghị lần thứ 18 bàn về phương hướng cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị, Đảng ta xác định nhiệm vụ trung tâm trong năm 1970 của ta là: Đánh thật mạnh, thật đau vào quân Mỹ; đánh thật mạnh, tiêu diệt và làm tan rã quân nguy; tiếp tục đánh đổ và làm suy yếu bộ máy CQSG các cấp; “đánh bại kế hoạch bình định của địch, giành lấy phần lớn nhân dân về ta, giành lấy và củng cố quyền làm chủ phần lớn vùng nông thôn, các địa bàn chiến lược quan trọng ở rừng núi và trên các tuyến giao thông chiến lược, các vùng tiếp giáp thành thị, tiến lên làm chủ một số thị trấn và thành thị nhỏ và vừa, làm chủ một phần ở ngay các thành thị lớn, nhất là ở cơ sở...” [60, tr. 112]. Để thực hiện nhiệm vụ này, cần “đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị ở nông thôn, phát động cao trào nổi dậy của quần chúng, ra sức giành dân, giữ dân, mở rộng và củng cố vùng giải phóng, đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch” [60, tr. 80].

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, TƯ CMN chủ trương tiếp tục phát huy kết quả và kinh nghiệm của phong trào đấu tranh chống phá bình định của giai đoạn trước vào cuộc chiến chống CSBĐ giai đoạn “Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh”. Tuy nhiên, với các kế hoạch bình định “bình định đặc biệt”, “bình định phát triển”, “bình định phát triển bổ túc”, địch đã bung sâu vào hầu hết các vùng nông thôn giải phóng ở miền Nam, gây trở ngại cho các hoạt động của lực lượng cách mạng. Nếu không có sự chỉ đạo sát đúng tình hình, không có biện pháp cụ thể, kiên quyết chống CSBĐ thì tình hình sẽ ngày càng khó khăn, gây ảnh hưởng tiêu cực trên chiến trường miền Nam nói chung. Trước tình hình đó, trong Điện của Bộ Chính trị ngày 27-6-1970 “*về một số tình hình, nhiệm vụ mới trên chiến trường miền Nam và hai nước Lào, Campuchia*” đã nhắc nhở Trung ương Cục miền Nam:

Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị, đẩy mạnh tiến công trên cả ba vùng. Nhưng đặc biệt chú trọng hơn nữa vùng nông thôn đông dân nhiều của, nhất là đồng bằng sông Cửu Long và ven đô thị lớn. Tổ chức các chiến dịch tổng

hợp, thực hiện cho được chủ trương đập tan âm mưu bình định của địch [60, tr. 253].

Quán triệt tinh thần trên, Trung ương Cục chủ trương: “đưa phong trào lên đánh bại bình định một bước quan trọng thêm nữa và tạo thêm điều kiện chủ quan để tạo thời cơ và khi Mỹ rút quân thêm là ta xông lên đánh bại bình định, đánh bại Việt Nam hóa, giành thắng lợi quyết định” [14, tr. 470]. Bên cạnh đó, Trung ương Cục xác định khu vực TNB là trọng điểm bình định của địch, từ đó chủ trương: “đánh bại thêm một bước âm mưu bình định của địch ở nông thôn, trọng điểm vẫn là đồng bằng sông Cửu Long. Qua đó mà làm cho thế và lực của địch sụt thêm một bước, thế và lực của ta tăng thêm một bước” [14, tr. 470].

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, tại Hội nghị Đảng ủy Khu 9 ở U Minh Hạ vào tháng 9-1970, Khu ủy xác định trụ lại kiên quyết đánh địch bình định: “Lực lượng vũ trang phải bám dân, sống trong dân, làm chỗ dựa cho dân, cùng với dân thực hành lực lượng tổng hợp thường xuyên tấn công địch. Bộ đội tập trung phải thường xuyên gắn chặt với dân quân du kích hình thành sự kết hợp chặt chẽ 3 thứ quân, thường xuyên tấn công địch” [69, tr. 419-420].

Sang năm 1971, địch đưa chương trình bình định lên mức cao nhất và triển khai chương trình bình định mới tại miền Nam bằng Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương (1971-1972), nhằm đưa chương trình bình định lên mức cao hơn. Kế hoạch này đặc biệt chú trọng việc tiêu diệt hạ tầng cơ sở Việt cộng và bình định hầu hết các vùng nông thôn đông dân trên toàn miền Nam, Mỹ dự kiến chi 1 tỷ đô la cho toàn bộ chương trình này. Đối với khu vực TNB, đối phương tiếp tục mở chiến dịch “Nhỏ cỏ U Minh” bắt đầu từ tháng 2-1971 và kéo dài gần một năm, sau đó chuyển sang chương trình “Cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa phương năm 1971”. Qua các chương trình bình định, địch đã chiếm được vùng nông thôn trên diện rộng, kèm được dân, hệ thống kèm kẹp được tăng cường với mạng lưới đồn bót dày đặc, ra sức giành đất, giành dân với ta.

Bên cạnh đó, tháng 2-1971, địch mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 nhằm ngăn chặn con đường viện trợ từ miền Bắc và miền Nam, cô lập cách mạng miền Nam. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng chỉ đạo phối hợp với quân và dân Lào mở chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mỹ và CQSG, qua đó, giúp căng kéo và làm giảm áp lực quân sự, đẩy lùi chương trình bình định của địch ở nhiều nơi, nhất là vùng trọng điểm bình định TNB.

Căn cứ tình hình thực tế trên chiến trường chống bình định, TƯCMN ra Chỉ thị số 01/CT71, ngày 5-1-1971, xác định rõ: “Nhiệm vụ phong trào nông thôn tập trung đánh phá bình định, mở rộng thế làm chủ của nhân dân trên hầu khắp thôn xã có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, quân sự để bước đầu phá lỏng tiến lên phá vỡ hệ thống kìm kẹp mới của địch, đánh mạnh vào nền tảng của chính sách Việt Nam hóa chiến tranh, để mở rộng phong trào tấn công chính trị, quân sự, binh vận của ta” [15, tr. 31].

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục, Khu ủy khu 9 đề ra chủ trương bám trụ đánh địch, xác định rõ: Lực lượng vũ trang phải bám dân, sống trong dân, dựa vào dân, làm chỗ dựa cho dân, cùng với nhân dân hình thành lực lượng tổng hợp thường xuyên tấn công địch [69, tr. 428]. Thực hiện chủ trương trên, tháng 9-1971, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 chủ động phản công chống địch bình định, lần chiếm U Minh, bẻ gãy âm mưu tô dày lấp kín U Minh của địch, làm phá sản kế hoạch “Nhỏ cỏ U Minh” của Mỹ và CQSG. Phối hợp với Quân khu 9, quân và dân các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Bạc Liêu, Rạch Giá... khắc phục khó khăn, kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch, chống CSBD, lấn chiếm của chúng.

Sang năm 1972, Mỹ và CQSG chủ trương củng cố vùng lấn chiếm ở nông thôn, kìm được dân, tăng cường lực lượng cơ động, hình thành thế phòng thủ liên hoàn kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống cứ điểm, khu đồn dân, áp chiến lược với mạng lưới đồn bót dày đặc. Để thực hiện chủ trương trên, địch đã tiến hành kế hoạch bình định mới: “Kế hoạch cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa

phương bốn năm 1972-1975” (kế hoạch Tứ niên), địch cố gắng tăng cường hiệu lực hoạt động của các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, sáp nhập tổ chức Phương hoàng vào cảnh sát quốc gia, tiếp tục thực hiện chương trình bình định.

Trước tình hình đó, vào tháng 5-1971, Bộ Chính trị BCH TƯ Đ chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Xuân Hè trên toàn miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực quân đội Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng, thay đổi cục diện chiến tranh, đưa cuộc kháng chiến bước sang một bước mới. Ngày 30-3-1972, quân và dân ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè trên toàn miền Nam, với các chiến dịch tiến công quy mô cấp quân đoàn tại Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, trong đó, hướng chính là Trị - Thiên, sau đó phát triển toàn chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972. Cuộc tiến công diễn ra với qui mô lớn, cường độ mạnh trên các địa bàn quan trọng ở miền Nam làm cho Mỹ và CQSG bất ngờ, bị động. Đến tháng 6-1972, ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của đối phương ở Quảng Trị, Bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu 25 vạn quân, giải phóng vùng dân cư rộng lớn với hơn 1 triệu dân, thu và phá hủy nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh. Cuộc tiến công này đã giáng một đòn mạnh mẽ vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ và CQSG.

Cùng với đòn tiến công chiến lược trên ba hướng chính, cuộc đấu tranh chống CSBD đồng loạt diễn ra trên các chiến trường phối hợp. Trên địa bàn Khu 9, thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ II, chọn địa bàn U Minh, Chương Thiện là trọng điểm 1; địa bàn Vĩnh Trà là trọng điểm 2, nhằm “giải phóng cơ bản vùng U Minh, Cà Mau, chọc thủng được một số mảng quan trọng của Chương Thiện ở Giồng Riềng và nam bắc Long Mỹ, lấy đó làm bàn đạp tiến công mở mảng vùng đồng lúa Bạc Liêu, Cần Thơ, tạo cơ sở vững chắc để từng bước giải phóng miền Tây” [37, tr. 501].

Thắng lợi của cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 đã làm thay đổi cục diện chiến trường miền Nam. Riêng ở khu vực TNB, ta đã mở mảng và lõm giải phóng

ở vùng ruột U Minh, vùng ruột Hậu Giang, vùng Đồng Tháp. Từ đó, quân và dân khu 9 đã chuyển sang thế chủ động tấn công, đẩy lùi đối phương về sát thị trấn, thị xã, bước đầu góp phần làm thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Sang năm 1973, sau khi bị thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam và miền Bắc, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Paris vào ngày 21-1-1973, cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, rút hết quân đội Mỹ và các nước đồng minh, đồng thời cam kết không dính líu quân sự ở Việt Nam, không can thiệp công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam... Nhưng thực tế Mỹ vẫn sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ để tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", phá hoại Hiệp định Paris, cố duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Ngày 28-1-1973, ngay ngày đầu tiên Hiệp định Paris có hiệu lực, Nguyễn Văn Thiệu - Tổng thống CQSG tuyên bố trên đài phát thanh - truyền hình: Không nhượng một tấc đất, không thương lượng với Cộng sản, không ngừng bắn, không hòa hợp dân tộc, không thi hành Hiệp định. Theo đó, mục tiêu trước mắt của Mỹ và CQSG là lấn chiếm vùng giải phóng, bình định chiếm đóng vùng nông thôn thông qua kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” bằng các cuộc hành quân càn quét.

Trong lúc địch vi phạm Hiệp định Paris, tiếp tục đưa quân đi lấn chiếm nhiều địa bàn ở miền Nam thì tháng 4-1973, Hội nghị Bình vận Miền đề ra “5 cấm chỉ”: Cấm tiến công địch, cấm đánh địch đi càn quét, lấn chiếm; cấm bắn pháo vào đồn địch; cấm bao vây đồn bót địch; cấm xây dựng xã, ấp chiến đấu [69, tr. 454]. Nội dung chỉ đạo trên làm cho các địa phương lúng túng, không biết nên đánh hay không đánh, trong khi địch vi phạm Hiệp định Paris, không thi hành Hiệp định, ra sức truy lùng cộng sản, tiếp tục lấn chiếm, bình định.

Trước tình hình thực tế miền Nam và âm mưu, hành động của Mỹ với CQSG muốn phá Hiệp định Paris, Quân ủy Trung ương họp, xác định: Địch tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Paris, phá hoại hòa bình... Do đó, chúng ta phải đấu tranh đòi triệt để thi hành Hiệp định, ra sức củng cố hòa bình, tích cực phát triển lực lượng về mọi mặt, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại Hiệp định Paris của đối

phương. Báo cáo của Bộ Chính trị về *“Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới”* (6-1973) khẳng định: “Miền Nam đang ở trong tình trạng nửa chiến tranh nửa hòa bình; cường độ và quy mô chiến tranh trên toàn chiến trường đã giảm, nhưng xung đột cục bộ vẫn tiếp diễn, hòa bình vẫn chưa thật sự được lập lại” [63, tr. 157].

Cùng thời gian trên, ở địa bàn TNB, địch triển khai cắm chốt hàng trăm đồn bót, lấn chiếm nhiều xã ấp. Riêng ở Chương Thiện, từ tháng 2 đến tháng 11-1973, địch đã đưa từ 30 đến 75 tiểu đoàn liên tiếp đánh vào vùng Long Mỹ - Chương Thiện nhằm tiếp tục thực hiện CSBD, lấn chiếm.

Trước hành động bình định, lấn chiếm, vi phạm Hiệp định Paris của địch, ngày 3-2-1973, Hội nghị Thường vụ Quân khu ủy Khu 9 mở rộng tiến hành tại xã Vĩnh Viễn (Long Mỹ-Hậu Giang) dưới sự chủ trì của đồng chí Võ Văn Kiệt – Bí thư Khu ủy, Bí thư Quân Khu ủy Khu 9, đã đề nghị Trung ương Cục giữ thế tiến công, kiên quyết giáng trả địch lấn chiếm và bình định. Hội nghị xác định tư tưởng chỉ đạo: “Tiến công địch là vấn đề có tính nguyên tắc” và “đánh giữ đất, bảo vệ dân, giữ vững và mở rộng địa bàn” [69, tr. 452]. Ngoài ra, Ban Thường vụ Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân Khu 9 đã mạnh dạn đề nghị Bộ Chính trị và Trung ương Cục cho đánh khi địch lấn chiếm, đề nghị nêu rõ: “Nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất để ở, mất dân, mất đất, thì không còn gì cả...” [69, tr. 455]. Đề nghị trên đã được Trung ương Cục chấp nhận, không chỉ Quân khu 9 mà cả toàn Miền được phép tấn công tiêu diệt, trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris. Qua đó cho thấy, Khu ủy và Quân khu ủy Khu 9 đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ trương của Trung ương Đảng vào thực tiễn địa phương, khi việc đề ra chủ trương và tổ chức chỉ đạo đấu tranh chống địch bình định trong giai đoạn này phù hợp với tình hình thực tế tại khu vực TNB.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy, các Đảng bộ địa phương khu vực TNB đã đề ra chủ trương đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Tỉnh ủy Trà Vinh chủ trương: Căn cứ vào điều kiện cụ thể, từng lúc, từng nơi mà linh hoạt đánh địch, đẩy mạnh vận động binh sĩ bỏ gậy chiến thuật chốt

quân, chủ động tiến công chặn đứng các hoạt động lấn chiếm của chúng, giữ vững các cơ sở cách mạng của ta, mở rộng vùng giải phóng... [159, tr. 265]. Tại Vĩnh Long là trọng điểm bình định thứ hai ở khu vực TNB của Mỹ và CQSG, trước tình hình địch tiếp tục lấn chiếm, bình định sau Hiệp định Paris, Tỉnh ủy Vĩnh Long chủ trương: vừa phản công, vừa tấn công nhằm đánh bại chương trình bình định đặc biệt của địch, bảo vệ vùng giải phóng, mở rộng nông thôn. Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định Paris, giáo dục, hướng dẫn nhân dân trở về quê cũ làm ăn, thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc... [7, tr. 307]. Tại Sóc Trăng, từ ngày 28-2 đến ngày 7-3-1973, Thường Vụ Tỉnh ủy họp mở rộng, nêu lên phương hướng nhiệm vụ của quân và dân toàn tỉnh trong sáu tháng đầu năm 1973, xác định: Đẩy mạnh cao trào chính trị, đấu tranh cho khẩu hiệu trung tâm (hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo và hòa hợp dân tộc), sử dụng ba mũi giáp công kết hợp với pháp lý Hiệp định tiến công địch. Kiên quyết đánh bại kế hoạch mùa khô làm cho địch thất bại thêm một bước nghiêm trọng về chương trình bình định mới của chúng [5, tr. 283]. Tại Cà Mau, ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết, địch đã nhanh chóng triển khai kế hoạch bình định lấn chiếm. Trước thực tế đó và thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy, tháng 4-1973, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được triệu tập, đề ra chủ trương: quyết tâm đánh bại âm mưu, thủ đoạn phá hoại Hiệp định và vạch ra kế hoạch “bình định” nông thôn của địch, làm tan rã, suy sụp nguy quân, nguy quyền; đứng vững và phát triển trên các địa bàn trọng yếu, then chốt [48, tr. 350]. Tỉnh ủy Rạch Giá chủ trương: Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh phát huy cao độ thắng lợi đã giành được, đẩy mạnh cao trào chính trị trên cả ba vùng, với khẩu hiệu “hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo, hòa hợp dân tộc”, trừng trị địch vi phạm Hiệp định, tấn công tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã đến suy sụp nguy quân, nguy quyền, giải phóng và giành quyền làm chủ cơ bản ở nông thôn... [158, tr. 208].

Cần Thơ* là trọng điểm bình định số một ở khu vực Tây Nam Bộ. Ngày 20/3/1973, Bộ Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật của CQSG họp bí mật tại Cần Thơ

* Theo phân chia địa giới của chính quyền Sầu Gòn, Cần Thơ gồm tỉnh Phong Dinh và Chương Thiện

vạch kế hoạch bình định năm 1973 tại miền TNB (từ tháng 3-1974 đến tháng 2-1974). Kế hoạch bình định lần chiếm chia làm 3 bước: Bước 1: cuối tháng 5 năm 1973 lần chiếm xong Chương Thiện; Bước 2: cuối tháng 8-1973 lần chiếm xong U Minh; Bước 3: cuối tháng 2-1974 lần chiếm xong Cà Mau, hoàn thành kế hoạch [129, tr. 6]. Kế hoạch bình định lần chiếm này của địch rất toàn diện, cả về quân sự, kinh tế, chính trị. Đồng thời chúng ra sức xuyên tạc Hiệp định Paris, chống lại chủ trương hòa hợp, hòa giải dân tộc của ta.

Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 9 với quyết tâm đánh địch bình định, lần chiếm, ngày 20-2-1973, Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, nhằm đánh giá tình hình, đồng thời đề ra chủ trương: “phát huy thắng lợi năm 1972, nhất là từ tháng tư mở đợt đồng loạt tấn công toàn diện, rộng khắp, mở ra nhiều lõm giải phóng thành thể liên hoàn...” [49, tr. 321].

Sau khi các địa phương khu vực TNB đã quán triệt chủ trương, tổ chức chỉ đạo đấu tranh chống địch bình định, lần chiếm, giữ vững vùng giải phóng, Khu ủy, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân Khu 9 kiên quyết đánh địch, đánh thắng cuộc tấn công lần chiếm Chương Thiện của quân đội Sài Gòn, để giữ đất, bảo vệ dân, mở rộng vùng giải phóng.

Cuộc chiến đấu của quân và dân Khu 9 trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, chống địch bình định, lần chiếm năm 1973, mà trọng điểm là Chương Thiện đã được đúc rút thành kinh nghiệm và bài học để phổ biến cho toàn Miền học tập và vận dụng, thể hiện qua bản Thông báo ngày 27-3-1973 của Bộ chỉ huy Miền gửi các quân khu, đơn vị trên toàn miền Nam. Ngoài ra, nhận xét về hoạt động chống phá bình định ở các chiến trường, đồng chí Lê Duẩn trong bức điện gửi đồng chí Phạm Hùng ngày 10-10-1974, nhấn mạnh:

Ở Khu IX, tỷ lệ ta địch là 1/8; nhưng do nắm chắc chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch, ta biết chủ động tiến công thì vẫn giành thắng lợi. Ngược lại, ở Trị - Thiên, tỷ lệ ta địch là 1/2, nhưng do đánh giá quá cao chỗ mạnh của địch, không thấy chỗ mạnh của ta nên các đồng chí địa

phương thiên về phòng ngự, co thủ, làm ta bị động thất thế, để địch lấn tới, thực hiện “bình định”, phân tuyến, phân vùng [44, tr. 403].

Chiến thắng Chương Thiện là một trong những cơ sở quan trọng để Bộ Chính trị đánh giá đúng tình hình địch, đề ra Nghị quyết 21 lãnh đạo cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi.

Tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯĐ được tiến hành, trên cơ sở phân tích diễn biến tình hình miền Nam, Đảng ta đề ra Nghị quyết trong đó chỉ rõ: “nhiệm vụ chính trị hàng đầu của phong trào cách mạng miền Nam hiện nay là giành dân và giành quyền làm chủ của nhân dân ở khắp nông thôn và thành thị” [63, tr. 245]. Do đó phải “đánh bại âm mưu lấn chiếm và kế hoạch bình định mới của địch, giữ vững, phát triển lực lượng cách mạng và phong trào đề nâng cao thế làm chủ của quần chúng” [63, tr. 246]. Đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn để giành dân là nhiệm vụ trung tâm số một của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện nay. Có thể thấy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯĐ chứa đựng nhiều quyết sách về cách mạng miền Nam, là sự kiện đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng ta và sự chuyển biến trong chủ trương chống CSBĐ của Mỹ và CQSG.

Trên tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của BCH TƯĐ, tháng 12-1973, Hội nghị lần thứ 12 Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết khẳng định phương châm chỉ đạo là: “Kiên quyết và chủ động đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, tiêu diệt và làm tan rã nhiều địch, kết hợp với đấu tranh chính trị và đấu tranh pháp lý của quần chúng, giữ vững, hoàn chỉnh vùng giải phóng và căn cứ địa cách mạng” [63, tr. 488]. Tại khu vực TNB, từ nửa cuối tháng 8-1973, Khu ủy khu 9 và Quân khu ủy liên tiếp mở Hội nghị Khu ủy mở rộng, tổ chức các đợt học tập chính trị ở các địa phương, đơn vị, cơ quan để quán triệt nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21. Đến trung tuần tháng 9-1973, khi hay tin CQSG tập trung lực lượng mở cuộc hành quân lấn chiếm khu vực Tây Nam Long Mỹ, phong tỏa U Minh, Khu ủy và Bộ Tư

lệnh Quân khu quyết định chủ động mở cuộc tấn công trước, phá kế hoạch bình định của đối phương. Kết thúc hoạt động tác chiến chống địch bình định, lấn chiếm, đến cuối tháng 11-1973, toàn Khu đã nhổ được 78 đồn bót địch [35, tr. 256]. Bên cạnh đó, phối hợp với lực lượng vũ trang, quần chúng các địa phương tiến hành đấu tranh quyết liệt chống bắt lính, cướp lúa, thu mua lúa gạo phục vụ chiến tranh.

Như vậy, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, trong khi nhiều nơi ngưng tiếng súng, ở khu vực TNB lại diễn ra trận chiến ác liệt giữa địch bình định, ta chống phá bình định. Cuộc chiến đấu chống địch bình định, lấn chiếm của quân và dân ta đã giành được thắng lợi quan trọng. Nổi bật là ta đã đánh thắng cuộc tấn công lấn chiếm Chương Thiện của 75 lượt tiểu đoàn địch, giữ được đất, bảo vệ dân, mở rộng vùng giải phóng. Chiến thắng này là thắng lợi lớn của Đảng bộ, quân và dân Khu 9 trong phong trào chống phá bình định, đã thúc đẩy phong trào phá gỡ đồn bót địch trong toàn Khu, mở nhiều lõm giải phóng, làm thất bại kế hoạch lấn chiếm U Minh của đối phương, đẩy lùi chương trình bình định phát triển của địch tại trọng điểm số một ở khu vực TNB.

Chưa từ bỏ CSBD, lấn chiếm, CQSG điều chỉnh lại kế hoạch từ “Tái thiết phát triển năm 1973” sang “An ninh phát triển năm 1974”. Nội dung chủ yếu của kế hoạch này là đối phó với hoạt động tiến công hạn chế của lực lượng cách mạng, củng cố vùng kiểm soát, tiếp tục lấn chiếm vùng tranh chấp, đánh chiếm vùng căn cứ cách mạng nếu có cơ hội. Thời điểm này, CQSG vẫn tiếp tục hoạt động bình định, lấn chiếm thông qua một số biện pháp mới như: tập trung lực lượng lớn cấp sư đoàn đánh chiếm, lấn từng bước, kết hợp việc ủi phá địa hình, lập nhiều đồn bót, cưỡng bức di dân lập ấp, đưa khoảng 24.000 sĩ quan và hạ sĩ quan quân đội Sài Gòn về làm khóm trưởng, trưởng ấp để chỉ đạo đánh phá phong trào cách mạng [35, tr. 262]. Thực hiện tâm lý chiến, chiêu hồi, tuyên truyền về thế giới tự do, độc lập dân chủ giả hiệu, nhồi nhét lý tưởng quốc gia chống Cộng. Thông qua chính sách bình định vận của ta, địch cài tình báo gián điệp vào các tổ chức cách mạng để phá hoại từ bên trong. Thực hiện

cuộc chiến tranh lúa gạo, bao vây, cấm vận, phong tỏa kinh tế, ngăn chặn lưu thông giữa các vùng, kiểm soát chặt chẽ các tuyến vận tải chi viện cho vùng giải phóng. Tất cả các biện pháp trên nhằm kìm kẹp chặt dân chúng, ổn định tình hình để tập trung đối phó với lực lượng cách mạng.

Ở khu vực TNB, địch vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định, lấn chiếm. Trong kế hoạch năm 1973-1974, ngoài mục tiêu bình định, lấn chiếm, đối phương còn thêm kế hoạch cướp và thu gom lúa. Theo đó, chúng xây dựng các sân phơi lúa lớn, các khu vực chứa lúa... nhằm thu gom lúa, cướp lúa của dân.

Trước tình hình trên, ngày 19-11-1973, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 họp đánh giá tình hình và chủ trương: “Mở chiến dịch tiến công mùa khô 1973-1974, nhằm giải phóng đất, giải phóng dân, giành và giữ lúa, tiếp tục đánh bại kế hoạch bình định năm 1974 của địch” [37, tr. 568].

Căn cứ tình hình thực tế trên chiến trường miền Nam, ngày 10-12-1973, Trung ương Cục ban hành Chỉ thị số 05/CT73, chủ trương:

Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết tâm trừng trị hành động phá hoại Hiệp định, bình định lấn chiếm của địch. Bên cạnh đấu tranh chống lấn chiếm, giành đất, giành dân, còn phải chống cướp lúa, giành lúa; kết hợp tiến công quân sự, chính trị, binh vận kết hợp pháp lý và đấu tranh ngoại giao để đẩy mạnh phong trào chống cướp lúa, bảo vệ mùa màng, đẩy lùi lấn chiếm vùng tranh chấp nông thôn [17, tr. 928].

Sau đó, tháng 8-1974, TƯCMN tổ chức Hội nghị tổng kết đánh phá bình định toàn B2 và ban hành Nghị quyết số 01/NQ-74, tháng 9-1974 về “*Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ ngụy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam*”, đề ra nhiệm vụ đánh bại kế hoạch bình định của địch trong thời gian sắp tới là:

Động viên quyết tâm và nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, phát huy cao thể thắng, thể tiến công, đồng thời nhanh chóng khắc phục những khuyết, nhược điểm của ta, khoét sâu chỗ

yếu của địch, đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định lần chiếm mới của địch trong năm 1975, chuyển đại bộ phận nông thôn lên giải phóng và tranh chấp, kiên quyết giành thắng lợi to lớn có ý nghĩa quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi hẳn cho ta, đồng thời sẵn sàng thắng địch nếu chúng liều lĩnh gây lại chiến tranh [18, tr. 316].

Trung ương Cục đề ra phương hướng, nhiệm vụ, yêu cầu cấp bách trong 6 tháng cuối năm 1974 của ta là tiếp tục đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định lần chiếm của địch, nhất là trên chiến trường đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven đô, cố gắng đến cuối năm 1974 giải phóng và làm chủ khoảng 4 triệu dân.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, TUCMN, các Khu ủy chỉ đạo các địa phương đấu tranh chống địch bình định, lần chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Tại miền TNB, quân và dân Quân khu 9 đã chủ động liên tục phản công và tiến công mạnh mẽ, rộng khắp đánh bại các cuộc hành quân lần chiếm, bình định, cướp lúa gạo, phong tỏa kinh tế của đối phương.

Tại Trà Vinh, tháng 11-1974, Tỉnh ủy Trà Vinh triệu tập Hội nghị mở rộng đến Huyện ủy và Bí thư một số chi bộ xã nhằm sơ kết hoạt động từ cuối năm 1968 đến đầu tháng 10-1974 và bàn kế hoạch chống bình định cho năm tới. Tại Hội nghị, Ban chỉ huy chiến dịch mùa khô năm 1974 ở Trà Vinh đã được thành lập nhằm đối phó với kế hoạch bình định của CQSG trong giai đoạn tiếp theo.

Tại Cần Thơ, thực hiện chủ trương của Khu ủy, tỉnh Cần Thơ chủ trương tổ chức đợt hoạt động cao điểm với quyết tâm “giành đất, giành dân, giữ lúa”, bẻ gãy âm mưu bình định lần chiếm của địch. Sau đó, Tỉnh ủy ra Chỉ thị: “Phát huy thắng lợi mùa khô 1973-1974, kiên quyết đánh bại cơ bản kế hoạch bình định năm 1974 của địch ở Cần Thơ, tiếp tục làm chuyển biến tương quan có lợi cho ta, tiến lên giành thắng lợi lớn hơn” [49, tr. 349]. Chỉ thị đã đánh giá tình hình và đề ra phương hướng đánh địch bình định trong nửa cuối năm 1974.

Tại Cà Mau, Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương trên địa bàn tỉnh phát huy sức mạnh tổng hợp 3 mũi giáp công, mở các đợt tấn công cao điểm, gỡ đồn bót địch.

Tỉnh ủy Cà Mau còn chủ trương “ấp giải phóng ấp, xã giải phóng xã”, nơi nào có điều kiện giải phóng thì làm trước, liên tiếp mở mảng, mở vùng, vừa tiến công, vừa xây dựng và phát triển lực lượng.

Tính đến cuối năm 1974, quân và dân TNB đã bao vây, bức rút nhiều đồn bót địch, giải phóng nhiều xã, ấp; thu hồi từng mảng lớn ở nông thôn, đẩy địch co cụm về thị xã, thị trấn. Giai đoạn này, ta đã giải phóng và giữ nhiều vùng giải phóng mà CQSG không còn khả năng chiếm lại. Kế hoạch bình định, lấn chiếm của CQSG căn bản đã bị phá sản trên chiến trường miền Nam nói chung và khu vực TNB nói riêng.

Tuy nhiên, sang năm 1975, CQSG vẫn tiếp tục tập trung nỗ lực vào công tác bình định và an ninh lãnh thổ, cố gắng kiểm soát 11.000/13.000 ấp toàn miền Nam, riêng khu vực TNB phải kiểm soát được 4.341 ấp [37, tr. 602]. Với kế hoạch trên, CQSG vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định, lấn chiếm trong năm 1975.

Với quyết tâm tiêu diệt hoàn toàn âm mưu, hành động bình định lấn chiếm của CQSG và nắm bắt thời cơ giải phóng đất nước, từ ngày 30-9 đến 8-10-1974, Bộ Chính trị họp bàn chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam, Tại Hội nghị này, Bộ Chính trị phê chuẩn kế hoạch 2 năm 1975-1976 giải phóng miền Nam và kế hoạch tác chiến năm 1975. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, tháng 10-1974, Bộ Tư lệnh Miền xây dựng kế hoạch mùa khô 1974-1975, trong đó, yêu cầu cơ bản là phá vỡ kế hoạch bình định của CQSG, trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long. Tại trọng điểm này, các lực lượng cách mạng đẩy mạnh tấn công bao vây, bức rút đồn bót địch, phá thế kèm kẹp, giải phóng đại bộ phận nông thôn, áp sát vào các đường giao thông, các thành phố, thị xã.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Tư lệnh Miền, quân và dân miền Nam tiến hành các đợt tấn công trên địa bàn chủ yếu tại đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ. Trong thời điểm này, các kế hoạch, biện pháp bình định, lấn chiếm của CQSG đã không còn hiệu lực, chúng không còn

đủ sức tái chiếm các ấp tân sinh bị lực lượng cách mạng chiếm lấy.

Trước những thắng lợi liên tiếp của quân và dân ta, Nghị quyết đặc biệt của Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 15 (29-3-1975) chủ trương:

Phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng, vùng lên tổng công kích tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ nguy quân nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân với khí thế tấn công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam [18, tr. 742].

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, TŨCMN, các Khu ủy chỉ đạo các địa phương ở miền Nam tiến hành *tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã*. Với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân miền Nam đã giải phóng Sài Gòn vào ngày 30-4-1975, đến ngày 2-5-1975, giải phóng các đảo và những tỉnh còn lại ở miền Nam. Chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống CSBĐ của Mỹ và CQSG trong thời kỳ KCCMCN.

Nhìn chung, nếu như từ năm 1967 trở về trước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với phong trào chống địch bình định ở miền Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng là đúng đắn, hiệu quả, thì sau đợt 1 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Đảng và các cấp bộ đảng địa phương đã phạm những sai lầm, khuyết điểm trong chỉ đạo chiến lược. Sai lầm đó dẫn đến mất đất, mất dân, lực lượng suy giảm. Sang giai đoạn 1969-1975, chủ trương của Đảng chống CSBĐ của Mỹ và CQSG đã có sự chuyển biến hơn, thể hiện rõ qua Nghị quyết số 188-NQ/TW “*Về tình hình và nhiệm vụ*” ngày 10-5-1969 của Bộ Chính trị, chủ trương chuyển thể cho phong trào chống chính sách bình định nông thôn ở miền Nam. Từ chủ trương này, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9 (7-1969) đề ra quyết tâm “đánh bại âm mưu bình định nông thôn của địch”, đánh dấu sự chuyển hướng trọng tâm về nông thôn và xác định những

nhiệm vụ quan trọng nhất giai đoạn này là chống bình định. Sau đó, đến tháng 9-1974, TƯCMN ban hành Nghị quyết số 01/NQ-74 về “*Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ ngụy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam*”, là một Nghị quyết chuyên đề về chống địch bình định. Qua đó cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ trong chủ trương, đường lối của Đảng về chống địch bình định ở giai đoạn 1969-1975.

3.3. SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở TÂY NAM BỘ (1969-1975)

3.3.1. Chỉ đạo xây dựng, củng cố phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ, củng cố và bảo vệ căn cứ cách mạng

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, địch tổ chức phản kích quyết liệt, đẩy quân chủ lực ra xa khỏi các thành thị, các vùng ven, vùng đồng bằng; lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị quần chúng bị địch đàn áp; các vùng giải phóng ở nông thôn bị địch chiếm đóng, thu hẹp dần. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ thay đổi chiến lược “tìm diệt” bằng biện pháp “quét và giữ”, tiến hành bình định dồn dập trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. Riêng khu vực TNB, đến cuối năm 1969, địch bình định lấn chiếm gần hết vùng giải phóng trước đây, chỉ còn căn cứ U Minh và khu giải phóng nam Cà Mau; lực lượng vũ trang tổn thất, lực lượng chính trị sa sút nghiêm trọng, để né tránh bom đạn của Mỹ và CQSG, nhân dân miền Tây phải chạy ra vùng địch kiểm soát; ở nhiều địa phương, cán bộ cơ sở trốn khỏi địa bàn hoạt động để bảo toàn lực lượng. Đây là thời kỳ lực lượng vũ trang khu vực TNB gặp khó khăn, thiếu thốn nhất kể từ sau thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, yêu cầu cấp bách của chiến trường TNB lúc này là phải tăng cường xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng tại chỗ và bảo vệ căn cứ, cơ sở cách mạng.

Trước tình hình trên, ngày 8-3-1969, Quân khu ủy Quân khu 9 ra Nghị

quyết về “*Nhiệm vụ quân sự đầu năm 1969*” nhấn mạnh: “Vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng vũ trang cả về tổ chức biên chế và chất lượng chiến đấu, trước tiên bảo đảm bổ sung quân số đầy đủ cho các tiểu đoàn của Khu, các tỉnh, các binh chủng chuyên môn, đặc biệt phát triển lực lượng biệt động, phát huy mạnh mẽ phong trào du kích ở thị xã, thị trấn, vùng ven” [69, tr. 408-409]. Ngoài việc tự lực củng cố, xây dựng phát triển lực lượng tại chỗ, Quân khu 9 được Bộ Chỉ huy Miền bổ sung Trung đoàn 3 (khi về Quân khu 9 đổi phiên hiệu là Trung đoàn 2, vì ở đây đã có Trung đoàn 3 - Cửu Long).

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên, quân và dân TNB kiên trì bám trụ giữ đất, giữ dân, bảo vệ vùng căn cứ cách mạng và phát triển các lổm căn cứ kháng chiến. Các cấp bộ đảng khu vực TNB tập trung vào việc bảo vệ căn cứ, cơ sở cách mạng và xây dựng, củng cố phát triển lực lượng tại chỗ, thực lực vững mạnh để chống phá bình định trong những năm 1969-1975.

Ở *Cần Thơ*, để xây dựng, củng cố phát triển lực lượng và bảo vệ căn cứ địa cách mạng, ngày 3-3-1969, Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ ra Nghị quyết số 51/NQA về việc xây dựng căn cứ cho các cơ quan tỉnh, huyện, xã và các lực lượng vũ trang tỉnh [49, tr. 223]; trong đó, đánh giá đúng âm mưu thủ đoạn của địch về việc đánh phá căn cứ của ta, nhất là đánh vào các cơ quan, đơn vị, kho tàng, hành lang vận chuyển của ta và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng căn cứ địa cách mạng nói chung. Công tác xây dựng lực lượng tiếp tục được chú trọng, nhất là du kích xã, du kích mật, cơ sở vùng ven. Phong trào tòng quân giết giặc có sự chuyển biến tốt, trong năm 1969, Cần Thơ đã vận động được 1.184 tân binh, phát triển 1.089 du kích, phát triển 380 đảng viên, 773 đoàn viên và 2.057 hội viên nông hội, 2.177 hội viên phụ nữ. Chỉ trong tháng 11-1969, ở Cần Thơ đã có 400 thanh niên tình nguyện tòng quân, trong số đó riêng huyện Long Mỹ có gần 300 người [49, tr. 238].

Sang năm 1970, Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo đưa cán bộ hợp pháp đi vùng ven xây dựng cơ sở cách mạng để nắm dân; số bất hợp pháp bám trụ vùng căn cứ lổm, tích cực xây dựng, củng cố các lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, địa phương

quân huyện và lực lượng du kích ở các vùng nông thôn, thị xã, thị trấn... xây dựng xã, ấp chiến đấu, xây dựng hầm chông, bãi lử chống giặc [49, tr. 243].

Bước sang năm 1971, ở chiến trường Cần Thơ, địch tiếp tục đẩy mạnh càn quét đánh phá địa hình, đánh phá căn cứ cách mạng, tập trung ở các xã của Châu Thành A, Ô Môn, Phụng Hiệp, Kế Sách và xung quanh thị xã Cần Thơ, Vị Thanh. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo: “tập trung dồn sức cho cơ sở, khâu then chốt là đưa bằng được đảng viên về bám - nắm dân; du kích bám địa bàn đánh địch, thực hiện phương châm “luồn sâu bám chặt, trụ lại bung ra đánh địch, giữ địa bàn” [49, tr. 267].

Ở *Vĩnh Long*, tại Hội nghị mở rộng vào tháng 8-1969, Tỉnh ủy Vĩnh Long xác định nhiệm vụ: “Phải xây dựng và củng cố lực lượng cách mạng, lực lượng vũ trang, tổ chức cho các bộ học tập để đối phó với địch”. Nhằm ổn định tư tưởng cho cán bộ đảng viên, cần phải tổ chức các buổi học tập, sinh hoạt chính trị để cán bộ, đảng viên “nhận thức đúng tình hình, nhiệm vụ, từ đó củng cố tư tưởng, củng cố niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng” [7, tr. 264-265].

Tháng 10-1970, Hội nghị Tỉnh ủy Vĩnh Long đề ra nhiệm vụ: “Khẩn trương xây dựng và phát triển lực lượng ta về mọi mặt, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, nhất là lực lượng ba mũi ở xóm ấp, ở vùng yếu, vùng kềm, trục giao thông, khu vực tôn giáo, thị xã, thị trấn. Phát triển du kích xã, ấp, du kích mật mạnh và đều khắp các vùng, bổ sung địa phương quân, xây dựng đặc công công binh...” [7, tr. 279]. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, cuối năm 1970, ở Vĩnh Long phong trào chiến tranh du kích được giữ vững và có bước phát triển ở các vùng tranh chấp, vùng yếu và thị xã. Cơ sở nội ô thị xã Vĩnh Long từng bước phát triển. Ở vùng tranh chấp ta xây dựng được các xã ấp chiến đấu, tổ chức lực lượng phối hợp bao vây đồn bót, đánh bọn bảo an, bọn cán viên. Những kết quả trên tuy chưa tạo đột biến nhưng có bước phát triển trong xây dựng lực lượng để chống phá bình định cho năm tiếp theo.

Ở *Trà Vinh*, trong các năm 1969-1970, địch tập trung đánh phá ác liệt. Đứng trước khó khăn, thử thách mới, quân và dân Trà Vinh vẫn kiên trì bám trụ

giữ đất, giữ dân, bảo vệ vùng căn cứ cách mạng và xây dựng lõm căn cứ du kích, lõm căn cứ chính trị để bám sát chống địch bình định [159, tr. 235]. Trong năm 1970, Tỉnh ủy Trà Vinh chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng tiến hành chỉnh huấn, chỉnh quân và mở cuộc vận động xây dựng chi bộ “bốn tốt”; ra sức huấn luyện kỹ thuật nâng cao chất lượng chiến đấu cho lực lượng tỉnh, huyện, xã. Giữa quý I năm 1970, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đưa về Trà Vinh một đoàn cán bộ huấn luyện kỹ thuật và chiến thuật đặc công đánh đồn cho các đơn vị bộ đội tỉnh, địa phương quân huyện, xã, ấp, nhằm chuẩn bị cho lực lượng cách mạng Trà Vinh mở những đợt chiến đấu mới.

Tại Sóc Trăng, tháng 9-1969, Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng đề ra nhiệm vụ tiến công địch, xây dựng lực lượng vũ trang và phát động phong trào du kích chiến tranh chống chương trình bình định cấp tốc của địch. Du kích phải giữ thế bám trụ, đánh gãy các cuộc càn quét, diệt ác, phá kềm. Đẩy mạnh việc xây dựng du kích mật ở vùng kìm mới, vùng kìm cũ, ban ngày hoạt động hợp pháp, ban đêm hoạt động đánh địch. Về vũ khí, lấy vũ khí địch để đánh địch; mặt khác tích cực làm vũ khí tự tạo như đạp lòi, mìn gậy, lựu đạn miểng, lựu đạn gài cùng việc phát triển hầm chông, hố gai để đánh địch [5, tr. 218].

Sang năm 1970, Tỉnh ủy Sóc Trăng đề ra nhiệm vụ công tác trong đó nhấn mạnh: tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh, chú trọng phát triển lực lượng du kích và phong trào du kích chiến tranh rộng khắp cả nông thôn lẫn thành thị. Phải dùng sức mạnh tổng hợp ba mũi tấn công địch, nhằm nâng cao hiệu suất chiến đấu của lực lượng vũ trang tập trung và du kích; thực hiện ba bám, đưa cán bộ vũ trang bám sát quần chúng tuyên truyền chống lại mọi âm mưu thủ đoạn bình định của địch [5, tr. 229].

Trong năm 1971, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo “khẩn trương xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận đủ mạnh, tạo thế đứng vững ở chiến trường, để vừa tiến công địch vừa chuẩn bị cho chiến dịch sắp tới. Lực lượng vũ trang hoạt động theo phương châm phân tán, tập trung linh hoạt, đánh sâu, đánh hiểm, đánh đúng đối tượng, đánh nhỏ diệt gọn nhằm phục vụ cho phong trào đánh địch càn

quét, bình định” [5, 242]. Trong thực tiễn ở vùng căn cứ cách mạng phải tuyệt đối bảo mật, phòng gian, “đi không dấu”, “nấu không khói”, “nói không tiếng”. Khi họp hội phải dùng mặt nạ để đảm bảo bí mật tuyệt đối.

Tại Cà Mau, tháng 6-1969, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng đề ra nhiệm vụ chống bình định: “Củng cố lực lượng cách mạng, nhất là 3 thứ quân, tổ chức học tập chính huấn cho cán bộ, đặc biệt là đảng viên và cấp ủy để thấy rõ âm mưu, thủ đoạn giành dân, chiếm đất của địch” [48, tr. 320].

Năm 1970, địch tiếp tục bình định U Minh lần thứ 2 (lần 1 vào tháng 10-1969) với quy mô lớn hơn, phối hợp nhiều binh chủng mở những cuộc hành quân mang tên “Cửu Long”, “Trần Hưng Đạo” càn quét sâu vào rừng đến hàng tuần. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Cà Mau thành lập Ban chỉ đạo “đánh bình định” gồm Tỉnh đội, Mặt trận và các ban ngành trong tỉnh; đặc biệt, tập trung xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang 3 thứ quân, quyết tâm đánh địch càn quét và “tìm tàu địch mà diệt”. Phong trào du kích chiến tranh được củng cố và phát triển. Tỉnh, huyện cũng khẩn trương xây dựng lực lượng tập trung, vừa bổ sung quân, vừa huấn luyện chiến đấu. Cấp tỉnh, thành lập thêm Tiểu đoàn U Minh III. Cấp huyện, mỗi huyện củng cố và thành lập thêm thực lực, trong đó có lực lượng chuyên đánh tàu. Ngoài ra, Cà Mau còn được Quân khu 9 tăng cường Trung đoàn 10 (Trung đoàn Sông Hương), là chủ lực quân của Trung ương được xây dựng từ lực lượng miền Bắc tình nguyện vào miền Nam chiến đấu [48, tr. 324].

Bước sang năm 1971, địch tiến hành bình định U Minh ác liệt với chiến dịch “nhỏ cỏ U Minh” lần thứ 3. Trước tình hình đó, tháng 3-1971, Tỉnh ủy Cà Mau tiến hành Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng đề ra nhiệm vụ cụ thể: “Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đẩy mạnh tiến công.... Ra sức phát triển vùng giải phóng về mọi mặt, nhằm phát huy tác dụng hậu phương trực tiếp đối phó với địch ở tiền tuyến” [48, tr. 330]. Năm 1971, lực lượng vũ trang các cấp được củng cố và phát triển một bước. Lực lượng vũ trang tỉnh có 1 tiểu đoàn bộ binh và 2 đại đội độc lập; mỗi huyện có 1 đại đội; mỗi xã có hơn 2 trung đội; khôi phục, củng cố du kích áp gần liền với phong trào xây dựng xã, ấp chiến đấu.

Tỉnh ủy còn chỉ đạo tiếp tục đánh địch giành lại vùng nông thôn giải phóng; đồng thời lấn ra vùng ven, tiếp tục tấn công địch trên khắp chiến trường, nhất là Bắc Cà Mau và Nam Cà Mau [48, tr. 331-333].

Tại Kiên Giang (bao gồm tỉnh Rạch Giá và tỉnh Hà Tiên, sau nhập lại thành tỉnh Rạch Giá), đầu năm 1969, Tỉnh ủy Rạch Giá chỉ đạo tiếp tục củng cố, phát triển dân quân du kích đều khắp các xã, ấp; bổ sung địa phương quân các huyện, bổ sung quân số cho Tiểu đoàn 207 và các đại đội binh chủng trực thuộc đủ sức đánh địch. Tỉnh ủy còn giao nhiệm vụ cho Ban binh vận và Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tích cực xây dựng lực lượng chính trị, binh vận để phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với mũi vũ trang đánh địch bình định [158, tr. 163].

Tháng 3-1971, Tỉnh ủy Rạch Giá tổ chức Hội nghị mở rộng tại rừng U Minh Thượng, đề ra nhiệm vụ cơ bản: phát triển du kích chiến tranh khắp ba vùng, kết hợp 3 mũi giáp công phá lỏng thế kèm kẹp của địch, nâng thế làm chủ của quân chúng; tích cực phát triển lực lượng cách mạng, phát triển du kích xã, ấp, tự vệ mật, tổ chức huấn luyện đặc công cho các đơn vị, lực lượng vũ trang đánh địch càn quét, bình định U Minh lần thứ ba.

Sang năm 1972, từ sau chiến thắng của ta ở Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và chiến thắng mùa khô năm 1971, cục diện chiến trường miền Nam đã có nhiều thay đổi, công tác phát triển lực lượng, phát triển thực lực tăng lên rõ rệt. Trên cơ sở tình hình chiến trường, Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương quyết định mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên toàn miền Nam.

Tại các tỉnh Tây Nam Bộ, việc xây dựng và chuẩn bị lực lượng cho cuộc tiến công chiến lược được tiến hành một cách khẩn trương. Trong năm 1972, riêng tỉnh Cần Thơ phát triển được 534 đảng viên (có 96 đảng viên không bị lộ), vận động trên 698 tân binh, phát triển 747 du kích xã, 894 du kích ấp, thành lập thêm Tiểu đoàn Tây Đô III. Các huyện trung bình có từ 1-2 trung đội vũ trang, có huyện còn lập được đại đội (huyện Long Mỹ); cấp xã lập đội du kích, một số xã có hàng trăm du kích như Vĩnh Tường, Lương Tâm, Xà Phiên, Vĩnh Viễn (thuộc huyện Long Mỹ), Ba Trinh, Xuân Hòa (Sóc Trăng) [49, tr. 307].

Tại Vĩnh Long, tháng 1-1972, Tỉnh ủy mở hội nghị quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, mở chiến dịch Xuân - Hè trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện chiến dịch có hiệu quả, công tác xây dựng lực lượng và căn địa cách mạng tiếp tục được chú trọng. Lực lượng vũ trang bám được dân, khôi phục và phát triển phong trào chiến tranh du kích, phong trào tấn công địch bằng ba mũi giáp công. Ngoài ra, ta xây dựng căn cứ đóng quân vững chắc của Tỉnh ủy và các cơ quan của tỉnh tại Cái Ngang [7, tr. 298], tạo điều kiện thuận lợi để Tỉnh ủy lãnh đạo trực tiếp, toàn diện phong trào cách mạng trên toàn tỉnh.

Tại Trà Vinh, từ cuối năm 1971 đến tháng 4-1972, tỉnh đã tuyển chọn 1.500 quân bổ sung cho lực lượng vũ trang tập trung; tập huấn cho hàng ngàn dân quân du kích về các kỹ năng chiến đấu và xây dựng lực lượng chính trị, binh vận tới hàng ngàn người phục vụ ba mũi giáp công chống địch càn quét, bình định.

Tháng 8-1972, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng họp mở rộng đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng bộ và chỉ đạo khẩn trương xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt, phấn đấu tập trung vào ba khâu chủ yếu “Tổ chức quần chúng, tổ chức Đảng ở cơ sở và lực lượng vũ trang các cấp”, nhất là địa phương quân với qui mô tốc độ phát triển gấp 2 - 3 lần so với trước. Tỉnh ủy quyết định tái lập lại Tiểu đoàn Phú Lợi II và tích cực chuẩn bị thành lập Tiểu đoàn Phú Lợi III để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chống càn quét, tiêu diệt địch [5, tr. 266-267].

Đầu năm 1972, địch tiếp tục chiến dịch “bình định U Minh” lần thứ 4. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Cà Mau sử dụng lực lượng địa phương quân phối hợp với chủ lực Khu mở các chiến dịch tấn công địch, chống phá bình định trên khắp chiến trường Cà Mau. Đây cũng là thời gian quân và dân Cà Mau thực hiện phương châm: “vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng cách mạng”. Trong năm 1972, Đảng bộ Cà Mau đã phát triển được 1.257 đảng viên mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang; củng cố các chi bộ hoạt động trong vùng địch kiểm soát [48, tr. 342]. Các đoàn thể trong Mặt trận Dân tộc giải phóng được mở rộng, các tổ chức cơ sở được củng cố, làm nòng cốt cho các

phong trào sản xuất, xây dựng xã, ấp chiến đấu.

Ở Kiên Giang, trong năm 1972, công tác xây dựng lực lượng vũ trang có bước phát triển. Tỉnh có 2 tiểu đoàn và 3 đại đội binh chủng; địa phương quân các huyện, thị được bổ sung quân số; dân quân du kích xã, ấp tiếp tục phát triển; ở vùng kèm có du kích mật; ở thị xã Rạch Giá và các thị trấn có tự vệ mật và biệt động sẵn sàng chiến đấu [158, tr. 197-198].

Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, tạo bước ngoặt căn bản để nhân dân Tây Nam Bộ cùng nhân dân miền Nam đánh thắng một bước chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ ký Hiệp định Paris, cam kết chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Tuy nhiên, Mỹ vẫn tiếp tục sử dụng CQSG làm công cụ duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở Nam Việt Nam. Chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định Paris, tung lực lượng ồ ạt đi lấn chiếm, bình định trên toàn miền Nam bằng kế hoạch “Tứ niên”, địch lấy khu vực TNB làm địa bàn bình định, lấn chiếm chủ yếu. Do đó, chiến trường TNB tiếp tục xây dựng lực lượng và thực lực vững mạnh để chống phá bình định và trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris.

Tháng 4-1973, Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo khẩn trương phát triển ba thứ quân. Đối với du kích ấp thì phát triển rộng rãi từ tiểu đội đến trung đội ở mỗi ấp. Cấp xã, xã nào có trung đội thì phát triển thêm 2, 3 trung đội; phát triển dân quân tự vệ và an ninh vũ trang; bổ sung đủ quân số cho địa phương quân tỉnh, huyện [49, tr. 329-330]. Lực lượng vũ trang Cần Thơ đã phối hợp địa phương quân các tỉnh trong khu vực và chủ lực Khu bẻ gãy nhiều cuộc hành quân bình định lấn chiếm của địch, góp phần đánh thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định, lấn chiếm Chương Thiện năm 1973, bảo vệ vững chắc khu căn cứ Tỉnh ủy và mở rộng vùng giải phóng.

Năm 1973, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long, các lực lượng vũ trang từ tỉnh đến xã, ấp được củng cố. Phong trào nhập ngũ tiếp tục phát triển. Ở cấp tỉnh, ta xây dựng và củng cố 2 tiểu đoàn, 1 địa đội pháo và trung đội đặc

công, xây dựng lực lượng bảo vệ các cơ quan, vệ binh trình sát. Tất cả các huyện đều có 1 đại đội bộ đội địa phương quân. Cấp xã, thị trấn có từ 1 tiểu đội du kích trở lên, một số xã còn có trung đội du kích. Ở ấp, nhiều ấp cũng có được du kích ấp [87, tr. 311-312].

Giữa năm 1973, Tỉnh ủy Trà Vinh chỉ đạo thực hiện đợt chỉnh huấn, chỉnh quân nhằm chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho giai đoạn mới của cách mạng. Sau đợt chỉnh huấn, chỉnh quân này, các đơn vị vũ trang được bổ sung quân số và kiện toàn về tổ chức [159, tr. 266].

Năm 1973, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo xây dựng lực lượng cách mạng về mọi mặt, có kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu mới:

Lực lượng vũ trang tích cực hỗ trợ cho phong trào quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, đánh bại kế hoạch mùa khô và chương trình bình định của địch. Phương châm hoạt động là tập trung, phân tán linh hoạt. Đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, bổ sung quân số cho các lực lượng vũ trang nhất là lực lượng tập trung của tỉnh, tăng cường rèn luyện chiến thuật, kỹ thuật. Tiến hành thành lập Tiểu đoàn Phú Lợi III để đáp ứng yêu cầu hoạt động của chiến trường [5, tr. 286].

Đồng thời, tỉnh chủ trương “Giữ vững, củng cố, xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng thành hậu phương vững chắc toàn diện và phát huy tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy vùng tranh chấp chuyển lên giành dân, giành quyền làm chủ trên diện rộng, chuyển vùng kềm cù lên một bước” [5, tr. 298].

Tại Cà Mau, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân và dân trong tỉnh phát huy tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm chống địch bình định, gỡ thêm nhiều mảng và tuyến, tạo thế mạnh vững chắc ở vùng giải phóng, căn cứ địa cách mạng.

Tại Rạch Giá, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị mở rộng đề ra nhiệm vụ trước mắt: “các cấp phải ra sức phát triển lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, củng cố chính quyền cách mạng và khẩn trương xây dựng vùng giải phóng nói chung, nhất là vùng căn cứ nói riêng, vững mạnh về mọi mặt để làm chỗ dựa và lá cờ hiệu

triệu cho toàn tỉnh” [158, tr. 209]. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang trong tỉnh (bộ đội tỉnh, địa phương quân huyện, du kích xã, ấp) phối hợp chủ lực Khu (Đoàn 6 pháo binh, Trung đoàn 20 của Quân khu) kiên cường bám trụ, vận dụng linh hoạt 3 mũi giáp công với pháp lý Hiệp định Paris vừa đánh địch bình định lấn chiếm, vừa mở rộng vùng giải phóng, nhất là ở Giồng Riềng, Gò Quao [158, tr. 210]... Ngoài ra, lực lượng cách mạng Kiên Giang cũng góp phần đáng kể cùng tỉnh bạn và chủ lực Khu đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm Chương Thiện trong năm 1973.

Bước sang năm 1974, tình hình ta và địch trên chiến trường Quân khu 9 có nhiều thay đổi lớn: địch thất bại nặng nề, sa sút nhanh; ta có một năm nỗ lực cao giành thắng lợi to lớn, có bước phát triển nhanh, có tính chất nhảy vọt và vững chắc đã làm tương quan ta địch thay đổi cơ bản, từ chỗ yếu sang ta mạnh hơn địch, ta đã giữ vững thế chủ động liên tục trên chiến trường và đã tạo cơ sở vững chắc cho bước tiến lên giành thắng lợi lớn hơn trong năm 1975. Giữa năm 1974, lực lượng vũ trang tỉnh Trà Vinh được nâng cao về số lượng và chất lượng, các đội du kích có bước phát triển, trưởng thành vượt bậc, hiệp đồng tác chiến tốt và còn độc lập tác chiến có hiệu quả cao. Cuối tháng 9-1974, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo “khẩn trương xây dựng vùng giải phóng toàn diện, vững chắc, xây dựng thực lực ta về mọi mặt, đủ mạnh đáp ứng yêu cầu của tình hình và sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống” [5, tr. 310]. Cuối năm 1974, tình hình trong tỉnh Cà Mau có nhiều thuận lợi, trên địa bàn tỉnh, bọn tề xã, ấp tan rã gần hết, chỉ còn một số đồn bót và phân chi khu, thị trấn, thị xã. Sự kìm kẹp của chúng không còn chặt như trước. Vùng giải phóng của ta ngày càng được mở rộng. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Cà Mau chỉ đạo xây dựng vùng giải phóng thành căn cứ cách mạng toàn diện, vững chắc, động viên cao nhất thực lực vùng giải phóng, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến.

Nhằm chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô 1974-1975, Tỉnh ủy Cần Thơ có kế hoạch chấn chỉnh, bổ sung các lực lượng chính trị, bổ sung quân số, trang bị vũ khí cho các đơn vị vũ trang. Các Ban khởi nghĩa tỉnh, thành phố, thị xã, các

huyện, xã được thành lập. Khu ủy Khu 9 quyết định chọn thành phố Cần Thơ và thị xã Vị Thanh là hai trong những trọng điểm tổng tiến công và nổi dậy ở miền TNB. Khu ủy tăng cường nhiều cán bộ đưa vào nội thành và vùng ven ở thành phố Cần Thơ để lãnh đạo quần chúng nổi dậy. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Cần Thơ đưa vào nội thành hơn 100 cán bộ. Lực lượng vũ trang ở vùng ven có 200 quân. Lực lượng nội thành có 1.000 người; 50 tổ chức cơ sở gồm 8 chi bộ, 15 tổ hạt nhân Đảng; gần 30 tổ chức quần chúng, tự vệ, tổ an ninh. Toàn thành phố chia làm 5 khu vực và 15 điểm khởi nghĩa [49, tr. 366-367]. Với tinh thần “một ngày bằng 20 năm”, quân và dân Cần Thơ với sự hỗ trợ của chủ lực Quân khu 9 đã đồng loạt tấn công và nổi dậy, giải phóng toàn tỉnh Cần Thơ, xóa bỏ hệ thống chính quyền tỉnh Phong Dinh và cơ quan đầu não Vùng IV chiến thuật của địch ở khu vực TNB.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long đề ra nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng: tiếp tục xây dựng xã, ấp chiến đấu. Về xây dựng lực lượng: “Khẩn trương phát triển cơ sở, chú ý vùng yếu, vùng kềm nhằm nhanh chóng chuyển thế lực của ta làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta, Trong vùng tranh chấp, vùng giải phóng, phải tiến hành ngay việc tổ chức dân quân tự vệ để giữ xã, ấp; tổ chức canh gác, phòng gian, bảo mật. Phát triển đảng viên, nâng cao vai trò của chi bộ, đảm bảo chi bộ vững vàng đi lên” [7, tr. 322]. Trước khi bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Vĩnh Long gấp rút chuẩn bị thêm 2 tiểu đoàn bộ đội tỉnh, tổng cộng có 4 tiểu đoàn bộ binh cùng bộ đội địa phương quân huyện và du kích các xã. Tổng quân số trong toàn tỉnh lúc này có khoảng 6.000 quân, chưa kể 2 trung đoàn chủ lực Khu [7, tr. 337-338]. Phân ban Khu và Tỉnh ủy có kế hoạch bố trí, theo dõi thực tiễn chiến trường để có sự chỉ đạo kịp thời, đảm bảo thắng lợi cuối cùng.

Sang đầu năm 1975, ở Sóc Trăng, công tác xây dựng lực lượng đã có bước phát triển nhảy vọt. Lực lượng vũ trang tập trung tỉnh được bổ sung gần đủ quân số theo biên chế và xây dựng thêm 2 tiểu đoàn. Lực lượng địa phương quân huyện và du kích xã cũng được xây dựng thêm nhiều đơn vị mới. Tất cả lực

lượng đều tích cực xây dựng, rèn luyện sẵn sàng chiến đấu, làm thất bại kế hoạch bình định và cướp lúa mùa khô năm 1975 của địch. Đến ngày 20-4-1975, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã chuẩn bị cơ bản cho nhiệm vụ mới. Về lực lượng vũ trang, ở cấp xã có đại đội du kích, cấp huyện có 2 đại đội địa phương quân. Cấp tỉnh, các tiểu đoàn tỉnh và các đơn vị binh chủng đều đủ quân số. Các lực lượng cách mạng trong tỉnh đều sẵn sàng khí thế tổng tiến công và nổi dậy.

Đầu năm 1975, với tinh thần tự lực, tự cường, chỉ trong một thời gian ngắn vừa tác chiến, vừa xây dựng lực lượng, tỉnh Cà Mau đã có 12 tiểu đoàn, 4 đại đội pháo binh. Cấp huyện đều có đại đội tăng cường, một số huyện còn xây dựng được tiểu đoàn với quân số từ 250 đến 500 quân (bao gồm lực lượng du kích). Cấp xã đều có trung đội du kích, có xã xây dựng được 1 đại đội từ 50 đến 100 quân [48, tr. 361-362]. Tất cả lực lượng cách mạng đã chuẩn bị tư thế sẵn sàng tiến công giải phóng Cà Mau.

Thực hiện kế hoạch mùa khô 1974-1975, Tỉnh ủy Rạch Giá giải quyết khó khăn thiếu quân số, thiếu đạn dược bằng cuộc vận động thanh niên tòng quân và tổ chức thu gom vũ khí, đạn lếp của địch cải biến thành vũ khí đánh địch. Thực hiện cuộc vận động theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, chỉ trong đầu tháng 3-1975, nhiều huyện đã bổ sung được quân số như Giồng Riềng thành lập được 2 đại đội địa phương quân, mỗi đại đội có 70 quân. Các huyện khác cũng xây dựng được 1 đại đội với quân số từ 70 đến 100 quân. Du kích xã cũng phát triển nhanh. Đến cuối tháng 3-1975, có 15 xã thành lập được đại đội du kích. Cấp tỉnh, thành lập thêm Tiểu đoàn 3 và Đại đội công an vũ trang (thứ 2); bổ sung quân số cho Tiểu đoàn 207 và Tiểu đoàn 519, mỗi tiểu đoàn có 250 quân. Các đại đội binh chủng cũng được tăng cường [158, tr. 242]. Tất cả lực lượng cách mạng của Kiên Giang trong tư thế sẵn sàng chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Tóm lại, sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, ở TNB, lực lượng cách mạng tổn thất và gặp nhiều khó khăn. Đây được xem là thời kỳ lực lượng vũ trang khu vực TNB gặp khó khăn, thiếu thốn nhất kể từ sau

thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, yêu cầu cấp bách của chiến trường TNB lúc này là phải vừa chiến đấu, vừa xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng tại chỗ và bảo vệ căn cứ, cơ sở cách mạng, nhằm xây dựng thực lực để chống địch bình định, lấn chiếm. Biện pháp, giải pháp xây dựng, củng cố phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ được đảng bộ các địa phương TNB giai đoạn này là: Tổ chức các buổi học tập, sinh hoạt chính trị để cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức đúng tình hình, từ đó củng cố tư tưởng, củng cố niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện phương châm “vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng cách mạng”; Tổ chức tuyển quân, vận động thanh niên tình nguyện tòng quân; xây dựng lực lượng ba mũi ở cơ sở: xóm, ấp, vùng yếu, vùng kèm, khu vực tôn giáo, thị xã, thị trấn....; Tăng cường rèn luyện chiến thuật, kỹ thuật, tổ chức tập huấn cho dân quân về kỹ năng chiến đấu và xây dựng lực lượng chính trị, binh vận; Tổ chức các đợt chỉnh huấn, chỉnh quân để chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho giai đoạn mới của cách mạng, sau các đợt chỉnh huấn, chỉnh quân, các đơn vị vũ trang được bổ sung quân số và kiện toàn về tổ chức; Tiếp tục kiên trì bám trụ giữ đất, giữ dân, bảo vệ vùng căn cứ cách mạng; đưa cán bộ hợp pháp đi vùng ven xây dựng cơ sở cách mạng; xây dựng căn cứ địa cách mạng tại các địa phương. Xây dựng lực lượng tại chỗ vững mạnh là nét nổi bật, đóng vai trò quan trọng đến thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG giai đoạn 1965-1975.

3.3.2. Chỉ đạo đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, đòi thi hành Hiệp định Paris, quyết tâm “giữ đất, giành dân, giữ lúa”

Trong giai đoạn 1969-1975, CSBD của Mỹ và CQSG được triển khai liên tục bằng các chương trình bình định với quy mô lớn, cường độ đánh phá ác liệt, nhằm lấn thêm đất, giành thêm dân trên các địa bàn chiến lược ở nông thôn, nhất là vùng đông dân nhiều của, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.

Khi địch chuyển từ kế hoạch “bình định cấp tốc” sang “bình định đặc biệt”, mở chiến dịch “Nhỏ cỏ U Minh” ở khu vực TNB vào đầu năm 1969, Thường vụ Quân khu ủy Khu 9 chỉ đạo tất cả lực lượng vũ trang ở Khu 9 phải kiên trì bám

trụ, đánh bại ý đồ lấn chiếm U Minh của địch.

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy Khu 9, từ tháng 9-1969, quân và dân Khu 9 liên tục tấn công địch, thu nhiều thắng lợi, đánh bại hai cuộc hành quân lấn chiếm U Minh của quân đội Sài Gòn và giành nhiều thắng lợi trên mặt trận Vĩnh - Trà [69, tr. 418]. Sau Tết Mậu Thân, địch bình định được vùng ruột Vĩnh - Trà, gây cho ta nhiều khó khăn. Đến giữa năm 1969, do không thể đứng chân ở Vĩnh - Trà nên chỉ huy Trung đoàn 3 cho rút lực lượng về Tiểu Cần, Trà Cú và Duyên Hải. Lúc bấy giờ, Tiểu đoàn 312 vẫn còn ở phía nam sông Măng Thít cũng được gọi về theo Trung đoàn, khi rút về đến Càng Long, Tiểu đoàn 312 dừng lại tổ chức đánh một trận tập kích tại Chế Bán, diệt gần 300 tên địch, thu nhiều phương tiện vũ khí [37, tr. 470]. Từ trận đánh này đã mở ra phương thức tác chiến mới là bám trụ trong điều kiện cách mạng gặp nhiều khó khăn, tạo chỗ đứng chân vững chắc để đánh phá bình định có hiệu quả. Những thắng lợi này có ý nghĩa lớn, tạo niềm tin trong nội bộ Đảng, quần chúng về chủ trương chống bình định, lấn chiếm của địch.

Tuy nhiên, tính trên bình diện chung trên cả miền Nam, trong năm 1969 cách mạng gặp nhiều khó khăn, bởi sau đợt 3 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy, đối phương tăng cường phản kích, mở nhiều cuộc hành quân ra khu vực ven, lấn sâu vào vùng giải phóng, nhiều nơi ta bị mất chỗ đứng chân ở nông thôn. Riêng khu vực TNB, đến cuối năm 1969, địch bình định lấn chiếm gần hết vùng giải phóng trước đây, chỉ còn căn cứ U Minh và khu giải phóng Nam Cà Mau; lực lượng chính trị sa sút nghiêm trọng, để né tránh bom đạn của Mỹ và CQSG, quần chúng nhân dân phải chạy ra vùng địch kiểm soát; ở nhiều địa phương, cán bộ cơ sở rời khỏi địa bàn hoạt động để bảo toàn lực lượng. Ban lãnh đạo cấp khu cũng có sự thay đổi. Đồng chí Võ Văn Kiệt từ TƯCMN về làm Bí thư Khu ủy Khu 9 thay đồng chí Nguyễn Văn Thơ (tức Mười Khẩn). Đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Miền về làm Tư lệnh Quân khu 9 thay đồng chí Đồng Văn Cống được chuyển ra Bộ Tư lệnh Miền. Đồng thời, Bộ Tư lệnh Miền còn tăng cường cho Quân khu 9 đơn vị chủ lực là Trung đoàn 3 thuộc Sư đoàn 9 (sau

đổi phiên hiệu là Trung đoàn 2 khi về Quân khu 9). Thực tế trong thời gian này, Khu 9 không bổ sung được lực lượng mà phải nhờ Trung ương bổ sung quân.

Sang năm 1970, địch triển khai chương trình bình định trên diện rộng, thông qua các chương trình “Bình định phát triển” (1970), “Bình định phát triển bổ túc” (giữa 1970), đối phương tiếp tục đẩy mạnh bình định nông thôn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Chỉ trong ba tháng đầu năm 1970, địch tập trung càn quét, bình định ven Sài Gòn, Khu 8; Khu 9 (Trà Vinh, Chương Thiện, U Minh)...; đồng thời, đẩy mạnh chiến dịch “Phụng Hoàng”, tiêu diệt và vô hiệu hóa lực lượng cách mạng, thủ tiêu cơ sở cách mạng [85, tr. 61].

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng, Trung ương Cục chỉ đạo các địa phương quyết tâm đánh địch bình định, lấn chiếm. Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, tại Hội nghị Đảng ủy Khu 9 ở U Minh Hạ vào tháng 9-1970, Khu ủy xác định trụ lại kiên quyết đánh địch bình định [69, tr. 419].

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9, phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân miền TNB trong những năm 1969-1970 đạt được nhiều thắng lợi. Riêng 6 tháng đầu năm 1970, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã bao vây, bứt rút 1.000 đồn bót, phá 1.600 ấp chiến lược, làm chủ 320 ấp với 40 vạn dân [35, tr. 123]. Đối với vùng tranh chấp ở TNB, từ năm 1970, Đảng đề ra nhiệm vụ là phải đánh thủng hệ thống phòng thủ của bọn bảo an, diệt đồn bót, phá rỗng bộ máy kìm kẹp, khống chế và diệt bọn do thám, gián điệp. Quán triệt tinh thần chỉ đạo của trên, quân và dân TNB kiên trì bám trụ đánh địch càn quét, bình định. Kết quả là bộ máy và lực lượng kìm kẹp của địch ở xã ấp rối loạn, bị tê liệt nhiều nơi; diệt và làm tan rã một bộ phận lực lượng quân đội Sài Gòn; một bộ phận nhân dân được đưa về vùng giải phóng. Thắng lợi này đánh dấu sự chuyển biến quan trọng, tạo ra thế mới, lực mới, làm thất bại nhiều mục tiêu quan trọng trong kế hoạch bình định của địch ở khu vực TNB trong giai đoạn đầu của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Sang năm 1971, Mỹ và CQSG triển khai chương trình bình định mới tại miền Nam Việt Nam bằng Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương” (1971-1972), nhằm đưa chương trình bình định lên mức cao hơn. Kế hoạch này chú trọng việc tiêu diệt hạ tầng cơ sở Việt cộng và bình định hầu hết các vùng nông thôn đông dân trên toàn miền Nam. Đối với vùng TNB, địch tiếp tục mở chiến dịch “Nhỏ cỏ U Minh” bắt đầu từ tháng 2-1971 và kéo dài gần một năm, sau đó chuyển sang chương trình “Cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa phương”. Qua đó, địch đã chiếm được vùng nông thôn trên diện rộng, tăng cường hệ thống kìm kẹp với mạng lưới đồn bót dày đặc.

Bên cạnh đó, trong tháng 2-1971, địch mở cuộc hành quân “Lam Sơn 719” nhằm cô lập cách mạng miền Nam. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng chỉ đạo lực lượng vũ trang của ta phối hợp với quân và dân Lào mở chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của địch, qua đó giúp căng kéo, đẩy lùi chương trình bình định của địch ở nhiều nơi, nhất là vùng trọng điểm bình định ở đồng bằng sông Cửu Long.

Tranh thủ tình hình địch bị căng kéo, tháng 9-1971, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết định mở đợt phản công lớn vào mùa mưa năm 1971. Đêm ngày 7, rạng ngày 8-9-1971, Quân khu 9 sử dụng Trung đoàn 2, Trung đoàn 10 và Trung đoàn 20 tấn công vào đội hình Sư đoàn 21 - quân đội Sài Gòn, là lực lượng chủ yếu đang chiếm đóng và cơ động ở U Minh. Đến 12-9-1971, đợt phản công U Minh kết thúc, ta diệt 1 căn cứ, 1 đồn, diệt 2 tiểu đoàn, 2 sở chỉ huy nhẹ cấp trung đoàn, 5 đại đội, đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn khác, loại khỏi vòng chiến đấu 2.057 tên địch [37, tr. 497]. Cuộc phản công mùa mưa năm 1971 của chủ lực Khu 9 giành thắng lợi, bẻ gãy âm mưu tô dày lấp kín U Minh của địch, làm phá sản kế hoạch “Nhỏ cỏ U Minh” của đối phương. Thắng lợi này có tác dụng cổ vũ, động viên quân và dân Khu 9, củng cố niềm tin thắng lợi của cuộc đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm.

Phối hợp với chủ lực Khu, quân và dân các tỉnh ở khu vực TNB khắc phục khó khăn, kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, tiêu diệt một phần sinh lực địch,

chống CSBĐ, càn quét, lấn chiếm của chúng. Tháng 9-1971, quân và dân Trà Vinh phối hợp với chiến trường chung, mở đợt phản công tiêu diệt được Chi khu Càng Long, tiêu diệt, bức rút nhiều đồn bót địch, giải phóng cơ bản xã Ninh Thới... làm cho phong trào cách mạng có bước phát triển rõ nét cả về thế và lực. Tại Cần Thơ, đồng bào vùng ven tuyến lộ Vòng Cung nổi dậy đấu tranh đòi phá bỏ áp chiến lược, trở về nơi ở cũ làm ăn sinh sống. Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang vẫn kiên trì bám trụ, trở thành vai trò nòng cốt đánh bại các cuộc hành quân càn quét bình định của địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, xây dựng xã, ấp chiến đấu. Ở Rạch Giá, quân chủ lực Khu trực tiếp hỗ trợ quân và dân các huyện tỉnh Rạch Giá liên tục nổi dậy, phản công địch bình định, lấn chiếm, tạo thế cài răng lược xen kẽ với địch. Trong tháng 8 và tháng 9-1971, lực lượng đặc công Quân khu 9 đánh thiệt hại căn cứ Xẻo Rô và Chi khu Thứ Ba, tấn công căn cứ hành quân “Bình Minh” của địch, đánh chìm và cháy 16 tàu địch trên sông Cái Lớn... [35, tr. 155].

Nhìn chung phong trào đấu tranh chống CSBĐ trên chiến trường miền Nam trong năm 1971 đã giành được một số thắng lợi: vùng giải phóng ven đô thị và nông thôn được mở rộng, đặc biệt tại địa bàn trọng điểm khu vực TNB. Tình hình nông thôn đã vượt qua gian đoạn khó khăn nghiêm trọng, ta đã chặn được địch, đã đẩy lùi chúng ở nhiều nơi, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực trở về đứng chân, chuẩn bị cho việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược trong năm tiếp theo.

Bước sang năm 1972, Mỹ và CQSG tiến hành kế hoạch Tứ niên (thực hiện từ ngày 1-2-1972). Nội dung chương trình bình định mới này cơ bản giống với kế hoạch cộng đồng năm 1971, nhưng có sự phát triển cao hơn về lý luận, mở rộng hơn về qui mô và đánh phá ác liệt. Thực hiện kế hoạch Tứ niên, địch cố gắng tăng cường hiệu lực hoạt động của các lực lượng kim kẹp ở cơ sở, sáp nhập tổ chức Phượng hoàng vào cảnh sát quốc gia, tiếp tục thực hiện chương trình bình định, lấn chiếm.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị BCHTUĐ đã quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Xuân Hè trên toàn miền Nam bắt đầu vào ngày 30-3-1972. Cuộc

tiến công này nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực quân đội Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng, thay đổi cục diện chiến tranh và giáng một đòn mạnh mẽ vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch.

Phối hợp với đòn tiến công chiến lược Xuân Hè trên ba hướng chính, các cuộc tiến công và nổi dậy đánh phá bình định đồng loạt diễn ra trên các chiến trường miền Nam. Trên địa bàn TNB, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết định mở chiến dịch tấn công tổng hợp với tên gọi chiến dịch Nguyễn Huệ II. Quân khu chọn địa bàn U Minh, Chương Thiện là trọng điểm 1; địa bàn Vĩnh - Trà là trọng điểm 2. Chiến dịch tiến công này nhằm “giải phóng cơ bản vùng U Minh, Cà Mau, chọc thủng được một số mảng quan trọng của Chương Thiện ở Giồng Riềng và nam bắc Long Mỹ, lấy đó làm bàn đạp tiến công mở mảng vùng đồng lúa Bạc Liêu, Cần Thơ, tạo cơ sở vững chắc để từng bước giải phóng miền Tây” [37, tr. 501]. Lực lượng tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ II bao gồm các trung đoàn chủ lực Khu (Trung đoàn 1, 2, 3, 10, 20) cùng bộ đội địa phương tỉnh, huyện, dân quân du kích và nhân dân miền TNB.

Đêm ngày 6, rạng ngày 7-4-1972, mở đầu cao điểm 1 của chiến dịch, toàn Quân khu đồng loạt nổ súng. Ở hướng trọng điểm 1 Chương Thiện, Trung đoàn 2 tấn công Chi khu Ngang Dừa, tiêu diệt cơ bản Chi khu này, đồng thời hỗ trợ nhân dân địa phương bức rút, bức hàng hệ thống đồn bót địch. Trung đoàn 1 tấn công và tiêu diệt các chốt trọng điểm, bứt rút 9 đồn khác, giải phóng hoàn toàn xã Vĩnh Viễn. Ở U Minh, Trung đoàn 10 tấn công và diệt các căn cứ Bà Thầy, Nồng Cạn (thuộc xã Khánh Lâm), Trung đoàn 20 tấn công căn cứ Xẻo Bần (thuộc huyện An Biên), diệt gọn 1 tiểu đoàn địch đang đóng giữ tại địa bàn. Bên cạnh đó, tại trọng điểm 2 Vĩnh - Trà, Trung đoàn 3 tấn công Yếu khu Thầy Phó (huyện Trà Ôn, Vĩnh Long), khiến cho địch phải rút chạy, ta giải phóng được hệ thống ấp chiến lược xung quanh Yếu khu [35, tr. 200-201]. Ngoài ra, các lực lượng vũ trang địa phương tích cực phối hợp chủ lực khu trong đợt cao điểm này. Tiểu đoàn Tây Đô diệt căn cứ Quang Long (huyện Long Mỹ) do 1 liên đội bảo an đóng giữ, đồng thời hỗ trợ nhân dân địa phương

nổi dậy diệt ác, phá tề, phá kìm kẹp, tạo nên khí thế cách mạng sôi nổi toàn vùng Hậu Giang. Liên tiếp sau đó, Quân khu 9 mở các cao điểm 2 (20-4-1972), cao điểm 3 (đêm ngày 8, rạng ngày 9-5-1972), cao điểm 4 (tháng 6-1972), cao điểm 5 (đêm ngày 8, rạng ngày 9-7-1972), cao điểm 6 (đêm 11, rạng ngày 12-8-1972). Đến ngày 25 tháng 8-1972, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 kết thúc 6 đợt cao điểm chiến dịch tiến công tổng hợp, trải qua 5 tháng kiên cường chiến đấu (từ tháng 4 đến tháng 8-1972) chống phá bình định, quân và dân TNB đã loại khỏi vòng chiến đấu 1 vạn tên địch; đánh chìm, đánh cháy 213 tàu, phá hủy 234 xe quân sự, 192 khẩu pháo, bắn rơi 151 máy bay, thu giữ nhiều phương tiện, vũ khí chiến tranh khác. Toàn khu đã diệt, bức rút, bức hàng 916 đồn bót địch, giải phóng 800 ngàn dân... [37, tr. 525-526].

Kết quả đợt tấn công Xuân - Hè trên mặt trận chống bình định, ta đã giải phóng khoảng 40 vạn dân, hai huyện và gần 50 xã và trên 400 ấp, đặc biệt, giành lại thế đứng chân ở vùng nông thôn. Ở khu vực TNB, ta đã mở mang và lõm giải phóng ở vùng ruột U Minh, vùng ruột Hậu Giang, vùng Đồng Tháp. Từ chỗ bị lấn chiếm gần hết đất, gần hết dân, Quân và dân khu 9 đã chuyển sang thế chủ động tấn công, đẩy lùi đối phương về sát thị trấn, thị xã, bước đầu góp phần làm thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ và CQSG.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1969-1972, Đảng lãnh đạo quân và dân TNB đấu tranh chống các kế hoạch bình định: “Bình định cấp tốc”, “Bình định đặc biệt”, “Bình định bổ túc”, “Bình định xây dựng phát triển”, Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương” (1971-1972), Kế hoạch Tứ niên (1972-1975).... Giai đoạn này, Mỹ và CQSG liên tục thực hiện các chương trình bình định với những cố gắng cao nhất, nhưng bị phá sản trước cuộc Tiến công Xuân - Hè năm 1972 của ta.

Sang năm 1973, sau khi bị thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam và miền Bắc, Mỹ buộc phải ký Hiệp định đình chiến ở Paris (27-1-1973). Nhưng thực tế Mỹ vẫn sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Lợi dụng trước lúc Hiệp định Paris có

hiệu lực (rạng sáng ngày 28-1-1973), CQSG tung lực lượng ồ ạt đi lấn chiếm, bình định trên toàn chiến trường miền Nam. Giai đoạn này, địch tiếp tục thực hiện kế hoạch Tứ niên, đưa quân đi lấn chiếm vùng giải phóng ở miền Nam, mở các chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” với mục tiêu: xóa thế da báo trên chiến trường, đẩy lùi lực lượng cách mạng ra khỏi các địa bàn chiến lược; lấn chiếm đất, giành thêm dân, ổn định hậu phương nhằm tập trung lực lượng đối phó với Quân giải phóng ở vòng ngoài. Thời điểm này, địch lấy khu vực TNB làm địa bàn trọng điểm bình định, lấn chiếm. Thực tế, dù Hiệp định đình chiến Paris được ký kết, nhưng vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn không ngừng bắn, chiến tranh vẫn tiếp diễn, thậm chí có nơi còn ác liệt hơn trước lúc ký Hiệp định Paris như chiến trường Chương Thiện.

Tháng 3-1973, Bộ Tư lệnh Vùng IV chiến thuật của CQSG vạch kế hoạch bình định lấn chiếm TNB. Tại đây, địch triển khai cấm chốt hàng trăm đồn bót, lấn chiếm nhiều xã ấp. Ở Chương Thiện, địch tiếp tục thực hiện CSBD, lấn chiếm, từ tháng 2 đến tháng 11-1973, địch đã đưa từ 30 đến 75 lượt tiểu đoàn liên tiếp đánh vào vùng Long Mỹ - Chương Thiện.

Vùng Long Mỹ, Vị Thanh thuộc tỉnh Chương Thiện theo phân chia địa giới của CQSG (thuộc tỉnh Cần Thơ theo phân chia địa giới của phía cách mạng) là trọng điểm bình định số một ở khu vực TNB của Mỹ và CQSG. Ngày 20-3-1973, Bộ Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật của CQSG họp bí mật tại Cần Thơ vạch kế hoạch bình định năm 1973. Kế hoạch bình định chia làm 3 đợt: Đợt 1: Từ tháng 3 đến tháng 5-1973, tập trung bình định lấn chiếm Chương Thiện. Đợt 2: Từ tháng 6 đến tháng 9-1973, bình định lấn chiếm U Minh. Đợt 3: Từ tháng 10 đến tháng 12-1973, bình định lấn chiếm Cà Mau [49, tr. 315], củng cố các địa bàn chiếm được.

Thủ đoạn tiến hành bình định lấn chiếm của đôi phương có nhiều thay đổi so với trước đây, đó là: tập trung bình định từng khu vực trọng điểm, song song đó tiến hành hòa hoãn ở khu vực khác. Đối với khu vực bình định trọng điểm, sẽ lấy quân sự làm biện pháp chính. Đối với khu vực hòa hoãn thì lấy chiến tranh tâm lý và phong tỏa kinh tế làm biện pháp chính. Về lực lượng, đơn lực lượng

lên theo từng cấp, xây dựng lực lượng bảo an cơ động, giao cho phòng vệ dân sự và lực lượng cảnh sát phụ trách an ninh phía sau. Ở các tiểu khu thành lập liên đoàn, tiểu đoàn, bảo an là lực lượng cơ động tác chiến làm nhiệm vụ bình định lấn chiếm. Về cách thức bình định lấn chiếm: “lấn chiếm ồ ạt, chiếm nhanh, phá nhanh địa hình, xây dựng đồn bót” (bỏ qua bước càn quét, chà xát rồi mới xây dựng đồn bót như giai đoạn trước).

Để thực hiện bình định lấn chiếm Chương Thiện, chúng tập trung 52 tiểu đoàn, sau đó tăng dần lên đến 75 tiểu đoàn, với khoảng 22.000 tên (cả lực lượng chủ lực, bảo an quân), và trên 14.000 phòng vệ xung kích [70, tr. 309]. Tháng 3-1973, địch mở đầu kế hoạch bằng các đợt đột phá khu vực tây nam Long Mỹ, lấy địa bàn huyện Long Mỹ - Vị Thanh làm trọng điểm đánh phá và coi đây là bàn đạp đánh chiếm khu căn cứ cách mạng U Minh, và tạo lá chắn bảo vệ cơ quan đầu não vùng IV chiến thuật ở thành phố Cần Thơ.

Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân Khu 9 đã mạnh dạn đề nghị Bộ Chính trị và Trung ương Cục cho đánh khi địch lấn chiếm, vì “nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất để ở, mất dân, mất đất, thì không còn gì cả...” [69, tr. 455]. Đề nghị trên đã được TƯCMN chấp nhận, cho phép quân và dân Khu 9 tấn công tiêu diệt, trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris.

Sau khi các tỉnh vùng TNB đã quán triệt chủ trương đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, Khu ủy, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân TNB kiên quyết đánh địch bình định, lấn chiếm, nhằm giữ đất, bảo vệ dân, mở rộng vùng giải phóng. Đến khi địch tiến hành bước I của kế hoạch bình định lấn chiếm, Bộ Tư lệnh Quân Khu 9 đã chỉ đạo toàn Khu đồng loạt tấn công các điểm đóng quân lấn chiếm của địch. Đêm ngày 5 rạng ngày 6-5-1973, quân và dân TNB đồng loạt tấn công địch. Tại Long Mỹ - Vị Thanh, du kích xã Vĩnh Viễn, Xà Phiên phối hợp với chủ lực Khu tập kích vào Sở chỉ huy của Trung đoàn 31 Sài Gòn đóng tại kinh Mười Ba (xã Vĩnh Viễn, Long Mỹ), buộc chúng phải rút về Ngan Dừa (huyện Kiến

Thiện, Chương Thiện) để củng cố lực lượng. Cùng lúc lực lượng pháo binh Quân khu pháo kích vào trận địa pháo của địch ở Long Mỹ, Hỏa Lựu, Ngan Dừa gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ở phía bắc Long Mỹ, ta tiêu diệt 2 đồn địch vừa mới lần chiếm sau Hiệp định, đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn bảo an ở Lái Hiếu (Phụng Hiệp) thuộc Trung đoàn 33, buộc Sư đoàn 21 nguy phải đưa quân tiếp ứng. Trong cao điểm tháng 5-1973, toàn Khu 9 đánh diệt, bứt rút 75 đồn địch, chiếm lại 16 đồn. Thắng lợi căn bản của ta là giữ vững địa bàn quan trọng Vị Thanh, Long Mỹ - vùng ruột nam sông Hậu, làm cho địch sa lầy, thu hút lực lượng địch, tạo điều kiện cho những nơi khác ở TNB lập chiến tích.

Vì chưa thực hiện được mục tiêu đặt ra trong bước I là bình định cho được Chương Thiện để uy hiếp và cô lập khu căn cứ cách mạng U Minh, liên tiếp trong tháng 6 và tháng 8-1973, địch mở các cuộc hành quân lần chiếm Chương Thiện. Đến tháng 11-1973, quân số của địch tại vùng trọng điểm Vị Thanh - Long Mỹ đã lên đến 75 tiểu đoàn và tương đương. Cách đánh của chúng là: “dùng bom pháo ác liệt để dọn bãi cho trực thăng đổ quân, cày ủi địa hình, kèm giữ dân, tiến hành đóng đồn bót, kết hợp với các điểm dã ngoại, lấy đó là điểm để loang dần ra” [22, tr. 30]. Cùng lúc, đối phương đưa thêm kế hoạch phong tỏa kinh tế và cướp lúa. Hai kế hoạch này chồng lên nhau, hỗ trợ nhau được địch đặt tên là “*Kế hoạch Trần Khánh Dư*”. Thực hiện kế hoạch, địch sử dụng Sư đoàn 9 đánh phá ở cánh đồng lúa Bạc Liêu, Sóc Trăng. Sư đoàn 21 đánh phá ở Chương Thiện, Rạch Giá, Cà Mau. Ở vùng kìm và đô thị, địch phát động chiến dịch “quét lá rừng” nhằm đánh phá cơ sở cách mạng và bắt lính, tăng nhịp độ hành quân lên gấp ba, bốn lần so với trước.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết tâm đánh bại hoạt động lấn chiếm và cướp lúa của địch và sự chỉ đạo các địa phương TNB: “Chống lấn chiếm kết hợp với chống cướp lúa. Kiên định nguyên tắc bám trụ vững chắc, kết hợp cơ động tấn công. Địa bàn trọng điểm của Quân khu vẫn là Chương Thiện. Các tỉnh phải tiến hành kế hoạch tiến công rộng khắp càng kèm không để địch dồn lực lượng về trọng điểm Quân khu” [37, tr. 559]. Thực hiện quyết tâm này, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 chỉ đạo mở đợt tiến công địch ở các tỉnh và các huyện

lân cận, nhằm phân tán lực lượng địch, không cho chúng dồn về trọng điểm Chương Thiện.

Đến tháng 11-1973, địch vẫn bám kế hoạch cũ, điều thêm lực lượng Hải quân Trần Hưng Đạo 44 từ Cát Lái (Sài Gòn) về Cần Thơ, rút thêm lực lượng bảo an ở Bến Tre, Gò Công, Châu Đốc về tăng cường, nâng tổng số quân địch ở trọng điểm Chương Thiện lên tương đương 75 tiểu đoàn, tăng thêm dự trữ pháo đạn vào U Minh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, dự định hành quân vào trung tuần tháng 11-1973.

Ngày 6-11-1973, Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy họp và chỉ đạo: “Phát huy thể chủ động và tư tưởng tiến công, kiên quyết bẻ gãy cuộc hành quân tháng 11 của địch, bảo vệ vùng căn cứ, đồng thời tích cực chuẩn bị kế hoạch để chuyển sang tiến công trong mùa khô tới...” [37, tr. 562]. Thực hiện chủ trương trên, quân và dân TNB chung sức, đồng lòng chống địch bình định, lấn chiếm.

Tháng 11-1973, địch chuẩn bị mở cuộc hành quân ở khu vực Nước Trong, đánh vào các xã Lương Tâm, Vĩnh Viễn (Long Mỹ), nhưng đã bị lực lượng vũ trang của Quân khu tập kích tiêu diệt cụm tàu địch tại căn cứ hải quân Xẻo Rô, bắn chìm, cháy 18 tàu; đồng thời, ta đánh thiệt hại nặng các căn cứ Hỏa Lựu, Gò Quao (thuộc tỉnh Kiên Giang ngày nay), Vĩnh Thuận, Huyện Sứ, pháo kích vào thị xã Vị Thanh, Giồng Riềng, Ngã Năm, Ngan Dừa. Cùng lúc, lực lượng vũ trang Cần Thơ hoạt động mạnh ở Vĩnh Tường, Vĩnh Chèo, Kinh Xáng Xà No, Hòa Hưng, Thác Lác (Long Mỹ). Trung đoàn 10 chủ lực Khu đánh chiếm đồn bót ở Vĩnh Thuận Đông. Trung đoàn 2 tiến công vào hệ thống đồn bót địch ở chi khu Ngan Dừa. Trung đoàn 20 mở rộng tuyến sông Cái Bé.... Kết quả, cuộc hành quân của địch trong tháng 11-1973 bị bẻ gãy hoàn toàn. Toàn Quân khu ta đã gỡ 78 đồn địch. Ngoài ra, quần chúng đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chống việc thu gom lúa, tịch thu lúa của địch. Trong tình hình bị căng kéo nhiều nơi trên chiến trường miền Nam buộc địch phải điều chỉnh đội hình, rút toàn bộ lực lượng ra khỏi đồng bằng sông Cửu Long, trả các tiểu đoàn bảo an tăng phái cho Chương Thiện về tỉnh gốc. Đến lúc này lực lượng địch ở Chương Thiện từ 75 tiểu đoàn xuống còn 18 tiểu đoàn, do

đó kế hoạch bình định lần chiếm của địch ở Long Mỹ - Vị Thanh không thể thực hiện được.

Phối hợp với chiến trường Chương Thiện, tại chiến trường Rạch Giá - Cà Mau, du kích xã Biền Bạch (U Minh) diệt đồn số 8 trên sông Trẹm. Công binh phòng tham mưu Quân khu 9 đánh chìm 2 tàu ở Thới Bình, tập kích thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an. Phòng hậu cần Quân khu phối hợp với lực lượng du kích địa phương bao vây bắt rút 1 đồn ở Khánh Lâm. Các lực lượng vũ trang ở Cà Mau đã gỡ được 8 đồn trong khu vực Bình Hưng và Ngã Sáu. Tại Bạc Liêu (tháng 11-1973, Khu ủy TNB quyết định thành lập tỉnh Bạc Liêu, bao gồm các huyện: Vĩnh Lợi, Giá Rai, Hồng Dân và thị xã Bạc Liêu [6, tr. 9]). Để trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, đơn vị vũ trang huyện Phú Lợi chặn đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn bảo an tiểu khu, phản kích giải tỏa tuyến sông Vàm Lẻo - Cỏ Cò, bức rút hai đồn địch trên tuyến sông này. Lực lượng vũ trang huyện Hồng Dân tiếp tục vây ép 13 đồn bót, đánh thiệt hại nặng đồn Tà Suôi, Xóm Tre; bức rút đồn Bình Lộc (xã Vĩnh Lộc) [6, tr. 418]. Tại Vĩnh Long, sau sáu tháng thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, đến giữa năm 1973, quân và dân Vĩnh Long mở rộng vùng giải phóng ở nông thôn, làm chủ cơ bản khu vực nam, bắc sông Măng Thít đến quốc lộ 4, tuyến Bình Minh - Lấp Vò, là những tuyến giao liên huyết mạch của ta. Kế hoạch lần đất, giành dân của địch từng bước bị đánh bại [7, tr. 309]. Tại Trà Vinh, Tỉnh ủy Trà Vinh chỉ đạo toàn lực lượng kiên quyết trừng trị địch càn quét lần chiếm trước, trong và sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quyết không để mất đất, mất dân [159, tr. 260]. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong năm 1973, quân và dân Trà Vinh đã tiêu diệt 26 đồn địch, bức rút 31 đồn khác, phối hợp binh vận và nội ứng vận động binh lính 4 đồn địch đồng loạt phản chiến; loại khỏi vòng chiến đấu 1.300 tên địch; thu 790 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự [159, tr. 274].

Như vậy, sau Hiệp định Paris năm 1973, trong khi một số nơi ở chiến trường miền Nam tương đối yên ắng, thì địa bàn TNB, nhất là Chương Thiện là vùng trọng điểm bình định lần chiếm ác liệt nhất. Nhưng các cuộc bình định, lần

chiếm của địch đã bị thất bại nặng nề. Tính đến tháng 12-1973, trên chiến trường toàn Khu, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 47.233 tên địch (chết 19.000 tên, bị thương 21.636 tên, bắt 1.550, làm rã ngũ 10.500 tên địch); đánh chìm 145 tàu chiến, cháy 164 chiếc, bắn rơi 66 máy bay, thu 5.466 súng và nhiều phương tiện chiến tranh khác [37, tr. 564]; giải phóng một vùng rộng lớn với hơn 80.000 dân [26, tr. 30]. Kế hoạch vơ vét một triệu tấn thóc của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu kết hợp với các cuộc tấn công bình định lần chiếm đã bị phá sản. Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định, lần chiếm Chương Thiện là thắng lợi lớn của Đảng bộ, quân và dân Khu 9 trong đấu tranh chống phá bình định, qua đó giữ được đất, bảo vệ dân, mở rộng vùng giải phóng. Thắng lợi này đã thúc đẩy phong trào phá gỡ đồn bót địch trong toàn Khu, mở nhiều lõm giải phóng, làm thất bại kế hoạch lần chiếm U Minh của địch, đẩy lùi chương trình bình định phát triển của đối phương tại trọng điểm số một ở khu vực TNB trong năm 1973.

Thực tiễn chiến trường Quân khu 9, đặc biệt là kết quả chiến đấu của quân và dân Khu 9 trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, chống địch bình định, lần chiếm năm 1973, mà trọng điểm là Chương Thiện đã được đúc rút thành kinh nghiệm và bài học để phổ biến cho toàn Miền học tập và vận dụng. Bên cạnh đó, chiến thắng Chương Thiện là một trong những cơ sở quan trọng để BCH TƯ Đ đánh giá đúng tình hình địch, đề ra Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 (7-1973), tạo tiền đề cho sự chuyển hướng lãnh đạo cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi.

Cuối năm 1973, đầu năm 1974, CQSG vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định lần chiếm khu vực TNB, CQSG thực hiện kế hoạch năm 1973-1974, theo đó, ngoài mục tiêu bình định, lần chiếm, địch còn thêm kế hoạch cướp và thu gom lúa. Thực hiện âm mưu này, chúng cho xây dựng các sân phơi lúa lớn, các khu vực chứa lúa... nhằm cướp và thu gom lúa của dân tại đây.

Đối phó với âm mưu, thủ đoạn trong Kế hoạch bình định năm 1973-1974 của địch, tháng 8-1974, TƯ CMN tổ chức Hội nghị tổng kết đánh phá bình định toàn B2 và ban hành Nghị quyết số 01/NQ-74, tháng 9-1974 về “*Đánh bại chính*

sách bình định lần chiếm mới của Mỹ nguy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”. Đây là Nghị quyết chuyên đề về chống bình định của TUCMN trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng, TUCMN, các Khu ủy chỉ đạo các địa phương đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Tại đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân Quân khu 9 đã chủ động liên tục phản công và tiến công mạnh mẽ, rộng khắp đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm, bình định, cướp lúa gạo, phong tỏa kinh tế của CQSG.

Tại Cần Thơ, đầu tháng 2-1974, đối phương điều chỉnh lại kế hoạch bình định lấn chiếm, tìm mọi cách khôi phục tuyến kênh xáng Xà No, tái chiếm lại Giồng Riềng. Đối phó kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, Tỉnh ủy Cần Thơ chủ trương tổ chức đợt hoạt động cao điểm với quyết tâm “giành đất, giành dân, giữ lúa”, bẻ gãy âm mưu bình định lấn chiếm của địch. Trong đợt cao điểm này, lực lượng vũ trang tỉnh Cần Thơ làm chủ trên các vùng, các tuyến trọng điểm. Trên tuyến Lái Hiếu, ta tiêu diệt căn cứ quân đội Sài Gòn ở Kinh 13 xã Vĩnh Viễn, đồn Cây Me, đồn Tô Ma (Lương Tâm). Tiểu đoàn Tây Đô I tiêu diệt gọn cụm đồn tề xã và Phân chi khu Thanh An, bắt rút đồn Mù U. Quân và dân huyện Phụng Hiệp kết hợp với du kích địa phương bức rút hai đồn, giải phóng khu vực kênh xáng Rạch Gòi đến ngã tư Cây Dương [35, tr. 278]. Kết thúc đợt cao điểm mùa khô, quân và dân Cần Thơ đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.771 tên địch, bắt rút 20 đồn bót, thu 384 súng các loại, giải phóng 50 ấp và hơn 20.000 dân. Đến cuối năm 1974, vùng giải phóng được mở rộng tạo thành thể liên hoàn với 32 xã được giải phóng hoàn toàn hoặc giải phóng cơ bản [70, tr. 331-333]. Ở vùng giải phóng, ta huy động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng vùng giải phóng, như: đào vét kênh, đắp đập, giữ nước, dọn đường; thành lập đội chiếu bóng và đoàn dân công phục vụ bà con; tổ chức tiêm ngừa, khám bệnh, điều trị bệnh cho đồng bào. Bên cạnh đó, phong trào đấu tranh chính trị diễn ra sôi nổi chống bắt lính, chống vào phòng vệ dân sự; phong trào quần chúng đấu tranh giữ lúa, bám đất, đòi về ruộng vườn cũ sinh sống làm ăn. Quần chúng nhân dân nhiều nơi

bung về sản xuất tại các vùng giải phóng mới như Mỹ Thuận (xã Phụng Hiệp), Xẻo Môn (xã Hòa Mỹ). Thời điểm này, ở Cần Thơ ta đã mở được vùng giải phóng rộng lớn, tạo thế liên hoàn giữa huyện với huyện, giữa xã với xã từ khu vực Trường Xuân với phía tây xã Trường Long, giữa Ô Môn và Châu Thành A, Phú Hữu, Đông Phước (Châu Thành B), tuyến Lái Hiếu, Xẻo Môn, Đòn Dong (huyện Phụng Hiệp). Tính đến tháng 6-1974, ta đã giải phóng được 115 ấp giải phóng với trên 60.000 dân và 83 ấp tranh chấp với trên 70.000 dân trong tổng số 539 ấp, 680.000 dân trong toàn tỉnh [49, tr. 349-350].

Tại Trà Vinh, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị mở rộng vào tháng 11-1974, nhằm sơ kết hoạt động từ cuối năm 1968 đến đầu tháng 10-1974 và bàn kế hoạch chống bình định cho năm tới. Hội nghị đã thành lập Ban chỉ huy chiến dịch mùa khô năm 1974 ở Trà Vinh. Để tạo sự bất ngờ, ngày 3-12-1974, Phân ban Khu ủy ở Trà Vinh cho nổ súng tiến công mở đầu chiến dịch trên địa bàn Cầu Kè thay vì theo ngày N là đêm 5 rạng ngày 6-12-1974 theo qui định của Quân khu 9. Đúng 15 giờ 30 phút ngày 3-12-1974, Tiểu đoàn 306 và Tiểu đoàn 308 thuộc Trung đoàn 3 bộ đội chủ lực Khu đã tấn công và tiêu diệt Phân chi khu Tam Ngãi (huyện Cầu Kè), bao vây bứt rút đồn Bà Mi và giải phóng được xã Tam Ngãi [159, tr. 282]. Cùng với đó, các đơn vị bộ đội chủ lực Quân khu 9 (Trung đoàn 1 và Trung đoàn 3) đã phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích xã kết hợp ba mũi giáp ngăn chặn và phá tan âm mưu thủ đoạn bình định lần chiếm của địch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đến cuối năm 1974, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban chỉ huy chiến dịch, quân và dân tỉnh Trà Vinh đã giải phóng đại bộ phận nông thôn, mở rộng vùng giải phóng liên hoàn, tạo thế và lực mới cho cách mạng trong giai đoạn tiếp sau [159, tr. 285].

Tại Cà Mau, thực hiện tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy: “ấp giải phóng ấp, xã giải phóng xã”, nơi nào có điều kiện giải phóng thì làm trước, liên tiếp mở mảng, mở vùng, vừa tiến công, vừa xây dựng và phát triển lực lượng. Quân và dân Cà Mau liên tục mở các đợt tấn công cao điểm, gỡ nhiều đồn bót địch. Đến cuối năm 1974, quân và dân nơi đây đã làm tan rã bọn tề xã, ấp, chỉ còn một số đồn bót,

phân chi khu, thị trấn, thị xã. Do đó, sự kìm kẹp của địch không còn chặt chẽ như trước. Vùng giải phóng ngày càng được mở rộng tạo thành thể liên hoàn, với 49 xã giải phóng hoàn toàn hoặc cơ bản [48, tr. 355-356].

Tính chung đợt đầu mùa khô 1973-1974, quân và dân TNB đã gỡ được 324 căn cứ, đồn bót, giải phóng hàng trăm ấp; có nơi mở được những mảng giải phóng liên hoàn từ 5 đến 10 ấp hoặc vài chục ấp, với tổng diện tích lên đến hàng ngàn kilômét vuông cùng nhiều cánh đồng rộng lớn với khoảng 110.000 dân, nối thông hành lang căn cứ U Minh Thượng với vùng U Minh Hạ và từ U Minh đi các vùng trọng điểm khác [35, tr. 278-279]. Chính quyền và quân đội Sài Gòn không giữ được đất, không chiếm được dân, mất những cánh đồng rộng lớn, lực lượng bị phân tán, căng kéo nên không thực hiện được kế hoạch bình định lần chiếm và ý đồ vơ vét cướp lúa gạo của nhân dân.

Nhìn chung, đến cuối năm 1974, quân và dân TNB đã bao vây, bức rút nhiều đồn bót địch, giải phóng nhiều xã, ấp; thu hồi từng mảng lớn ở nông thôn, đẩy địch co cụm về thị xã, thị trấn. Giai đoạn này, ta đã giải phóng và giữ nhiều vùng giải phóng mà CQSG không còn khả năng chiếm lại. Kế hoạch bình định, lần chiếm của CQSG trên chiến trường miền Nam căn bản đã thất bại.

Sang đầu năm 1975 - thời kỳ cáo chung của CQSG, phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân miền Nam nói chung và khu vực TNB nói riêng đã không ngừng phát triển, tấn công địch trên tất cả các mặt trận, ba mũi giáp công, tạo nên sức mạnh tổng hợp, phá vỡ mọi nỗ lực bình định lần chiếm của quân đội và CQSG.

3.3.3. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, chiêu hồi; vận động làm tan rã địch

Thất bại trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ thay bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975), rút dần binh lính Mỹ về nước, chuyển giao vai trò chính trên chiến trường cho quân đội Sài Gòn. Do đó, để tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn, thực hiện nhiệm vụ chính trên chiến trường, địch ban hành lệnh tổng động viên, lùng sục bắt lính, đôn bằng cách dựng các điểm “tuyển quân

nhập ngũ”, “quân sự hóa học đường”, tăng tuổi quân dịch đối với nam giới từ 17 đến 45 tuổi. Qua đó, quân số binh lính Sài Gòn tăng nhanh. Trong nửa năm, Cần Thơ ghi nhận 3.274 thanh niên bị cưỡng bắt nhập ngũ, và hàng ngàn phòng vệ dân sự được đôn lên dân vệ, bảo an, chủ lực [49, tr. 220].

Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị TƯCMN lần thứ 9 (7-1969) chỉ rõ: “Các cấp ủy và các ngành phải phát động cho được một phong trào quyết liệt *chống bắt lính* trong thanh niên và trong cả toàn dân để kết hợp tiêu diệt địch và làm mất nguồn bổ sung của địch. Trong phong trào này, cấp ủy phải dựa vào ngành binh vận và các đoàn thể” [13, tr. 476]. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 kịp thời chỉ đạo cán bộ Tỉnh ủy, Huyện ủy và các ban ngành, đoàn thể tỉnh huyện xuống bám sát địa bàn, lãnh đạo phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống chủ trương quân sự hóa học đường.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy, Đảng bộ các địa phương TNB cử cán bộ, đảng viên xuống tận xã, ấp lãnh đạo phong trào chống bắt lính. Phong trào đấu tranh chống bắt lính và quân sự hóa học đường diễn ra trên khắp địa bàn TNB. Tại Vĩnh Long, phong trào chống bắt lính và đôn quân đều phát triển mạnh mẽ từ nông thôn đến thành thị. Mũi binh vận triển khai nhiều hình thức đấu tranh, vận động, giáo dục, góp phần làm rã ngũ, đào ngũ trên 3.000 binh lính, tổ chức 7 cuộc phản chiến, phát triển và nâng chất nhiều cơ sở trong lòng địch [7, 267]. Qua đó, việc đôn quân của địch trong năm 1969 trên địa bàn Vĩnh Long bước đầu không thực hiện được như mong muốn của chúng. Tại Cần Thơ, giữa năm 1969, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận phát triển rộng khắp. Tiêu biểu là phong trào đấu tranh trực diện chống bắt lính đôn quân, chống thăm sát, rải chất độc hóa học của 10.127 người của đồng bào Châu Thành B, các xã Phú Hữu, Phú Thứ, Đông Phú, Kế Sách... diễn ra quyết liệt [49, tr. 226]. Tại thị xã Vị Thanh, hơn 600 học sinh, giáo viên, phụ huynh và gia đình binh sĩ quân đội Sài Gòn đã tham gia các hoạt động đấu tranh chống bắt lính, chống quân sự hóa học đường, đồng thời hưởng ứng mạnh mẽ

phong trào “những đêm không ngủ” của học sinh, sinh viên Cần Thơ [49, tr. 245-246]. Ở thị xã Trà Vinh, nhân ngày lễ Phật đản (25-4-1970), hơn 10 ngàn đồng bào gồm tín đồ, học sinh, người lao động, có cả thân nhân binh sĩ Sài Gòn biểu tình đòi hòa bình, đòi dân sinh, dân chủ. Tiếp sau đó, khoảng 46 ngàn đồng bào các dân tộc huyện Trà Cú mang băng rôn, cờ, khẩu hiệu, truyền đơn, loa phóng thanh... đấu tranh đòi hòa bình, chống bắt lính, gom dân... buộc tên Quận trưởng thị xã Trà Vinh phải chấp nhận yêu sách của đồng bào [159, tr. 239]. Tại Sóc Trăng, đông đảo học sinh, sinh viên tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình chống quân sự hóa học đường, chống khủng bố học sinh; tổ chức các diễn đàn trao đổi: “Nói cho đồng bào tôi nghe”, “Nghe đồng bào nói” với sự tham gia của hàng ngàn học sinh và tầng lớp trung gian [5, tr. 234]. Ở Cà Mau, phong trào đấu tranh chống càn quét, chống khủng bố, chống bắt lính, chống vơ vét của cải và đòi tự do đi lại của quần chúng diễn ra mạnh mẽ. Phối hợp với đấu tranh chính trị, công tác binh vận làm tan rã 1.894 binh sĩ Sài Gòn, thu được 71 súng; ngành binh vận Cà Mau sử dụng nội ứng diệt 4 đồn, phối hợp lực lượng vũ trang tiêu diệt 34 tên gian ác [48, tr. 329].

Sang năm 1971, là thời kỳ quân và dân Cà Mau đánh địch “bình định U Minh” rất quyết liệt. Cùng với hoạt động đấu tranh vũ trang chống các đợt càn quét, lấn chiếm của địch, công tác binh vận tiếp tục được đẩy mạnh, Hội Phụ nữ phối hợp với các bà, các mẹ vận động gia đình binh sĩ và binh sĩ làm công tác nội ứng, chống lệnh đi càn; tích cực vận động binh sĩ trong hàng ngũ địch bỏ ngũ, rã ngũ đem súng về cho cách mạng, rồi dùng số súng đạn đó trang bị cho các đội du kích, nhờ đó phong trào du kích mau chóng khôi phục, một số nơi du kích áp sát đồn bót địch, hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân [48, tr. 334]. Tại Bạc Liêu, các tầng lớp nhân dân, bao gồm: học sinh, sinh viên, nhân sĩ, trí thức, tín đồ Phật giáo, gia đình binh sĩ Sài Gòn, thương phế binh tiến hành phong trào chống bắt lính, đồn quân, chống gom dân, chống đàn áp, đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh, đòi quyền tự quyết dân tộc... Chỉ tính trong năm 1971, phối hợp đấu tranh chính trị và quân sự, mũi binh vận tỉnh

Bạc Liêu có bước đột phá, nội ứng 60 cuộc đấu tranh, gỡ 18 đồn bót, vận động hàng ngàn binh sĩ Sài Gòn rã ngũ, đào ngũ [6, tr. 390]. Ở thị xã Rạch Giá (Kiên Giang), diễn ra phong trào đấu tranh chống bắt lính, Mỹ bắn ghe tàu đánh cá, thảm sát ngư phủ; học sinh, sinh viên đấu tranh chống “quân sự hóa học đường”, chống văn hóa lai căng đòi truy, bảo vệ thuần phong mỹ tục, văn hóa dân tộc [158, tr. 188]. Ở Cần Thơ diễn ra cuộc đấu tranh của 68 gia đình binh sĩ đòi tiền tử tuất, đòi trợ cấp, tố cáo hành động bắt chồng, con, anh em đi lính, chết thay cho Mỹ; cuộc đấu tranh chống thảm sát của 500 sư sãi và đồng bào Khmer ở xã Vĩnh Viễn (Long Mỹ)... Kết quả, quân chúng đã buộc địch bồi thường trên hai triệu đồng, giải thoát hơn 500 thanh niên khỏi đi lính, trên 1.000 phòng vệ dân sự trả súng không canh gác, gần 600 người thoát cảnh bị địch ép vào tổ chức phòng vệ dân sự [49, tr. 274]. Ở khu vực Cần Thơ - Hậu Giang, phong trào vận động làm tan rã địch diễn ra thường xuyên, trong 6 tháng đầu năm 1971, ngành binh vận triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục và giác ngộ binh sĩ quân đội Sài Gòn, bao gồm tiếp xúc trực tiếp, viết thư tay, rải truyền đơn, phát loa kêu gọi, cũng như phát động phong trào “súng Mỹ lòng ta”: “Súng Mỹ anh cặp bên hông; Bắn ai, anh tự hỏi lòng anh coi” [49, tr. 270-271]. Hiệu quả của hình thức đấu tranh này là nhiều binh sĩ quân đội Sài Gòn tỏ ra uể oải trong việc chấp hành mệnh lệnh, sợ đi càn quét, đi đóng đồn và sợ điều đi chiến trường Lào, Campuchia. Nhiều binh sĩ chống lệnh càn quét, chống đôn quan bằng cách rã ngũ, đào ngũ hoặc tự gây thương tật và phản chiến tập thể từ trung đội đến đại đội [49, tr. 282].

Nhìn chung, từ năm 1969 đến năm 1971, phong trào đấu tranh chống đôn quân, bắt lính, chống hành quân càn quét diễn ra với nhiều hình thức rất quyết liệt như: phản chiến, binh biến, diệt ác ôn, tự gây thương tích. Có những cuộc đấu tranh với sự tham gia của hàng chục nghìn người, bao gồm học sinh, sinh viên, giáo viên, phụ huynh và gia đình binh sĩ quân đội Sài Gòn tham gia các hoạt động đấu tranh chống bắt lính và chống chủ trương quân sự hóa học đường.

Sự tham gia của các gia đình binh sĩ có sức nặng giáo dục, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của binh sĩ, làm tăng mâu thuẫn trong nội bộ địch và giúp phân hóa lực lượng kẻ thù.

Trong cuộc tiến công xuân hè năm 1972, phối hợp với lực lượng vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị và binh vận diễn ra rộng khắp, nhất là phong trào đấu tranh chống bắt lính, vận động binh lính đào ngũ, rã ngũ. Trong ba tháng Xuân - Hè năm 1972, phụ nữ Cà Mau đã vận động binh lính quân đội Sài Gòn tiến hành binh biến tại 107 đồn, góp phần giải phóng 12 xã, áp với khoảng 13 vạn dân [128]. Tại Bạc Liêu, ngày 18-7-1972 hơn 2000 quân chúng thị xã Bạc Liêu gồm tu sĩ, học sinh, tiểu thương, công nhân lao động đấu tranh chống bắt học sinh, thanh niên đi lính, chống đuổi nhà, đuổi chợ. Kết quả, có 125 thanh niên thoát khỏi bị bắt lính, địch hoãn kế hoạch đuổi nhà, đuổi chợ [6, tr. 399]. Tại Sóc Trăng, nổi bật là phong trào chống khủng bố, bắt lính của hàng ngàn người, bao gồm người Việt - Khmer, tu sĩ và sư sãi tại chùa Cỏ Thum, chùa Dày Quán, Địa Muôn, Cà Đôn chống địch ném bom bắn phá, chống bắt sư sãi và thanh niên đi lính, với khẩu hiệu: “Không được bắt người tu hành đi lính”, “Hãy thả con em chúng tôi” [5, tr. 264-265]. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, chính quyền địch phải xoa dịu hứa hẹn không bắt lính, không bố ráp ở các chùa trên địa bàn Sóc Trăng. Tại Cần Thơ, nhân dân thị xã Vị Thanh, thị trấn Long Mỹ tiến hành các cuộc đấu tranh trực diện với địch chống bắt lính, chống địch đi càn quét; nhiều gia đình binh sĩ đấu tranh đòi chồng, con, em về [49, tr. 295]. Tại đây, phong trào nổi dậy, chống lệnh đi càn quét, can viện, đào rã ngũ của binh lính diễn ra liên tục. Chỉ tính trong năm 1972, ở Cần Thơ đã có 5.967 lính đào rã ngũ; có 42 vụ binh biến, nội ứng diệt 63 ác ôn; khởi nghĩa ba đồn, mang về cho cách mạng trên 200 khẩu súng [49, tr. 307]. Ở Trà Vinh, nhiều cuộc đấu tranh thu hút hàng chục ngàn người thuộc các tầng lớp nhân dân, đồng bào dân tộc, sư sãi, người già, phụ nữ, thiếu nhi đấu tranh chống địch càn quét, bắt lính, đồn quân, cào nhà dân,... buộc Tỉnh trưởng Vĩnh Bình phải nhượng bộ, nhận đơn, hứa bồi thường thiệt hại [159, tr. 250]. Bên cạnh đó, các cơ sở binh vận trong

vùng địch kiểm soát đã gây dựng được cơ sở nội tuyến trong lực lượng quân đội và CQSG và vận động được hàng trăm binh lính đào ngũ, rã ngũ, bỏ về quê nhà làm ăn sinh sống.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết (21-7-1973), Mỹ từng bước rút quân và cắt giảm viện trợ, điều này làm chính quyền và quân đội Sài Gòn sa sút, thiếu hụt nghiêm trọng về quân số và lâm vào khủng hoảng chính trị, kinh tế. Do đó, để tăng quân số, địch ráo riết bắt lính đôn quân, củng cố, nâng chất, trang bị cho phòng vệ dân sự; củng cố bộ máy kìm kẹp và phát triển lực lượng công an, cảnh sát ở thị xã, thị trấn và những nơi đã bình định xong.

Trong tình đó, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác binh vận, củng cố chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc, đồng thời tuyên truyền, vận động gia đình binh sĩ, kêu gọi binh lính bỏ súng trở về với gia đình, nhằm làm suy giảm sức chiến đấu của sĩ quan và binh lính trong quân đội Sài Gòn. Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, ngành binh vận các địa phương TNB đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động gia đình và binh lính Sài Gòn buông súng quay về với gia đình với khẩu hiệu: “Mỹ thua về Mỹ, anh em binh sĩ về đâu?”. Ở Cần Thơ, diễn ra cuộc đấu tranh của đồng bào tăng ni phật tử ở xã Vĩnh Tường (Long Mỹ) đấu tranh chống địch đi bắt lính và càn quét làm hư hại chùa Phước Long. Chùa Phước Long là nơi trọng điểm bình định lần chiếm vùng giải phóng, đánh phá cơ sở cách mạng của địch. Từ ngày 21 đến ngày 26-3-1973, nhà chùa đã tập hợp hàng trăm gia đình đến xung quanh chùa, không tập trung vào đồn, bót giặc, nhằm bảo vệ cơ sở cách mạng, nuôi chứa gần 100 thanh niên khỏi đi lính làm tay sai cho giặc, vận động hơn 50 binh lính địch đào ngũ [22, tr. 165]. Cuộc đấu tranh kiên quyết của tăng ni phật tử và quần chúng cũng buộc địch phải nhượng bộ. Ở vùng giải phóng, quần chúng kéo ra đấu tranh trực diện chống địch càn quét lần chiếm, vi phạm Hiệp định Paris. Phong trào không chỉ diễn ra tại chỗ mà còn kéo ra thị xã, thị trấn, tại nơi xuất phát hành quân của địch để đấu tranh. Qua đó, đã hạn chế được sự càn quét đánh phá của địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang bám địa bàn, đánh địch. Tại Sóc Trăng, ngày 25-11-

1973, nhân dân Pray - chóp huyện Vĩnh Châu đấu tranh quyết liệt chống bắt lính, đông đảo đồng bào Khmer đấu tranh với bọn cảnh sát, chống việc bắt sư sãi đi lính. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi quần chúng nhân dân tổ chức các cuộc chống biên thu, gom lúa, thu mua lúa trả bằng tấm phiếu... nhằm chống lại âm mưu và hành động cướp lúa của quân đội và CQSG. Tại Vĩnh Long, cán bộ binh vận tổ chức những cuộc gặp trực tiếp, tuyên truyền, vận động gia đình binh sĩ kêu gọi con em buông súng trở về gia đình; nhiều gia đình đấu tranh chống việc đưa con em đi hành quân sau khi Hiệp định Paris được ký. Kết quả, chỉ trong 4 ngày, 55 đơn địch xin hòa hoãn, 3 đại đội bảo an cũng xin hòa hoãn và đóng quân đúng nơi quy định, trong đó 2 đại đội phản chiến, không tuân lệnh cấp trên; có nơi binh sĩ quân đội Sài Gòn xin cờ Mặt trận cắm trên nóc đồn [7, tr. 305], với mong muốn đình chiến và hòa bình theo tinh thần Hiệp định Paris. Ở Trà Vinh, cán bộ Ban Khmer vận của Khu ủy phối hợp với tu sĩ, gia đình binh sĩ vận động binh lính quân đội Sài Gòn đào ngũ, rã ngũ. Nhiều gia đình chuẩn bị sẵn áo cà sa để khi vận động được binh lính ra khỏi đồn sẽ mặc áo cà sa vào, dẫn về chùa làm lễ quy y [87, tr. 210]. Tính chung trong năm 1973, quân và dân Trà Vinh đã tiêu diệt 26 đồn địch, bức rút 31 đồn khác; công tác binh vận và nội ứng vận động binh lính 4 đồn địch đồng loạt phản chiến, loại khỏi vòng chiến đấu 1.300 tên địch; thu 790 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự [159, tr. 274].

Sang năm 1974, địch tiếp tục mở các cuộc hành quân càn quét, lấn chiếm. Trọng điểm bình định, lấn chiếm là khu vực Tây Nam Long Mỹ (Cần Thơ), nơi có Sở Chỉ huy Tiền phương của Quân khu 9. Song song với CSBD, lấn chiếm là chính sách vơ vét lúa gạo ở vùng đất chín rồng và coi đây là năm chiến tranh lúa gạo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Để bổ sung lực lượng thực hiện những âm mưu, hành động trên, tháng 2-1975, CQSG ráo riết truy lùng những binh sĩ vừa đào ngũ, rã ngũ và tăng cường bắt lính trong đồng bào sư sãi, tu sĩ, thanh niên.

Trước tình hình đó, Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy Khu 9 đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1974: “Phát huy những thắng lợi đã giành được, đẩy mạnh hơn nữa tiến công và phản công toàn diện, đánh bại kế hoạch bình định năm 1974, trước mắt đánh bại kế hoạch lấn chiếm, cướp lúa, rút lúa mùa khô và phong tỏa kinh tế của địch” [69, tr. 464]. Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy và Quân khu ủy, Đảng bộ các tỉnh khu vực TNB tiếp tục đẩy mạnh công tác binh vận, phổ biến chính sách hòa hợp dân tộc của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến các gia đình binh sĩ và nhân dân. Ở Cà Mau, ngành binh vận chú trọng tuyên truyền chính sách 10 điểm của Mặt trận, thực hiện hòa hợp, hòa giải dân tộc, kêu gọi anh em binh sĩ buông súng quay về với nhân dân, đã có 1.500 gia đình binh sĩ trực tiếp tuyên truyền giáo dục chồng, con thực hiện chính sách hòa giải dân tộc, buông súng về với gia đình [48, tr. 364]. Tại Cần Thơ, ở vùng yếu và vùng kèm, quần chúng và gia đình binh sĩ đã vận động làm tan rã hàng ngàn binh lính quân đội Sài Gòn. Ở vùng kìm cữ như Ô Môn, Thốt Nốt, Châu Thành B, hàng trăm gia đình có con em tham gia phòng vệ đấu tranh đòi giải tán phòng vệ, trả súng không đi gác. Ở vùng giải phóng và vùng tranh chấp, quần chúng nổi dậy tấn công, bao vây đồn bót, xây dựng xã, ấp chiến đấu, chống địch phản kích tái chiếm, tham gia ban phá đồn bót. Ở vùng thị xã, thị trấn, quần chúng lao động đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống vơ vét thuế, chống bắt lính, chống luật lệ phản động. Tại Vĩnh Long, quần chúng nhân dân với nhiều thành phần, bao gồm học sinh, sinh viên, sư sãi, đồng bào Khmer và gia đình binh lính, đã đấu tranh trực diện với địch, bức rút đồn bót, phá kèm, phá giao thông, đồng thời lôi kéo người thân là binh lính quân đội Sài Gòn buông súng trở về gia đình; hàng chục nghìn người tham gia xây dựng xã, ấp chiến đấu. Chỉ trong hai tháng đầu năm 1975, có trên 2.180 gia đình binh sĩ đi vận động chồng, con, em quay về quê hương làm ăn sinh sống [7, tr. 332]. Ở Trà Vinh, phong trào đấu tranh chống bắt sư sãi đi lính diễn ra mạnh mẽ, ngày 23-2-1975, sư sãi từ 47 chùa ở huyện Trà Cú và Cầu Ngang cùng với 6.500

đồng bào Kinh-Khmer tiến về chùa Kos Sa La (xã Ngãi Xuyên) biểu tình thị uy, giơ cao khẩu hiệu: Chấm dứt bắt sư sãi đi lính; Thả ngay số sư sãi bị bắt; Thi hành Hiệp định Paris.... Ngày 24-2-1975, sư sãi từ 50 chùa ở Trà Cú cùng với sự tham gia của 100 phụ nữ Khmer chống bắt sư sãi, thanh niên đi lính. Sau đó hàng loạt cuộc đấu tranh của quần chúng diễn ra liên tiếp, cuối cùng địch phải thả hết số nhà sư bị bắt trong tháng 2-1975 với gần 200 người [159, tr. 291-293].

Nhìn chung, trong giai đoạn 1969-1975, ở khu vực TNB, phong trào đấu tranh chống bắt lính, chiêu hồi, vận động làm tan rã địch diễn ra sôi nổi, liên tiếp, với nhiều cuộc đấu tranh có sự tham gia của hàng ngàn người, bao gồm nhiều thành phần, như: học sinh, sinh viên, sư sãi, đồng bào Khmer, phụ nữ và gia đình binh lính quân đội Sài Gòn. Phong trào đấu tranh chống đồn quân, bắt lính, chống hành quân càn quét diễn ra với nhiều hình thức rất quyết liệt như: phản chiến, binh biến, diệt ác ôn, tự gây thương tích. Đảng bộ các địa phương TNB cử cán bộ, đảng viên xuống tận xã, ấp lãnh đạo và phát động phong trào chống bắt lính trong thanh niên và trong cả toàn dân để kết hợp tiêu diệt địch và làm mất nguồn bổ sung của địch; Mũi binh vận tổ chức nhiều hình thức đấu tranh, vận động, giáo dục, góp phần làm rã ngũ, đào ngũ; Tổ chức cho các tầng lớp nhân dân, bao gồm: học sinh, sinh viên, nhân sĩ, trí thức, tín đồ Phật giáo, gia đình binh sĩ Sài Gòn, thương phế binh tiến hành phong trào chống bắt lính, đồn quân, chống gom dân, chống đàn áp, chống thẩm sát, rải chất độc hóa học, đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh, đòi quyền tự quyết dân tộc; Tổ chức các diễn đàn trao đổi: “Nói cho đồng bào tôi nghe”, “Nghe đồng bào nói” và phong trào “Những đêm không ngủ” của học sinh, sinh viên nhằm đấu tranh chống bắt lính, quân sự hóa học đường; Tuyên truyền, vận động, tổ chức cho đồng bào các dân tộc Khmer giảng băng rôn, cờ, khẩu hiệu, truyền đơn, loa phóng thanh... đấu tranh đòi hòa bình, chống bắt lính, gom dân... Các cuộc đấu tranh này góp phần phân hóa kẻ thù, nhiều binh lính quân đội Sài Gòn chống lệnh càn quét, chống đồn quan bằng cách rã ngũ, đào ngũ hoặc tự gây thương tật và phản chiến

tập thể qui mô từ trung đến đại đội. Qua đó làm suy yếu kẻ thù, góp phần đưa cuộc đấu tranh chống bình định, lấn chiếm của quân và dân ta giành thắng lợi.

3.3.4. Chỉ đạo quân và dân Tây Nam Bộ tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, phong trào đấu tranh chống địch bình định giành thắng lợi hoàn toàn

Bước sang năm 1975, CQSG vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định, lấn chiếm, tiếp tục tập trung nỗ lực vào công tác bình định và an ninh lãnh thổ. Tuy nhiên, những thất bại về quân sự, khó khăn về kinh tế, khủng hoảng về chính trị đã khiến cho tinh thần chiến đấu của binh lính, sĩ quan của quân đội Sài Gòn giảm sút nghiêm trọng, không còn đủ sức làm nòng cốt cho kế hoạch bình định lấn chiếm của CQSG.

Thực hiện quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976 của Bộ Chính trị, tháng 10-1974, Bộ Tư lệnh Miền xây dựng kế hoạch mùa khô 1974-1975, trong đó, yêu cầu cơ bản là phá vỡ kế hoạch bình định của CQSG, trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long (vùng Vĩnh - Trà - Bến Tre, Đồng Tháp Mười, biên giới Kiên Tường và vùng ruột Hậu Giang) [35, tr. 307]. Tại vùng trọng điểm này, các lực lượng đẩy mạnh tấn công bao vây, bức rút đồn bót địch, phá thế kềm kẹp, giải phóng đại bộ phận nông thôn, áp sát vào các thành phố, thị xã, đường giao thông.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Tư lệnh Miền, quân và dân miền Nam tiến hành các đợt tấn công trên địa bàn chủ yếu tại miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời điểm này, các kế hoạch, biện pháp bình định, lấn chiếm của CQSG đã không còn hiệu lực, quân đội Sài Gòn không còn đủ sức tái chiếm các ấp tân sinh đã được lực lượng cách mạng giải phóng.

Sau khi chiến dịch Đường 14 - Phước Long (1-1975) giành thắng lợi, Bộ Chính trị chủ trương tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu, Bộ Chính trị đã điện cho chỉ huy các chiến trường ở miền Nam “Phải nhanh chóng phát động

quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, kho tàng nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và xáp vào vận động binh sỹ bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị nguy quân [65, tr. 90], “Phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược, kết hợp tiến công và nổi dậy từ ngoại thành vào, từ trong đánh ra” [65, tr. 96].

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, các địa phương, các chiến trường gấp rút hoàn thành chuẩn bị các mặt cho tiến công quân sự, đồng thời tổ chức lực lượng quần chúng, đề ra các phương châm, phương thức, biện pháp để phát động quần chúng nổi dậy khi cuộc Tổng tiến công nổ ra.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên và sau đó là chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Trước đòn tiến công dồn dập của Quân giải phóng, các tuyến phòng thủ của địch ở Huế, Đà Nẵng đã bị phá vỡ, quân ta đã giải phóng hoàn toàn các tỉnh ven biển miền Trung. Sau thắng lợi của hai chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, ngày 31-1-1975, Bộ Chính trị họp quyết định Tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng Sài Gòn. Bộ Chính trị chỉ đạo: “Nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay (1975), không để chậm” [65, tr. 95-96]. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, TUCMN chỉ đạo toàn quân, toàn dân miền Nam vùng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa bằng sự kết hợp ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng chiến lược để “giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam” [18, tr. 742].

Thực hiện quyết tâm giải phóng miền Nam, ngày 8-4-1975, Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Ngày 14-4-1975, chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên là chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 26-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Quân khu 9 được giao hai nhiệm vụ: Kìm chân hai Sư đoàn thuộc quân đội Sài Gòn, không cho chúng chi viện lên Sài Gòn và không cho địch từ Sài Gòn thoát về đồng bằng sông Cửu Long; Nắm thời cơ tổ chức cho xã giải phóng xã, huyện

giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, khu giải phóng khu.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Khu ủy, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã chỉ đạo mở các đợt sinh hoạt chính trị đến toàn đảng, toàn quân, toàn dân để quán triệt nhiệm vụ và xác định đây là thời cơ có một không hai để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Cùng thời điểm diễn ra chiến dịch Hồ Chí Minh, Khu ủy, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh khu 9 chỉ đạo toàn quân, toàn dân đồng loạt tiến công và nổi dậy, thực hiện phương châm xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, khu giải phóng khu. Ở Khu 9, dưới sự chỉ huy của Tư lệnh Quân khu 9 Phạm Ngọc Hưng, các lực lượng gồm Trung đoàn 2, 10, 20, 101 thuộc Sư đoàn 4, Đoàn 6 pháo binh, Tiểu đoàn 303 (Trung đoàn 1) cùng một số tiểu đoàn độc lập Quân khu và các lực lượng địa phương tiến công vào thành phố Cần Thơ - cơ quan đầu não của Quân đoàn 4 và Quân khu 4 của CQSG và là trọng điểm số 1 trong chiến dịch tại miền TNB. Bên cạnh đó, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Đệ - Phó Tư lệnh Quân khu 9, các lực lượng gồm Trung đoàn 3, Trung đoàn 1 (không đầy đủ quân số), Tiểu đoàn pháo 2314 và lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích tiến công Vĩnh Long - trọng điểm số 2 của chiến dịch [69, tr. 483]. Các địa phương khác đều xác định trọng điểm tiến công tại địa phương, bố trí lực lượng, thực hiện phương châm tự lực tự cường, tự giải phóng mình. Kết thúc chiến dịch tiến công, quân và dân Khu 9 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: kìm chân hai Sư đoàn của quân đội Sài Gòn, cắt đứt Quốc lộ 4 không cho địch chi viện lên Sài Gòn và không để địch dồn quân từ Sài Gòn về đồng bằng sông Cửu Long, khống chế sân bay Trà Nóc và Lộ Tẻ, đánh sập chính quyền và quân đội Sài Gòn ở Quân đoàn 5 - Quân khu 4, giải phóng thành phố Cần Thơ - trọng điểm số 1 khu vực TNB, tự giải phóng Khu [69, tr. 484].

Phối hợp với đòn tiến công quân sự trên các chiến trường miền Nam và Tây Nguyên, quân và dân TNB đẩy mạnh hoạt động đấu tranh chống CSBD, tiến lên giành quyền làm chủ. Từ tháng 12-1974 đến tháng 2-1975, quân và dân TNB thực hiện mở mảng, mở vùng, giải phóng nhanh, vượt mức yêu cầu như vùng nông thôn Vĩnh - Trà. Quân và dân nơi đây đã giải phóng hoàn toàn 51 xã, giải

phóng cơ bản 42 xã, 414 ấp, với 489.000 dân. Quân dân các địa bàn khác ở khu vực TNB giải phóng hoàn toàn 37 xã, 287 ấp, 403.000 dân [35, tr. 309].

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, phối hợp với các cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, hàng triệu người ở khắp các thành thị và nông thôn miền Nam, bao gồm mọi lực lượng, mọi tầng lớp đã vùng dậy giành quyền làm chủ. Tại các tỉnh Tây Nam Bộ, lực lượng quân sự kết hợp với nổi dậy của nhân dân giành chính quyền ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Vị Thanh. Tại các thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho, Rạch Giá, Vĩnh Long, Bến Tre, khi lực lượng vũ trang tiến công áp sát ngoại vi, quần chúng đã nổi dậy giành chính quyền. Tại Châu Đốc và Bạc Liêu, quần chúng nổi dậy kết hợp với binh vận, buộc địch đầu hàng trước khi Quân giải phóng tiến vào thành phố.

Đến ngày 30-4-1975, quân và dân miền Nam đã giải phóng hoàn toàn Sài Gòn, ngày 2-5-1975, các đảo và những tỉnh còn lại ở miền Nam đã được giải phóng. Chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn và cũng là thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBD trong cuộc KCCMCN.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là sự phát triển cao của quá trình kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, của tiến công quân sự với nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân. Phong trào nổi dậy của quần chúng đã đóng vai trò quan trọng trong từng trận đánh, từng chiến dịch. Các binh đoàn chủ lực đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt những cứ điểm phòng thủ chủ yếu của địch, hỗ trợ đặc lực cho quần chúng nổi dậy. Ngược lại, phong trào nổi dậy quần chúng không những bảo vệ và giữ vững thành quả của tiến công quân sự, mà còn làm hậu thuẫn và hỗ trợ đặc lực cho các cuộc tiến công quân sự, nâng cao, phát triển tốc độ của các cuộc tiến công, mở rộng địa bàn và lực lượng tiến công. Với sự kết hợp cao nhất giữa tiến công quân sự và nổi dậy quần chúng, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 tuy diễn ra chỉ 55 ngày đêm nhưng đã đánh bại trên 1 triệu quân địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đánh giá về vai trò của đấu tranh chính trị và nổi dậy quần chúng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*, Bộ Chính trị nhận định: “Đấu tranh chính trị, trong đó khởi nghĩa, nổi dậy của quần chúng là hình thức đặc biệt, hình thức cao nhất của nó, có quy luật giành thắng lợi, quy luật riêng trong cách mạng và chiến tranh giải phóng chống Mỹ ở miền Nam” [19, tr. 175].

Như vậy, nếu so với giai đoạn 1965-1968, sự chỉ đạo của Đảng chống CSBD của Mỹ và CQSG ở giai đoạn 1969-1975 có sự chuyển biến rõ rệt. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, trong giai đoạn 1969-1975, quân và dân TNB đấu tranh chống địch bình định không chỉ để “giữ đất”, “giành dân” mà còn nhằm “giữ lúa” trước âm mưu, kế hoạch thu gom lúa gạo của CQSG. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 1969-1975, các cuộc vận động kêu gọi binh lính quân đội Sài Gòn bỏ ngũ, rẽ ngũ diễn ra mạnh mẽ, rộng khắp hơn so với giai đoạn 1965-1968, góp phần vào thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBD trong cuộc KCCMCN.

Tiểu kết chương 3

Từ năm 1969, Mỹ triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam, tiến hành hàng loạt hoạt động chính trị, quân sự, đẩy mạnh hoạt động lấn chiếm bình định, giành đất, giành dân. Giai đoạn này, hoạt động bình định, lấn chiếm của Mỹ và CQSG diễn ra với hàng loạt chương trình, kế hoạch bình định liên tiếp quy mô lớn, cường độ, thủ đoạn như một cuộc chiến tranh - “chiến tranh bình định”. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của các cấp bộ đảng, trực tiếp là Khu ủy khu 9, quân và dân TNB kiên quyết dùng biện pháp quân sự kết hợp với công tác binh vận và đấu tranh chính trị chống địch vi phạm Hiệp định Paris, quyết tâm đánh phá bình định, lấn chiếm của CQSG làm nên Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện năm 1973. Thắng lợi này đã đúc rút thành kinh nghiệm và bài học phổ biến cho toàn Miền học tập và vận dụng trong phong trào đấu tranh

chống CSBĐ của Mỹ và CQSG.

Trong những năm 1974-1975, CQSG vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định, lấn chiếm, tiếp tục tập trung nỗ lực vào công tác bình định và an ninh lãnh thổ, cố gắng kiểm soát phần lớn các ấp toàn miền Nam nói chung và khu vực TNB nói riêng. Tuy nhiên, những thất bại về quân sự, khó khăn về kinh tế, khủng hoảng về chính trị đã khiến cho quân đội Sài Gòn không còn đủ sức làm nòng cốt cho kế hoạch bình định lấn chiếm của CQSG. Ở giai đoạn cuối cuộc KCCMCN, phong trào đấu tranh chống CSBĐ của quân và dân miền Nam và miền TNB đã không ngừng phát triển, tấn công địch trên tất cả các mặt trận, tạo nên sức mạnh tổng hợp, phá vỡ mọi nỗ lực bình định lấn chiếm của quân đội và CQSG. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống CSBĐ của quân và dân miền TNB, đã góp phần hoàn thành thắng lợi cuộc KCCMCN trong gần 21 năm của nhân dân Việt Nam.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ (1965-1975)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Những thành tích trong đấu tranh chống địch bình định giai đoạn 1965-1975 của quân và dân miền TNB là kết quả của chủ trương, đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng; sự vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương của các cấp ủy Đảng miền Nam và Tây Nam Bộ trong phong trào đấu tranh chống bình định của Mỹ và CQSG.

Một là, về chủ trương

Chủ trương đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm của Đảng ta là chủ trương đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng giải phóng dân tộc; giành quyền tự do, dân chủ của nhân dân

Thực tế phong trào đấu tranh chống địch bình định của quân và dân ta đã chỉ ra rằng để giành thắng lợi phải có chủ trương đúng đắn, phương pháp đấu tranh phù hợp, kịp thời để đánh bại các âm mưu, thủ đoạn bình định lấn chiếm của Mỹ và CQSG. Đảng đã nhận thức và đánh giá đúng âm mưu và thủ đoạn bình định của địch, từ đó đề ra chủ trương kịp thời, kiên quyết đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm nhằm giữ đất và giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Trong giai đoạn 1965-1968, Mỹ và CQSG triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Chiến lược chiến tranh này thực hiện bằng hai gọng kìm chủ yếu là “tìm diệt” và “bình định”, nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang và các cơ sở hạ tầng của lực lượng cách mạng; tiếp tục bình định miền Nam, thu phục trái tim, khối óc của người dân miền Nam.

Để đối phó với âm mưu mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, ngày 27-12-1965, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chủ trương “Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”[55, tr. 634].

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, tháng 3-1966, tại Hội nghị lần thứ Tư tháng 3-1966, TƯCMN ra Nghị quyết khẳng định quyết tâm: “đánh bại các âm mưu quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn, kìm kẹp đô thị của địch; củng cố và mở rộng thế làm chủ rừng núi và nông thôn đồng bằng,... tiếp tục phá áp chiến lược, thu hẹp phạm vi kiểm soát của địch,... tạo thời cơ vững chắc để thắng địch trong tình huống cuộc chiến tranh kéo dài và mở rộng cả nước” [11, tr. 51-52].

Trong những năm 1969-1970, Mỹ và CQSG ồ ạt phản kích và liên tiếp tiến hành các chương trình bình định miền Nam trên diện rộng, từ kế hoạch “Bình định cấp tốc” (10-1968), “Bình định đặc biệt” (cuối 1968, đầu 1969), “Bình định phát triển” (1970), “Bình định phát triển bổ túc” (giữa 1970). Thời điểm này đối phương tạm thời tạo được thế và lực trên chiến trường, ta bị đẩy lùi và mất thế chiến lược và mất chỗ đứng chân ở nhiều nơi sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Trước những khó khăn, thử thách lớn như vậy, Trung ương Đảng và Trung ương Cục nhanh chóng nắm bắt tình hình, rút kinh nghiệm từ những tổn thất và đề ra đường lối chiến lược đúng đắn trên mặt trận chống bình định.

Nhằm kịp thời điều chỉnh chủ trương, phương hướng chỉ đạo chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương họp, ra Nghị quyết số 188-NQ/TW ngày 10-5-1969 “Về tình hình và nhiệm vụ” trong đó khẳng định: “Nông thôn là địa bàn chiến lược hết sức trọng yếu của ta hiện nay cũng như về sau này” [59, tr. 136]. Đến tháng 7-1969, tại Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9, TƯCMN xác định: địch coi CSBD nông thôn là một bộ phận hết sức trọng yếu trong CSBD của chúng. Hội nghị TƯCMN lần thứ 9 đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh chống bình định, chuyển hướng trọng tâm về nông

thôn, coi nông thôn là địa bàn hết sức trọng yếu và xác định được những nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này là chống bình định. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 18, Đảng ta chủ trương: “đánh bại kế hoạch bình định của địch, giành lấy phần lớn nhân dân về ta, giành lấy và củng cố quyền làm chủ phần lớn vùng nông thôn,...” [60, tr. 112]. Nét nổi bật trong chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn này là khắc phục khó khăn, tạo thế, tạo lực cho cách mạng từng bước tiến lên. Sự chuyển hướng trọng tâm về nông thôn trong chỉ đạo đấu tranh chống bình định của Hội nghị lần thứ 9 TƯCMN (7-1969) và chủ trương lấy nông thôn làm hướng tấn công chính của Hội nghị lần thứ 18 BCHTƯĐ (1-1970) là chủ trương đúng đắn, đã góp phần đánh bại CSBD của Mỹ - CQSG và chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của chúng.

Trong những năm 1971-1975 địch cố gắng đưa mức bình định lên cao nhất thông qua các kế hoạch bình định, như: Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ” và “Cộng đồng phát triển địa phương” (1971-1972) đến “Kế hoạch Tứ niên” (1972-1975), gây cho ta nhiều khó khăn. Trong tình hình đó, Trung ương Đảng chủ trương chuyển thế phong trào nông thôn và xác định bước đi cho nhiệm vụ chống phá bình định. Sau khi rút kinh nghiệm từ thực tiễn đấu tranh chống phá bình định, lực lượng cách mạng kiên quyết bám trụ nông thôn; tranh thủ thời cơ khi địch mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia, đã căng kéo và làm giảm áp lực quân sự, ta đẩy mạnh phong trào chống phá bình định, chặn và đẩy lùi từng bước các kế hoạch, chương trình bình định của CQSG.

Căn cứ thực tiễn đánh địch bình định ở khu vực TNB, Khu ủy Khu 9 đề ra chủ trương bám trụ đánh địch: Lực lượng vũ trang phải bám dân, sống trong dân, dựa vào dân, làm chỗ dựa cho dân, cùng với nhân dân hình thành lực lượng tổng hợp thường xuyên tiến công địch. Từ chủ trương đúng đắn này, tháng 9-1971, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 chủ động phản công chống địch bình định, lấn chiếm U Minh, bẻ gãy âm mưu tô dày lớp kín U Minh của địch ở miền TNB, làm phá sản kế hoạch “Nhỏ cỏ U Minh” của Mỹ và CQSG.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ và CQSG tìm cách phá hoại Hiệp

định. Chính quyền Sài Gòn tung lực lượng ồ ạt lấn chiếm, bình định bằng chiến dịch “Tràn ngập lãnh thổ” trên toàn miền Nam. Từ thực tiễn chiến trường miền Nam, vào tháng 7-1973, Đảng tiến hành Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đ và đề ra Nghị quyết, trong đó chỉ rõ: “Nhiệm vụ chính trị hàng đầu của phong trào cách mạng miền Nam hiện nay là giành dân và giành quyền làm chủ của nhân dân ở khắp nông thôn và thành thị” [63, tr. 245]. Từ đó, xác định phải “đánh bại âm mưu lấn chiếm và kế hoạch bình định mới của địch, giữ vững, phát triển lực lượng cách mạng và phong trào để nâng cao thế làm chủ của quần chúng” [63, tr. 246]. Nghị quyết 21 chứa đựng nhiều quyết sách về cách mạng miền Nam, là sự kiện đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng ta; trong đó thể hiện rõ chủ trương đúng đắn và toàn diện của Đảng với quyết tâm đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn để giành dân là nhiệm vụ trung tâm số một của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Đến tháng 8-1974, TƯ CMN tổ chức Hội nghị tổng kết đánh phá bình định toàn B2 và ban hành Nghị quyết số 01/NQ-74, tháng 9-1974 về “*Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ ngụy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam*”, đề ra nhiệm vụ đánh bại kế hoạch bình định của địch trong thời gian sắp tới. Trong Nghị quyết này, Trung ương Cục đề ra phương hướng, nhiệm vụ, yêu cầu cấp bách trong 6 tháng cuối năm 1974 của ta là tiếp tục đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, nhất là trên chiến trường đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven đô, cố gắng đến cuối năm 1974 giải phóng và làm chủ vùng dân cư khoảng 4 triệu dân.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, TƯ CMN, các Khu ủy đã chỉ đạo các địa phương đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Tại miền TNB, quân và dân Quân khu 9 đã chủ động liên tục phản công và tiến công mạnh mẽ, rộng khắp đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm, bình định, cướp lúa gạo, phong tỏa kinh tế của đối phương.

Đến tháng 4-1975, thực hiện quyết tâm giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị, quân và dân ta tiến hành cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975

giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Như vậy, với chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng, sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, quân và dân TNB đã vượt qua những khó khăn, thử thách, chủ động, linh hoạt đấu tranh chống CSBD lấn chiếm của địch, ngăn chặn và đẩy lùi từng bước các kế hoạch, chương trình bình định của Mỹ và CQSG, từng bước đẩy địch vào thế bị động, suy yếu, tan rã. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó có phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân Tây Nam Bộ.

Hai là, về sự chỉ đạo và kết quả

Trong chỉ đạo phong trào đấu tranh, các cấp bộ đảng đã đề ra các biện pháp lãnh đạo kịp thời và hiệu quả cuộc đấu tranh chống địch bình định

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, các cấp bộ đảng miền TNB đã chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định với nội dung và hình thức phong phú; đề ra các biện pháp lãnh đạo kịp thời và hiệu quả cuộc đấu tranh chống địch bình định. Trên cơ sở chủ trương của Trung ương Đảng, TUCMN đề ra các nghị quyết, chỉ thị về chống phá bình định giai đoạn 1965-1975, Đảng bộ các tỉnh miền TNB quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, từ đó đề ra những biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sát hợp với thực tiễn địa phương. Trên mặt trận chống bình định, Khu ủy khu 9 và Đảng bộ các tỉnh miền TNB lãnh đạo phát triển chiến tranh nhân dân, vận dụng sáng tạo và linh hoạt phương châm chống địch càn quét bằng hai chân (quân sự, chính trị), ba mũi (quân sự, chính trị, binh vận), kết hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).

Cuộc đấu tranh chống bình định ở miền TNB trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có những đặc điểm chung và riêng. Trong những năm 1965-1968, Mỹ và CQSG triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, thực hiện chủ yếu bằng hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đồng thời, tiến hành chương trình “Xây dựng nông thôn mới”, tiến hành chiến dịch “Phụng Hoàng” nhằm tiếp tục bình

định miền Nam, tiêu diệt hạ tầng cơ sở của cách mạng. Trước âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, Khu ủy Khu 9 và Đảng bộ các tỉnh miền TNB lãnh, chỉ đạo quân và dân nơi đây chống địch càn quét lấn chiếm, tiêu hao tiêu diệt địch; phá ấp chiến lược, áp tân sinh, giành quyền làm chủ cho nhân dân; xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng hệ thống xã, ấp chiến đấu, đẩy mạnh tiêu hao, tiêu diệt địch, làm thất bại kế hoạch “xúc tát” dân vào các ấp chiến lược, áp tân sinh của địch; kết hợp đấu tranh chính trị và binh vận chống bắt lính, chống rải chất độc hóa học, chống bắn phá nhà cửa hoa màu, vườn tược, giết hại trâu bò, gia súc, giết hại người vô tội...

Trong những năm 1969-1975, Mỹ và CQSG triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, vẫn giữ gọng kìm “bình định”, nhưng thay gọng kìm “tìm diệt” bằng biện pháp chiến lược “quét và giữ”, đồng thời tiến hành hàng loạt kế hoạch, chương trình bình định quy mô lớn, cường độ, thủ đoạn như một cuộc chiến tranh. Trước tình hình đó, quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 và Đảng bộ các tỉnh miền TNB lãnh, chỉ đạo quân và dân nơi đây mở các chiến dịch tổng hợp, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận đánh bại các chương trình, kế hoạch bình định lấn chiếm của đối phương; trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, kiên quyết đánh trả các cuộc càn quét, bình định, lấn chiếm của địch; kết hợp đấu tranh chống lấn chiếm với chống địch cướp lúa, thu gom lúa, phong tỏa kinh tế, quyết tâm “giành đất, giành dân, giữ lúa”; kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận đòi địch thi hành Hiệp định Paris, chống bắt lính, vận động binh lính Sài Gòn đào ngũ, rã ngũ, vận động địch đầu hàng... Sự chỉ đạo kịp thời, sát hợp tình hình này đã làm nên thắng lợi của phong trào đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm ở miền TNB trong những năm 1969-1975.

Các cấp bộ đảng chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định với nội dung và hình thức phong phú

Bên cạnh đó, Khu ủy Khu 9 và Đảng bộ các tỉnh miền TNB còn đề ra các biện pháp kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với phong trào nổi dậy của

quần chúng nhân dân. Khu vực TNB là một trong những trọng điểm bình định lần chiếm của Mỹ và CQSG trong suốt cuộc chiến tranh, nơi đây diễn ra cuộc đấu tranh giành cơ giữa ta và địch. Địch bình định, ta phá bình định, địch kìm ta phá, ta làm chủ ở địa phương này, địch bình địch lần chiếm gom dân ở địa phương khác. Qua thực tiễn đấu tranh chống bình định, rút ra bài học rằng phong trào quần chúng đấu tranh chống địch bình định, giành quyền làm chủ phải luôn gắn bó chặt chẽ với đòn tiến công của các lực lượng vũ trang, nếu không có sự hỗ trợ của đòn tiến công quân sự, phong trào chống địch bị suy giảm. Điển hình là sau đợt đầu cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, do lực lượng bị tổn thất không kịp bổ sung, ta phải bỏ ngỏ trận địa nông thôn, nhân cơ hội đó đối phương đã phản kích quyết liệt, đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi vùng ven, vùng giáp ranh và nhanh chóng chiếm lại vùng nông thôn đông dân nhiều của. Mãi đến cuối năm 1970, khi các lực lượng vũ trang khôi phục lực lượng, dần trở lại hoạt động, hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng thì cuộc đấu tranh chống địch bình định mới có tiến triển. Ngược lại, nếu chỉ dùng các lực lượng vũ trang diệt ác phá kìm (biện pháp quân sự) mà không phát động quần chúng nổi dậy, giành quyền làm chủ thì thành quả đấu tranh chống địch bình định sẽ không giữ vững trước sự phản kích của đối phương, bởi khi thực hiện các kế hoạch, chương trình bình định, đối phương có cả một hệ thống bộ máy chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở và cơ quan quản lý, điều hành chương trình bình định (như CORDS) cùng các lực lượng vũ trang, lực lượng kìm kẹp khác như: bảo an, dân vệ, cảnh sát, tình báo gián điệp,... Tình hình đó đòi hỏi cuộc đấu tranh chống địch bình định phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa đòn tiến công quân sự diệt ác phá kìm với phong trào nổi dậy của quần chúng, giành quyền làm chủ; kết hợp giữa tiêu diệt địch, giành quyền làm chủ và làm chủ để tiêu diệt địch. Tiến công quân sự đến đâu thì hỗ trợ, quần chúng nổi dậy, giành quyền làm chủ đến đó.

Trong các phương thức đánh địch, phương thức đánh địch bằng “hai chân ba mũi”, khởi đầu từ phong trào Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long là đặc biệt sáng tạo. Một nét nổi bật trong các cuộc đấu tranh ở miền TNB là “đội quân

tóc dài” luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh trực diện với địch, lôi kéo hàng vạn sinh viên, học sinh và đồng bào đô thị tham gia đấu tranh. Ngoài ra, chiến trường TNB cũng là một điển hình trong việc ta tổ chức các chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định, mở mảng, mở vùng. Chẳng hạn chỉ trong vòng khoảng 4 tháng, Đảng bộ, quân và dân miền TNB đã mở chiến dịch tổng hợp với 6 đợt cao điểm, mở đầu từ ngày 7-4-1972 đến ngày 25-8-1972. Lực lượng tiến hành chiến dịch tổng hợp gồm có lực lượng chính trị, lực lượng ba thứ quân (dân quân du kích; bộ đội địa phương tỉnh, huyện; bộ đội chủ lực (Quân khu và Miền), đánh địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận), tiến công trên các vùng chiến lược nông thôn đồng bằng, thành thị. Riêng vùng đồng bằng, phối hợp tiến công trên ba vùng: vùng địch kìm kẹp, vùng tranh chấp, vùng giải phóng. Tiến hành các chiến dịch tổng hợp đánh địch bình định lấn chiếm là nét độc đáo, sáng tạo với hình thức đấu tranh phong phú của Đảng bộ, quân và dân miền TNB.

Các cấp bộ đảng Tây Nam Bộ chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định với tinh thần chủ động, linh hoạt, sáng tạo

Không những vậy, trong cuộc đấu tranh chống bình định của địch, các cấp bộ đảng cùng với quân và dân TNB đã sáng tạo ra nhiều cách đánh địch hiệu quả như sử dụng các loại vũ khí, cách đánh thô sơ như hầm chông, cạm bẫy, lựu đạn gài kết hợp vũ khí hiện đại; dùng ong vò vẽ hay dùng giàn thun bắn tiêu diệt địch; hoặc dùng súng trường bắn tỉa, đào chiến hào đánh lấn đồn bót địch.

Trong quá trình lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định, các cấp bộ đảng TNB luôn quán triệt và chấp hành chủ trương của Đảng, nhưng quá trình thực hiện có sự sáng tạo, linh hoạt vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng sát hợp với tình hình thực tế của địa phương với tinh thần dám làm, dám nghĩ, dám chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng. Sự sáng tạo, linh hoạt, chủ động trong chỉ đạo của Khu ủy Khu 9 thể hiện rõ nét qua quyết định không chấp nhận “ghìm cương vỗ béo”, kiên quyết đánh trả các chương trình bình định, lấn chiếm, các cuộc tấn công “tràn ngập lãnh thổ” của đối phương. Mặc dù Hiệp định Paris đã ký kết vào ngày 27-1-1973, nhưng do được sự ủng hộ của Mỹ, CQSG tìm mọi

cách phá Hiệp định, tung lực lượng ồ ạt lấn chiếm, bình định trên toàn miền Nam. Ở khu vực TNB, địch lần lượt đưa 75 lượt tiểu đoàn bình định lấn chiếm Chương Thiện. Trong tình hình đó, Bộ chỉ huy Miền điện chỉ thị yêu cầu Khu ủy và Quân khu ủy miền TNB phải cho “tất cả bộ đội lui về U Minh” và ra lệnh “5 cầm chỉ”. Tuy nhiên, căn cứ tình hình thực tế ở địa bàn, Đảng bộ miền TNB đã khẳng định: “Một tác không đi, một ly không rời”, kiên quyết đánh trả các cuộc càn quét bình định, lấn chiếm của địch ở Chương Thiện. Điều đó đã góp phần đẩy lùi chương trình bình định của địch, làm nên chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện năm 1973. Thắng lợi này sau đó phổ biến cho các địa phương trong đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm.

4.1.1.2. Nguyên nhân thành công

Thứ nhất, nguyên nhân đạt được những kết quả nêu trên trước hết là do Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam kịp thời đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Trước việc Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai các kế hoạch bình định, lấn chiếm, Trung ương Đảng, TUCMN coi việc đấu tranh chống bình định của địch là quan trọng, cấp bách và đề ra chủ trương chống địch bình định sát đúng, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, vì mục tiêu giành quyền làm chủ và quyền tự do cho người dân. Đảng chủ trương bảo vệ tính mạng và tài sản của dân, giải phóng và đưa họ về ruộng vườn của mình làm ăn, sinh sống; đề ra khẩu hiệu đấu tranh đòi giảm sưu, giảm thuế cho nông dân ở vùng kìm kẹp; kết hợp đấu tranh chống lấn chiếm với chống địch cướp lúa, thu gom lúa, vơ vét lương thực, thực phẩm của dân. Những chủ trương này phù hợp với tâm tư nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân. Nhờ đó, Đảng đã động viên, tập hợp năng lực cách mạng to lớn của quần chúng trong cuộc đấu tranh chống địch bình định, giành quyền làm chủ.

Thứ hai, Khu ủy Khu 9 và Đảng bộ các tỉnh Tây Nam Bộ đã quán triệt, linh hoạt vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn ở miền Tây Nam Bộ. Từ chủ trương đúng đắn và nhận thức, đánh giá đúng âm mưu và

thủ đoạn bình định của địch, các cấp bộ đảng miền TNB đã có sự chỉ đạo kịp thời, kiên quyết đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm nhằm giữ đất và giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Thứ ba, yếu tố hết sức quan trọng đưa đến thắng lợi của phong trào đấu tranh chống bình định ở Tây Nam Bộ là lòng yêu nước, tính chủ động và sáng tạo của nhân dân. Phát huy tinh thần đi đầu trong phong trào “Đồng khởi” trong những năm 1959-1960, nhân dân các tỉnh Tây Nam Bộ cương quyết đấu tranh trực diện với địch, sáng tạo nhiều cách đánh thích hợp; huy động lực lượng chính trị của nhân dân, lực lượng dân quân du kích phối hợp với lực lượng vũ trang; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, binh vận với tiến công quân sự đánh bại các kế hoạch bình định của địch.

Bên cạnh đó, quân và dân Tây Nam Bộ đã vận dụng và sáng tạo phương thức, biện pháp đánh địch bình định bằng sự kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công và được khái quát thành châm ngôn hành động dễ nhớ, sau đó được truyền khẩu toàn miền Nam: “*Chính trị, binh vận, vũ trang; Phối hợp nhịp nhàng ba mũi giáp công; Bao vây, diệt địch, bức hàng; Đứng lại đánh càn giải phóng nông thôn*” [69, tr. 327]. Ngoài ra, nhân dân Tây Nam Bộ đã sáng tạo ra nhiều cách đánh hiệu quả, từ tổ chức và tiến hành các chiến dịch tổng hợp với vũ khí hiện đại đến việc sử dụng vũ khí thô sơ, phù hợp với đặc thù của chiến trường đồng bằng sông nước miền TNB. Bộ đội và du kích đã như sử dụng các cách đánh thô sơ như hầm chông, cạm bẫy, lựu đạn gài kết hợp vũ khí hiện đại để đánh địch; dùng ong vò vẽ hay dùng giàn thun bắn tiêu diệt địch; hoặc dùng súng trường bắn tỉa, đào chiến hào đánh lấn đồn bót địch. “Đội quân tóc dài” luôn được phát huy trong các cuộc đấu tranh trực diện với địch, lôi kéo hàng vạn sinh viên, học sinh và đồng bào đô thị tham gia đấu tranh.

Cùng với việc trực tiếp đánh địch, nhân dân miền TNB đã sáng tác những bài thơ, ca dao thể hiện sự căm hận kẻ xâm lược và quyết tâm chống Mỹ, cứu nước: “Ai về Long Mỹ - Vị Thanh; Nhìn nhà, nhìn cửa tan tành mà đau; Mồ mả bị cuộc, bị đào; Đồng xanh tro troi nhuộm màu tóc tang; Đây

đường ngập tiếng oán than; Mỹ - Ngô gieo họa xóm làng tả toi; Gió đưa uất hận ngút trời; Thổi cao ngọn lửa đốt loài gian manh”. Để giáo dục giác ngộ binh sĩ thuộc quân đội Sài Gòn, nhân dân miền TNB sáng tác các câu thơ, ca dao để tuyên truyền vận động binh lính về tình yêu quê hương đất nước, nghĩa đồng bào: “Súng Mỹ anh cặp bên hông; Bắn ai anh hỏi lại lòng anh coi”; hoặc: “Mỹ thua về Mỹ, anh em binh sĩ về đâu”.

Thứ tư, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa chiến trường miền Tây Nam Bộ với các chiến trường. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa chiến trường miền Tây Nam Bộ với các chiến trường Đông Nam Bộ, Trung Nam Bộ, Khu 5 đã giúp căng kéo, giảm áp lực quân sự, tạo điều kiện thuận lợi để quân và dân miền TNB đẩy lùi chương trình bình định của địch ở nhiều nơi ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm ở miền TNB còn một số hạn chế trong chủ trương, đường lối, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả của phong trào.

- Về hoạch định chủ trương

Trong quá trình lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm, có lúc việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng *chưa kịp thời, phù hợp; chưa đánh giá đúng các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch.* Thể hiện rõ sau đợt đầu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Đảng ta không kịp thời đề ra chủ trương, đường lối đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch. Các chỉ thị nghị quyết của Đảng từ sau Tết Mậu Thân đến cuối năm 1968 có đề cập vấn đề bình định và chống bình định, nhưng chưa thấy hết những âm mưu, thủ đoạn phức tạp của Mỹ và CQSG, đánh giá chương trình, kế hoạch bình định của chính quyền và quân đội Sài Gòn còn giản đơn. Trong khi địch coi bình định nông thôn có ý nghĩa sống còn thì Chỉ thị số 58/CTNT (5-12-1968) của TUCMN lại cho rằng: chương trình “Bình định cấp tốc” không có gì mới [12, tr. 964], tuy chương trình này thể hiện sự cố gắng của địch, nhưng chỉ là “sự

cố gắng điên cuồng trong cơn giãy chết của chúng, thể hiện những mâu thuẫn rất sâu sắc” [12, tr. 965] của chúng mà thôi. Do đó, với binh lực mạnh cùng những nỗ lực và thủ đoạn mới, đối phương đã lợi dụng sơ hở của ta khi dồn lực tấn công đô thị, để trống vùng nông thôn đồng bằng, chúng địch đẩy mạnh các cuộc hành quân bình định lấn chiếm, giành lại khu vực ta giải phóng trước đó, khôi phục, phong tỏa các tuyến giao thông quan trọng, đẩy lực lượng ta ra xa các thành phố, thị xã và ta bị mất chỗ đứng chân ở một số vùng nông thôn, đến giữa năm 1968, vùng giải phóng của ta bị thu hẹp, số dân do ta làm chủ giảm gần một nửa. Điều này gây khó khăn cho phong trào đấu tranh chống bình định những năm tiếp theo, đặc biệt là những năm 1969-1970.

Một hạn chế nữa trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, đó là khi đối phương liên tiếp tiến hành các chương trình bình định trên diện rộng, từ kế hoạch “Bình định cấp tốc”, “Bình định đặc biệt”,... gây cho ta nhiều khó khăn, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 188-NQ/TW ngày 10-5-1969 chủ trương chuyển thế cho phong trào chống CSBD nông thôn ở miền Nam. Đến tháng 7-1969, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9 đề ra chủ trương chuyển hướng trọng tâm về nông thôn. Tuy nhiên, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9 vẫn dựa vào Nghị quyết số 188-NQ/TW của Bộ Chính trị để xác định mục tiêu, nhiệm vụ chống bình định trên chiến trường miền Nam, do đó chưa kịp thời, phù hợp với thực tiễn chiến trường miền Nam và các địa phương khu vực TNB.

- Về sự chỉ đạo

Trong quá trình lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm, Đảng đã có một số sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm điều chỉnh, thiếu linh hoạt trong đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch; có lúc TƯCMN chỉ đạo chưa sát thực tiễn địa phương; trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo giữa Khu ủy và Quân khu ủy có giai đoạn chưa thật sự đoàn kết thống nhất cao.

Mặc dù cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã tạo bước ngoặt chiến lược của cuộc chiến tranh, nhưng sau đợt đầu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, ta đã phạm một số sai lầm trong chỉ đạo chiến lược,

chậm điều chỉnh chỉ đạo chiến lược, không kịp thời điều chỉnh về lực lượng và mục tiêu, thiếu linh hoạt trong đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch. Những sai lầm, khuyết điểm này dẫn đến việc ta bị mất đất, mất dân; những vùng nông thôn đã được giải phóng trước Tết Mậu Thân đã bị địch chiếm lại; lực lượng cách mạng và thế trận chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng chiến lược bị tổn thất, suy giảm nặng nề, gây khó khăn cho các lực lượng vũ trang bám trụ hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng đánh địch bình định.

Bên cạnh sai lầm về việc chậm điều chỉnh chỉ đạo chiến lược, có lúc TƯCMN chỉ đạo chưa sát thực tiễn chiến trường TNB. Tháng 4-1973, Hội nghị binh vận Miền đề ra “5 cấm chỉ”: cấm tấn công địch, cấm đánh địch đi càn quét, lấn chiếm; cấm bắn pháo vào đồn địch; cấm bao vây đồn bót địch; cấm xây dựng ấp, xã chiến đấu. Nội dung chỉ đạo này làm cho Khu 9 và các địa phương ở TNB lúng túng, không biết nên đánh hay nên tránh trong tình hình địch ra sức phá hoại Hiệp định Paris, ráo riết truy lùng lực lượng cách mạng, tiếp tục tiến hành các cuộc càn quét lấn chiếm. Điều này gây ra không ít khó khăn cho cuộc đấu tranh chống địch bình định ở miền TNB sau Hiệp định Paris (1-1973).

- Về kết quả

Phong trào đấu tranh chống các chương trình bình định của Mỹ và CQSG cơ bản đã diễn ra với nội dung và hình thức đấu tranh phù hợp, tuân thủ đúng kế hoạch đề ra. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình đấu tranh cách mạng có lúc lực lượng vũ trang bị tổn thất nặng nề, đặc biệt sau đợt đầu tiên trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, ta tổ chức đánh bồi các đợt sau đó làm cho sức chiến đấu của lực lượng vũ trang giảm sút, trong khi đối phương đã vượt qua được sự bất ngờ, sau đó tổ chức lực lượng phản kích quyết liệt, dẫn đến lực lượng của ta bị tiêu hao. Tổn thất này là bài học cho các cấp bộ đảng trong quá trình lãnh, chỉ đạo trong giai đoạn tiếp sau.

Ngoài ra, do chưa chú ý đúng mức việc xây dựng lực lượng nên sau Tết Mậu Thân, Khu 9 không thu được quân, không bổ sung được lực lượng mà phải nhờ Trung ương bổ sung. Đây là thời kỳ lực lượng vũ trang khu vực TNB gặp

khó khăn, thiếu thốn nhất kể từ sau kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong công tác xây dựng chi bộ Đảng ở cơ sở, ta chưa chú ý đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số, giáo dân, phụ nữ. Trên thực tế, đồng bào dân tộc thiểu số và các giáo dân là lực lượng quan trọng trong các mặt đấu tranh chính trị, binh vận; còn phụ nữ miền TNB nổi tiếng “Anh hùng - bất khuất - trung hậu - đảm đang”, tiêu biểu là “đội quân tóc dài” - có vai trò quan trọng trong các cuộc đấu tranh chống địch bình định, nhất là đấu tranh chính trị và công tác vận động binh lính Sài Gòn đào ngũ, rã ngũ.

Dù là lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống địch bình định, nhưng có lúc một bộ phận chiến sĩ, cán bộ, đảng viên có tư tưởng lập trường không vững vàng, hoang mang, dao động, sợ chiến tranh, sợ sức mạnh của đối phương. Đặc biệt sau Tết Mậu Thân năm 1968, do không tập trung nghiên cứu kỹ âm mưu, kế hoạch và các biện pháp chiến lược của địch, nên khi chúng phản kích, bình định cấp tốc, đánh loang ra chiếm đất, giành dân, thì một bộ phận cán bộ, đảng viên hụt hẫng về tư tưởng, dẫn đến tâm lý hoài nghi, hoang mang, do dự, giảm sút quyết tâm chiến đấu, thiếu tin tưởng về khả năng giành thắng lợi.

Ngoài ra, trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo giữa Khu ủy và Quân khu ủy Khu 9 có giai đoạn chưa thật sự đoàn kết thống nhất cao trong việc tổ chức xây dựng, phát triển, sử dụng lực lượng vũ trang. Có lúc chưa xác định rõ, đúng vai trò vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu đối với việc lãnh đạo, xây dựng, chỉ huy chiến đấu của lực lượng vũ trang Quân khu, còn có biểu hiện bao biện, làm thay, dẫn đến chất lượng xây dựng, hiệu quả chiến đấu chưa cao. Do đó, tình hình cách mạng sau năm 1968 ở Khu 9 đã khó khăn càng khó khăn hơn [69, tr. 408].

Những hạn chế yếu kém nêu trên phần nào đã làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, quân sự trong quá trình đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm. Tuy nhiên, Khu ủy Khu 9 và Đảng bộ các tỉnh miền TNB đã kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm; khắc phục, sửa chữa những hạn chế khuyết điểm.

Nhờ đó, phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giành thắng lợi, góp phần làm phá sản các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan*: Cuộc đấu tranh chống phá bình định, lấn chiếm của nhân miền Nam nói chung và nhân dân miền TNB nói riêng là cuộc đối đầu với Mỹ và CQSG; trong khi Mỹ là một cường quốc hàng đầu về kinh tế và quân sự. Chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ liên tục thay đổi chương trình, kế hoạch, phương thức và thủ đoạn bình định, lấn chiếm làm cho cuộc đấu tranh chống địch bình định của quân và dân miền TNB gặp nhiều khó khăn, mất mát, hy sinh.

Chính sách chia rẽ dân tộc, lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng của địch cũng gây cho chúng ta nhiều khó khăn, thử thách. Khu vực TNB là vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo, nên Mỹ và CQSG triệt để lợi dụng điều này để thực hiện chính sách chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, gây ra các vụ xung đột dân tộc, tôn giáo, ảnh hưởng đáng kể đến cuộc đấu tranh chống phá bình định của quân và dân TNB.

- *Nguyên nhân chủ quan*: Trong suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, có thời điểm Trung ương Đảng đánh giá tình hình, nhất là âm mưu thủ đoạn của địch có thời điểm chưa sát. TUCMN có lúc đề ra chủ trương, sự chỉ đạo chưa sát đúng với thực tế tại khu vực TNB, như ra lệnh “5 cấm chỉ”, gây lúng túng, khó xử cho các địa phương trong thực tiễn đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris. Khu ủy, Quân khu ủy là Đảng bộ cấp khu, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng ở miền TNB, nhưng có giai đoạn trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo lại chưa thật sự đoàn kết thống nhất cao làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, quân sự trong quá trình đấu tranh chống địch bình định.

Các cấp bộ đảng khu vực TNB đôi khi chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng Đảng, công tác dân vận, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ

trang, công tác xây dựng tổ chức quần chúng; chưa chú trọng đúng mức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ. Điều này khiến cho lực lượng cách mạng thiếu trang bị đầy đủ về mặt chính trị, tư tưởng, khả năng hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện chiến tranh ác liệt, đầy hy sinh gian khổ.

Thời điểm sau Tết Mậu Thân 1968, Khu 9 không thu đủ quân, không bổ sung được lực lượng mà phải nhờ Trung ương bổ sung, lực lượng này có một phần không phải người tại địa phương nên không hiểu hết đặc thù về văn hóa, địa hình, tập tính sinh hoạt của địa phương, điều đó cũng ảnh hưởng ít nhiều đến phong trào đấu tranh chống địch bình định ở miền TNB.

Từ thành công và hạn chế của quá trình hoạch định chủ trương và tổ chức chỉ đạo thực hiện đấu tranh chống địch bình định ở khu vực TNB giai đoạn 1965-1975 có thể đúc kết một số kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

4.2. KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ (1965-1975)

4.2.1. Đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, làm cơ sở cho việc hoạch định chủ trương, phương pháp đấu tranh đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương

Trong suốt quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ đã triển khai nhiều chiến lược chiến tranh với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc, từ chính trị, quân sự đến ngoại giao; từ kinh tế đến văn hóa nhằm cô lập cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, tách nhân dân khỏi lực lượng cách mạng.

Trước những khăn, thách thức đó, muốn giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến nói chung, trong cuộc đấu tranh chống chính sách bình định, nói riêng, Đảng phải có những chủ trương, phương pháp đúng đắn, kịp thời và phù hợp để huy động và tập hợp lực lượng cả về nhân lực và vật lực, tạo

thành sức mạnh tổng hợp đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù. Nhận thức đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch là cả quá trình tìm tòi đầy khó khăn thử thách của các cấp bộ đảng và của quân và dân ta. Đó là một kinh nghiệm quý báu trong đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng đất nước, dân tộc.

Phong trào đấu tranh chống CSBĐ của Mỹ và CQSG ở miền TNB trong giai đoạn 1965-1975 đã trải qua những năm tháng ác liệt, gian khổ với nhiều mất mát, hy sinh. Có lúc chủ trương, biện pháp đấu tranh còn lúng túng; có lúc tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân bị dao động, nhưng nhờ đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch mà sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào chống địch bình định ở miền Tây Nam Bộ nói riêng và toàn miền Nam nói chung là đúng đắn, hiệu quả. Tuy nhiên, từ sau đợt 1 cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Trung ương Đảng và các cấp bộ đảng địa phương, mắc một số sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, dẫn đến việc mất đất, mất dân, mất những vùng nông thôn được giải phóng trước đó. Trong giai đoạn 1969-1975, Đảng đã bắt mạch sự chuyển biến của tình hình và đề ra chủ trương chống CSBĐ của Mỹ và CQSG kịp thời, sát hợp. Ngày 10-5-1969, Bộ Chính trị BCHTWĐ ra Nghị quyết số 188-NQ/TW *“Về tình hình và nhiệm vụ”*, chủ trương chuyển thế cho phong trào chống chính sách bình định nông thôn ở miền Nam; tiếp đó, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9 (7-1969) đề ra quyết tâm *“đánh bại âm mưu bình định nông thôn của địch”*. Đặc biệt, Hội nghị TƯCMN (9-1974) đã ra Nghị quyết số 01/NQ-74 về *“Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ ngụy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”*, đây là Nghị quyết chuyên đề về chống địch bình định ở giai đoạn cuối cuộc chiến tranh.

Quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng vào thực tiễn địa phương, Khu ủy Khu 9 và Đảng ủy các tỉnh miền TNB đã nhạy bén, nắm bắt tình hình, đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, từ đó đề ra sự chỉ đạo kịp thời, kiên quyết đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm. Tiêu biểu như từ thực tiễn chiến đấu trên mặt trận Vĩnh - Trà năm 1969 đã mở ra

phương thức tác chiến mới là bám trụ đánh địch bình định trong giai đoạn cách mạng gặp khó khăn. Thắng lợi ở mặt trận Vĩnh Trà có ý nghĩa lớn, tạo niềm tin trong nội bộ Đảng, quần chúng về khả năng chống địch bình định, lấn chiếm, dù cho cách mạng đang gặp nhiều khó khăn, thử thách.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, CQSG đưa lực lượng ồ ạt lấn chiếm, bình định bằng chiến dịch “Tràn ngập lãnh thổ” trên toàn miền Nam. Trong khi địch không thi hành Hiệp định Paris thì Hội nghị binh vận Miền (4-1973) đề ra “5 cấm chỉ”, cấm không cho đánh địch càn quét, lấn chiếm. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân Khu 9 đã mạnh dạn đề nghị Bộ Chính trị và Trung ương Cục cho đánh khi địch bình định lấn chiếm. Trước đề nghị Khu ủy và Quân khu ủy Khu 9 cùng với yêu cầu thực tiễn đặt ra, TUCMN đã có sự điều chỉnh chỉ đạo chiến lược, chấp nhận cho quân và dân TNB tiêu diệt, trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris và chống địch bình định lấn chiếm.

Đảng bộ các tỉnh TNB đã có chủ trương, sự chỉ đạo sáng suốt, không mơ hồ, mất cảnh giác, đề ra kế hoạch đấu tranh trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, chủ động đánh địch khi chúng tiến hành lấn chiếm vùng giải phóng. Tại Cần Thơ, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 06/CT.H-73 ngày 25-8-1973, đề ra chủ trương đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm, buộc địch thi hành Hiệp định Paris. Thường trực Tỉnh ủy Sóc Trăng ra Thông tư số 04/TT (tháng 1-1973) [5, tr. 271] chủ trương sử dụng đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị của quần chúng kiên quyết trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, chủ động đánh địch bình định lấn chiếm. Chính sự kiên định, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chủ trương, đường lối của Khu ủy Khu 9 và các Đảng bộ khu vực TNB, cùng với sự chung sức đồng lòng của quân và dân nơi đây đã kiên quyết đánh địch, làm nên chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện. Chiến thắng này đã được đúc rút thành kinh nghiệm và bài học để phổ biến cho toàn Miền học tập và vận dụng trong đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm; đồng thời, chiến thắng Chương Thiện năm 1973 là một trong những cơ sở quan trọng để Bộ Chính trị đánh giá đúng tình hình địch, đề

ra Nghị quyết 21 lãnh đạo cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi.

Những điển hình này cho thấy việc vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng trên cơ sở nắm bắt tình hình, đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch để từ đó đề ra biện pháp, phương thức đấu tranh chống địch bình định phù hợp thực tiễn địa phương là hết sức quan trọng trên mặt trận chống bình định.

Nhờ nhận thức đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của Mỹ và CQSG, cũng như dự kiến đúng tình hình, Đảng đã xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1965-1975, đề ra chủ trương và biện pháp thích hợp, tập trung mọi nỗ lực vào cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG. Bên cạnh đó, nhờ sự vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, Trung ương Cục vào thực tiễn khu vực TNB, cùng với việc sáng tạo ra nhiều cách đánh địch hiệu quả và sáng tạo trong công tác tuyên truyền giáo dục, vận động chống Mỹ, cứu nước, quân và dân TNB đã đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn bình định lấn chiếm và hệ thống kìm kẹp của Mỹ và CQSG trên địa bàn, góp phần làm thất bại các kế hoạch, chiến lược chiến tranh của địch.

4.2.2. Kết hợp chặt chẽ ba mũi tiến công: chính trị - quân sự - binh vận tạo nên sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh chống địch bình định

Thắng lợi của cuộc đấu tranh của nhân dân miền TNB chống địch bình định, lấn chiếm giai đoạn 1965-1975 là kết quả của sự kết hợp ba mũi đấu tranh: quân sự, chính trị, binh vận, trong đó đấu tranh quân sự là “đòn xeo” quan trọng cho phong trào nổi dậy của quần chúng (đấu tranh chính trị) bên cạnh việc đẩy mạnh đấu tranh binh vận, làm tan rã địch từ bên trong.

Thực tiễn lịch sử cho thấy đấu tranh vũ trang có nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, phát triển du kích chiến tranh, chống phá bình định, lấn chiếm. Kinh nghiệm của phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB chỉ ra nếu chỉ có nổi dậy của quần chúng mà không sử dụng biện pháp đấu tranh vũ trang thì không thể đập tan các cuộc càn quét, lấn chiếm của địch, không thể phá được hệ thống kìm kẹp hoặc nếu có phá được thì không thể giữ vững thành quả và bị địch

tái lập lại nhanh chóng. Đấu tranh quân sự tạo thế và lực cho quần chúng mạnh dạn đấu tranh, hỗ trợ tích cực cho phong trào quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ; mặt khác đấu tranh quân sự là “đòn xeo”, là quả đấm quyết định để tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch; phá tan bộ máy kìm kẹp, làm tan rã hệ thống chính quyền địch, giành quyền làm chủ hoặc chuyển thế làm chủ cho nhân dân, giải phóng vùng nông thôn; xây dựng lực lượng về mọi mặt, tạo thế đứng chân cho quả đấm chiến lược (binh đoàn chủ lực) hoạt động. Đấu tranh quân sự thực sự là yếu tố quan trọng để hạn chế, bẻ gãy âm mưu, thủ đoạn bình định của địch. Điển hình như trận đánh thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện năm 1973. Chiến thắng Chương Thiện là kết quả của các đòn tiến công của chủ lực Khu, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và lực lượng du kích. Từ tháng 5 đến tháng 11-1973, chủ lực Khu phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích các tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang... đã bẻ gãy hoàn toàn các cuộc hành quân lấn chiếm của 75 lượt tiểu đoàn địch tại Chương Thiện. Chiến thắng này đã được đúc rút thành kinh nghiệm và bài học để phổ biến cho toàn Miền học tập và vận dụng trong đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm.

Tuy nhiên, nếu chỉ có đòn tấn công quân sự mà không có sự nổi dậy của quần chúng nhân dân - hình thức cao nhất của đấu tranh chính trị thì không thể phá kìm kẹp, giữ vững quyền làm chủ của nhân dân. Đấu tranh chính trị vừa tạo thêm sức mạnh cho đấu tranh quân sự, vừa củng cố, phát huy thắng lợi của đấu tranh quân sự. Bên cạnh đó, đấu tranh chính trị còn tạo bàn đạp cho lực lượng vũ trang hoạt động, nắm bắt nội tình của địch, đánh vào điểm yếu, sơ hở của địch để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện năm 1975 là một ví dụ điển hình cho việc phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận). Bên cạnh các đòn tiến công quân sự của chủ lực khu, lực lượng du kích và bộ đội địa phương các tỉnh miền TNB, còn có phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân. Kết hợp với hoạt động vũ trang, phong trào chính trị của quần chúng thời kỳ này diễn ra sôi nổi, đã lôi kéo nhiều tầng lớp trung gian tham gia. Dựa vào quy định của Hiệp định

Paris, quần chúng ở thị xã Vị Thanh, thị trấn Long Mỹ và các vùng giải phóng đã đấu tranh quyết liệt đòi địch phải thi hành Hiệp định. Quần chúng trong nội ô thì buộc địch phải tôn trọng quyền tự do của nhân dân, chống bắt lính, chống địch tăng thuế,... Ngoài ra, còn có cuộc đấu tranh của đồng bào Phật tử ở xã Vĩnh Tường (Long Mỹ, Hậu Giang) trong thời gian từ ngày 21 đến ngày 26-3-1973, quần chúng nhân dân và đồng bào Phật tử ở đây đã tổ chức đấu tranh chống địch đi bắt lính và càn quét làm hư hại chùa Phước Long. Cuộc đấu tranh kiên quyết của tăng ni Phật tử và quần chúng cuối cùng cũng buộc địch phải nhượng bộ. Ở các địa phương khác, quần chúng vùng giải phóng đã kéo ra đấu tranh trực diện chống địch càn quét lấn chiếm, vi phạm Hiệp định Paris. Phong trào không chỉ nổ ra tại chỗ mà còn kéo ra thị xã, thị trấn, tại nơi xuất phát hành quân của địch để đấu tranh. Có thể nói phong trào đấu tranh chính trị đã hạn chế được sự càn quét đánh phá của địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang bám địa bàn, đánh địch.

Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, công tác binh vận đã trở thành một mũi nhọn quan trọng góp phần phá kìm kẹp, làm lung lay tinh thần và tan rã lực lượng địch. Công tác binh vận trong cuộc đấu tranh chống địch bình định ở miền TNB giai đoạn 1965-1975 diễn ra mạnh mẽ liên tục nhằm chống bắt lính trong thanh niên và trong toàn dân kết hợp với tiêu diệt địch, làm mất nguồn bổ sung lực lượng của địch; vận động binh lính Sài Gòn đào rã ngũ, quay về với gia đình; vận động binh lính bỏ đồn bót về quê ăn tết; tổ chức kêu gọi địch đầu hàng; vận động nhân dân quyên góp lương thực, thực phẩm cho cách mạng, đồng thời chống cướp lúa, thu gom lúa và vơ vét lương thực, thực phẩm từ CQSG... Thông qua những hình thức như gặp mặt trực tiếp hoặc gửi thư, rải truyền đơn, phát loa... ta đã làm chuyển hóa một bộ phận binh sĩ Sài Gòn giác ngộ cách mạng, né tránh các đợt đi càn, sao nhãng việc canh gác, không chấp hành mệnh lệnh hành quân của chỉ huy hay bỏ ngũ về với gia đình. Tiêu biểu như phong trào “xóa bỏ gia đình đau khổ” ở xã, ấp, đây là cuộc vận động những gia đình có người thân đi lính cho CQSG, cố gắng vận động binh lính bỏ ngũ, trở về với gia đình để được xóa tên “gia đình đau khổ”. Công tác

binh vận được thực hiện tốt sẽ tạo thế cho hai mũi giáp công quân sự và chính trị, góp phần làm suy giảm sức mạnh của kẻ thù. Thực tế, công tác binh vận trong cuộc đấu tranh chống địch bình định đã làm cho *quân đội của chính quyền Nam Việt Nam mệt mỏi, thụ động, có xu hướng thỏa hiệp và chậm chạp trong việc thực hiện kế hoạch bình định* [157, tr. 266]. Sự kết hợp ba mũi đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận đã tạo nên sức mạnh tổng hợp diệt ác, phá bộ máy kìm kẹp, bao vây bức rút bút hàng đồn bót địch, phá rã lực lượng bình định và cả hệ thống kìm kẹp của chúng ở cơ sở.

4.2.3. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, kiên cường bám trụ, quyết tâm đẩy lùi mọi chương trình bình định của địch

Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng là xây dựng thực lực của thế làm chủ để chống địch bình định. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh bao gồm xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở và xây dựng những đơn vị chủ lực tập trung mạnh.

Lực lượng vũ trang cơ sở gồm có dân quân xã, ấp và lực lượng trực tiếp chiến đấu tại cơ sở, có tổ chức du kích tập trung liên xã để chiến đấu ở từng khu vực liên hoàn với nhau [37, tr. 674]. Ở vùng địch tạm kiểm soát (thị trấn, thị xã, trục giao thông, vùng yếu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo) thì có tổ chức du kích mật, tự vệ mật. Ở huyện thì có bộ đội địa phương, đội du kích biệt động thị trấn. Ở tỉnh thì có bộ đội tập trung tỉnh từ một đến hai tiểu đoàn, các đơn vị đặc công, công binh, thông tin, trinh sát... Xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở có tác dụng trực tiếp đối với việc duy trì, phát triển phong trào chống phá bình định, trở thành nhiệm vụ chính trị thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền cách mạng.

Xây dựng những đơn vị chủ lực tập trung của Bộ chỉ huy Miền và Quân khu mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu phải có đòn quân sự mạnh trong chiến tranh cách mạng, để làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy tiến công địch. Xây dựng những đơn vị chủ lực tập trung mạnh và sử dụng đúng chức năng của bộ đội chủ lực đưa phong trào tiến công và nổi dậy phát triển cao. Do đó, cần chú trọng việc

xây dựng các đơn vị đặc biệt này để thực hiện đánh sâu, đánh hiểm theo yêu cầu chiến đấu và chiến dịch chống địch bình định lấn chiếm.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang phải có tỷ lệ cân đối giữa các thứ quân, phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng thứ quân cùng các điều kiện về địa hình và công tác để xác định hình thức chiến đấu, qui mô tổ chức cho phù hợp. Mỗi thứ quân giữ một vai trò khác nhau trong cuộc đấu tranh chống địch bình định. Trong đó, *du kích, tự vệ* là lực lượng chủ yếu, phối hợp với lực lượng tự vệ và du kích mật đột nhập vào ấp chiến lược, ấp tân sinh để diệt ác, phá kìm; hỗ trợ quần chúng nhân dân nổi dậy đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm. Còn *lực lượng bộ đội địa phương tỉnh, huyện* ngoài nhiệm vụ chống càn, bảo vệ cơ sở, còn phối hợp chặt chẽ với lực lượng du kích diệt ác, phá đồn và hỗ trợ quần chúng đấu tranh chống phá bình định. Với *các đơn vị chủ lực tập trung* thì nhiệm vụ chủ yếu là tiêu diệt, tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh của đối phương. Bên cạnh đó, chủ lực quân còn nhiệm vụ đánh bại các cuộc càn quét bình định, trực tiếp hay gián tiếp hỗ trợ phong trào chống phá bình định lấn chiếm trên các địa bàn tác chiến.

Nhìn chung, cuộc đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm là quá trình kết hợp tấn công tiêu hao tiêu diệt địch cùng với xây dựng lực lượng cách mạng vững mạnh, trong đó xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở để đảm đương nhiệm vụ cách mạng ở địa phương, để các lực lượng vũ trang bám trụ ở cơ sở nhằm đánh bại các cuộc càn quét lấn chiếm của địch, bảo vệ vùng giải phóng.

Bám trụ là sự có mặt của các lực lượng cách mạng ở ngay địa bàn địch đang kiểm soát để hoạt động chống phá bình định của địch. Trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm nào, cán bộ đảng viên phải bám trụ tại địa bàn hoạt động, hòa mình trong nhân dân, để phát động, tổ chức quần chúng đấu tranh và cùng với quần chúng chiến đấu chống địch bình định. Hoạt động bám trụ đã có trong thực tiễn phong trào chống phá ấp chiến lược những năm trước đây, đến giai đoạn 1965-1975, quân và dân TNB phát huy và vận dụng sáng tạo với phương châm “ba bám”, “bốn bám” để đánh địch bình định lấn chiếm. “Ba bám”

là Đảng bám dân; dân bám đất; bộ đội, du kích bám địch mà đánh. “Bốn bám” là Đảng bám dân; dân bám đất; bộ đội, du kích bám địch; cấp trên bám cấp dưới.

Đảng bám dân, tức cán bộ, đảng viên bám dân, dựa vào dân, đồng cam cộng khổ với nhân dân, để phát động, tổ chức quần chúng đấu tranh chống địch bình định. Đối với những nơi chưa có tổ chức cơ sở đảng thì cử cán bộ, đảng viên xuống cơ sở trực tiếp xây dựng và phát triển phong trào. Cán bộ, đảng viên phải kiên quyết bám dân, bám đất, không bám được trong làng xã, áp thì đào hầm bí mật ở ngoài vườn, đồng ruộng để tiếp cận quần chúng. Vì có bám dân, bám đất mới nắm tình hình hoạt động của địch tại địa bàn; có bám dân mới hiểu được nguyện vọng và lợi ích thiết thực của dân, từ đó đề ra chủ trương, biện pháp thích hợp, hiệu đánh địch bình định. *Dân bám đất*, tức là vận động nhân dân kiên quyết bám trụ quê hương chống lại chính sách gom dân lập ấp, thực hiện “một tác không đi, một ly không rời”. Khi địch xua dân rời nhà cửa, ruộng vườn, lừa dân ra vùng địch kiểm soát thì cán bộ, đảng viên vận động quần chúng không đi, hoặc đấu tranh đòi trở về chỗ cũ làm ăn sinh sống. Dân bám đất để giữ thế hợp pháp đấu tranh, không để địch phân tuyến, phân vùng, tạo thế cho du kích, bộ đội chủ động đánh địch. *Bộ đội, du kích bám địch mà đánh* tức là du kích phải bám đất, bám thôn ấp xóm làng để đánh địch, để chống phá các cuộc càn quét, diệt ác, phá kìm, bảo vệ dân, hỗ trợ phong trào quần chúng chống CSBD lấn chiếm của Mỹ và CQSG. *Cấp trên bám cấp dưới* là để nắm tình hình, kịp thời phát hiện các thủ đoạn, kế hoạch bình định lấn chiếm của địch tại địa bàn; cùng trao đổi bàn bạc, thảo luận với cấp dưới để đề ra chủ trương, cách đánh địch bình định phù hợp từng vùng, từng địa phương trong thời gian, thời điểm cụ thể. Thời kỳ cách mạng gặp nhiều khó khăn trong những năm 1969-1970, Trung ương Cục và Quân ủy Miền xác định phải kiên trì bám trụ, nhằm vừa bảo toàn lực lượng, vừa nhân rộng, phát triển phong trào quần chúng đấu tranh chống địch bình định.

Tóm lại, trong đấu tranh chống địch bình định cần chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, kiên cường bám trụ, một tác không đi, một ly không

rời, quyết tâm đẩy lùi mọi chương trình, kế hoạch bình định của địch. Thực hiện bám trụ là cách làm chủ tốt nhất ở xã, ấp để tuyên truyền, vận động quần chúng và cùng với quần chúng nhân dân chống lại các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, là một phương thức quan trọng trong phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG.

4.2.4. Dựa chắc vào quần chúng nhân dân trong đấu tranh chống chính sách bình định

Tin vào dân, dựa vào dân là sự kế thừa và nâng cao tư duy chính trị truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, đồng thời còn là sự quán triệt nguyên lý “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của chủ nghĩa Mác- Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong, có lực lượng nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy làm cũng được” [147, tr. 176]. Người luôn ý thức Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết, Dân là gốc của Nước: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [148, tr. 453].

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân TNB trong quá trình đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG đã luôn dựa chắc vào quần chúng nhân dân, nhận được sự hỗ trợ của quần chúng trong đấu tranh chống địch càn quét, bình định, lấn chiếm. Người dân vùng TNB sẵn sàng nhường cơm sẻ áo cho cán bộ, chiến sĩ cách mạng; thức thâu đêm canh gác cho cán bộ hội họp, hoạt động; nuôi chứa, giấu cán bộ trong hầm bí mật ngoài ruộng, trong vườn hoặc ngay trong nhà mình từ năm này qua năm khác, dẫu biết rằng khi bị giặc phát hiện thì hậu quả sẽ khó lường. Nhân dân TNB từ người già, phụ nữ, đến trẻ em đã dũng cảm, mưu trí, khéo léo tìm cách qua mắt địch để tiếp tế cho cách mạng lương thực, vũ khí, thuốc men. Sự chở che, đùm bọc, hy sinh của nhân dân đối với cách mạng đã góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến nói chung và cuộc đấu tranh chống địch bình định nói riêng.

Trong các thời kỳ kháng chiến, nhân dân TNB đã chở che, đùm bọc, giúp đỡ, nuôi chứa cán bộ để các chiến sĩ thuận lợi bám đánh địch bình định. Trong quá trình đấu tranh chống địch càn quét, bình định, lực lượng cách mạng ngày bám địa bàn có công sự, hầm bí mật, đêm vào hoạt động chống phá khu ấp chiến lược, xây dựng xã ấp chiến đấu. Tiếp sau được nhân dân nuôi chứa trong nhà dân bằng hầm bí mật. Ở nhiều địa phương TNB, nhân dân xây hầm bí mật vách đôi để nuôi chứa cán bộ, có hầm vách đôi chứa cả tiểu đội du kích, có những căn hầm bí mật chỉ cách đồn địch khoảng 500 mét. Mỗi cán bộ, chiến sĩ, đơn vị có nhiều điểm hầm bí mật, giữ an toàn để hoạt động. Nhờ bám dân, có sự hỗ trợ của nhân dân, việc móc nối, xây dựng cơ sở nội tuyến được thuận lợi.

Ở Cần Thơ, ta đã xây dựng căn cứ lổm ở các thị xã, thị trấn; các cơ sở cách mạng ở các chùa chiền, nhà của người dân yêu nước, kẻ cả trí thức. Các cơ sở này bên ngoài vỏ bọc tu hành, làm ăn hợp pháp, nhưng thực chất là cơ sở đứng chân của lãnh đạo, chỉ huy, nơi giấu cán bộ, giấu lực lượng vũ trang, giấu đạn dược, vũ khí, chuẩn bị cho chiến dịch tấn công địch. Tại các xã đồng bằng trồng trái ở tỉnh Kiên Giang (như Hòa Hưng, Thạnh Hòa, Thạnh Đông, Tân Hội), đảng viên và du kích được dân đùm bọc, nuôi chứa trong hầm bí mật, đến đêm bung ra hoạt động diệt ác, phá tề; xây dựng cơ sở trong ấp chiến lược. Những lúc cách mạng gặp khó khăn gian khổ, nhân dân đã hết lòng ủng hộ, nuôi chứa cán bộ, chiến sĩ.

Nhân dân Tây Nam Bộ đóng góp về của cải, vật chất (tiền, lương thực, lúa gạo) cho cách mạng vững tâm đánh địch bình định. Tiêu biểu, ở Kiên Giang, nông dân vùng giải phóng thi đua, tích cực đóng góp vào quỹ “Đảm phụ Giải phóng”. Nông dân ở vùng kềm, dù bị địch kiểm soát gắt gao cũng tìm cách gởi tiền vào vùng giải phóng để đóng góp đảm phụ. Nông dân vùng giải phóng tham gia phong trào “dập pháo”, tùy loại pháo mà qui ra bao nhiêu ký lúa. Có hộ góp hàng trăm gia lúa để “dập nhiều pháo vào quân thù”. Đợt tổng công kích năm 1968, hàng ngàn quần chúng nhân dân tự nguyện tham gia đưa đón lực lượng cách mạng đến điểm tập kết; tham gia tải đạn, vũ khí, tải thương, vận chuyển

người và vật dụng hậu cần; làm nhiều loại bánh (bánh tét, bánh ít, bánh dứa...), thực phẩm ngày Tết phục vụ bộ đội và lực lượng chính trị. Nhiều bà mẹ, chị em phụ nữ dùng ghe, xuồng, vỏ máy ngư trường chở thương binh, vũ khí, tân dược, lương thực... dũng cảm qua đồn bót địch, an toàn về căn cứ U Minh. Tiêu biểu như chị Phạm Thị Tư (Giồng Riềng), mẹ Bùi Thị Thêm (Gò Quao) đã nhiều lần hoàn thành việc vận chuyển vũ khí, lương thực bằng đường sông, qua nhiều đồn bót địch, về đến căn cứ cách mạng một cách an toàn [158, tr. 176].

Trong kháng chiến chống Mỹ, tỉnh Cà Mau được xem là kho hậu cần chiến lược của Quân khu 9 và khu vực TNB, là nguồn bổ sung sức người, sức của cho cách mạng. Chỉ trong ba năm (1969-1971), nhân dân Cà Mau đã đóng góp 2.031.885 gia lúa cho cách mạng [48, tr. 334]. Ngoài ra, bộ đội đi đến đâu cũng được nhân dân đùm bọc, giúp đỡ tận tình. Ở các địa phương Cà Mau, Hội phụ nữ, các mẹ, các chị ỏ chức “Hũ gạo nuôi quân”, “Con gà chống Mỹ” để các chiến sĩ cải thiện bữa ăn, đủ sức khỏe đánh địch. Chỉ tính riêng trong năm 1974, tỉnh Cà Mau đã huy động gần 1 triệu gia lúa và hàng trăm triệu đồng đóng góp cho cách mạng [48, tr. 357].

Hỗ trợ lực lượng cách mạng chống địch càn quét, bình định, lấn chiếm. Ở nhiều vùng nông thôn, nhân dân TNB dựng các biển hiệu chống càn: “Bãi công chống Mỹ, anh em binh sĩ đừng đi”. Biển hiệu này là lời cảnh báo với đội quân đi càn là nếu không muốn rơi vào nguy hiểm thì dừng ngay cuộc đi càn. Mặt khác, khẩu hiệu cũng thể hiện rõ tính chất của cuộc chiến mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành nhằm chống lại binh lính Mỹ - những kẻ xâm lược, chứ không phải chống lại “anh em binh sĩ” – những đồng bào cùng là người “Việt Nam máu đỏ da vàng”. Ở Cà Mau, mỗi khi binh lính Sài Gòn càn vào xóm ấp vào ban đêm, bà con khua trống, gõ mõ, rượt bắt cướp (vu cho bọn lính là cướp) để giải thoát cho những người bị bắt trong quá trình lính đi càn quét. Vào ban đêm, khi lính đi càn, bắt bớ cán bộ, đảng viên và dân thường, chị em phụ nữ tập hợp lại thành nhóm kêu khóc, níu kéo, tạo nên cảnh hỗn loạn, tạo điều kiện cho anh em cán bộ, đảng viên trà trộn, trốn thoát.

Thực tiễn cho thấy, trong cuộc KCCMCN nói chung và đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG, cách mạng đã trải qua những khó khăn, thử thách tưởng chừng không thể vượt qua, như thời kỳ sau Tết Mậu Thân 1968-1970. Giai đoạn này ta tổn thất lực lượng nặng nề; địch phản kích ác liệt, bình định đóng đồn bót dày đặc, ta mất đất, mất dân, đời sống cán bộ, chiến sĩ vô cùng vất vả; một bộ phận cán bộ, đảng viên dao động, giảm sút tinh thần, có những người chịu đựng nổi đã ra đầu hàng địch. Trong tình hình đó nhờ tin vào dân, dựa vào dân mà cách mạng từng bước gây dựng lại cơ sở, củng cố và xây dựng lực lượng, từng bước phục hồi và phát triển phong trào cách mạng, vượt qua được những khó khăn, thử thách hiểm nghèo.

Tóm lại, từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, do đó, trong các thời kỳ cách mạng Đảng luôn tin ở dân và dựa vào dân, đấu tranh cho lợi ích thiết thực của nhân dân, nhờ đó dân đi theo Đảng, hưởng ứng các chủ trương do Đảng đề ra. Qua các thời kỳ cách mạng, khi nào chúng ta biết dựa vào dân, phát huy được sức mạnh của toàn dân thì cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vượt qua được muôn vàn khó khăn thử thách hiểm nghèo, giành được thắng lợi. Bài học giữ vững mối quan hệ máu thịt Đảng - Dân này còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Giai đoạn hiện nay, Đảng vẫn phải dựa vào dân, gần dân để hiểu được tâm tư nguyện vọng của nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; mọi biểu hiện quan liêu, xa rời quần chúng đều sẽ ảnh hưởng xấu tới mối quan hệ Đảng - Dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Điều quan trọng hơn hết là phải tập hợp lực lượng to lớn của nhân dân, phát huy sức mạnh, trí tuệ và tiếp thu những sáng tạo, đột phá trong nhân dân để tiếp tục công cuộc đổi mới có hiệu quả và đạt nhiều thành tựu hơn.

4.2.5. Chú trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh chống bình định

Trong cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965-1975, bên cạnh chủ trương đường lối và sự chỉ đạo sát đúng, phát huy

sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công, cũng cần chú trọng công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Trong cuộc KCCMCN, các tổ chức cơ sở đảng (chi bộ ở cơ sở) là lực lượng trực tiếp tổ chức, chỉ đạo nhân dân ở xã, ấp đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng là một trong những yếu tố tạo nên chất lượng lãnh đạo của Đảng và sự tin tưởng của quần chúng nhân dân đối với Đảng và cách mạng. Ở địa bàn Khu 9, Khu ủy TNB đã xây dựng “chi bộ 4 tốt (Tấn công và xây dựng tốt; Liên hệ với quần chúng tốt; Xây dựng Nghị quyết và thực hiện Nghị quyết tốt; Lãnh đạo và xây dựng nội bộ tốt) [49, tr. 253], “chi bộ tự động” từ đó nâng lên sức chiến đấu vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng. Trong thời kỳ chiến tranh, có những chi bộ bị địch đánh phá khốc liệt, phải tái lập nhiều lần, nhưng cán bộ, đảng viên vẫn kiên cường bám đất, bám dân, gây dựng lại tổ chức cơ sở đảng, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch bình định. Thực tế cho thấy nơi nào có tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, nắm được quần chúng, nơi đó sẽ có phong trào cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ và cuộc đấu tranh chống địch bình định sẽ có kết quả tốt. Ngược lại, lúc nào trong nội bộ mất đoàn kết, không thống nhất sẽ khiến cho cách mạng gặp nhiều khó khăn. Sau Tết Mậu Thân, ở Khu 9 có thời điểm chưa xác định đúng vai trò vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Khu ủy và Quân khu ủy đối với việc lãnh đạo, xây dựng, chỉ huy chiến đấu của lực lượng vũ trang Quân khu, dẫn đến tình trạng bao biện, làm thay, “lấn sân” làm cho chất lượng xây dựng, hiệu quả chiến đấu chưa cao. Từ thực tế đó, đòi hỏi phải xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Trong thời kỳ chiến tranh, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh phải đảm bảo đầy đủ ba tính chất: lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu. Trên cơ sở chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, các tổ chức cơ sở đảng vạch ra kế hoạch, phương châm, phương pháp đấu tranh chống địch bình định hiệu quả nhất: phát huy phương thức đánh địch bằng hai chân (lực lượng quân sự và chính trị), ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận); sơ kết rút kinh nghiệm kịp thời tìm ra cách đánh địch bình

định có hiệu quả và phổ biến kinh nghiệm đó cho các địa phương khác. Các chi bộ cơ sở phát huy vai trò lãnh đạo của mình, giác ngộ, tập hợp quần chúng tạo nên sức mạnh cộng đồng to lớn, đồng thời, tổ chức quần chúng tiến hành cuộc đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm, giữ được đất, giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ là quan trọng bậc nhất. Do đó, chú trọng công tác cán bộ, sắp xếp, đề bạt, bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu. Dù là thời bình hay thời chiến chọn cán bộ cũng phải chú ý cả đức lẫn tài; trong đó, cái đức là gốc, cao nhất của đức là sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng cho sự nghiệp chung. Đi đôi với đức phải có tài, cán bộ có tài mới có năng lực đảm đương nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Trong thời kỳ chống phá bình định, người cán bộ đảng viên ở cơ sở phải có trình độ lý luận nhất định để tiếp thu đúng tinh thần chỉ đạo của cấp trên về chủ trương, đường lối, phương pháp đấu tranh; đồng thời, phải có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn để vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh chống địch bình định, biến chủ trương, đường lối của Đảng thành phong trào cách mạng của quần chúng trong đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm.

Trong công tác xây dựng Đảng phải nắm vững và phát huy phương châm giữ mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Cán bộ, đảng viên bám dân mới nắm bắt tình hình, đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, từ đó đề ra chủ trương, sự chỉ đạo sát đúng, kiên quyết đấu tranh chống địch bình định nhằm giữ đất, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Thực tiễn đấu tranh ở miền TNB đã chứng minh, phong trào cách mạng vững mạnh và phát triển khi có tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở luôn gắn bó với nhân dân, dựa vào dân, đấu tranh vì quyền làm chủ, quyền lợi thiết thực của nhân dân. Ngược lại, quần chúng nhân dân luôn cuơ mang, đùm bọc, chở che cán bộ, chiến sĩ trong cuộc chiến đấu giữ đất, giữ làng, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn bình định lấn chiếm của địch.

Bên cạnh công tác tổ chức - cán bộ, công tác tư tưởng và giáo dục chính trị có vai trò quan trọng trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của các tổ chức cơ sở đảng. Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tư tưởng và giáo dục chính trị là nâng cao trình độ nhận thức của đảng viên theo kịp tình hình và nhiệm vụ chính trị được giao; làm cho cán bộ, đảng viên nắm rõ tình hình, tương quan lực lượng giữa ta và địch, thấy rõ những khó khăn, phức tạp của cuộc đấu tranh chống địch bình định để chuẩn bị tinh thần chiến đấu và tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng; công tác tư tưởng cũng góp phần chấn chỉnh một bộ phận cán bộ, đảng viên có tư tưởng hoang mang, dao động, lo sợ chiến tranh khi đối đầu với kẻ địch mạnh, có nhiều mưu mô, thủ đoạn. Tâm lý chiến là một trong những thủ đoạn được sử dụng trong CSBD của Mỹ và CQSG. Cùng với các cuộc càn quét, lấn chiếm, địch cho gián điệp, cảnh sát chìm, chiêu hồi, do thám... cài cắm, len lỏi khắp nơi, dùng mọi thủ đoạn lừa mị, dùng kinh tế mua chuộc cán bộ, gia đình cách mạng và người dân; thực hiện chiến dịch “xuân quê hương” nhằm chiêu hồi, chiêu hàng. Cuộc chiến tranh tâm lý và thủ đoạn thâm độc của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất, nhiều gia đình ở nông thôn lánh ra các thành thị làm ăn, sinh sống; một số cán bộ, chiến sĩ không vững vàng bị đối phương chiêu hồi, phản bội, làm tay sai cho CQSG; nhiều cán bộ cấp ủy cơ sở đến huyện, thị bị bắt và hy sinh; tư tưởng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân sa sút nghiêm trọng, đặc biệt là sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ bộc lộ tư tưởng hòa bình, mất cảnh giác, thiếu tính tích cực chủ động tiến công địch, chần chừ, do dự, lo sợ chiến tranh. Trong chỉ đạo hoạt động của các lực lượng vũ trang thì có hiện tượng lưỡng lự, không biết nên đánh hay nên tránh, một số nơi không kiên quyết đánh địch, để đối phương chiếm lại những vùng ta mới mở và còn lấn chiếm thêm nhiều vùng giải phóng cũ. Trước tình hình đó, đòi hỏi tổ chức cơ sở đảng phải làm tốt công tác tư tưởng để mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn, khách quan về tình hình địch, ta, về vấn đề bình định và chống bình định, ý thức được vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của

mình trong cuộc đấu tranh. Có như vậy, mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ tham gia chiến đấu với tinh thần tự giác, không ngại khó khăn, gian khổ, không sợ hy sinh, không sợ chiến tranh ác liệt, từ đó cuộc đấu tranh chống địch bình định mới thu được kết quả.

Tóm lại, trong đấu tranh chống địch bình định, cần hết sức chú trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, để chi bộ cơ sở làm hạt nhân lãnh đạo chính trị, bảo đảm việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng có hiệu quả trong thực tiễn. Những bài học về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong thời kỳ chống địch bình định, lần chiếm những năm 1965-1975 vẫn còn nguyên giá trị cả về lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng và chỉnh đốn đảng giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 4

Phong trào đấu tranh chống CSBD là một trong những nội dung có ý nghĩa quyết định của cuộc KCCMCN. Nhân dân TNB đã trải qua quá trình đấu tranh gian khổ để chống lại CSBD của Mỹ và CQSG. Xuyên suốt quá trình đấu tranh chống CSBD của địch, Đảng đã đề ra chủ trương đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, giành quyền tự do, dân chủ cho người dân. Cùng với chủ trương, đường lối đúng, các cấp bộ đảng từ Trung ương đến cơ sở đã chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định với nội dung và hình thức phong phú; đề ra các biện pháp lãnh đạo kịp thời và hiệu quả cuộc đấu tranh chống địch bình định. Điều đó đã mang lại kết quả thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình Đảng lãnh cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965-1975 vẫn còn có những hạn chế trong việc hoạch định chủ trương, đường lối, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào và kết quả đạt được của cuộc đấu tranh chống địch bình định lần chiếm. Hạn chế này có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan là nhân dân Việt Nam phải đối đầu với kẻ thù mạnh như Mỹ -

cường quốc hàng đầu về kinh tế và quân sự. Chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ liên tục thay đổi chương trình, kế hoạch, phương thức và thủ đoạn bình định, lấn chiếm làm cho cuộc đấu tranh chống địch bình định của quân và dân miền TNB gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ quan: có lúc Trung ương Đảng chậm chễ hướng chỉ đạo chiến lược, đề ra chủ trương chống địch bình định chưa sát kịp với tình hình; TUCMN có lúc đề ra chủ trương, sự chỉ đạo chưa sát đúng với tình hình thực tế tại khu vực TNB; các cấp bộ đảng khu vực TNB có lúc chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng lực lượng, xây dựng Đảng, công tác dân vận, công tác xây dựng tổ chức quần chúng; chưa chú trọng đúng mức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Những kết quả và hạn chế của quá trình hoạch định chủ trương và tổ chức chỉ đạo thực hiện đấu tranh chống địch bình định có thể đúc kết một số kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ bài học của quá trình Đảng lãnh đạo chống địch bình định, Đảng bộ các cấp cần tiếp tục phát huy bản lĩnh chính trị, tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, phát huy mọi nguồn lực trong xã hội vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

1. Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn luôn coi chính sách bình định (pacification plan) là “quốc sách”, là chìa khóa đóng vai trò then chốt, quyết định sự thành bại của cuộc chiến. Do đó, trong các giai đoạn chiến tranh ở Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975, Mỹ thực hiện hàng loạt chương trình, kế hoạch bình định với mục đích cốt lõi nhằm chiếm đất, giành dân, tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại căn cứ địa cách mạng. Chính sách bình định được thực hiện thông qua những chương trình, kế hoạch, biện pháp hành động của cả bộ máy CQSG (sử dụng lực lượng bảo an, dân vệ, tề điệp, cảnh sát, quân đội, mật vụ...), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn quân sự và dân sự Mỹ. Chính sách này được triển khai liên tục, gắn liền và tương ứng với mỗi chiến lược chiến tranh dưới những tên gọi khác nhau, quy mô ngày càng lớn.

Trong giai đoạn thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1960-1965), Mỹ và CQSG tiến hành gom dân, dồn dân lập “Áp chiến lược”, thực hiện “tát nước bắt cá” để tiêu diệt “Cộng sản”. “Áp chiến lược” được chính quyền Sài Gòn coi là “quốc sách”, là biện pháp cơ bản nhất nhằm kiểm soát vùng nông thôn rộng lớn, phá hoại cơ sở cách mạng và tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta. Trong giai đoạn thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968), Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến cùng với quân các nước đồng minh - là lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ “tìm diệt” Quân Giải phóng miền Nam; quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ “bình định”, chiếm đóng. Trong giai đoạn này, các hoạt động “tìm diệt” và “bình định” được tiến hành với những cuộc hành quân qui mô lớn, cùng những vũ khí hiện đại, tối tân và thủ đoạn bình định tàn bạo, ác liệt. Triển khai chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Mỹ và chính quyền Sài Gòn lấy miền Đông Nam Bộ làm chiến trường chủ yếu để “tìm diệt”; miền TNB là chiến trường chủ yếu để tiến hành “bình định”. Sang giai đoạn thực hiện chiến

lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975), chương trình bình định nông thôn được xem là chìa khóa để giành thắng lợi của chiến lược chiến tranh này. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ thay đổi chiến lược “tìm diệt” bằng biện pháp “quét và giữ”, tiến hành bình định dồn dập trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. “Quét giữ” (quét đến đâu, giữ đến đó) tức là tấn công đẩy lùi lực lượng cách mạng và bình định để giành đất, giành dân, vơ vét của cải, nhân lực, vật lực, phục vụ chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Trong giai đoạn này, Mỹ và chính quyền Sài Gòn xác định khu vực ưu tiên bình định là địa bàn xung quanh Sài Gòn, đồng bằng sông Cửu Long, Khu 5 và Trị Thiên. Từ sau khi Hiệp định Paris được ký kết, vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành là khu vực trọng điểm trong chính sách bình định của địch.

Như vậy, kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là nhằm chiếm đất, giành dân, tiêu diệt lực lượng và các cơ sở hạ tầng của cách mạng; đồng thời, thiết lập một thể chế tổ chức hành chính thống nhất, áp đặt kiểu thống trị thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

2. Phong trào đấu tranh chống chính sách bình định ở khu vực Tây Nam Bộ giai đoạn 1965-1975 cho thấy sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, vai trò lãnh đạo trực tiếp của Trung Ương Cục miền Nam.

Ngay từ khi Mỹ đưa quân vào miền Nam, tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, tại Hội nghị lần thứ 12 BCHTW (12-1965) Đảng đã hạ quyết tâm động viên, huy động lực lượng của cả nước quyết tâm đánh Mỹ dù trong bất cứ tình huống nào. Trên tinh thần đó, Trung ương Cục miền Nam đã khẳng định quyết tâm đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn bình định của địch; củng cố và mở rộng thế làm chủ vùng rừng núi và nông thôn đồng bằng. Thực hiện chủ trương của Khu ủy, các Đảng bộ địa phương khu vực TNB đã có chủ trương, biện pháp chấn chỉnh phong trào, vừa tập trung đánh địch, vừa động viên nhân dân bám đất, bám ấp. Các cấp bộ đảng triệt để thực hiện phương châm “*ba bám*” (Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám đánh địch), “*bốn bám*” (Đảng

bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám đánh địch, cấp trên bám cấp dưới), kiên cường bám trụ để hoạt động sản xuất và thi đua chiến đấu nhằm chống lại CSBD của địch.

Trong giai đoạn 1969-1975, khi đế quốc Mỹ triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đẩy mạnh chính sách bình định nông thôn, Bộ Chính trị BCHTW Đảng đã khẳng định: “Nông thôn là địa bàn chiến lược hết sức trọng yếu của ta hiện nay cũng như về sau này” từ đó xác định nhiệm vụ đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị ở nông thôn, đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch. Triển khai chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đã đề ra nhiệm vụ tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị và tấn công ngoại giao, nhanh chóng tạo ra thế và lực ngày càng mạnh, đánh bại chiến lược “quét và giữ” và “bình định cấp tốc” của địch” và quyết tâm đánh bại mọi âm mưu bình định nông thôn của địch; đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý, gián điệp, chiêu hồi, chiêu hàng của địch, giữ vững và mở rộng thế làm chủ của ta, đặc biệt là những vùng nông thôn xung yếu.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng và của TUCMN, Khu ủy Khu 9 ban hành các nghị quyết về *công tác phá kềm phá bình định nông thôn*, theo đó, xác định: “Nông thôn miền Tây chiếm một vị trí rất quan trọng, là một chiến trường đồng bằng, đông dân nhiều của, nhiều đồng bào Khmer và tôn giáo, có thể bao vây các đô thị, có quan hệ mật thiết trực tiếp với Sài Gòn, giành được nông thôn là giành được thế mạnh trên chiến trường miền Tây”. Khu ủy Khu 9 cùng Đảng bộ các địa phương Tây Nam Bộ tiếp tục thực hiện chủ trương bám trụ đánh địch, xác định rõ: Lực lượng vũ trang phải bám dân, sống trong dân, dựa vào dân, làm chỗ dựa cho dân, cùng với nhân dân hình thành lực lượng tổng hợp, mở rộng phong trào tấn công chính trị, quân sự, binh vận, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Mặc dù vậy, trong giai đoạn 1965-1975, có thời gian do chưa đánh giá đúng tình hình và âm mưu của địch, Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam đã đề ra chủ trương chưa sát hợp với thực tế như bỏ ngỏ vùng nông thôn sau cuộc

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, hay chủ trương “5 cấm chỉ” sau khi Hiệp định Paris được ký kết làm cho tình hình phức tạp, tạo điều kiện cho địch mở rộng lấn chiếm, ảnh hưởng đến phong trào và kết quả của cuộc đấu tranh chống bình định của nhân dân ta trước đó.

Tuy còn có một số hạn chế, song nhìn chung chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam là đúng đắn, kịp thời, là cơ sở để các đảng bộ địa phương Tây Nam Bộ triển khai kế hoạch đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG, giành đất, giành dân, phối hợp với lực lượng vũ trang từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ. Phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG giai đoạn 1965-1975 của quân và dân miền TNB là kết quả của chủ trương, đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương của Khu ủy Khu 9 và các cấp bộ đảng ở các tỉnh Tây Nam Bộ.

3. Vận dụng chủ trương và đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, các cấp bộ đảng ở miền TNB đã chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định một cách sáng tạo, linh hoạt, với nội dung và hình thức phong phú, phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB giai đoạn 1965-1975 vừa mang đặc điểm của cuộc đấu tranh cách mạng chung toàn miền Nam, vừa thể hiện những nét đặc thù riêng của vùng đồng bằng sông nước.

Về hình thức đấu tranh, do vùng TNB có địa hình bằng phẳng, sông ngòi kênh rạch chằng chịt, hệ thống thủy bộ liên hoàn nên hoạt động chống CSBD được kết hợp với nhiều hình thức khác nhau như: tiêu diệt hạm đội nhỏ trên sông; sử dụng các cách đánh thô sơ như hầm chông, cạm bẫy, lựu đạn gài kết hợp vũ khí hiện đại để đánh địch; dùng ong vò vẽ hay dùng giàn thun bắn tiêu diệt địch; hoặc dùng súng trường bắn tỉa, đào chiến hào đánh lấn đồn bót địch; tổ

chức và tiến hành các chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định, mở mảng mở vùng, phù hợp với đặc thù của chiến trường đồng bằng sông nước miền TNB.

Về lực lượng, cuộc đấu tranh chống CSBD gồm các lực lượng tổng hợp như: lực lượng chính trị của quần chúng, lực lượng vũ trang ba thứ quân (dân quân du kích, bộ đội địa phương tỉnh, huyện, bộ đội chủ lực của Quân khu và Miền).

Về phương thức, đánh địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận), tiến công trên các vùng chiến lược nông thôn đồng bằng, thành thị. Riêng vùng đồng bằng, phối hợp tiến công trên ba vùng: vùng địch kìm kẹp, vùng tranh chấp, vùng giải phóng. Cuộc đấu tranh chống bình định còn được tiến hành với các chiến dịch tổng hợp: tiến công quân sự chống định lấn chiếm để nhân dân giữ đất, phá kìm; tiến công quân sự tiêu diệt căn cứ của địch để nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ. Đây chính là những nét độc đáo, sáng tạo của Đảng bộ, quân và dân miền TNB.

Phong trào chống bình định giai đoạn 1965-1968 là sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận chống địch càn quét lấn chiếm, nhằm “giữ đất, giữ dân”; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống phá “áp tân sinh”, “áp đòi mới” với việc xây dựng, củng cố làng xã chiến đấu, xây dựng thể trận lòng dân.

Phong trào chống bình định giai đoạn 1969-1975 dù gặp khó khăn trong việc thiếu thốn lực lượng sau đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân năm 1968, quân và dân TNB vẫn kiên trì bám trụ với phương châm “ba bám”, “bốn bám”, phương châm “hai chân, ba mũi, ba vùng”, vừa bảo toàn lực lượng, vừa gây dựng lại lực lượng, củng cố cơ sở cách mạng, xây dựng các lõm căn cứ, tạo thế xen kẽ với quân đội Sài Gòn, qua đó đã duy trì và phát triển phong trào chống địch bình định. Giai đoạn này, quân và dân TNB kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận đấu tranh chống địch lấn chiếm, đòi thi hành Hiệp định Paris, quyết tâm “giữ đất, giành dân, giữ lúa”; đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, chiêu hồi; vận động làm tan rã địch; kết hợp sức mạnh tổng hợp, quân và dân Tây Nam Bộ cùng nhân dân cả nước tiến hành Tổng tiến công và

nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đưa phong trào đấu tranh chống địch bình định giành thắng lợi hoàn toàn.

4. Trong thời kỳ KCCMCN, TNB giữ vị trí chiến lược quan trọng, vừa là căn cứ địa, vừa là hậu phương tại chỗ cung cấp sức người và vật lực cho cách mạng. Đồng thời, với đặc điểm là vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo, phong trào KCCMCN nói chung và cuộc đấu tranh chống địch bình định nói riêng ở TNB có sự tham gia rộng rãi của đồng bào các dân tộc, tôn giáo, đặc biệt là đồng bào Khmer. Trên thực tế, đồng bào dân tộc thiểu số và các giáo dân là lực lượng quan trọng trong các mặt đấu tranh chính trị, binh vận, tạo thế liên hoàn với mũi quân sự, tạo nên sức mạnh to lớn góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG.

Thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBD ở khu vực TNB để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý cho cách mạng Việt Nam nói chung, trong đó là bài học về quán triệt, nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng trên cơ sở vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương để từ đó đề ra biện pháp, phương thức đấu tranh phù hợp thực tiễn địa phương. Nhờ sự vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, Trung ương Cục vào thực tiễn khu vực TNB, cùng với việc sáng tạo ra nhiều cách đánh địch hiệu quả và sáng tạo, quân và dân TNB đã đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn bình định lấn chiếm và hệ thống kìm kẹp của Mỹ và CQSG giai đoạn 1965-1975.

Trong giai đoạn hiện nay, TNB có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh đối với đất nước và khu vực. Do đó, trong thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành hàng loạt nghị quyết, chỉ thị nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đất chín rồng, như: Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20-01-2003 *“Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010”*; Kết luận số 28- KL/TW, ngày 14-8-2012 của Bộ Chính trị *“Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm*

quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020”; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2-4-2022 “*Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”. Những nghị quyết, chỉ thị này đi vào thực tiễn đời sống sẽ mở ra chương mới cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy nhiên, thời gian qua và hiện nay, các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, gây mất an ninh chính trị, mất trật tự an toàn xã hội ở khu vực TNB. Một số phần tử phản động cố tình xuyên tạc lịch sử vùng đất TNB, nêu lên luận điệu về “Nhà nước Khmer Krom” nhằm kích động, gây xáo trộn đời sống và tư tưởng của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, dẫn tới những bất ổn về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trước tình hình đó, việc vận dụng các bài học kinh nghiệm từ phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG vẫn giữ nguyên giá trị thực tiễn, đó là bài học về xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử vùng đất TNB, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động lợi dụng vấn đề nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để gây mất ổn định; bài học về lấy dân làm gốc, “trọng dân, yêu dân, thân dân, bám dân”, phát huy thế trận lòng dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân; bài học về đoàn kết toàn dân trên cơ sở đoàn kết, gắn bó giữa hai dân tộc Việt - Khmer trong công cuộc xây dựng và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trương Thị Nhựt (2015), *“Giá trị lịch sử của chiến thắng Chương Thiện năm 1973 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 296 (7-2015).
2. Trương Thị Nhựt (2019), *“Cần Thơ chủ động đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm, kiên quyết trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris”*, Thông tin khoa học chính trị - Học viện Chính trị khu vực IV, số 02 (15)/2019.
3. Trương Thị Nhựt (2021), *“Tây Nam Bộ - địa bàn chiến lược trong âm mưu bình định của Mỹ và CQSG (1954-1975)”*, Thông tin khoa học chính trị - Học viện Chính trị khu vực IV, số 03 (24)/2021.
4. Trương Thị Nhựt (2021), *““Kế hoạch Phụng Hoàng” của Mỹ và chính quyền tay sai với âm mưu bình định miền Tây Nam Bộ”*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 357 (9/2021).
5. Trương Thị Nhựt (2024), *“Quân dân các địa phương Tây Nam Bộ đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1965-1967)”*. Tên tạp chí: Tạp chí Lịch sử Đảng. Ngày đăng: số 404, tháng 7-2024.
6. Trương Thị Nhựt (2024), *“Kế hoạch “Tứ niên” của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong âm mưu bình định miền Tây Nam Bộ (1972-1975)”*. Tên tạp chí: Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Ngày đăng: số 6 (578) tháng 9-2024.
7. Trương Thị Nhựt (2025), *“Chủ trương của Trung ương Đảng và các cấp bộ Đảng khu vực Tây Nam Bộ về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1965-1975)”*. Tên tạp chí: Tạp chí Lịch sử Đảng. Ngày đăng: số 412, tháng 3-2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

- 1 Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (1945 - 1954)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 2 Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (1955 - 1969)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 3 Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (1969 - 1975)*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 4 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang (1987), *Hậu Giang 21 năm kháng chiến chống Mỹ*, Nxb Tổng hợp Hậu Giang, Hậu Giang.
- 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (1999), *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng*, tập 2, 1954-1975, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng chịu trách nhiệm xuất bản.
- 6 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (2002), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu, Tập 1 (1927-1975)*, Sở Văn hóa-Thông tin Bạc Liêu cấp phép xuất bản.
- 7 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2015), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (1930-2010)*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật.
- 8 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh (2015), *Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh (1930-2010)*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
- 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 9 (1963)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 10 (1964-1965)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 11 (1966-1967)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 12 (1968)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 13 (1969)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 14 (1970)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 15 (1971)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 16 (1972)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 17 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 17 (1973)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946-1975, tập 18 (1974-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh (2015), *Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh (1930-2010)*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

- 20 Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 21 Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 – Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 22 Ban Chỉ đạo và tổ chức những ngày lễ lớn tỉnh Hậu Giang (1990), Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chiến thắng 75 lượt tiêu đoàn nguy binh định lấn chiếm Chương Thiện sau Hiệp định Paris*.
- 23 Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thông Tây Nam Bộ (2000), *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến*, Cần Thơ.
- 24 Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Hậu Giang (1984), *Đảng bộ và quân dân Long Mỹ - Vị Thanh quyết tâm phá Khu trù mật Vị Thanh - Hoả Lựu (1954 - 1960)*.
- 25 Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Hậu Giang (1984), *Tổng kết hai mươi một năm chống Mỹ cứu nước của Đảng bộ, quân và dân Long Mỹ - Vị Thanh (1954 – 1975)*.
- 26 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hậu Giang (2010), *Quân, dân Khu 9 chiến thắng 75 lượt tiêu đoàn địch sau Hiệp định Paris 1973*, xuất bản năm 2010.
- 27 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ (1974), *Báo cáo tổng kết phong trào đánh giá bình định nông thôn của địch 18 năm qua, đi sâu thời kỳ sau Tết Mậu Thân đến tháng 4/74 của tỉnh Cần Thơ*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 28G/1974, Cần Thơ.
- 28 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ (1975), *Báo cáo tổng kết số liệu năm 1975*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 26G/1975, Cần Thơ.

- 29 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang (2008), *Kiên Giang kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb Văn hóa Sài Gòn – Tạp chí Xưa & Nay.
- 30 Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2008), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, tập VIII: Toàn thắng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 31 Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, tập IX: Tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 32 Bộ Quốc phòng – Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự (2004), *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 33 Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2014), *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập I (1954-1960)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 34 Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập II (1961-1965)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 35 Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2018), *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập IV (1969-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 36 Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2019), *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập III (1965-1968)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 37 Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1996), *Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến*

- (1945 - 1975), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 38 Bộ Tư lệnh Quân khu 9 - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2010), *Phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) - Trí tuệ, sáng tạo của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 - 39 Trần Như Cương (2003), *Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại miền Đông Nam Bộ từ 1961 đến 1965*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 - 40 Trần Đức Cường (2017), *Vùng đất Nam Bộ, tập VI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - 41 Daniel Ellsberg (2018), *Hồ sơ mật Lầu Năm Góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 - 42 Dave Richard Palmer (1984), *Tiếng kèn gọi quân*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội.
 - 43 Lê Duẩn (1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới* (in lần thứ IV), Nxb Sự thật, Hà Nội (Nxb Tổng Hợp TPHCM tái bản năm 2013).
 - 44 Lê Duẩn (2015), *Thư vào Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - 45 Văn Tiến Dũng (1977), *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 - 46 Văn Tiến Dũng (1978), *Chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 - 47 Văn Tiến Dũng (2005), *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 - 48 Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2004), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau, tập I (1930-1975)*, Nxb Mũi Cà Mau, Cà Mau.

- 49 Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Cần Thơ (2006), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ (1954-1975)*, tập III (Sơ thảo).
- 50 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 51 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 22, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 52 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội (*Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác cách mạng miền Nam (họp ngày 26-27/2/1962)*).
- 53 Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 24, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 54 Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 25, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 55 Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 26 (1965), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 56 Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 27 (1966), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 57 Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 28 (1967), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 58 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 29 (1968), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 59 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 30 (1969), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 60 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 31 (1970), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 61 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 32

- (1971), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 62 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 33 (1972), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 63 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34 (1973), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 64 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 35 (1974), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 65 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36 (1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 66 Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- 67 Đảng uỷ - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cà Mau (2007), *Lịch sử 30 năm kháng chiến của quân và dân tỉnh Cà Mau (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 68 Đảng uỷ - Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (2008), *Kỷ yếu hội thảo: Tổng tiến công - nổi dậy năm 1968 và đánh địch bình định từ năm 1968 đến năm 1973 ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 69 Đảng uỷ Quân khu 9 (2010), *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 9 (1947-2007), tập 1 (1947-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 70 Đảng uỷ - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cần Thơ (2002), *Lực lượng vũ trang nhân dân Cần Thơ 30 năm kháng chiến 1945 – 1975, tập 2 (1954 – 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 71 Đảng uỷ Quân khu 9 - Đảng uỷ Cục Chính trị (2016), *Lịch sử Đảng bộ Cục Chính trị Quân khu 9 (1946-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 72 Trần Bạch Đằng (chủ biên) (2015), *Chung một bóng cờ: Về Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- 73 George C. Herring (1998), *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 74 Gabriel Kolko (1991), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội
- 75 Võ Nguyên Giáp (1979), *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- 76 Võ Nguyên Giáp (2006), *Tổng tập luận văn*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 77 Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập Trần Văn Giàu*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 78 Bùi Thị Thu Hà, “Kế hoạch Phụng Hoàng” trong âm mưu bình định miền Nam của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9 (377)/2007.
- 79 Trịnh Thị Hồng Hạnh (2014), *Vành đai biệt Mỹ ở chiến trường miền Nam (1965-1973)*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- 80 Trần Hậu (2007), *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam*, quyển II (1954-1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 81 Huỳnh Công Hiệu (1970), *Thực trạng nông thôn và các phương thức bình định xây dựng*, Luận văn Cao học Hành chánh, Học viện Hành chánh quốc gia, Sài Gòn.
- 82 Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh uỷ Vĩnh Long (2012), *Đồng chí Võ Văn Kiệt với cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
- 83 Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954-1975)*, Tập 2 (1954-1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 84 Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng miền Nam Việt Nam (1970), *Tổng*

- hợp một số tình hình đấu tranh chống bình định cấp tốc của phụ nữ trong 6 tháng đầu năm 1969, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu B II3/6/20.6.*
- 85 Hà Minh Hồng (2000), *Phong trào chống phá bình định nông thôn ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1969-1972)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 - 86 Hà Minh Hồng (2008), *Nam Bộ 1945-1975 Những góc nhìn từ lịch sử chiến tranh cách mạng*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - 87 Huyện ủy Cầu Ngang (2000), *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và quân dân huyện Cầu Ngang anh hùng*, Ban Tuyên giáo huyện ủy Cầu Ngang, Trà Vinh.
 - 88 Trần Thị Thu Hương (2003), *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam (1961-1965)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - 89 Hồ Khang (2008), *Tết Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 - 90 Khu ủy Khu 9 (1975), *Báo cáo năm 1974*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 02/1975-QK9, Cần Thơ.
 - 91 Khu ủy Tây Nam Bộ (1965), *Nghị quyết Hội nghị cán bộ phụ trách du kích, dân quân miền Tây Nam Bộ ngày 5-4-1965*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 01/1965-QK9, Cần Thơ.
 - 92 Khu ủy Tây Nam Bộ (1966), *Thông báo số 35/TV-66 ngày 28-3-1966 của Ban Thường vụ Khu ủy Kính gửi các U và các ngành cấp T*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thành phố

Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1965, Cần Thơ.

- 93 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1967), *Báo cáo số 50/TV-67 ngày 21-8-1967 của Văn phòng Khu uỷ về Số liệu 6 tháng đầu năm 1967*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1967, Cần Thơ.
- 94 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1967), *Nghị quyết số 76/TV-67 ngày 15-4-1967 của Ban Thường vụ Khu uỷ Về công tác chống gián điệp phản động ở miền Tây Nam Bộ*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 8E/1967, Cần Thơ.
- 95 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Bản Tự phê bình của Khu uỷ từ tổng tấn công đến nay*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 8E/1968, Cần Thơ.
- 96 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 6/CT-68 ngày 20-1-1968 của Ban Thường vụ Khu uỷ Về đảm bảo vật chất cho đợt Đông - Xuân (1967 - 1968)*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1968, Cần Thơ.
- 97 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 28/CT-T.68 của Thường vụ Khu uỷ Về binh vận phục vụ hoạt động sắp tới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 30E/1968, Cần Thơ.
- 98 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 034/TM-68 ngày 25-4-1968 của Thường vụ Khu uỷ Một số vấn đề các cấp cần nắm vững để chỉ đạo đẩy mạnh phong trào quần chúng khởi nghĩa*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 38E/1968, Cần Thơ.
- 99 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 34/CT-T68 của Thường vụ Khu uỷ Về công tác trị an vùng giải phóng*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 9E/1968, Cần Thơ.
- 100 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 14/CT-68 ngày 20-4-1968*

- của Hội nghị Thường vụ Khu uỷ (mở rộng) tháng 4-1968, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 15E/1968, Cần Thơ.*
- 101 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 18/CT-68 ngày 15-5-1968 của Thường vụ Khu uỷ Về công kích khởi nghĩa thị xã, thị trấn (Bản văn này thay cho bản số 03/NQ-68 đã gửi trước)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 19/1968-QK9, Cần Thơ.
 - 102 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 25/CT-T.68 của Hội nghị Khu uỷ tháng 7-1968*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 18E/1968, Cần Thơ.
 - 103 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1968), *Thông báo số 15/TV-68 ngày 6-7-1968 của Thường vụ Khu uỷ về Tổng kết cuộc tổng tấn công đợt 1 ở T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 31E/1968, Cần Thơ.
 - 104 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1969), *Bản Tự phê bình của Khu uỷ từ tổng tấn công đến nay, nhất là từ sau khi có chỉ thị 71/CTNT của Trung ương Cục*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1969, Cần Thơ.
 - 105 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1969), *Báo cáo sơ kết tình hình địch ở Quân khu 3 từ đầu 10/1968 đến 10/1969*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 31a/1969-QK9, Cần Thơ.
 - 106 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1969), *Nghị quyết số 48/CT-T69 ngày 15-8-1969 của Thường vụ Khu uỷ về Công tác phá kèm phá bình định nông thôn*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1969, Cần Thơ.

- 107 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1970), *Bản tự kiểm điểm của Ban Thường vụ Khu uỷ trong Hội nghị Ban Chấp hành Khu uỷ*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 122/1970-QK9, Cần Thơ.
- 108 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1970), *Báo cáo tình hình địch ở T3 đến 30/8/1970*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 131a/1970-QK9, Cần Thơ.
- 109 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1970), *Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Khu uỷ*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 118a/1970-QK9, Cần Thơ.
- 110 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1971), *Âm mưu chủ trương và kế hoạch bình định 1971*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 56a/1971-QK9, Cần Thơ.
- 111 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1971), *Báo cáo tổng kết 1 năm đánh phá bình định (từ ngày 1-12-1970 đến 31-12-1971)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: QK-9189-QK9, Cần Thơ.
- 112 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1971), *Dự thảo báo cáo địch tình 6 tháng đầu năm 1971*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 22/1971-QK9, Cần Thơ.
- 113 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1971), *Nghị quyết số 26/NQ-T.71 của Hội nghị Khu uỷ (Mở rộng)*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 15E/1973, Cần Thơ.
- 114 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1971), *Thông báo số 26/VF-T.71 ngày 6-5-1971 của Văn phòng Khu uỷ về Số liệu chung niên năm 1970 ở T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1970, Cần Thơ.

- 115 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Báo cáo của Văn phòng Khu uỷ về Số liệu cơ bản từ cuối năm 1967 đến năm 1972 của toàn Khu*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 33E/1972, Cần Thơ.
- 116 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Báo cáo chiến dịch tấn công tổng hợp của Quân khu 9 – Phần bốn: Báo cáo chiến dịch tấn công tổng hợp mở màn ở vùng “Chương Thiện” (tháng 4 đến tháng 7 năm 1972)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 89/1972-QK9, Cần Thơ.
- 117 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Chỉ thị số 26/CT.72 ngày 30-6-1972 của Thường vụ Khu uỷ Về việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng ở miền Tây trong tình hình mới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1972, Cần Thơ.
- 118 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Chỉ thị số 33/CT-T.72 ngày 19-11-1972 của Thường vụ Khu uỷ Tranh thủ thời cơ, phát huy thắng lợi đã giành được, ra sức đẩy mạnh tấn công và nổi dậy, kết hợp xây dựng và bố trí lực lượng vũ trang, chính trị thành thế chiến lược giành thắng lợi to lớn hơn trong thời gian sắp tới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 4E/1972, Cần Thơ.
- 119 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Đề án số 37/BTC-72 của Ban Tổ chức Khu uỷ về Công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1972*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 45E/1972, Cần Thơ.
- 120 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Kế hoạch tấn công đối tượng bảo an của Ban Binh vận T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 32E/1972, Cần Thơ.
- 121 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1972), *Thông báo số 48/TB-T.72 ngày 22-12-*

- 1972 của Thường vụ Khu uỷ về Đặc điểm tình hình thành thị T3 tháng 10 và tháng 11-1972, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 28E/1972, Cần Thơ.
- 122 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1973), *Chỉ thị số 06/CT-T.73 ngày 31-4-1973 của Thường vụ Khu uỷ về Ra sức củng cố, xây dựng chi bộ vững mạnh toàn diện, phát huy vai trò lãnh đạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 25E/1973, Cần Thơ.
- 123 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1973), *Đảng văn số 122/TV.T.73 ngày 15-11-1973 của Thường trực Khu uỷ Gởi: Các tỉnh, Thành uỷ, ngành Khu (Về việc nhanh chóng triển khai kế hoạch mùa khô xuống đến huyện, xã, áp để chống kế hoạch bình định, cướp lúa của địch)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (cặp KU9/1973), Cần Thơ.
- 124 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1973), *Nghị quyết số 03/NQ-T.72 ngày 15-9-1973 của Thường vụ Khu uỷ về việc Tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ Tây Nam Bộ trong giai đoạn mới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1973, Cần Thơ.
- 125 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1973), *Thông báo số 10/TB-T.73 ngày 5-5-1973 của Thường vụ Khu uỷ về Tình hình tháng 4-1973*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (bản viết tay), ký hiệu: 243b/1973-QK9, Cần Thơ.
- 126 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1973), *Thông báo số 39/TB.T73: Một số tình hình nắm được 10 ngày đầu tháng 11 năm 1973 của miền Tây và bổ sung số liệu tháng 10/1973*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 244b/1973-QK9, Cần Thơ.
- 127 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Ấm mưu và thủ đoạn bình định lần*

- chiếm của địch*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/27.9.
- 128 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo tổng kết đánh phá bình định của Khu 3 (từ 28 tháng 1 năm 1973 đến tháng 6 năm 1974)*, tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 154/1974-QK9 (bản viết tay), Cần Thơ.
- 129 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định của quân và dân Khu 9 (Miền Tây Nam Bộ)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 321/1974-QK9, Cần Thơ.
- 130 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo (sơ kết tình hình tăng cường cán bộ xuống cơ sở và củng cố cấp uỷ ban, ngành sau triển khai nghị quyết)*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 42, mục lục số 03, Đ.V.B.Q số 73, Hà Nội.
- 131 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Chỉ thị số 08/CT-T.74 của Thường vụ Khu uỷ Về nhiệm vụ, yêu cầu và chỉ đạo hoạt động từ đây đến cuối năm 1974 và phương hướng 6 tháng đầu năm 1975*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 5E/1974, Cần Thơ.
- 132 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Chỉ thị: Về chiến dịch tổng hợp nhằm thực hiện nhiệm vụ trung tâm đánh bại bình định lần chiếm của địch, giành dân, giữ dân, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân, thu hẹp vùng địch, mở rộng vùng ta, giữ vững và phát triển thực lực cách mạng*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/27.10.
- 133 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1974), *Thông báo số 46/TB-T.74 ngày 29-12-1974 của Thường trực Khu uỷ về Tình hình tháng 12 năm 1974 trong Khu*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ

Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 76/1974-QK9, Cần Thơ.

- 134 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Báo cáo năm 1975 (Tính từ 3/12/1974 mở đầu chiến dịch Xuân 75)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 95a/1975-QK9, Cần Thơ.
- 135 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Chỉ thị số 02/CT-T.75 ngày 17-2-1975 của Thường vụ BA về Phát huy đúng mức thuận lợi, khả năng mới của ta, khoét sâu nhược điểm sa sút mới của địch, táo bạo tiến công và xây dựng giành thắng lợi to lớn hơn, nỗ lực hoàn thành mọi yêu cầu, chỉ tiêu đã đề ra cho cả năm 1975 trong 6 tháng đầu năm*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 41E/1975, Cần Thơ.
- 136 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Chỉ thị đặc biệt của Thường vụ Khu uỷ gửi: Các ban, ngành khu*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 14E/1975, Cần Thơ.
- 137 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Đảng văn số 170/TV ngày 4-4-1975 của Thường vụ Khu uỷ gửi các Tỉnh uỷ, Thành uỷ và các Ngành Khu Lời kêu gọi của Ban Thường vụ Khu uỷ Tây Nam Bộ gửi toàn thể cán bộ, đảng viên và các cấp bộ Đảng nhân thời cơ lịch sử hiện nay*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cấp KU9/1975), Cần Thơ.
- 138 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Đảng văn số 961/TV-T.75 ngày 18-4-1975 của Thường trực BA Gửi: Các Tỉnh uỷ, Thành uỷ, QKU, các ngành Khu + Khu uỷ viên (về chỉ đạo một số nội dung trong tổ chức quần chúng nổi dậy)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cấp KU9/1975), Cần Thơ.
- 139 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Dự kiến Ban Tổ chức Khu 9, các ban, ngành, tỉnh, về thành lập tỉnh mới và bố trí cán bộ các cơ quan tỉnh, huyện sau khi*

- giải thể Khu (1975 - 1976)*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng số 42, mục lục số 03, Đ.V.B.Q số 74, Hà Nội.
- 140 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Một số hiểu biết về âm mưu – ý đồ - kế hoạch bình định năm 1974*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 104/1975-QK9, Cần Thơ.
- 141 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Quân khu 9 điện Bộ + Miền (Báo cáo năm 1974)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 188a/1975-QK9, Cần Thơ.
- 142 Khu uỷ Tây Nam Bộ (1975), *Thông tri số 05/TT-T.75 ngày 30-3-1975 của Thường trực BA về việc Tận dụng thời cơ, tranh thủ thời gian, táo bạo xông lên giành thắng lợi to lớn trong tháng 4 năm 1975*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 3Ea/1975, Cần Thơ.
- 143 Phan Huy Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
- 144 Huỳnh Thị Liêm (2006), *Phong trào chống phá ấp chiến lược ở miền Đông Nam Bộ (1961-1965)*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, bảo vệ tại Đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
- 145 Trần Ngọc Long (2007), *Căn cứ địa U Minh (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 146 Michael Maclear (1990), *Việt Nam – cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- 147 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7. Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
- 148 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10. Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
- 149 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia-Sự

- thật, Hà Nội.
- 150 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
 - 151 Sơn Nam (1997), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
 - 152 Neil Sheehan (1990), *Sự lừa dối hào nhoáng*, Nxb thành phố Hồ chí Minh, TP HCM
 - 153 Nguyễn Văn Nhật (Chủ biên) (2017), *Lịch sử Việt Nam tập 13 từ năm 1965 đến năm 1975*, Nxb. Khoa học xã hội.
 - 154 Trịnh Nhu (Chủ biên) (2008), *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - 155 Đặng Phong (1991), *21 năm viện trợ Mỹ ở Việt Nam, Viện Nghiên cứu khoa học thị trường - giá cả*, Hà Nội.
 - 156 Nguyễn Quý (Chủ biên) (2015), *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
 - 157 Robert. Strange. McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - 158 Tỉnh ủy Kiên Giang (2008), *Kiên Giang kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - 159 Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2005), *Lịch sử tỉnh Trà Vinh, Tập III (1954-1975)*, Nxb Ban Tư tưởng Tỉnh ủy Trà Vinh.
 - 160 Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 - 161 Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 162 Phạm Đức Thuận (2018), *Phong trào chống, phá áp chiến lược ở miền Tây Nam Bộ (1961-1965)*, Nxb Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- 163 Nguyễn Công Thục (2006), *Phong trào đấu tranh chống phá áp chiến lược*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 164 Trung ương Cục miền Nam (1971), *Chỉ thị: Khẩn trương tranh thủ thời cơ chánh trị hiện nay kịp thời tập hợp lực lượng đẩy mạnh phong trào thành thị tiến lên 1 bước mới, đẩy mạnh đánh phá bình định ở nông thôn, đánh bại âm mưu của Mỹ muốn duy trì Thiệu, kiên quyết đánh bại chánh sách Việt Nam hóa chiến tranh*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 34G/1971, Cần Thơ.
- 165 Trung ương Cục miền Nam (1974), *Nghị quyết Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ - ngụy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam*, Dự thảo, tháng 9-1974, TV TWC 52 TW 61 – 75.
- 166 Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II (1954-1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 167 Việt Nam Cộng hòa, *Bản ghi chép những buổi nói chuyện thân mật của ông Cố vấn chánh trị về áp chiến lược*, (Quyển II), 1962. Đề nhất Cộng hoà, Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 168 Việt Nam Cộng hoà, *Báo cáo kết quả bình định và phát triển giai đoạn bỏ túc thuộc kế hoạch bình định và phát triển năm 1970 của Trung tâm điều hợp bình định và phát triển Trung ương*, Hồ sơ số 135, Phòng 38 - Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 169 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ về công tác cải cách điền địa tại Nam phần năm 1953-1955, Hồ sơ số 21467, Phòng 33-Phủ Thủ tướng Việt*

Nam Cộng hòa, Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.

- 170 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ v/v thành lập tỉnh Chương Thiện năm 1961 – 1962*, Hồ sơ số 3.066, Đệ nhất Cộng hoà, Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 171 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ v/v bàn giao hai quận Đức Long và Long Mỹ từ tỉnh Phong Dinh sang tỉnh Chương Thiện năm 1962*, Hồ sơ số 3.067, Đệ nhất Cộng hoà, Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 172 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ v/v thiết lập và tổ chức các khu, ấp trù mật tại các tỉnh miền Tây Nam Phần năm 1959 – 1963*, Hồ sơ số 8.317, Đệ nhất Cộng hoà, Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 173 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ về việc bình định xây dựng nông thôn năm 1965-1967*, Hồ sơ số 26, Phong 31 – Ủy ban lãnh đạo quốc gia (1965-1967), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 174 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ về công tác bình định phát triển 1964-1968*, Hồ sơ số 31752, Phong 33 – Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 175 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ Hội thảo về kế hoạch tấn công bình định bình định đặc biệt của vùng IV chiến thuật ngày 6-12-1968*, Hồ sơ số 31, Phong 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 176 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ về kế hoạch Phụng Hoàng năm 1968-1970*, Hồ sơ số 334, Phong 38 – Phủ Tổng thống Đệ nhị cộng hòa (1967-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 177 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ về việc Thủ tướng Chánh phủ chấp thuận cho Bộ Nội vụ thuyết trình về Kế hoạch Phụng Hoàng tại Sứ quán Phi Luật Tân (Philippin) năm 1969*, Hồ sơ số 16596, Phong 33 – Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.

- 178 Việt Nam Cộng hoà, *Hồ sơ chỉ đạo kế hoạch bình định phát triển năm 1970*, Hồ sơ số 127, Phòng 32 – Phủ Tổng thống Đệ nhị cộng hòa (1967-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 179 Việt Nam Cộng hoà, *Huấn thị chỉ đạo của Tổng thống về kế hoạch bình định và phát triển bổ túc năm 1970 và Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương năm 1971”*, Hồ sơ số 185, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 180 Việt Nam Cộng hoà: *Huấn thị của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về thực thi Kế hoạch tứ niên Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương (1972-1975)*, Hồ sơ số 250, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 181 Việt Nam Cộng hòa - Ủy ban Phụng Hoàng Trung ương, *Huấn thị Điều hành căn bản chương trình Phụng Hoàng các cấp*, ngày 23-7-1968, Tài liệu KÍN (mật) của Ủy ban Trung ương Phụng Hoàng, Đệ nhị Cộng hòa (1967-1975).
- 182 Việt Nam Cộng hoà, *Huấn từ của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa chỉ đạo về cộng đồng tái thiết và cộng đồng phát triển năm 1973*, Hồ sơ số 191, Phòng 32 – Phủ Tổng thống Đệ nhị cộng hòa (1967-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 183 Việt Nam Cộng hoà, *Kế hoạch bình định và xây dựng năm 1969 của Hội đồng bình định và phát triển Trung ương*, Hồ sơ số 61, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 184 Việt Nam Cộng hoà, *Kế hoạch Phụng Hoàng năm 1969 của Vùng IV chiến thuật*, Hồ sơ số 1389, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.

- 185 Việt Nam Cộng hoà, *Kế hoạch bổ túc bình định phát triển của Hội đồng Bình định và phát triển trung ương năm 1970*, Hồ sơ số 129, Phòng 38 - Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 186 Việt Nam Cộng hoà, *Kế hoạch tứ niên Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương (1972-1975) của Hội đồng bình định và phát triển Trung ương*, Hồ sơ số 271, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 187 Việt Nam Cộng hoà, *Phúc trình kết quả kế hoạch “Tấn công và Xây dựng đặc biệt” năm 1968 của Bộ Phát triển Sắc tộc*, Hồ sơ số 25, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 188 Việt Nam Cộng hoà, *Tài liệu của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà, Bộ TTM v/v phân chia lãnh thổ Quốc gia thành vùng Chiến thuật năm 1962*, Hồ sơ số 2.974, Đệ nhất Cộng hoà, Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 189 Việt Nam Cộng hoà, *Tài liệu chỉ đạo của Tòa Tổng thư ký về kế hoạch tấn công bình định đặc biệt từ ngày 1-11-1968 đến 31-11-1969*, Hồ sơ số 41, Phòng 32 – Phủ Tổng thống Đệ nhị cộng hòa (1967-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.
- 190 Việt Nam Cộng hoà: *Tập tài liệu của Bộ Tư lệnh chiến thuật Cảnh sát quốc gia về Nghị quyết của Cộng sản “Đánh bại chính sách bình định, lấn chiếm của địch năm 1974”*, Hồ sơ số 568, Phòng 38 – Hội đồng An ninh và phát triển (1964-1975), Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Quốc gia II.

II. TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

- 191 Dorothy, Thomas Hoobler (1990), *Vietnam - Why we fought*, New York.

- 192 John Prados (1995), *The hidden history of the Vietnam war*, Chicago.
- 193 Peter Francis Leahy (1990), *Why did the strategic hamlet program fail?*, the Thesis of Master of Military art and science, New South Wales University, Australia.
- 194 Ralph W. Mc Gehee (1983), *Deadl decets - My, 25 years in the CIA*, Sheridan Square publication Inc, New York.
- 195 Robert Thompson (1966), *Defeating communist insurgency: The lesson of Malaya and Vietnam*, Chatto and Windus Press, London.
- 196 Stanley Karnow (1990), *Vienam - A history*, Penguin Book Publishing Company.
- 197 The Pentagon Papers (1971), *The Strategic Hamlet Program 1961-1963*, link website: <https://history.state.gov/>.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

**Một số hình ảnh về phong trào đấu tranh chống địch bình định ở
Tây Nam Bộ (1965-1975)**



Ảnh 1: Cán bộ về dự hội nghị chống bình định, lấn chiếm của địch tại căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ – căn cứ Bà Bái (tháng 10-1973)

(Nguồn: Sách “Lực lượng vũ trang nhân dân Cần Thơ – 30 năm kháng chiến 1945-1975”, tập II (1954-1975), Nxb. Quân đội nhân dân, H. 2002)



Ảnh 2: Bộ đội Khu 9 chuẩn bị tập kích đoàn xe M113 địch đang hành quân lấn chiếm trên cánh đồng Xà Phiên, huyện Long Mỹ, năm 1973
(Nguồn: <https://cand.com.vn/Phong-su-tu-lieu/Chien-thang-Chuong-Thien-tien-de-quan-trong-dan-den-Chien-dich-Ho-Chi-Minh-i346698/>)



Ảnh 3: Tượng đài Chiến thắng tại khu di tích Chiến thắng Chương Thiện (chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định, lấn chiếm Chương Thiện), tại Vị Thanh, thành phố Cần Thơ (Hậu Giang cũ)

PHỤ LỤC 2

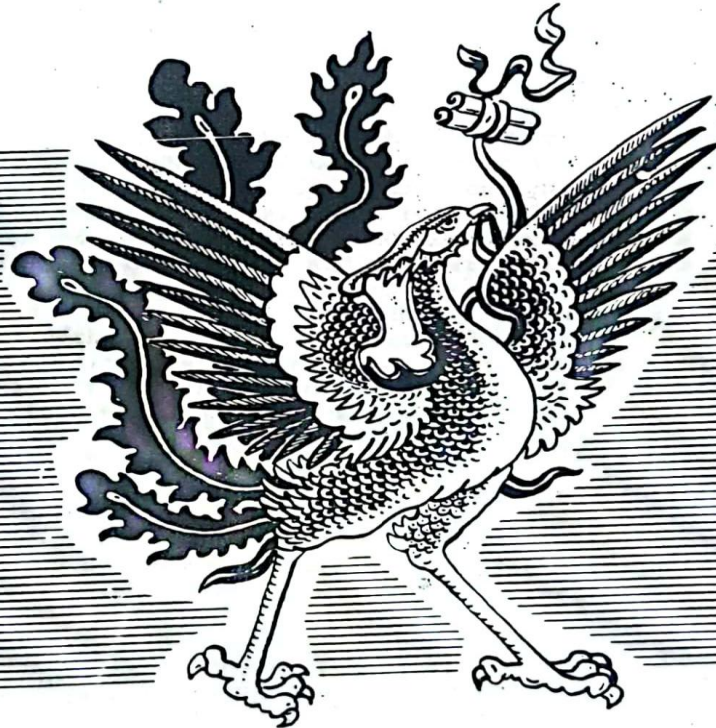
**Huấn thị điều hành căn bản Chương trình Phụng Hoàng năm 1968 – Đề
nhị cộng hòa**

1968

217,

KIN

**Huấn Thi Điều Hành Căn Bản
Chương Trình Phụng Hoàng**

**PHỤNG HOÀNG SOP NO 1**

23 JULY 1968

CONFIDENTIAL

CONFIDENTIAL

HEADQUARTERS
 UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
 APO SAN FRANCISCO 96222



MACJ01R

27 July 1968

SUBJECT: PHUNG HOANG SOP

SEE DISTRIBUTION

1. With the publication of the attached "SOP Providing for the Organization of the PHUNG HOANG Committees at all Echelons" on top of the President's Decree No. 280-a/TT/SL on 1 July and the Minister of Interior's PHUNG HOANG Order No. 1 on 11 July, basic instructions for setting up and operating the PHUNG HOANG program are in the hands of appropriate Vietnamese civil and military officials.
2. I fully endorse these basic documents, which were developed in conjunction with the MACV PHOENIX staff. Your many contributions resulting from operational experiences in the field have been invaluable. In a sense this set of national orders is the culmination of a year's hard work by Vietnamese and Americans at district, province, corps and Saigon.
3. This SOP is your guide also. It should greatly facilitate your efforts, particularly at the key district and province action levels. In the foreword, General Khiem solicits constructive suggestions. I'd like you also to both make advisory suggestions and give me your ideas for improving the PHOENIX/PHUNG HOANG effort.
4. The GVN has put emphasis on PHUNG HOANG. It is one of our top pacification priorities. Hence, I urge you to press on with greater combined effort against the VC infrastructure.

R. W. Komer
 Deputy to COMUSMACV for
 Civil Operations and RD Support

1 Incl
 as

DISTRIBUTION:
 Special

REGRADED UNCLASSIFIED
 WHEN SEPARATED FROM
 CLASSIFIED INCLOSURE

CONFIDENTIAL

CONFIDENTIAL

THE REPUBLIC OF VIET-NAM
THE CENTRAL PHUNG HOANG COMMITTEE

2

STANDING OPERATING PROCEDURES
PROVIDING FOR
THE ORGANIZATION OF THE PHUNG HOANG COMMITTEES
AT ALL ECHELONS

- FOREWORD
- PART I - GENERAL
- PART II - PURPOSE
- PART III - COMPOSITION - ORGANIZATION
- PART IV - DUTIES
- PART V - COORDINATING INSTRUCTIONS

X

X X

GROUP 1
Excluded from automatic
downgrading and
declassification

CONFIDENTIAL

KÍNLỜI MỞ ĐẦU

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã ban hành Sắc-Lệnh số 280-a/TT/SL ngày 1.7.68, thiết lập KẾ-HOẠCH PHỤNG-HOÀNG. Tổng-Thống đã chỉ thị rõ rằng việc tấn công Hạ-Tầng Cơ-Sở Việt-Cộng cũng quan trọng như công-tác tiêu diệt các đơn vị quân-sự địch.

Vì tầm quan trọng đặc-biệt của công-tác nên Kế-Hoạch PHỤNG-HOÀNG đòi hỏi ở chúng ta mỗi cơ-quan liên hệ, phải tập trung mọi nỗ lực và cố gắng không ngừng trong trọng trách "tiêu diệt Hạ-Tầng Cơ-Sở địch". Sự hợp tác chặt chẽ và thiện chí phải được thể hiện trên tinh-thần cộng đồng trách nhiệm, chúng ta đừng quan niệm rằng chỉ một cơ-quan riêng rẽ nào phải đặc trách, mà phải tự xem mình là một bộ phận trong cộng đồng trách vụ.

Trong PHỤNG-HOÀNG LỆNH số I ngày 11.7.68, Chủ-Tịch Ủy-Ban Phụng-Hoàng Trung-Uơng đã khẩn thiết kêu gọi tất cả nhân-viên các cấp có liên quan trách nhiệm đến việc thực hiện KẾ-HOẠCH PHỤNG-HOÀNG hãy lập tức thúc đẩy mạnh nỗ lực tấn công vào Hạ-Tầng Cơ-Sở của địch. Sự hợp tác chặt chẽ là tối cần thiết và công tác đòi hỏi tất cả chúng ta một năng xuất tối đa và sự thành tâm thiện chí để phục vụ KẾ-HOẠCH PHỤNG-HOÀNG cho có kết quả.

Ủy-Ban Phụng-Hoàng Trung-Uơng soạn thảo và ban hành bản "Huấn-Thị Điều-Hành căn bản" này để các Ủy-Ban các cấp dùng làm tài liệu hướng dẫn trong việc tổ-chức và điều hành.

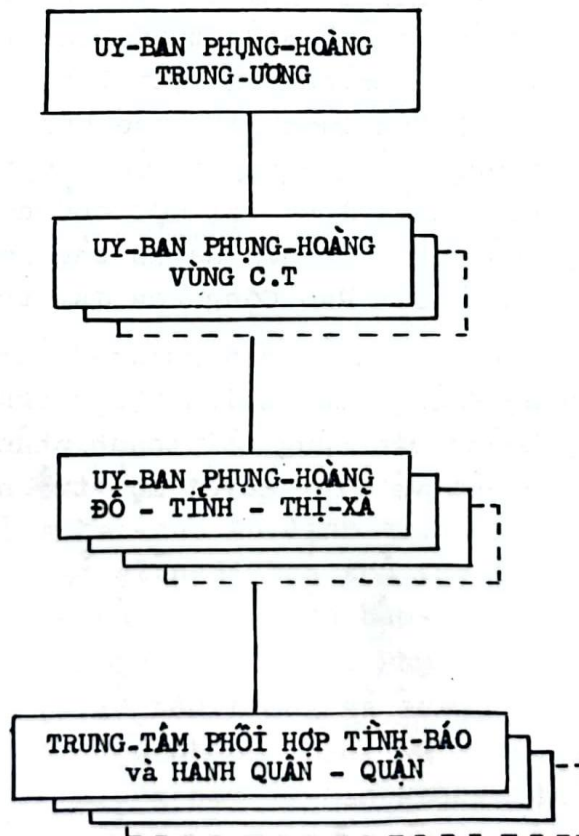
Các Ủy-Ban các cấp phải nghiên cứu và áp dụng những điều chỉ dẫn trong huấn thị này để ý thức được nhiệm vụ giao phó. Tuy nhiên để cho huấn thị này được phong phú và hoàn hảo hơn, Ủy-Ban Trung-Uơng rất hoan nghinh nhận mọi ý-kiến xây dựng và thiết thực của các Ủy-Ban các cấp gửi đến. Vậy sau một thời gian ngắn thi hành, yêu cầu các Ủy-Ban Phụng-Hoàng địa-phương rút ưu và khuyết điểm cùng trình mọi đề nghị thích hợp lên Ủy-Ban Phụng-Hoàng Trung-Uơng cứu xét để bổ túc.-

Saigon, ngày 27 tháng 7 năm 1968
 Chủ-Tịch Ủy-Ban Trung-Uơng Phụng-Hoàng
 Đại-Tướng TRẦN-THIỆN-KHIÊM
 Tổng-Trưởng Nội-Vụ

KÍN


KÍNS C ĐỒ T Ồ - C H Ú CỦY-BAN PHỤNG-HOÀNG

- Sắc-Lệnh Số:280-a/TT/SL ngày 1 tháng 7 năm 1968 của Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa về việc thiết lập KẾ-HOẠCH PHỤNG-HOÀNG -

**KÍN**

PHU-BAN I

KÍN

QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN
MIỀN NAM VIỆT NAM -

PHÒNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ ĐK9
Số: 321/1974
Loại: 6.11.9

///)) (-)) (-)) - ///-// //

CHIẾN DỊCH TẤN CÔNG TỔNG HỢP
ĐÁNH PHÁ BÌNH ĐỊNH

của

(-)UẬN + DÂN QUÂN KHU 9 (Miền Tây Nam Bộ)

☆ ☆ ☆

PHẦN MỘT

- Viết tháng 12/1974

PHONG THAM MƯU QUÂN KHU 9

☆

☆

☆

TUẦN TỰ NỘI DUNG BÁO CÁO

- 1)- Một số tình hình chung. trang 1
- 2)- Báo cáo chiến dịch phản công mùa mưa (tháng 9 và tháng 10/1971 ở trọng điểm U Minh) — 11
- 3)- Báo cáo chiến dịch tấn công mở mãng theo kế hoạch tổng tấn công chiến lược từ tháng 4/1972 đến tháng 7/72 ở vùng Chương-Thiện. — 19
- 4)- Báo cáo chiến dịch chống Bình định lấn chiếm, bảo vệ vùng Chương-Thiện.
- 5)- Báo cáo chiến dịch tấn công mùa khô 73-74 (từ tháng 12 đến tháng 5 năm 1974).
- 6)- Báo cáo chiến dịch tấn công mở mãng xỏ rô, mở mãng kế hoạch mùa mưa 1974 (tháng 7/1974)
- 7)- Báo cáo 1 số trận phản chuẩn bị chiến dịch (tháng 9 tháng 10 tháng 11/73)
- 8)- Một số vấn đề chung về chiến dịch.

Các báo cáo có liên quan :

- 1. Báo cáo tình hình vận dụng chiến thuật của lực lượng vũ trang tập trung.
- 2. Báo cáo kinh nghiệm tấn công, bao vây, gỡ đồn bốt của phong trào quần chúng.
- 3. Báo cáo về vai trò bộ đội tập trung trong nhiệm vụ đánh phá bình định.

Các văn kiện quan trọng:
Sẽ sưu tầm đính sau.

- 10 -

địch đã thu được hiệu quả tốt thực hiện được nhiệm vụ chiến dịch và có góp phần chất định vào thắng lợi chung về mặt chiến lược. Nhưng còn nhiều chiến dịch bị vướng toàn bộ hướng chủ yếu khu vực chủ yếu bị vướng liền tiếp 2 cao điểm nguyên nhân do trình độ tác phẩm đội chiến thuật chưa giỏi, chưa toàn năng chưa đồng đều do đó hạn chế rất lớn hiệu quả chiến dịch, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị quân sự của quân khu, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp chiến trường trong - đội hình chiến lược của toàn Miền. Trong các chiến dịch tổng hợp đó, nội dung mức độ của các lực lượng của 3 mũi tấn công cũng - dần dần được nâng lên theo liều lượng chất lượng của quả đấm tập trung, theo xu thế phát triển chung của cách mạng và theo khả năng tổ chức phát động điều khiển của cán bộ từng địa phương - quyết định. Nói chung phong trào tấn công 3 mũi có bước phát triển tốt về diện rộng, về hình thức phong phú sinh động, về mức độ - quyết liệt có xu thế bạo lực, nhưng còn nhiều khuyết điểm. Chủ yếu do khâu tổ chức phát động của từng nơi.

Sau đây xin báo cáo 1 số chiến dịch tiêu biểu cho từng phương thức chiến dịch, diễn ra trong từng thời điểm có ý nghĩa chung và ý nghĩa trong quân khu.

x
x-7 xxx
x

TWC

52 TW
61-75

Dù Thảo

NGHI QUYẾT

ĐÁNH BẠI CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH LẦN
 CHIÊM CỬA MỸ NGUY, TIẾN LÊN HOÀN
 THÀNH CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN
 CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM

9-1974

(K)

Dự thảo

NGHỊ - QUYẾT

TUYỆT MẬT

"ĐÁNH BẠI CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH LẤN CHIẾM MỞI CỦA MỸ
NGUY, TIẾN LÊN HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG DÂN TỘC
DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM"

Dưới sự lãnh đạo của TV.TWC, hội nghị tổng kết đánh phá bình định toàn B2 tháng 8/1974 đã nhất trí với nghị quyết sau đây :

I.-VỊ TRÍ TÍNH CHẤT CỦA VẤN ĐỀ BÌNH ĐỊNH, ĐÁNH PHÁ
BÌNH ĐỊNH, ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH BÌNH ĐỊNH VÀ ĐÁNH
PHÁ BÌNH ĐỊNH Ở NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI.

A.-Do những điều kiện và đặc điểm cơ bản của cách mạng Miền Nam, bình định và đánh phá bình định nói chung là nội dung chủ yếu của cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta chống chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ, bình định và đánh phá bình định ở nông thôn nói riêng giữ một vị trí quan trọng có tính chất quyết định trong toàn bộ cuộc chiến tranh giữa ta và địch từ trước đến nay.

1/-Gần 20 năm qua, để xâm lược nước ta, đế quốc Mỹ đã thực hiện chính sách bình định ở cả đô thị, nông thôn và rừng núi nhằm áp đặt chế độ thực dân mới ở Miền Nam nước ta. Bước đầu, địch dựa vào đô thị, coi đô thị là một vanguard bình định, tiếp tục củng cố đô thị bằng một chế độ phát xít, thủ tiêu mọi quyền lợi tự do dân chủ của nhân dân; chúng núp dưới chiêu bài quốc gia giả hiệu, thi hành chính sách kinh tế và văn hóa thực dân mới để khủng bố, kềm kẹp, mua chuộc, đầu độc nhân dân, vơ vét sức người sức của. Đồng thời, địch tập trung mọi cố gắng để bình định nông thôn và rừng núi, coi đây là trọng điểm của chiến tranh và bình định lấn chiếm, vừa để giữ gìn đô thị, hậu phương an toàn của chúng, vừa để tiến đến xâm chiếm toàn Miền Nam nước ta. Ta đánh phá bình định của địch trên cả 3 vùng chiến lược. Nhưng trong quá trình tiến lên, ta vừa tập trung sức đánh phá bình định, giành dân, giành quyền làm chủ ở nông thôn và rừng núi, coi đây là khâu then chốt quyết định mà nông thôn đồng bằng là trọng điểm; vừa ra sức đẩy mạnh phong trào ở đô thị, tiến lên phối hợp 3 vùng, 3 quả đạn để giải phóng đô thị giành thắng lợi hoàn toàn.

Vì vậy, bình định và đánh phá bình định ở nông thôn (kể cả rừng núi) là vấn đề trung tâm xuyên suốt cuộc đấu tranh giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân ta ở Miền Nam. Có một thời gian ngắn, địch nêu chiến lược "tìm diệt và bình định" (hai gọng kềm) nhưng chủ yếu vẫn là bình định, địch đánh vào chủ lực ta, tạo một lá chắn ngăn chặn phía trước để bình định phía sau. Mỗi lần ta đánh bại một kế hoạch bình định của địch đều dẫn đến sự thất bại của một chiến lược chiến tranh, thúc đẩy và phối hợp với phong trào đô thị, tạo ra cơn khủng hoảng chính trị, chính sách và chiến lược của địch, buộc địch phải thay đổi chiến lược chiến tranh và kế hoạch bình định.

2/-Để thực hiện âm mưu tiêu diệt cách mạng Miền Nam, đế quốc Mỹ và tay sai đã phải đụng đầu với một lực lượng đáng sợ đối với chúng là nông dân Miền Nam được sự lãnh đạo của Đảng, đã từng nắm chính quyền làm cách mạng xung phá ruộng đất, Mỹ cũng đã thấy rõ nông thôn Miền Nam là một địa bàn chiến lược đối đạo sức người sức của nhất. Cho nên chính sách xâm lược thực dân mới và tất cả các chiến lược chiến tranh của đế

- 26 -

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG

SAO Y BẢN CHÍNH (5 bản)

Số: 40 /SY/76

Ngày 20 tháng 12 năm 1976

-Đánh máy, sửa : Hoành

-Kiểm tra : Khiêm

